N° 165 Août-Septembre 1931

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

QUỐC-HỌC VỚI CHÍNH-TRỊ

Tại bữa tiệc của các thân-hào trong Lục-tỉnh đãi mừng quan Tổng-trưởng Thuộc-địa PAUL REYNAUD ở Sài-gòn, ông Bùi Quang-Chiêu thay mặt đồng-nhân có đọc một bài diễn-thuyết dài, lời-lẽ hùng-hồn, uyển-nhiên ra giọng điệu một người Tây đặc. Quan Tổng-trưởng nghe xong đáp lại, có nói một câu rằng: «Nghe lời diễn-thuyết của ngài mà tôi ngờ trong hai chúng ta đây có lẽ ngài *tây* hơn tôi. . . »

Câu nói có cái thú-vị hoạt-kê thay!

Nhưng nếu quả lời nói ấy là phải, nếu một vị lãnh-tụ Việt-Nam ta mà lại tây hơn người tây, thì thôi, vấn-đề quốc-học còn phải bàn làm chi nữa. Chúng ta chỉ nên hóa theo người Tây hết cả, mà lấy quốc-học của nước Pháp làm quốc-học của ta, vì nước Pháp sẽ không những là mẫu-quốc về chính-trị của ta, mà lại là mẫu-quốc về tinh-thần của ta nữa. Bấy giờ thời con em trong nước ta học sử tây, có thể đọc thuộc lòng câu: «Tổ-tiên ta là giống Gô-loa...» (*Nos ancêtres les Gaulois...*), mà không ngượng miệng vậy.

Nhưng than ôi! bấy giờ hồn bà Trưng bà Triệu, vua Lê-tổ, vua Quang-trung dưới chín suối, cũng phải xót-sa mà than khóc cho cái lũ con cháu vô-loài này.

Tôi rất cảm phục văn-hóa nước Pháp; trong cái sự-nghiệp tri-dục của tôi, tôi sở-đắc của văn-chương học-thuật nước Pháp nhiều. Tôi không có bội-bạc mà nói rằng tinh-thần nước Pháp không có ảnh-hưởng gì đến tư-tưởng riêng của tôi. Nhưng không bao giờ tôi nghĩ rằng tôi biến thành người Pháp được. Người Pháp là người Pháp, tôi vẫn là tôi. Tôi càng đọc sách Pháp, càng cảm những lời-lẽ hay của các bậc đạt-nhân quân-tử bên nước Pháp, mà tôi lại càng nhận-chân được cái «bản-ngã» của tôi, càng muốn ra công gắng sức tái-bồi cho nó được phát-đạt nảy-nở ra. Tôi không muốn đem cái hồn của tôi mà hi-sinh đi để biến-hóa theo người; dù nó có ươn-hèn yếu-đuối, tôi cũng qui-hóa chất-chiu, vì nó là của tôi.

Thiết-tưởng cái tâm-lý đó cũng là cái tâm-lý chung của tất cả mọi người biết nghĩ trong nước ta. Cho nên trông thấy những người nào hóa tây đến «tây quá tây», ta phải lấy làm sợ, sợ như trông thấy một vật dị-kỳ vậy.

Vì cứ lẽ thường của trời đất, không thể có thể được; người một giống mà hóa theo giống khác đến hệt hơn cả người giống ấy, thì là một cái quái-vật thật. Vật gớ là vật không hay, ta chẳng nên bắt-chước.

Bởi thế nên ta thiết-tha về vấn-đề quốc-học, là ta muốn mưu cách độc-lập về tinh-thần, muốn giữ lấy cái cốt-cách Việt-Nam của ta, không để cho nó đồng-hóa theo người mất. Vì một nước một dân đã đến mất cả cốt-cách tinh-thần thì không còn mong thành-lập được nữa.

Điều đó tưởng dễ-dàng ai cũng hiểu, vậy mà trong hàng trí-thức còn có người mơ-hồ không nghĩ tới thì cũng lạ thay.

Nhất là các nhà chính-trị. Làm chính-trị là mưu toan việc nước, mong cho nước được phú-cường. Vậy thời trước phải có cái quan-niệm chân-chính về nước đã, phải biết nước là vật gì, cái nước mình sinh-trưởng đó, mình phụng-sự đó là vật gì, vật đó đã kinh-qua bao nhiêu đời, từng trải bao nhiêu phen, đề-tạo cố-kết làm sao mới sống được tới nay, nó có một cái hồn thiên-nhiên cố-hữu, mầu-nhiệm vô-cùng, không thể hôm mai mà biến-đổi đi được. Nếu nỡ lòng đem cái hồn nước làm vật trao-đổi, nhất-đán rũ sạch đi như thay cái áo khoác ngoài vậy, » thì con người ấy ai cầu làm chi ! » Những người ấy là người chưa biết nước là gì, không thể làm chính-trị được.

Làm chính-trị phải có cái quan-niệm chân-chính về quốc-gia, phải biết những cái nguyên-tố gì có thể làm cho tinh-thần quốc-gia được mạnh-mẽ, mà trân-trọng thiết-tha, gia-công bồi-bổ vào. Nếu không mà chỉ nhất-thiết nối gót theo người, không những tôn-chỉ chủ-nghĩa là mô-phỏng của người mà đến cử-động hành-vi cũng in hệt như người cả, thì làm chính-trị như vậy là trái với sự lợi-ích cao-xa của nước nhà cùng nòi giống.

Nay quốc-học với quốc-văn là hai cái nguyên-tố thiết-yếu của quốc-gia. Thử hỏi trong các nhà chính-trị mấy người là để ý đến ?

Vì tình-thế khiến nên mà những người ra làm chính-trị bây giờ tất phải là người có Âu-hóa, những tay sành-sỏi lỗi-lạc lại là những người « tây hơn tây ». Nếu cứ thế mãi thì những kẻ làm tai mắt cho dân cho nước càng ngày càng cách-biệt với dân mình nước mình, hầu thành như người ngoại-quốc ở giữa nơi xứ-sở, còn mong có ảnh-hưởng gì và có lợi-ích chi cho nước nhà nòi giống nữa. . .

Người tai mắt trong một nước mà đến nỗi không quan-niệm được phân-minh về nước nữa, đến lẫn nước mình với nước người, lấy nước người làm nước mình, tự xưng là con-cái của người, thì còn gì nguy bằng nữa !

Tôi tưởng lúc này là lúc ta đương đứng giữa hai con đường, phải quyết theo hẳn đường nào.

Nếu cứ thuận cái phong-trào bây giờ, cứ theo cái thế mạnh mà đi, thì nên cam-tâm bỏ hẳn cái nền-nếp cũ mà biến-hóa theo người, quên rằng dân-tộc mình là một dân-tộc sau lưng còn có hai nghìn năm lịch-sử, dẫu chẳng vẻ-vang gì hơn người, nhưng cũng không đến nỗi kém hèn cho lắm, quên hẳn mình là người Việt-Nam mà cố phỏng-chép cho đáng được làm con nuôi của Đại-Pháp. Con đường này nó dễ-dàng lắm, cứ tình-thế bây giờ thì như dòng nước chảy xuôi, cứ phó mặc là được, không phải khó-nhọc gì. Kết quả rồi đến cái danh-hiệu Việt-Nam cũng mất dần đi . . .

Như vậy thời những vấn-đề quốc-học quốc-văn là những câu chuyện thừa cả, giở-dói ra làm chi cho nó rườm tai ! Quốc-văn của ta là chữ pháp, quốc-học của ta là cái học của nước Pháp, còn phải tìm kiếm đâu xa nữa. Còn tiếng An-Nam là một cái thổ-âm (*patois*) vô-giá-trị, cứ để rồi tự-nhiên nó cũng tiêu-diệt, vì cái số-phận nó tất phải thế, thương hão tiếc hoài làm chi cho phiền. Con đường

đó tiện-lợi lắm, vừa tiện mà vừa lợi, ai là chẳng theo.

Nhưng nếu không cam-tâm như vậy, nếu còn đoái nghĩ đến sự-nghiệp gian-nan của ông cha đã gây dựng ra cái nước này, không nỡ để cho nó biến đi mất, còn mong mỏi rằng sẽ nhờ công Đại-Pháp giúp đỡ mà sau này trở thành một quốc-gia hoàn-toàn, có thể ra chen vai thích cánh với liệt-quốc trong thế-giới, thì tất phải xoay ra con đường khác. Con đường này nó không được dễ-dàng như con đường trên, nó gồ-ghề, nó khấp-khểnh, nó trắc-trở, nó gian-nan; nó như cái lối đi hẹp ở trong bụi rậm, đi đến đâu phải phá hoang đến đó, khiến cho khách bộ-hành trông thấy mà ngại-ngùng. Đi vào đường này thì nhất-thiết phải tân-tạo cả, không gì là sẵn-sàng hết. Nói về chế-độ chính-trị ư? Phải cải-cách nhiều cho nó có danh-nghĩa phân-minh, có quyền-hạn nhất-định, có thể-thống hẳn-hoi, có tôn-chỉ đích-đáng. Nói về ngữ-ngôn văn-tự ư? Nói về phong tục xã-hội ư? Nhất-thiết phải sửa đổi cả, cho vừa mới-mẻ hợp-thời, lại vừa giữ được cái cốt-cách tinh-thần cũ. Việc gì cũng phải châm-chước, phải điều-hòa, phải đem hết công-phu, hết ý-tứ vào mà tu-bổ, cải-tạo cho thích-nghi. Khôi-phục lại một quốc-gia đã tồi-tàn, há phải là một việc dung-dị dư?

Trong hai con đường đó, một đường dễ, một đường khó, một đường thời cứ để phó mặc, tới đâu hay đó, một đường thời phải gắng sức khó-nhọc mới đạt mục-đích, thường-tình ưa dễ mà ngại khó, ai là chẳng đổ xô theo con đường trên?

Nhưng cái giá-trị con người là ở sự nỗ-lực; cái phẩm-giá con người là ở nơi lý-tưởng.

Cái lý-tưởng thiết-tha của chúng ta ngày nay, há chẳng phải là làm thế nào cho nước Nam ta thành một nước hoàn-toàn dư?

Muốn cho lý-tưởng đó có ngày thực-hiện, thì phải gia-công nỗ-lực, phải quả-quyết bỏ con đường dễ mà đi vào con đường khó.

Anh em ta có đủ sức can-đảm mà quả-quyết được như vậy không? Lúc này là lúc phải kén chọn đây, không còn trù-trừ được nữa. Đi đường nào phải quyết-định đi.

Phàm người đã có chút lòng hoài-bão, thì tất theo con đường dưới, dù khó-khăn cũng chẳng nề-hà.

Vậy thời công-việc của chúng ta phải làm bây giờ là thế nào?

Có hai việc quan-trọng, mà là quan-hệ mật-thiết với nhau, là việc cải-cách về tinh-thần và việc cải-cách về chính-trị.

Việc cải-cách về tinh-thần là gồm ở vấn-đề quốc-học; việc cải-cách về chính-trị là gồm ở vấn-đề lập-hiến.

Nếu cứ thuận phong-trào mà theo con đường dễ-dàng như trên kia đã nói thì hai vấn-đề này không có ý-nghĩa gì cả: quốc-học nước Pháp là quốc-học của ta, chính-trị nước Pháp là chính-trị của ta, còn phải bàn gì nữa. Chỉ xin qui-quốc mở trường cho nhiều để dạy tiếng tây cho dân ta, phái quan-lại sang cho nhiều để cai-trị dân ta, về đường giáo-dục thi-hành cái chính-sách đồng-hóa, về đường chính-trị thi-hành cái chính-sách trực-trị, cho nước ta chóng thành một thuộc-địa hoàn-toàn, như các thuộc-địa cũ của nước Pháp; *Guadeloupe*, *Martinique*, *Réunion* vậy.

Nhưng nếu muốn theo cái chủ-nghĩa quốc-gia chân-chính, thì hai vấn-đề đó là cần. Về đường tinh-thần phải gây lấy một nền quốc-học xứng-đáng, về đường chính-trị phải ban-bố một

cái hiến-pháp phân minh. Quốc-học là để bồi-bổ cốt-cách tinh-thần trong nước, hiến-pháp là để định rõ về quyền chính-trị trong nước, hai đàng đều là để tổ-chức lấy một cuộc đời quốc-gia (*vie nationale*) cho có thể-thống.

Như vậy thời quốc-học không phải là không có quan-hệ với chính-trị. Vì tùy theo chính-trị xoay ra đường này hay xoay ra đường kia mà có lợi hay có hại cho việc gây-dựng ra quốc-học sau này. Nếu chính-trị cứ thuận cái phong-trào ngày nay mà xoay hẳn về đường trực-trị, rồi kết-quả đến kiêm-tính, thì quốc-học không thể sao thành-lập được. Lòng người hay thiên về bên mạnh, quyền chính-trị đã khuynh-hướng về đâu thời cái tâm-lý người ta cũng đổ xô về đó, khó lòng mà đính-chính lại được. Hàng thượng-lưu tri-thức bấy giờ sẽ toàn là những người « tây quá tây » cả, coi tiếng An-Nam là một thứ « thổ-âm » bỉ-tiện cả, thời cử-quốc cũng theo cái gương đó, còn biết quốc-học với quốc-văn là vật gì nữa.

Cho nên chính-trị với học-thuật vẫn là liên-can với nhau. Cái chính-trị quận-huyện, cái chính-trị kiêm-tính, diễn ra chính-sách đồng-hóa và chính-sách trực-trị, là chính-trị hại cho quốc-học, là chính-trị tiệt-diệt quốc-học, vì là chính-trị giải-tán quốc-gia. Trái lại thời lợi cho quốc-học là một cái chính-trị lấy quốc-gia Nam-Việt làm bản-vị.

Nay cái chính-trị lấy quốc-gia Nam-Việt làm bản-vị là chính-trị nào? Cứ tình-thế bây giờ, chỉ có hai đường: một là lối trực-trị, hai là lối bảo-hộ. Trực-trị là lấy người mình làm khách mà lấy người Pháp làm chủ, bảo-hộ là lấy người mình làm chủ mà lấy người Pháp làm khách. Trực-trị là nhất-thiết mọi việc trọng-yếu trong nước do người Pháp làm hết, người mình chỉ đứng cái địa-vị thừa-hành cùng phụ-tá; bảo-hộ là mọi việc nội-trị thuộc tay người mình đảm-đương, người Pháp đứng cái địa-vị cố-vấn cùng giám-sát. Trong hai cách đó, cách nào lấy quốc-gia Việt-Nam làm bản-vị, không cần phải nói ai cũng biết; cách nào lợi cho quốc-học thành-lập cùng phát-đạt, không cần phải nói ai cũng biết.

Trong hai lối chính-trị đó thì lối trực-trị là con đường thứ nhất như trên kia đã nói, nó dễ-dàng, nó tiện-lợi, nó thuận theo cái phong-trào hiện-thời, nó thích-hợp cái tâm-lý phần đông, là cái tâm-lý người mình không tin người mình, muốn nhất-thiết phó-thác cho người ngoài cả..., kết-quả đến thế nào, có thể lượng mà biết vậy.

Lối bảo-hộ thời là con đường thứ nhì, lúc mới bắt đầu đi nó cũng có khó-khăn trắc-trở, nhưng có khó-nhọc mới có thành-công, có chủ-trương mới có danh-dự, có tự mình đảm-đương công việc mới mong có ngày tự-lập ở đời, dẫu trái với cái tâm-lý ỷ-lại của người mình, nhưng lợi cho cái tinh-thần... ...của quốc-gia.

Nay nói riêng về vấn-đề quốc-học, thì đã không có cái bụng muốn cần cho nước ta có một nền quốc-học xứng-đáng thì chớ, nếu đã thiết-tha có cái bụng đó thì trong hai lối chính-trị như trên kia vừa nói, tất phải chọn lấy lối nào là lối tôn-trọng cái quốc-gia cố-hữu của mình, lối nào là lối lấy quốc-gia Việt-Nam làm bản-vị vậy.

Lối đó quyết không thể là lối trực-trị được, lối đó tất phải là lối bảo-hộ, vì hiện nay chỉ có hai đường đó mà thôi.

Bảo-hộ là công-nhận rằng nước Nam hãy còn, chỉ vì chưa đủ tư-cách

độc-lập ở cái thế-giới cạnh-tranh này, nên phải nấp bóng dưới một cường-quốc, nhờ che-chở dạy bảo cho, càng ngày càng khôn lớn lên thì cái quyền giám-đốc càng nới rộng ra, cho đến khi có thể tự-lập một mình được thì quyền ấy sẽ chỉ là một cái quyền cao-xa, cốt để bênh-vực đối với ngoài, chứ không cần phải can-thiệp gì mấy đến cuộc sinh-hoạt trong nước nữa. Thủy-chung cái danh-hiệu của nước Nam, cái thể-thống của nước Nam vẫn còn. Nước còn thì mới mong có quốc-học được, lẽ đó rõ-ràng, ai cũng hiểu vậy.

Trái lại thì chính-thể trực-trị là ám-nhận rằng nước Nam không còn là một nước nữa, chỉ là một bộ-phận của nước Pháp ở phương xa mà thôi, phải dùng hết phương-pháp hành-chính giáo-dục để đồng-hóa cho được hệt như Mẫu-quốc, rồi sáp-nhập hẳn thổ-địa ấy vào bản-đồ Đại-Pháp, nhân-dân ấy vào quốc-tịch Đại-Pháp; kỳ-hạn đó hoặc lâu hoặc chóng, nhưng cứu-cánh tất đến thế. Nước đã không còn là nước nữa, thì còn nói quốc-học mà làm gì, lẽ đó cũng rõ-ràng, tất ai cũng phải hiểu.

Câu chuyện quốc-học là câu chuyện thuyết-lý giữa đời, tưởng không dính-dáng gì đến chính-trị, vậy mà cũng có quan-hệ với chính-trị mật-thiết như vậy. Thì ra ở vào cái tình-cảnh nước ta, chuyện gì rồi rút cục lại cũng là chuyện chính-trị cả. Nếu vấn-đề chính-trị không giải-quyết cho xuôi thì nhất-thiết chuyện gì cũng là dở-dang ngang-trái hết.

PHẠM QUỲNH

CHÍNH-THỂ ẤN-ĐỘ (1)

Cái tình-trạng khủng-hoảng của Ấn-độ lâu nay đã vào thời-kỳ quyết-liệt. Một bên là chủ-nghĩa quốc-gia của người Ấn, một bên là chủ-nghĩa đế-quốc của người Anh, hai bên xung-đột nhau càng ngày càng dữ. Ngoài cuộc vận-động bất-hiệp-tác của ông GANDHI *xướng lên, hầu khắp mọi nơi đâu đâu cũng xảy ra những sự bạo-động. Cả một cõi đại-lục đương biến động sôi-nổi, không ai có thể dự biết được sau này ra thế nào.*

Người Anh người Ấn hiện nay đương họp hội-nghị ở Luân-đôn để bàn xét các phương-kế làm thế nào cho hai nước thỏa-hiệp với nhau, có thể ban-hành cho Ấn-độ một cái hiến-pháp vừa được thỏa lòng dân bản-xứ, vừa được toàn quyền-lợi nước Anh. Hội-nghị ấy, các báo Anh đặt tên là « Hội-nghị bàn tròn » (Round table conference), *thiên-hạ hi-vọng ở đấy nhiều lắm, chẳng hay có kết-quả gì hay không? Xem các điện-tín chưa thấy nói gì cả.*

Nay nhắc lại cái tình-trạng tự hơn một năm nay khi mới quyết-định họp hội-nghị thế nào cùng các vấn-đề định chính-thể cho Ấn-độ đầu đuôi thế nào, tưởng cũng không phải là vô-ích. Những vấn-đề như vấn-đề này, ta không nên lãnh-đạm làm thinh, vì việc xảy ra ở các nước Á-châu khác đương qua cái nông-nổi khó-khăn về đường cải-cách, cũng là việc ta phải nên biết cả.

(1) Xem bài pháp-văn *Le Statut de l'Inde* ở phần Phụ-trương.

Năm 1919, Chính-phủ Anh đã tuyên-bố một cái chương-trình cải-cách cho Ấn-độ, gọi là chương-trình Montagu-Chelmsford là tên quan Toàn-quyền và quan Thượng-thư coi bộ Ấn-độ hồi bấy giờ). Nhưng nhân vì nhất-diện ông GANDHI vận-động bất-hiệp-tác, nhất-diện phái quan cai-trị Anh ở Ấn-độ (Civil Service) phản-đối, nên việc cải-cách không thành. Tháng 11 năm 1927, Chính-phủ Anh định cử một ban điều-tra gồm nghị-viên các phái, do SIR JOHN SIMON đứng đầu, để nghiên-cứu các kế-hoạch cải-cách về hiến-pháp Ấn độ, sẽ đem thi-hành vào năm 1930. Ban ủy-viên có sang điều-tra ở Ấn-độ hai lần, làm việc chu-đáo lắm, năm 1929 đệ-trình bản báo-cáo cho Chính-phủ. Nhưng ngay từ hồi đầu, đảng quốc-gia Ấn-độ nhất-quyết phản-đối, công-nhiên đề-chế ban điều tra, lấy cớ rằng trong ban không có một ủy-viên nào là người Ấn-độ. Tuyên-bố trước rằng không công-nhận lời kết-luận của ban điều-tra, rồi gây cuộc phiến-động trong dân-gian, khiến cho ban điều-tra đến mất lòng tín-nhiệm của dân.

Sự thế đã đảo-đầu như vậy thời quyết không thể bằng-cứ ở cuộc điều-tra của ủy-ban SIMON mà định việc cải-cách chính-trị được. Bấy giờ mới nghĩ ra họp một cuộc hội-nghị lớn gồm cả đại-biểu các đảng Ấn-độ cùng với đại-biểu nước Anh, và định họp ở Luân-đôn vào ngày 20 tháng 10 năm 1930.

Ý-kiến đó được người Ấn-độ, các quốc-vương tự-trị ở Ấn-độ cùng cả nước Anh đều hoan-nghênh. Người Ấn thì trước đã bất-bình vì không được dự vào ủy-ban SIMON, nay họp hội-nghị Anh-Ấn được dịp báo-phục lại và có cơ-hội bày tỏ được hết các khoản yêu-cầu của mình. Các quốc-vương tự-trị thì tuy đứng ngoài cuộc chính-trị của Ấn-độ thuộc Anh, nhưng trông thấy những sự phiến-động ấy sợ có ngày nó lan đến đất nước mình, cũng muốn thừa-cơ họp hội-nghị có đại-biểu của mình được tham-dự vào để ngăn-trở cho hội-nghị khỏi chiều lòng dân mà quá nhượng-bộ, cho thế là nguy hiểm cho mình. Còn như nước Anh thì cũng muốn thừa dịp này giải-quyết cái vấn-đề Ấn-độ cho xong, vì hội-họp được đông đủ cả, có cơ giải-quyết được thỏa-đáng hơn.

Đó là cái luận-điệu lạc-quan của các báo vào khoảng thượng-tuần tháng 9 năm 1930 ; nhưng ngay tự hồi ấy, tựu-trung đã phảng-phất nghe có sự khó-khăn có thể làm cho cuộc hội-nghị không thành được rồi. Như Nội-các lao-động nước Anh định không cho SIR JOHN SIMON là trưởng ban điều-tra trước tham-dự vào Hội-nghị, định không lấy bản báo-cáo của ban điều-tra làm căn-cứ cho cuộc thảo-luận, các chính-đảng khác ở nước Anh lấy điều đó làm không bằng lòng, nhất là đảng bảo-thủ. Lại trước khi khai hội-nghị, Chính-phủ muốn cầu lấy yên nhân-tâm, đã bắt đầu thương-thuyết riêng với ông GANDHI cùng mấy tay lãnh-tụ khác trong đảng quốc-gia, bọn này tỏ ra cái thái-độ không chịu nhượng-bộ.

Như vậy thời cuộc « hội-nghị bàn-tròn » kia cũng khó lòng thành-công được.

Dù thế nào mặc lòng, có một điều chắc, là vấn-đề lập-hiến của Ấn-độ chưa đã sắp đến ngày giải-quyết xong được đâu.

Đảng quốc-gia Ấn-độ yêu-cầu nhiều điều nước Anh khó lòng thuận-nhận được. Phàm hội-nghị là để hai bên châm-chước với nhau, nay đã không nhượng-bộ nhau thì khó lòng cho hội-nghị có kết-quả được. Hội-nghị lại họp

cả đại-biểu của các đảng cách-mệnh, cả đại-biểu của các quốc-vương tự-trị; số các quốc-vương này vừa lớn vừa nhỏ có tới sáu trăm, tất là phải tựa vào thế-lực nước Anh để giữ lấy quyền-vị của mình, còn những đảng cách-mệnh kia thì công-nhiên phản-đối cái chủ-quyền của người Anh, như vậy thì lại càng khó lòng cho hòa-hợp được nhau nữa.

Hội-nghị Anh-Ấn họp ở Luân-đôn là muốn sửa đổi lại cái chế-độ hiện-hành ở Ấn-độ để châm-chước theo những lời yêu-cầu của đảng quốc-gia. Vậy thời cái chế-độ hiện-hành ở Ấn-độ là thế nào?

Từ năm 1875 đến giờ, kể có đến bốn cái hiến-pháp kế-tiếp thay đổi về cách tổ-chức các quyền chính-trị cùng hành-chính ở Ấn-độ, đều chủ-ý cho người bản-xứ được thực-lực tham-dự vào việc nước.

Hiện nay thì cách tổ-chức như sau này.

Quyền thông-trị cao nhất là ở quan Toàn-quyền, gọi là Phó-vương (Vice-Roi), có một Hội-đồng chấp-hành giúp việc. Nhưng thuộc về quyền lập-pháp thì phải có hai viện tham hội, quan Toàn-quyền mới được thi-hành: một là viện Tham-chính (Conseil d'Etat), hai là viện Lập-pháp (Assemblée législative), viện nào phần đa số nghị-viên cũng là do dân-cử, đại-biểu cho các chủng-tộc, các tôn-giáo, các giai-cấp trong toàn-hạt Ấn-độ, việc bầu-cử Chính-phủ tuyệt-nhiên không can-thiệp vào.

Đó là phần Chính-phủ trung-ương. Đến các địa-phương cũng theo một khuôn-mẫu đó. Địa-phương ở Ấn-độ tức là các hàng tỉnh; tỉnh ở đây có khi lớn bằng một nước: như tỉnh Bombay 20 triệu người, tỉnh Madras 38 triệu, tỉnh Bengale 47 triệu. Ở các tỉnh thì quan tỉnh-trưởng hay phó tỉnh-trưởng (Gouverneur, vice-Gouverneur) cũng có hội-nghị lập-pháp giúp việc, hội-nghị này có một viện mà thôi, mà số nghị-viên dân cử ít ra là 70 phần trăm (70%).

Phần nghị-viên dân-cử ở các hội-nghị địa-phương cùng trung-ương là chia theo chủng-loại tôn-giáo, lại theo số dân ở tỉnh-thành với ở nhà quê mà định.

Về phương-diện hành-chính thì các tỉnh theo chế-độ «cộng-trị» (dyarchie), là một cái chế-độ riêng trong chính-thể Ấn-độ. Theo chế độ này thì các việc hành-chính trong hàng tỉnh chia ra làm hai hạng: một hạng gọi là «việc giữ lại» (affaires réservées), một hạng gọi là «việc chuyển giao» (affaires transférées), hạng trên thì thuộc quyền quan tỉnh-trưởng có hội-đồng chấp hành giúp việc, hạng dưới thì thuộc quyền quan tỉnh-trưởng có tổng-trưởng các bộ giúp việc, chức tổng-trưởng này là lựa chọn trong hàng nghị-viên của hội-nghị lập-pháp địa-phương ra. Hạng dưới là hạng các việc chuyển-giao thì định mỗi ngày sẽ mở rộng và tăng thêm lên.

Chế-độ đó khởi đầu từ năm 1919, tức gọi là chương-trình cải-cách Montagu-Chelmsford, lấy tên hai người chủ-trương việc cải cách đó. Khi bắt đầu thi-hành mới coi là một bước đầu trong việc cải-cách, còn định về sau mở-mang rộng-rãi thêm ra, kết-quả đến thành một chế-độ tự-trị hẳn. Lại định chỉ thi-hành thử trong một kỳ-hạn mười năm mà thôi và lúc đầu xem ra cũng ổn-thỏa lắm.

Nhưng tình-thế thay đổi mau lắm. Các đảng phản-đối không muốn chờ đợi lâu, đòi lấy tự-trị ngay lập-tức. Chính-phủ Anh không chịu, họ liền khởi lên phiến-động, luôn tự đó đến giờ không thôi, bày ra cuộc vận-động bất-hiệp-tác của ông Gandhi. Cuộc vận-động này bắt đầu

tự năm 1922, cứ liên-miên mãi, càng ngày càng kịch-liệt. Bối với tình-trạng đó, Chính-phủ Anh muốn tìm phương giải-quyết, bèn cử ban điều-tra SIMON *như trên kia đã nói. Bản báo-cáo của ban điều-tra mãi đến tháng 6 năm 1930 mới đem ra công-bố. Nhưng đến bấy giờ thì chỉ còn có cái giá-trị làm tài-liệu mà thôi. Một đảng thì bị người Ấn-độ không công-nhận, lấy bản dự-thảo hiến-pháp của ông* NEHRU *(một nhà lãnh-tụ Ấn) đối lại, một đảng thì chính Nội-các Lao-động nước Anh cũng không thừa-nhận nữa.*

Nay cái chương-trình của ban SIMON *trù-tính như thế nào?*

Chế-độ « cộng-trị » ở các địa-phương từ nay bỏ hẳn. Các việc hành-chính cũng không phân-biệt ra hai hạng « việc giữ lại » và « việc chuyển-giao » nữa. Cả các cơ-quan hành-chính ở các tỉnh từ nay giao cho người Ấn-độ làm tổng-trưởng các bộ và phải chịu trách-nhiệm đối với hội-nghị địa-phương. Các tỉnh ở Ấn-độ, nhiều tỉnh lớn không kém gì các nước lớn ở Âu-châu, từ nay toàn thuộc quyền Chính-phủ Ấn-độ cả, người cầm quyền trong Chính-phủ là lựa chọn ở trong nghị-hội dân-cử mà ra và có trách-nhiệm đối với nghị-hội. Các công-sở lớn đều thống-thuộc về nghị-hội đó cả, chỉ trừ những sở thuộc về quyền trung-ương mà thôi, như lục-quân, thương-chính, bưu-chính cùng các viện nhác-thẩm về tư pháp.

Nói tóm lại thời tức bình-thời cả cuộc sinh-hoạt về chính-trị của địa-phương là ở trong tay những đại-biểu của dân Ấn-độ cử ra cả. Đó kể cũng đã là một bước lớn trên con đường tự-trị vậy.

Song đó là cái chế-độ bình-thời (régime normal); *lại còn cái chế-độ đặc-biệt* (régime exceptionnel) *nữa, để thi-hành những khi các đảng công-nhiên phản-đối, không hiệp-tác với Chính-phủ hay ngăn-trở cho hiến-pháp không thi-hành được. Gặp những trường-hợp đó thì lại phục-hồi cái chế-độ thuộc-địa của nhà vua* (colonie de la Couronne, *nghĩa là bao nhiêu quyền lập-pháp hành-chính thu vào trong tay quan tỉnh-trưởng người Anh cả.*

Như vậy thời các tỉnh Ấn-độ tức là theo về cái chế-độ tự-trị có hạn-định, có điều-kiện vậy (dominion conditionnel).

Nay thuộc về quyền trung-ương thì bản báo-cáo của ban SIMON *bàn đổi cái thể thống-nhất* (organisme unitaire) *ra thể liên-bang* (organisme fédéral). *Từ trước đến nay các tỉnh chẳng qua là các khu hành-chính thuộc về một cái đoàn-thể chính-trị là cõi « Ấn-độ thuộc Anh »* (British India). *Theo bản báo-cáo thì từ nay các tỉnh nên đặt làm đoàn-thể gần tự-trị* (quasi-autonomes), *thuộc toàn-thể liên-bang Ấn-độ* (Inde fédérale), *vừa gồm cả đất Ấn-độ thuộc Anh, cả các vương-quốc do nước Anh bảo-hộ.*

Hiện nay thì có một hội-nghị lập-pháp, ban điều-tra bàn nên đặt một Nghị-viện liên-bang (Parlement fédéral) *thay vào. Nghị-viện này là do các Nghị-viện địa-phương bầu ra và cũng giữ quyền lập-pháp như bây giờ. Còn quyền hành-chính trung-ương thời vẫn để như bây giờ, nghĩa là tổng-trưởng các bộ (tiếng Anh gọi là* executive councillors, *là các viên chấp-hành sự-vụ) thì vẫn chỉ có trách-nhiệm đối với Phó-vương cùng chính-phủ đế-quốc mà thôi.*

Tuy-nhiên ban điều-tra cũng bàn trong các chức chấp-hành đó nên cử ít nhiều người Ấn-độ sung vào. Phàm luật-pháp quan-hệ đến cả toàn-thể Ấn-độ thì

phải có Nghị-viện liên-bang chuẩn-y mới được, nhưng Phó-vương vẫn có đủ quyền lâm-thời ngăn-trở không cho thi-hành những luật-pháp nào có phương-hại đến cuộc trị-an trong nước hay đến quyền-lợi của các dân-tộc thiểu-số (minorités ethniques). *Lại lâm-thời có quyền được ban « sắc-luật »* (décrets lois), *nghĩa là luật không cần phải Nghị-viện duyệt-y.*

Ấy đại-khái lời kết-luận trong bản báo-cáo của ban điều-tra SIMON *như vậy. Lại « Hội-nghị bàn tròn » sau này, chắc là không có theo đúng như vậy, và các điều đó chắc sẽ bị đại-biểu của đảng quốc-gia Ấn-độ bài-bác. Nhưng tựu-trung cũng sẽ có một vài điều được thủ-dụng. Nếu không có sự gì bất-kỳ ngăn-trở mà Hội-nghị điều-đình châm-chước xong, thảo được cái hiến-pháp tạm-thời cho Ấn-độ, để thi-hành ít ra cũng được mấy năm, thì trong hiến pháp ấy chắc có điều sở-đắc ở bản báo-cáo của hội-đồng điều-tra vậy.*

PHẠM QUỲNH

Vấn-đề Ấn-độ do người Ấn-độ quan-sát (1)

Đối với vấn-đề Ấn-độ, ta chỉ biết một là phương-diện phái đế-quốc Anh, hai là phương-diện phái quốc-gia Ấn, hai đảng phản-trái nhau, khó lòng mà điều-hòa cho được.

Tùy xem sách báo của người Anh hay xem sách báo của người Ấn, thời hoặc thiên về phương-diện nọ hay thiên về phương-diện kia, thành ra phán-đoán không được công-bằng.

Ấy những khách du-lịch ngoại-quốc sang thăm Ấn-độ thường như vậy, khi về thuật lại mỗi người nói một khác, người thì công-nhiên tỏ cảm tình với đảng quốc gia, người thì nhất-quyết về bè với chính-phủ Anh. Lại các nhà làm sách làm báo, chỉ nghiên-cứu vấn-đề Ấn-độ bằng « bút-lục » (*sur pièces*), chứ không trực-tiếp quan-sát, cũng mỗi người tùy cái khuynh-hướng, cái chính-kiến hay cái thị-hiếu riêng của mình mà hoặc thiên về thuyết của Ấn-độ, hoặc thiên về thuyết của nước Anh.

Cho nên mỗi khi đọc một quyển sách hay một bài báo về Ấn-độ, bao giờ cũng phải tự hỏi rằng không biết tác-giả phán-đoán có được công-bằng không, hay là lại thiên-lệch về một bên nào. Nhân đó ước-ao muốn được biết ý-kiến một người Anh cứ bình-tĩnh mà xét về việc Ấn-độ, không đứng về phương-diện nước mình mà đứng về phương-diện nhân-loại mà xét; hay là ý-kiến một người Ấn-độ nào biết phán-đoán tự-do, không câu-chấp vào những cái thiên-kiến về tôn-giáo hay về chính-trị mà khởi ra một cái luận-điệu chân-chính về việc nước cùng về đồng-bào mình.

Người Anh đó, người Ấn đó, chắc là có, và những người giống như họ có lẽ cũng nhiều, chứ không phải ít đâu. Tưởng nên tỏ bày ý-kiến cho thiên-hạ

(1) Xem bài pháp-văn *Le Problème de l'Inde vu par un Indien* ở phần Phụ-trương.

biết, vì chân-lý, vì công-nghĩa mà nói .....

Một bậc đại-trí như ông TAGORE, tư-tưởng ông đối với vấn-đề tổ-quốc thế nào, chúng ta đã biết rồi. Ông bài-bác cái chủ-nghĩa quốc-gia hẹp-hòi, ông phản-đối những sự cạnh-tranh về chủng-tộc, những sự bạo-động vô-ý-thức, và ông chỉ thành-thực muốn hòa-hợp Đông-phương với Tây-phương trong một cuộc văn-minh đại-đồng bao-quát. Ông không đồng-ý với người đồng-bào trứ danh của ông là ông GANDHI, là người xướng-suất cái chủ-nghĩa bất-hiệp-tác, ông vẫn phục ông GANDHI là bậc «thánh-nhân» (*mahatma*), nhưng ông cho chính-sách của ông ấy là sai-lầm. Cái chủ-nghĩa bất-hiệp-tác, ông cho là một sự xương-cuồng. Ông là người trí-tuệ sáng-suốt, có lòng tín-ngưỡng thâm-trầm về đời trí-thức, ông cho những sự cử-động tiêu-cực đó là ngang-chướng.

Trong một bài văn-chương rất hùng-hồn, ông có câu nói quả-quyết rằng:

«Tôi tin rằng Đông-phương với Tây-phương có thể chân-chính hòa-hợp với nhau được... Phàm những bậc vẻ-vang trong nhân-loại, tôi một lòng sùng-thượng hết. Kinh Ưu-bà-ni-tát (*Upanishad*) nói rằng: Cái bản-ngã của người ta nó vô-cùng. Vậy thời muốn cho nó thành-tựu được hoàn-toàn, phải điều-hòa dung-hợp cả các giống người trong thiên-hạ... Tôi cầu-nguyện cho Ấn-độ tiêu-biểu được sự hiệp-tác chung của các dân-tộc trên thế-giới. Đối với Ấn-độ, hợp-nhất là chân-lý mà phân-li là ảo-tưởng. Hợp-nhất là bao gồm hết thảy, vậy thời không thể lấy sự phản-đối cự-tuyệt mà đạt tới được...

«Hiện nay có kẻ gia-công làm cho thần-trí ta cách-biệt với thần-trí của Tây-phương, thế là mưu giết hại tinh-thần đó... Thời-đại này là thuộc quyền chủ-trương của Tây-phương. Tây-phương sở-dĩ được cái địa-vị đó, là bởi có đảm-nhiệm một cái thiên-chức lớn-lao đối với loài người. Ta là người Đông-phương, ta phải học hỏi cho biết...

«Lâu nay ta không được trực-tiếp với cái văn-hóa của ta, và nhân đó không biết cái chân giá-trị của văn-hóa Tây-phương, điều đó đáng phàn-nàn thật... Nhưng nói rằng tiếp-xúc văn-hóa Tây-phương là không hay thì thật là một cái tư-tưởng cố-chấp hẹp-hòi, chỉ làm cho thần-trí đến nghèo-nàn đi mà thôi... Cái vấn-đề ngày nay là vấn-đề chung cả thế-giới. Không có dân-tộc nào cách-biệt với các dân-tộc khác mà tự-cứu lấy mình được. Một là cứu lẫn cho nhau, hai là cùng nhau chết cả.»

Như vậy thì ông TAGORE là đứng về phương-diện chung cả thế-giới, chứ không phải phương-diện riêng của Ấn-độ nữa. Ông đứng siêu-việt ra ngoài cái vấn-đề Ấn-độ, siêu-việt cho đến nỗi vấn-đề ấy đối với ông không còn có quan-trọng gì nữa. Vả ông vốn là nhà mĩ-thuật, chỉ chăm theo cái nhịp đàn riêng trong tâm-hồn mình hơn là lắng tai nghe những tiếng ồn-ào của công-chúng. Chính ông đã nói rằng ông chỉ là một nhà ngâm-vịnh, ra chỗ công-chúng ồn-ào không khỏi mê-li, muốn biệt-lập ở trên cõi xôn-xao. Ông nói:

«Ta ở đâu vậy, giữa đám công-chúng, kẻ xô người đẩy mọi bề? Cái tiếng lao-xao kia là tiếng chi vậy? Nếu là tiếng ca-nhạc thì cái đờn của ta có thể nhịp theo điệu được, và ta sẽ cùng chúng hòa nhạc, vì ta vốn là một kẻ lãng-ngâm; nhưng nếu là tiếng hò-hét

om-sòm, thì giọng ngâm của ta sẽ bị lấp đi mất, và ta sẽ mê-mẩn cả tinh-thần. Mấy độ này ta cố để tai mà nghe xem có nhận được cái xoang-điệu êm-ái nào không; nhưng ta chỉ thấy thiên-hạ xướng một cái điệu *bất-hiệp-tác*, vang-lừng vỡ-lở lên, kẻ dọa nạt, người phản-đối lao-nhao, không thấy gì là nhịp với mình cả.

« Ta bèn tự nghĩ rằng: — Buổi này là buổi nguy-cơ trong lịch-sử của đồng-bào, nếu ta không thể cùng với đồng-bào mà cùng đi một bước, thì ta đừng nên phán-đoán mà nói rằng đồng-bào không phải mà ta mới là phải; nhưng ta nên bỏ cái chức-vụ làm lính mà trở về xóm cũ làm thơ, dù có bị công-chúng làm án ma ruồng bỏ cũng cam-tâm!... »

Đọc mấy lời đó biết rằng tác-giả đã chán-ngán nỗi đời vậy. Ông TAGORE biết mình rằng không được đồng-bào tin nghe, biết rằng cái trí sáng-suốt của mình không thể làm cho đồng-bào tỉnh-ngộ được, họ còn muốn đi theo cái ông thánh mơ-màng là ông GANDHI kia. Cái tiếng sáo êm-đềm của ông bị tiếng sóng công-phẫn của công-chúng nó che lấp đi mất, ông chán-nản bèn đi lang-thang trong thế-giới, như ông lão hát giong nước Hi-lạp đời xưa, vừa đi vừa hát bài ca hòa-bình bác-ái trong thiên-hạ.

Bởi thế nên ý-kiến của ông về thời-cục nước ông, tuy vẫn là quí-hóa lắm, nhưng nó phảng-phất mơ-màng, không đủ bày tỏ cho ta biết cái chân-tướng về vấn-đề Ấn-độ. Giá được biết ý-kiến những nhà khoa-học, phán-minh vụ-thực, như giáo-sư BOSE đã được phần thưởng *Nobel* về công phát-minh về sinh-lý-học, hay bác-sĩ COOMARASWAMY đã từng làm sách nghiên-cứu về mĩ-thuật cùng cổ-học, danh-tiếng lừng-lẫy trong cõi học thế-giới, thì còn quí-giá hơn biết bao nhiêu!

Nay chưa được biết ý-kiến của các bậc ấy, hẳng nên xét ý-kiến của một người tuy không được danh-giá bằng các bậc đó, nhưng cũng là cháu gọi ông TAGORE bằng cậu, đã bày tỏ ra trong một bài đề là « Vấn-đề Ấn-độ » đăng ở tạp-chí *Mercure de France* nước Pháp.

Tác-giả tên là ARYA KUMAR CHAUDHURI, nguyên học-sinh trường Đại-học *Cambridge* nước Anh, hiện ở *Paris* chuyên nghề hội-họa, và lúc này lại đương có soạn một quyển sách về Ấn-độ, sách có tính-cách nửa chính-trị nửa triết-học, đề là « Kẻ lãng-mạn vô-tình » (*Le Vagabond sans amour*). Bài đăng tạp-chí là trích mấy đoạn trong sách ấy sắp xuất-bản nay mai.

Ông CHAUDHURI bình-phẩm về đồng-bào ông rất nghiêm-khắc, thứ nhất là đối với bọn chính-khách về đảng quốc-gia. Lời phán-đoán không khỏi có khi quá thiên mà thành ra không công-bằng. Nhưng xem ra giọng chí-thành, lời thiết-thực, lại thêm cái tư-cách là nhà mĩ-thuật tuyệt không can-thiệp đến việc chính-trị, giòng-dõi là bà-la-môn mà không có cái thiên-kiến gì về đẳng-cấp cùng tôn-giáo, nên ý-kiến của ông kể cũng là có giá-trị và đáng nên biết vậy.

Ý-kiến ấy là những nông-nỗi khổ-sở của Ấn-độ ngày nay không phải tại thuộc quyền cai-trị của người Anh mà sinh ra, chính là ở cái tình-trạng khốn-nạn của Ấn-độ, vừa khốn-nạn về đường vật-chất, vừa khốn-nạn về đường tinh-thần. Đất quê-hương của Phật-tổ Thích-già ngày xưa, ngày nay thành một cái thế-giới lầm-than điêu-đứng, đói-khát u-mê, tin nhảm thờ bậy, phong-tục dâm-ô, chế-độ áp-ức. Đọc những đoạn tả các tục dã-man mà rùng mình, như tục con trẻ đã lấy vợ lấy chồng, đàn bà góa phải cư-sương

suốt đời, hay những tục mê-tín ô-uế mượn tiếng tôn-giáo mà bày ra những trò bỉ-tiện, tỉ như tục thờ cái dương-vật gọi là thần *lingam*. Tác-giả nói:

« Theo cái tôn-giáo lạ-lùng ấy, thì Thượng-đế xuất-hiện ra ba ngôi, một ngôi là thần *Siva*, thường hình ra cái dương-vật để thờ cúng và nhân đó bày ra lắm trò ô-uế. . .

« Có đền thờ *Siva*, thiện-nam tín-nữ đến lễ đều trần-truồng hết cả, lễ xong thời bày trò dâm-bôn ra với nhau, cần-trệ vô-cùng.

« Người Ấn-độ cho sự hiếm-hoi là cái khổ đệ-nhất. Bèn lập lên những hội, để làm cái việc như việc con ngựa giống ở các sở nuôi ngựa vậy. Hội-viên của các hội ấy đi dạo khắp các vùng nhà quê, nhà nào hiếm-hoi không có con thì đến mà hiến công. Đến làm việc ở đâu thì được nhà chủ hoan-nghênh, cho ăn, cho ở, lại trả công hậu nữa.

« Bọn thầy tu ở mấy nơi đền phủ, cũng làm cái việc đó, làm để lấy tiền công hẳn-hoi. . . »

Một dân-tộc còn u-mê ám-muội như vậy, còn trầm-trệ trong những cái tục quái-gở như vậy, thì đã có tư-cách mà yêu-cầu lấy tự-do làm sao được! Chẳng qua chỉ có một thiểu-số, là bọn chính-khách đứng lên đòi quyền nọ quyền kia, rồi công-chúng ngu-xuẩn cứ theo liều mà thôi.

Ông Chaudhuri nói rằng: « Các tay lãnh-tụ chính-trị của chúng tôi, toàn là một phường giả-trá cả... Khác nào như một lũ mãn tuồng trên sân khấu vậy. »

Nhưng họ tài lắm, họ khéo lợi-dụng cái lòng tôn-giáo của dân, để cho chúng tôn lên là thánh là thần cả. Ông Gandhi vẫn là một tay lỗi-lạc, không kể vào hạng đó được, vì ông thiệt là một người đạ cả trí cao, nhưng tuy « có óc thông-minh, có mắt sáng-suốt » mà ra hành-sự « vụng-về quá », khởi lên một cuộc « vận-động vô-ý-thức » kích-thích cái lòng oán-phẫn trong dân-gian mà làm nguy hiểm cho nước.

Những người ấy họ nói rằng họ mưu cho Ấn-độ được thoát cái ách của người Anh. Nhưng đê-nên dân Ấn-độ không phải là người Anh.

« Ấn-độ khổ đệ-nhất là khổ về tôn-giáo, khổ về những cái nghi-lễ vô-nghĩa-lý, về những phong-tục hủ-bại tự đời trước để lại, về những ước-lệ nhảm-nhí, về những lề-lối quá cũ. Đê-nên dân Ấn-độ chính là những cái đó, hoặc cũng có duyên-cớ khác, nhưng cái đó là đích-danh đệ nhất. Nước tùng-sử được tự-do nữa, mà người trong nước vẫn giữ cái tâm-tính di-truyền đó thì vẫn còn là nô-lệ mãi. »

Vậy thời không nên trách người Anh là làm khổ Ấn-độ.

« Tình-trạng ngày nay không phải do một cái quyền-lực u-ám nào nó cố-ý kiềm-chế cho Ấn-độ phải chịu nô-lệ. Chính tự tay người Ấn-độ tạo ra cái ách để tự đè cổ mình đó. »

Lời kết-luận của tác-giả thật rõ-ràng lắm: công-nhiên làm án sự vận-động của đảng quốc-gia, cho là cuồng-dại vô-cùng.

Nói rằng: « Một dân-tộc bị nô-lệ thì không có chính-trị được. Quốc-gia không có mà đòi lập chính-phủ quốc-gia, thật là mơ-tưởng hão-huyền. »

Ấy ý-kiến của một người Ấn-độ có học-thức về vấn-đề Ấn-độ như vậy. Thật là trái hẳn với sự tưởng-tượng của ta về cái phong-trào quốc-gia ở Ấn-độ. Ý-kiến ấy há không phải là hơi thiên-lệch quá-đáng dư? Cháu ông

Bà chánh-phi nước Cao-miên

(Về triều vua trước)

Chose Gouvernement général

Một bà phi nước Cao-miên
(Vợ triều vua trước)

Cliché Gouvernement général

TAGORE vẽ ra bức tranh đó, há không phải là đậm mực quá dư? Mà bình-phẩm về đồng-bào, há không phải là nghiêm-khắc quá dư?

Một cái sự nghiệp mà những bậc chí-sĩ như TILAK, GOKHALE, GANDHI đã đem hết tinh-lực một đời mà theo đuổi, — mà những bậc này thì không ai còn có thể ngờ cái lòng trung-thành ái-quốc được nữa, — há phải là việc hão-huyền dư? Nay bình-phẩm những bậc ấy mà cho là điên-cuồng mơ-mộng hay là coi như một bọn giả-trá bày trò cả, thì thật là gieo lời phỉ-báng quá.

Tuy-nhiên, Ấn-độ khổ ngày nay, là khổ vì cái tình-trạng khốn-nạn trong nước, khốn-nạn về vật-chất, khốn-nạn về tinh-thần, nhiều hơn là khổ vì cái cách chính-trị của người Anh, và chính người Anh vẫn gia-công cứu-vớt cho thoát khỏi được cái tình-trạng đó, điều đó thì có thật. Ông CHAUDHURI thiết-tha nói về điều đó, kể cũng là phải, là có ý cảnh-tỉnh cho đồng-bào mình biết đừng đem lòng oán-giận người Anh vô-ích, chỉ nên gia-công gắng sức làm thế nào cho chóng thoát-li được cái tình-trạng đáng thương đó mà thôi.

Nói thực hay mất lòng; lời ông nói bộc-trực quá, không khỏi gây lòng oán-thù của kẻ đồng-bào. Ông cũng tự biết thế mà nói rằng:

« Nhưng cái đó có hề chi cho tôi?... Tôi tưởng cái nghĩa-vụ tôi phải làm như vậy. Chỉ vì tôi thương nước tôi, nên tôi quả-quyết đem con dao nhọn mà trích vào cái nhọt sâu, để cho nó tiệt hết những cái chất hủ-lạn đi. Ở đời có lắm việc đau-đớn mà cũng phải ra tay làm vậy. »

PHẠM-QUỲNH

TRẢI QUA MẤY NƯỚC ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

Ông MAX DE SAINT-FÉLIX làm chức thống-đốc thuộc-địa (*Gouverneur des Colonies*), đã từng ở qua bên Đông-dương ta, trước làm chánh văn-phòng của quan Toàn-quyền MERLIN, sau làm sảnh-trưởng ở phủ Toàn-quyền, đầu năm 1930 dời Đông-dương về Pháp, trong các độc-giả có lẽ còn có ngài nhớ. Mới đây ông có xuất-bản ở hiệu *Figuière* bên *Paris* một quyển sách du-ký đề là «Trải qua cõi Đông-phương» (*A travers l'Orient*).

Vì khi ở đây về Pháp, ông không đi đường bể, mà đi đường bộ qua Xiêm-la, Ấn-độ, Ba-tư, Tiểu-Á-tế-á, Hi-lạp cùng Ý-đại-lợi, đạo một lượt qua mấy nước Cận-Đông Viễn-Đông, đem con mắt hiểu biết mà quan-sát được lắm điều hay, thuật lại thành một tập du-ký rất có hứng-thú.

Ông là một nhà quan-lại có giá-trị; tôi đối với ông còn giữ lại một cái kỷ-niệm tốt, biết ông là một người có học-thức rộng, trước tòng-sự ở Phi-châu, sau sang Đông-dương này, chính-sự rất am-hiểu, lại có tư cách một người chính nhân quân-tử, theo như nghĩa chữ *honnête homme* về thế-kỷ thứ 17 ở nước Pháp. Đôi phen tôi đã từng cùng ông đối-diện đàm-tâm, nghị-luận một

---

(1) Xem bài Pháp-văn *A travers l'Orient* ở phần Phụ-trương dưới này, bình-phẩm về sách *A travers l'Orient, 1930*, của ông MAX DE SAINT-FÉLIX xuất-bản ở hiệu *Figuière*, Paris

cách tự-do, lấy tình thực mà trao-đổi tư-tưởng cùng ý-kiến thuộc về các vấn-đề chính-trị ở xứ này. Trước sau tôi vẫn có cái cảm-giác ông là một người có con mắt sáng-suốt, ham biết sự thực, không có chút thiên-kiến gì, biết lấy khách-quan mà xem xét sự vật một cách công-bằng.

Nay đọc quyển sách mới xuất-bản của ông, ông đã có bụng yêu gửi tặng, cũng phảng-phất thấy những tính-cách tốt đó. Sách bình-thường giản-dị, tác-giả trong khi du-lịch mắt thấy tai nghe những gì, cứ thế mà tự thuật ra, không có cầu-kỳ gì. Nay cuộc du lịch là trải qua những nước đương biến-thiên cải-cách, như bị cuốn vào trong cái phong-trào biến-động nó lay chuyển cả thế-giới từ đầu thế kỷ thứ 20 đến giờ, vậy mà tập du-ký lại rõ-ràng đích-xác, do tay một người có lịch-duyệt, biết quan-sát viết ra, cứ sự thực mà kể, không phải trang-tác cho nó có cái vẻ lãng-mạn phương xa, như vậy thì có thú-vị biết dường nào!

Ngay trang đầu sách, tác-giả có nói rằng: « Trước việc biến-động ở Yên-bái ít lâu, tôi có soạn xong một quyển sách đây, bày tỏ cái cơ-quan thống-trị của nước Pháp ở Đông-dương, như tháo cái máy ra từng mảnh một, rồi tôi chỉ rõ sự nguy-hiểm, nói rằng chẳng bao lâu sẽ xảy ra. Sách có chứng-cứ ở sự thực, dẫn nhiều việc đích-xác, có thể khiến cho thiên-hạ coi đó biết rõ được nguyên-nhân chân-chính của tình-trạng khủng-hoảng bây giờ; chỉ vì lẽ không tiện công-bố ra bây giờ nên phải hoãn chưa xuất-bản vậy. »

Chúng ta ước-ao sao được mau đọc quyển sách đó, thật là sách hợp-thời biết bao nhiêu và đáng chú-ý biết dường nào! Sách đó là một cái « tài-liệu » (*un document*), một « lời chứng » (*un témoignage*) rất có giá-trị, do một người có trí công-bằng, có tài lịch-duyệt, lại đã từng được đứng vào một địa-vị đặc-biệt để quan-sát và phán-đoán, nên mau mau đem nhập vào tập hồ-sơ của cuộc thảo-luận về xứ Đông-dương bây giờ, tức là vấn-đề cải-cách về chính-trị, sửa đổi về chính-thể của xứ này.

Nay còn phải đợi chưa được đọc sách đó, thì ta bằng cùng tác-giả làm một cuộc du-lịch từ Đông-dương sang Pháp, theo như hành-trình của tác-giả đã qua hồi đầu năm 1930, nghĩa là qua Xiêm-la, Mã-lai, Diến-điện, Ấn-độ, Ba-tư, các xứ Ả-rập *Irak*, *Palestine*, *Syrie*, rồi đến Thổ-nhĩ-kỳ, Hi-lạp, Ý-đại-lợi. Ta không để ý về phong-cảnh bề ngoài, mà chỉ muốn biết sự cảm-tưởng cùng ý-kiến của tác-giả về tình-hình chính-trị các xứ đó thế nào.

Trước nhất nói về nước Xiêm là nước láng-giềng liền ngay với ta, ta thường trông thấy cái địa-vị họ làm một nước phú-cường độc-lập mà ta thèm. Nước Xiêm dân-số gần 10 triệu người, nhưng thật người Xiêm-la chân-chủng, thì chỉ có một triệu rưởi mà thôi, còn 7 triệu người Lào và người Thái, ngoại-giả thì có 40 vạn người Ấn-độ và Mã-lai, 30 vạn người Tàu, 12 vạn rưởi người Cao-miên, Diến-điện, các rợ ở miền son-lâm thuộc về giống Mán, giống San, v. v., cùng những di-dân người An-Nam và người Gia-va. Như vậy thì các chủng-tộc ở Xiêm thật là phiền-tạp, chưa thành một quốc-gia thuần-túy duy-nhất, cho nên tác-giả nói rằng: « Gần đây ở Xiêm có đảng thanh-niên khuynh-hướng về chủ-nghĩa quốc-gia, muốn bắt-chước đảng Pha-xi nước Ý, nhưng xem ra chưa có thực-lực gì. »

Lại nói: « Tuy-nhiên, xét kỹ thì các dân Thái và nhất là dân Lào, dẫu có cái ý bất cơ một đôi chút, nhưng cũng vẫn còn chưa có thể-thống gì và còn dễ

bảo, bắt theo cái kỷ-luật duy-tân trong nước, dần dần cũng phục-tòng. Người Xiêm đối với các dân đó, tuy số kém người Phổ đối với các dân Đức, nhưng trong sự-nghiệp thống-nhất nước Xiêm, cái địa-vị cũng giống như người Phổ trong sự-nghiệp thống-nhất nước Đức hồi xưa. Cho nên Nhà-nước Xiêm có cái thế-lực mạnh lắm, vì chính-thể là chính-thể chuyên-chế, lại sẵn lòng nhờ các viên cố-vấn ngoại-quốc khuyên-bảo cho, về đường chính-trị, về đường kinh-tế đã làm được thành-công rực-rỡ. Về đường ngoại-giao thì dùng cái chính-sách khôn-khéo, đường-hoàng được liệt bằng-đẳng với các nước văn-minh trên thế-giới; còn cách hành-chánh cũng khôn-ngoan, khiến cho được khỏi ngoại-quốc đặt quyền lãnh-sự thẩm phán ở nước mình. »

Còn quân-đội thì lục-quân nước Xiêm có 10 sư-đoàn (*divisions*), quân-quan phần nhiều đã học qua ở Âu-Mĩ và Nhật-bản, lệ binh-dịch cưỡng-bách đặt từ năm 1917, pháo-binh có súng đại-bác 75 li, không-quân có một số tàu bay cũng khá. Quân-đội ấy kể cũng là một khí-giới mạnh để phụng-sự cái chủ-nghĩa quốc-gia được đắc-lực, chủ-nghĩa này đã thấy phát-biểu một cách hăng-hái, muốn khuếch-trương thế-lực nước Xiêm, thành một chủ-nghĩa « Đại-Xiêm-la » vậy (*panthaïsme*).

Tác-giả nói: « Vậy thời lâm-thời nước Xiêm giả phải đánh nhau với một nước nào có thuộc-địa ở xa mẫu-quốc . . . thì cũng không phải là một kẻ địch đáng coi thường vậy. »

Ở Xiêm rồi ta sang đất Mã-lai thuộc Anh, nói là thuộc Anh mà gia nói là thuộc Tàu có lẽ đúng hơn, vì đất *Straits Settlements* có 3 triệu rưởi dân, thì trong số đó đã 1 triệu 2 vạn người Tàu rồi. Nhà làm sách nước Anh FIZLAYSON, đã hơn một thế-kỷ nay có nói rằng: « Chính-phủ Anh ở Mã-lai đối với người Tàu, bảo-hộ cho sinh-mệnh tài-sản người ta, dùng đủ cách để dụ cho người ta đến mà sinh-cơ lập-nghiệp, bởi vì họ làm ăn buôn-bán to, lợi cho nước Anh nhiều lắm. »

Tình-trạng đó, người Anh không lấy làm lo-ngại chi, vì họ có cách cai-trị thuộc-địa khéo, dùng quan-viên ít mà vẫn giữ được yên-ổn. Tác-giả nghiệm ở đất Mã-lai thuộc Anh, ở Diến-điện, cũng như ở Ấn-độ và các thuộc-địa Tây-Phi-châu, ít khi thấy quan-lại người Anh làm việc ở ngoài

« Như việc cảnh-sát ngoài đường phố, không bao giờ thấy người Tây coi. Các sở công, ngồi sau cửa sổ những nơi phát-lĩnh không bao giờ thấy mặt người da trắng. Nhưng số quan-lại Anh tuy ít mà họ khéo đốc-suất những người bản-xứ làm việc cho họ, công-việc gì cũng tự tay bọn này làm hết, họ chỉ kiểm-sát mà thôi. »

Trên tầu bể đi từ *Penang* đến *Rangoon*, tác-giả có làm quen với một người Ấn-độ làm thầy kiện ở *Lahore* và một người Tàu buôn-bán ở Hương-cảng. Hai người ấy cùng bình-phẩm về người Anh, ý-kiến không hợp nhau, câu chuyện xoay ra giọng cay, người thầy kiện phá ngang một câu rằng:

— Quân Anh-cát-lợi đó, cũng phải có ngày tống được nó đi mới được!

Người Tàu liền tủm-tỉm cười mà trả lời rằng:

— Vẫn biết thế, nhưng hiện nay nó chưa đi, mà người Ấn-độ các ông cũng như người Tàu chúng tôi, có lẽ còn kém cũng có, không đủ tư-cách giữ lấy trị-an được. Các ông ghét người Anh, tôi cũng chẳng ưa gì họ, nhưng tôi biết

rằng mình còn phải cần đến họ nếu nhất-dân họ bỏ xứ này mà đi, thì nát như tương cả...»

Ý tác-giả cũng như vậy: ai không ưa người Anh thì không ưa, nhưng cũng phải chịu rằng Ấn-độ còn cần đến người Anh, Ấn-độ khổ không phải vì cái ách người Anh cai-trị, chính là vì cái tình-trạng khốn-nạn trong nước, khốn nạn về đường vật-chất, khốn-nạn về đường tinh-thần, khốn-nạn vì những sự thiên-kiến về tôn-giáo, về xã-hội, khốn nạn vì người dân phần nhiều còn dốt-nát và hay mê-tín, bị cái chế-độ giai-cấp cùng sự đạo-giáo sai-biệt nó làm cho phân-lia cách-trở nhau. Tác-giả từng tiếp chuyện với người Ấn-độ nhiều, thuật lại có kết-luận một câu rằng:

« Ấn-độ chịu quyền cai-trị người Anh khác nào như người bệnh phải chịu uống liều thuốc đắng, thuốc có đắng thì tật mới đã. Song, tôi đã kinh-nghiệm mà biết rằng phàm trong những chuyện này, cái lý nó không có giá-trị gì, cái tình vẫn là trọng-đại hơn. Nó có một cái sức thần-bí (*une mystique*) mà sự thực hiển-nhiên không thể nào phá được. »

Cái sức thần-bí đó, là chủ-nghĩa quốc gia nó làm chủ-động cho phái ái-quốc Ấn-độ (*swarajiste*) trong cuộc phấn-đấu để đòi độc-lập, sức này còn mạnh hơn là sự lợi-ích chánh-đáng của người dân Ấn-độ. Sức này mà nó phát ra thì khó địch lại được, vì nó gồm cả những cái tiềm-lực vô-ý-thức thuộc về cõi tinh-cảm u-ám, không thể dùng những cách lý-luận, cách chứng-giải phân-minh mà phá cho được.

Mà cái sức thần-bí đó, nay nó sử-linh cả thế-giới, nhất là từ hồi Âu-chiến đến giờ. Phàm những phong-trào làm cho lay chuyển mấy dân-tộc trong cõi Đông-phương, tựu-trung cũng là có cái sức ngầm ấy cả. Ở Ba-tư (*Perse*), ở A-lạp-bá (*Arabie*), ở Tây-li (*Syrie*), ở Thổ-nhĩ-kỳ (*Turquie*), đâu đâu cũng bị cái sức ấy nó chi-phối, mà ở Ý-đại-lợi (*Italie*) thời nó phát ra một cách kịch-liệt mà thành chủ-nghĩa Pha-xi (*fascisme*).

Nhưng ta không thể cùng tác-giả đi hết cái hành trình cuộc du-lịch rất có ý-nghĩa và rất có bổ-ích này. Ta hãng dừng lại ở đất Ấn-độ đây, là đoạn quan-trọng nhất và đáng chú-ý nhất, vì là nơi đương xảy ra tấn kịch bi-thảm nhất về thời-đại ta: là sự chiến-đấu giữa cái chủ-nghĩa quốc-gia của Ấn-độ với cái chủ-nghĩa đế-quốc của nước Anh.

Sự chiến-đấu này mỗi ngày một bành trướng ra, hai sức cùng mạnh cả, bên nào sẽ được thắng?

Tác-giả nói: « Chủ-nghĩa quốc-gia của Ấn-độ, phần nhiều là căn-cứ ở cái lòng bài-ngoại (*xénophobie*), nhưng xem ra không có gốc-rễ sâu trong dân-gian, thử nghiệm xem sau này có đủ sức mạnh mà phá đổ được đế-quốc Ấn-độ của người Anh, gây ra cái tình-trạng họa-loạn vô cùng không... Nhưng cứ như bây giờ, thì trừ có nước ngoài nào sang xâm-lấn không kể — mà sự đó cũng khó lòng, — chứ thế-lực nước Anh vẫn mạnh lắm, dù có phải bỏ Ấn-độ mà đi nữa, cũng còn có quyền muốn đi lúc nào thì đi, đòi hết cách đảm-bảo cho quyền-lợi mình rồi mới đi... »

. . . . . .

Cuộc du-lịch của tác-giả chính là một cuộc điều-tra, tác-giả tổng kết-luận một câu rằng:

« Trong suốt cõi đại-lục Á-châu, mông-mênh bát-ngát kia, có một cái phong-trào ngầm muốn thoát-li ra ngoài vòng thế-lực của Tây-phương. »

Rồi hồi-tưởng lại các việc biến-động ở Đông-dương vừa rồi, tác-giả nói :

« Nay những việc biến-động đó đã xa xa rồi, coi bề ngoài đã yên-ổn cả rồi, đừng nên tưởng rằng cải-cách một đôi chút thời những việc như thế sẽ không xảy ra nữa đâu. Hiện vẫn có những cái sức mạnh u-âm nó luôn luôn muốn phản-động với ta, nếu không dùng một thứ thuốc mạnh để trị, thì rồi có ngày nó phát ra nguy. . . »

Đọc mấy lời cảnh-cáo đó thì khá tưởng cái thú-vị quyển sách của ông DE SAINT-FÉLIX đã soạn về thời-cục Đông-dương. Ta hết sức mong-mỏi cho sách ấy chóng xuất-bản.

PHẠM QUỲNH

Une société qui entoure sa tradition d'un halo de sainteté, y gagne un inestimable avantage de puissance et de durée...

Parmi les épreuves de la vie, les hommes n'ont pas le loisir de combiner des arguments ni de méditer avec continuité ; ils ont besoin d'une formule ou règle de vie dont ils puissent admettre la vadilité Une tradition vivante agit sur nos facultés internes, humanise notre nature et nous élève à un niveau supérieur. De cette façon, chaque génération se coule dans un moule particulier, qui confère individualité et intérêt à chaque type de culture. Ceux mêmes qui souhaitent de discerner la vérité par eux-mêmes ont besoin d'être guidés dans les premiers stages.

RADHAKRISHNAN

(philosophe hindou

Một xã-hội biết tôn-trọng cái quốc-túy của mình, biết tặng cho nó một cái hào-quang thần-thánh, thời được thêm sức mạnh trường-cửu vô-cùng.

Đời người lắm sự tân-phiền, người ta không có rảnh-rỗi mà bày cách lý-luận cùng là suy-nghĩ cho có đầu-đuôi mành-mối được ; cần phải có một cái phép-tắc xử-thế sẵn-sàng, mà có thể công-nhiên thừa-nhận được. Phép-tắc đó là cái quốc-túy của mình. Quốc-túy mà có sinh-hoạt thời các năng-lực của mình nảy-nở ra, bản-chất của mình thuần-thục lại, nhân-cách tự-nhiên như nâng cao lên vậy. Như vậy thời mỗi đời như đúc vào một khuôn riêng, mỗi lối văn-hóa có một cái thể-cách, một cái thú-vị riêng. Dù những người muốn tự mình tìm lấy chân-lý, bước đầu cũng cần phải có cái gì làm mốc để đưa đường.

Lời một nhà triết-học
Ấn-độ đời nay

KHẢO VỀ HỌC-THUẬT TƯ-TƯỞNG NƯỚC TÀU (1)

III

3° *Đem các học-phái trước đời Tần so-sánh với học-phái Hi-lạp, Ấn-độ.* — Ai bảo cái thuyết thế-vận là chẳng tin, xem như đương khoảng đời Xuân-thu Chiến-quốc giao-tế, không những là dân-trí Trung-quốc đương lúc toàn-thịnh, mà đến cả hoàn-cầu nước nào cũng như thế cả. Từ đời Khổng-tử, Lão-tử cho đến Hàn Phi, Lý Tư hơn ba trăm năm, các phái cửu-lưu bách-gia đều khởi lên ở hồi ấy cả, thực là kiếp trước không hai, lối sau tuyệt hẳn, còn ai hơn nữa. Nay thử xét về bên Ấn-độ trong hồi ấy thì có chúa-tể vạn-giáo là đức Phật cũng đồng thời sinh ra, Phật sinh trước Khổng-tử 417 năm, trước Gia-tô 968 năm (2). Phật trụ trì trên đời 79 năm, sau khi Phật tích rồi sáu trăm năm, thì có ông Mã-minh luận sư khởi lên, bảy trăm năm thì có ông Long-thụ-bồ-tát xuất-hiện; Mã-minh, Long-thụ cũng đồng thời với Mạnh-tử Tuân Khanh. Hơn tám trăm năm nữa thì lại có Vô-trú-thế-thân, Trần-na hộ-pháp các vị đại-đức khởi lên, tôn-chỉ đại-thừa bấy giờ phát-dương ra gần hết, khi ấy chính là vào khoảng giao-tế đời Tần đời Hán, thì ông Ba-nễ-ni tiếp khởi lên xướng luận về lẽ triết-học, thực là một bậc cự-tử làm cho Bà-la-môn-giáo trung hưng lên, chính khởi vào hồi trước Mã-minh hơn trăm năm, đó chính là cái thời-kỳ toàn-thịnh trong nước Ấn-độ. Lại xét về nước Hi-lạp trong bảy người hiền thì Đức-lê (*Thales*) đứng đầu, sinh về năm Hi-công nước Lỗ thứ 24. Á-nặc-chi-mạn-đức (*Anaximandros*) xướng ra thuyết vô-cực, sinh về năm Văn-công nước Lỗ thứ 17. Tất-đạt-kha-lạp (*Pythagoras*) là tị-tổ về thiên-toán-học, lấy ống luật-lã mà xét vận trời, sinh về khoảng năm Tuyên-công nước Lỗ. Chi-nặc-phân-ni (*Xenophanes*) mới sáng-lập ra danh-học, sinh về năm thứ 7 Văn-công nước Lỗ. Ba-di-nặc-trí (*Parmenides*) xướng ra thuyết hữu-tôn, sinh về năm thứ 6 Chiêu-công nước Lỗ. Ngạch-lạp-cát-lai-đồ (*Herakleitos*) trước nhất bàn về vật-tính, là ông viễn-tổ về phái học thiên-diễn, sinh về năm thứ 13 Lỗ Định-công. An-na-tát-kha lạp (*Anaxagoras*) (người nước An-tức) mới thảo-luận về nguyên-chất-học, sinh năm thứ 10 Lỗ Định-công. Đức-mô-hiệt-lị-đồ (*Demokritos*) mới xướng ra luận Á-đồn (tức là cái thuyết chẳng phá chất điểm) sinh về năm thứ 9 Châu-Định-vương. Thoa-cách-lạp-đề (*Sokrates*) luận về tính-lý đạo-đức cũng là một vị Khổng-tử ở phương-tây, sinh về năm thứ 8 Châu Nguyên-vương. Bách-lạp-đồ (*Platon*) là một nhà uyên-nguyên về luân-lý chính-thuật, sinh về năm thứ 14 Châu Khảo-vương. Á-lý-sĩ-đa-đức (*Aristote*) là một nhà tập-đại-thành về cổ học phái, sinh năm thứ 18 Châu An-vương. Ngoài ra lại còn An-đắc-thần (*Antisthène*) là đại-tông về phái Thập-nặc, xướng lên cái thuyết khắc-kỷ tuyệt-dục sinh về khoảng năm Châu Nguyên-vương. Chi-nặc (*Zenon*) là ông sơ-tổ về phái Ti-da-cát, luận-lý phong-tục bên Thái-tây tự đó mà ra,

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu. Xem *Nam-Phong* từ số 163.

(2) Số năm đây là cứ theo Hầu-quan Nghiêm-thị đã khảo cứu.

sinh về năm thứ 3 Châu Hiển-vương. Y-bích-cưu-lỗ (*Epikuros*) là ông tổ-sư về chủ-nghĩa hạnh-phúc, sinh về năm 27 Châu Hiển-vương. Đến A-khắc-tây-lạp (*Arkesilaos*) xướng ra học-phái hoài-nghi, đó thực là một hồi kết-thúc về tư-tưởng Hi-lạp. A-thị sinh về năm đầu Châu Noãn-vương, mất về năm thứ 6 Tần Thủy-hoàng, chính đương lúc cái vạ phần-thư khanh-nho nước Tàu sắp khởi lên, mà chi-lưu các phái học Hi-lạp từ đó cũng gần hết. Xem thế thì trong khoảng trước sau một nghìn năm, thực là cái hồi thịnh-vận không tiền tuyệt hậu cả trên hoàn-cầu. Trong ba khu đất trên địa-cầu, địa-thế cách nhau xa-xôi như thế nọ, nhân-chủng phân-biệt khác nhau như thế kia, thế mà cái khí tinh-anh lại bằng-bạt phát-tiết ra đều cùng một lúc cả, không khác gì non đồng lở mà tiếng chuông vang, ống sáo kêu mà chim phượng ứng, có phải là ngẫu-nhiên đâu. Xem thế thì những bậc tiên-triết trên ấy đồng-thời khởi lên đều lấy cái tinh-thần cùng tiếp-súc cùng bổ-trợ, cùng khích-phát ở trên một thế-giới cách xa nhau đến hàng vạn dặm, kịch-liệt náo-nhiệt biết là chừng nào, lũ chúng ta sinh về sau này được nhờ cái ơn giáo-hóa, lại chẳng nên cổ-vũ mà làm môi-giới cho liên-lạc lại hay sao.

Cứ kể về địa-lý thì Trung-hoa, Ấn-độ đều là học-phái Đông-dương; mà Hi-lạp là học-phái Tây-dương. Kể về nhân-chủng thì Ấn-độ, Hi-lạp đều là A-lị-dương-tộc học-phái, mà Trung-hoa là hoàng-tộc học-phái. Luận về tính-chất thì Trung-hoa Hi-lạp (1) đều là thế-gian học-phái; mà Ấn-độ là xuất-thế-gian học-phái. Trong ba học-phái có cái chỗ giống nhau mà cũng có chỗ khác nhau, sau này sẽ so-sánh những điều hơn kém mà bàn ra cho rõ.

A) *So-sánh với học-phái Hy-lạp.* — 1º *Những điều sở-trường của học-phái trước đời Tần.* — Phàm tư-tưởng của một nước mà hay phát-đạt lên nó vẫn có quan-hệ với vị-trí của địa-lý và những điều di-truyền của lịch-sử. Trung-hoa là một nước lớn, có một số quốc-dân vĩ-đại, cho nên cái hồi học-giới toàn-thịnh, có phần ưu-thắng hơn các nước khác nhiều, nay kể ra năm việc như sau.

Một là bởi tư-tưởng quốc-gia phát-đạt. Nước Hy-lạp thì chỉ có chính-phủ thành-thị chứ không có quốc-gia, xem như những thành Nhã-điển, Ti-ba-đạt đã có tiếng lớn ở trong lịch-sử, mà kỳ-thực chẳng qua là một đô-hội mà thôi; tuy rằng cái qui-chế tự-trị thực đã chỉnh-tề, nhưng vẫn không hay tổ-chức thành một nước. Lại như La-mã và các nước Âu-châu gần đây, nếu gặp phải giặc ngoài nó chợt kéo đến, thì bao nhiêu cái di-tích văn-minh đều theo cái chính-phủ thành-thị mà cùng hóa ra tro cả, hỏi vì thiếu mất cái tư-tưởng quốc-gia cho nên thế vậy (2). Nước Tàu từ Quản Trọng trước nhất đem cái chủ-nghĩa quốc-gia xướng lên ở phía đông bắc, về sau những người kế-khởi đều lấy cái vấn-đề dựng nước làm mục-đích thứ nhất, các sách tranh-biện nhau đại-đề đều ở về chỗ ấy cả, tuy rằng họ Khổng họ Lão hoặc xướng tự-do, hoặc nói can-thiệp; họ Thương họ Mặc hoặc dùng hà-khắc, hoặc chủ bác-ái, mỗi dáng một khác, mà đều là lấy

(1) Nước Hy-lạp có phái Ty-đa-cát, phái Y-bích-cưu-lỗ, phái Hoài-nghi, tuy cũng có giảng cầu về chủ-nghĩa giải-thoát, nhưng đó là theo cái phép thế-gian giải-thoát. Họ Lão họ Trang nước Tàu cũng như thế.

(2) Bách-lạp-đồ, Á-lý-sĩ-đa-đức đều có công về chính-trị-học, nhưng đều không hay thích-dụng để lập ra được quốc-gia hoàn-toàn.

điều sở-tin để làm cái gốc lớn dựng nước thì cũng là một cả; dân-tộc Trung-hoa sở-dĩ hay dựng nước được và nghìn năm, bảo-trì mãi được cái văn-minh cố-hữu mà không đến trụy-lạc đi mất, cũng nhờ về chư-hiền có công lao nhiều lắm vậy.

Hai là bởi vấn-đề sinh-kế xương-minh. Người Hi-lạp trọng việc binh, qui văn-học, mà không nghĩ gì đến sinh-kế, vậy nên về triết-học kỹ-thuật lúc bấy giờ thì thực là cực-thịnh, làm thầy cho cả muôn đời; nhưng nói về khoa sinh-kế thì giảng bàn đến rất ít, duy có Chi-nặc-phân-ni và Á-lý-sĩ-đa-đức cũng thường giảng-luận đến mà thôi. Bên nước Tàu thì đương lúc trước đời Tần, về khoa-học sinh-kế rất thịnh có phần ngang với thế-kỷ 16, 17 bên Âu-châu, như là trong sách *Quản-tử* đã có thiên bàn về cách ngựa cưỡi khinh-trọng; sách *Mạnh-tử* đã nói về phép tỉnh-điền, phép trợ và phép triệt là những phép thu thuế ruộng; Mặc Địch đã có lời dạy về cách vụ-bản tiết-dụng; Tuân Khanh cũng có lời bàn về cách làm cho cấp đủ những điều cần muốn của dân; Lý Khôi đã bày ra cách làm hết sức đất; Bạch Khuê đã nói về cách xem xét thời-biến; Thương Ưởng đã hạ cái lệnh bắt dân khai-khẩn; Hứa Hành đã có cái thuyết tịnh-canh; hoặc người mới siển-phát ra nguyên-lý, hoặc kẻ thuật lại những điều tác-dụng; hoặc chủ việc canh-nông; hoặc trọng việc buôn bán; hoặc xướng lên cái chính-sách tự-do (1); hoặc nói về cái chủ-nghĩa can-thiệp; mỗi nhà đều xướng-minh ra một nghĩa thực là rất thịnh, trên địa-cầu về cách sinh-kế học phát-đạt sớm nhất, chưa có nước nào bằng nước Tàu vậy.

Ba là nhờ về chủ-nghĩa thế-giới quang-đại. Người Hi-lạp là dân một nước hải-đảo, cho nên cái hư-tưởng dẫu hay cùng xét được nguồn gốc vũ-trụ, mà cái thực-tưởng thì vẫn không thoát cái căn-tính là dân một thành-thị, cho nên về cái nghiệp đoàn-kết cả toàn-thể nhân-loại, và cái phép thống-trị, cái nguồn hạnh-phúc, thì người Hi-lạp chưa hay lưu ý đến. Nước Tàu thì ngoài cái học tu-thân, tề-gia trị-quốc, lại lấy cái việc bình thiên-hạ làm một vấn-đề lớn, như là Khổng-học có cái nghĩa đại-đồng thái-bình, Mặc-học có cái thuyết bãi-binh cấm đánh; Lão-học thì chủ-nghĩa hư-nhất; Châu Diễn thì thủy-chung năm đức, đều là xét về cái vấn-đề thế-giới cả. Tuy rằng gọi là thiên-hạ mà vẫn không phải là cả thiên-hạ, cái lý-tưởng đó vẫn trông về cả toàn thế-giới làm mục-đích, nước Trung-hoa sở-dĩ lớn-lao là vì thế vậy.

Những điều sở-trường của nước Tàu ở về phần thực-tế và phần nhân-sự, nay cứ bàn về những điều đặc-sắc, thì nước Tàu ở về thời-đại trước đời Tần, hơi giống như bên Âu-châu ngày nay; bên Âu-tây ở về thời-đại Hi-lạp thì lại giống như khoảng đời Tống đời Minh nước Tàu; luận về toàn-thể thì lại có phần hơn.

Bốn là nhờ về các nhà học-thuyết có phần thịnh nhiều. Các nhà triết-học danh-gia bên Hi-lạp chỉ có độ hơn mười nhà, mà sở-luận chẳng qua độ bốn năm vấn-đề mà thôi, đại-đề Giáp xướng lên một thuyết gì, thì Ất lại theo mà dẫn giải thêm ra, hoặc bài-bác đi, cho nên trong học-giới như hình xoáy ốc, dẫu rằng thiên-biến vạn-hóa mà đều là một dây cả. Nước Tàu thì đất rộng người nhiều, giao-thông chưa được thịnh, kẻ học-giả cứ học riêng từng nhà như là đóng cỗ xe ở trong nhà rồi đem ra đường kéo đi, chứ

(1) Thầy Mạnh có nói rằng đời xưa chỗ cửa quan ải và chợ búa chỉ xét hỏi người lạ mặt mà không đánh thuế, thì dân trong thiên-hạ đều đẹp lòng mà muốn chứa của ở chợ nhà vua.

không phải thừa-thụ của nhà khác mà sau mới khởi lên vậy ; cho nên trong học-giới có vô-số từng dây đi bình-hàng với nhau, như là các phái Lục-gia Cửu-lưu đã nói ở trên kia, rồi sau nó chia ra chi-phái kể đến hàng trăm, cho nên mỗi một vấn-đề mà mỗi nhà một thuyết khác, kéo dây ra như chuỗi hạt châu, các vấn-đề về học-thuyết thực nhiều hơn cả thế-giới.

Năm là nhờ về ảnh-hưởng rộng xa. Bên Âu-châu từ khi Mã-ki-đốn kiêm-tính trở về sau, cho đến khi Tây La-mã diệt vong trở về trước, phàm hơn nghìn năm, mà cái học-thuật Hi-lạp ảnh-hưởng về xã-hội Âu-châu rất ít, bởi vì học-lý sâu-xa không thiết gì đến việc người mấy tí (tuy rằng có phái Ti-đa-cát cũng có ảnh-hưởng đến phong-tục La-mã, nhưng cũng không được mấy.) Học-thuật trước đời Tần sinh ra đương lúc đời loạn, mục-kích thấy những điều gian-nan của dân, cho nên nghị-luận chỉ chủ về cứu-thời khuyên-tục, nó quan-hệ về cách quản-trị rất mật-thiết, cho nên hay lấy học-thuyết tả hữu được cả thế-giới suốt mãi cho đến ngày nay, tuy rằng có điều dở điều hay, nhưng cứ ngày nay đoán-định được ; song cái thế-lực nó vĩ-đại không phải học-giới phương khác hay vi bằng được.

2°. — *Những điều sở-đoản của học-phái trước đời Tần.* — Không biết điều sở-trường của mình thì không hay làm cho quang-đại thêm ra ; không biết điều sở-đoản của mình thì không hay kén chọn mà bổ-chính lại được ; kể về điều sở-trường là cái lời ái-quốc ; kể về điều sở-đoản là cái luận cứu-thời ; nay xin nói về những điều khuyết-điểm của nước Tàu.

Một là luận-lý (Logic) tư-tưởng khuyết-pháp. Phàm trong học-giới có học phải có vấn, có nghĩ phải có biện ; cách luận-lý là cái đồ gươm mác của nhà giảng học, cho nên bên Ấn-độ có cái giáo « nhân-minh » (1), bên Hi-lạp thì từ Chi-nạc-phân-ni, Thoa-cách-lạp-đề thường dùng cái phép dẫn chứng biện-bác, đến Á-lí-sĩ-đa-đức mới thành ra một khoa luận-lý-học. Vì thế cho nên biện-luận được viên-mãn châu-đáo đến đầu đến đuôi, chân-lý càng biện tách ra thì lại càng rõ. Bên Tàu tuy có Đặng Tích, Huệ Thi, Công-Tôn Long đều là nhà danh-gia biện-luận, song chẳng qua chỉ biện-bác quỉ-quyệt, chứ không hay nắm lấy cái cớ gì mà biện-bác ra cho thành lẽ, cho nên về sau cũng không ai kế-khởi lên được. Kẻ học-giả đương lúc bấy giờ lý-tưởng không phải là không sâu-xa, luận-sự không phải là không rộng-rãi, nhưng cái cách chu-đáo tinh-vi thì vẫn không bằng Hi-lạp Ấn-độ (2). Vì cớ ấy nên có tướng tài quân giỏi mà không có đồ giáp-trụ qua-mâu để chống đỡ, cho nên đánh vẫn không được mà giữ vẫn không bền. Đạo học Trung-hoa sở-

(1) Nhân làm cho sáng ra như là thí-dụ ra ba đoạn cho rõ.

(2) Thầy Mạnh bác họ Dương vị-ngã là vô-quân, họ Mạc kiêm-ái là vô-phụ. Song cái cớ vị-ngã vì sao mà là vô-quân, kiêm-ái vì sao mà là vô-phụ, thì không nói rõ. Nếu lấy cái phép luận-lý mà hỏi lại thì có khi đến cùng-quẫn. Thầy Mạnh nói tính thiện bảo rằng cái lòng từ-nhượng thì ai cũng có. Tuân-tử nói tính ác lấy cớ rằng tính người ta chỉ ưa thuận-lợi. Thế thì sau này, sinh ra tranh-đoạt làm mất từ-nhượng thì ưa gì thuận-lợi ; phép biện-luận dẫu giống nhau mà vẫn trái khác nhau, nên hai cái thuyết ấy vẫn chống-chọi nhau mà không thể quyết được ; bởi vì không biết cách luận-lý-học cho nên không hay ở trong cái thuyết đối-đãi mà tìm ra lấy chân-lý. Mặc-tử nói trời muốn gì ghét gì ? Trời muốn nghĩa mà ghét bất-nghĩa. Vì rằng trong thiên-hạ có nghĩa thì sống, vô-nghĩa thì chết. — Thế thì trời chỉ muốn cho sống mà ghét chết. Xem như những lời lý-luận ấy vẫn còn quanh-quẩn chưa hay rõ được cái lẽ tại sao mà trời muốn sống ghét chết.

dĩ không quang-đại cũng là vì cớ ấy. Cái cớ tại sao mà khuyết-phạp là bởi kẻ học-giả lúc bấy giờ chỉ chăm về đường thực-tế dễ ứng-dụng, còn đến lý-luận phải trái không để ý đến, đó là một điều. Vả lại ngữ-ngôn với văn-tự nước Tàu chia ra làm hai, lại không có những sách văn-điển ngữ-điển để dạy mẹo cho biết đặt lời nói, cho nên về lúc đặt câu đặt lời không hay phân-minh, là cớ thứ hai. Lại như bên Tàu kẻ học-giả thường đảm-nhiệm lấy cái chức-trách dạy người chỉ đi truyền-thụ chứ không có người biện-bác, không như bên Thái-tây cứ tuyên-bá cái học-thuyết của mình ra cho công-chúng, để đợi xem người ta có tán-thành hay không, cho nên bất-tất phải tri-luận cho châu-đáo, là cớ thứ ba. Cái cách học luận-lý ấy tuy rằng hình như nhỏ mọn, mà thực quan-hệ về cái gốc học-thuật thịnh suy, xem như tư-tưởng đời cổ bên Thái-tây mà tận-thành ở Á-lí-sĩ-đa-đức; văn-minh đời gần đây lại mới lạm-tràng tự ông Bồi-côn, hai ông ấy đều có tiếng về luận-lý-học cả, những kẻ học sau này xem đó mà biết đường theo học vậy.

Hai là vật-lý thực-học khuyết-phạp. Phàm học-thuật tư-tưởng mà phát-đạt, nó vẫn thường tùy theo với khoa học cách-trí; xem như xa thì đời Hi-lạp, gần thì đời nay đều có chứng rõ-ràng cả. Trong phái học Hi-lạp giỏi nhất là Thoa-cách-lạp-đề, Bách-lạp-đồ, Á-lí-sĩ-đa-đức những học-phái ấy đều nghiên-tinh về cái lẽ nhân-đạo trị-lý, còn cái lẽ vật-lý phồn-tạp cao-xa thì bỏ lại, cũng giống như các nhà Nho-học, Pháp-học vậy. Duy từ Đức-Lê trở về sau, vật-lý-học mới mở mang ra, lại có những ông Ngạch-lạp-cát-lai-đồ, Đức-mô-hiệt-lị-đồ, đều hay nghiền-ngẫm tinh-vi để xướng lên khoa-học cách-trí về nghìn năm sau. Cho nên học-giới Hi-lạp về ba điều: thiên-đạo, vật-lý, nhân-trị đều hay điều-hòa quân-bình hơn hết cả xưa nay là vì cớ ấy vậy. Bên Tàu thì trong sách *Đại-học* có nói về mục cách-trí, song chỉ có mục-lục chứ không có sách học; trăm nhà về sau bàn nói dẫu nhiều, mà nói đến cách-trí rất ít. Duy có Mặc-tử đã hay suy xét biện-tích tinh-vi, nhưng đương thời ấy không ai truyền lại được. Tự đời Tần đời Hán trở về sau thì tuyệt hẳn đi mất; chỉ có những lời biện-luận về thuyết âm-dương ngũ-hành, rất là thiên-tích, tràn cả ở trong học-giới; nói đến vật-tính-học thì chỉ duyến-sức bịa ra, quái-dẫn chi-li không biết thế nào là cùng; rồi lại đến những nhà tả-đạo như nhà Kham-dư thì xướng lên thuyết phong-thủy, kẻ Nhật-giả thì nói về thuyết số mệnh, mãi đến bây giờ vẫn còn in vào trong óc người nước Tàu, đấy là một cái nguyên-nhân làm cho học-giới trụy-lạc đến và nghìn năm vậy.

Ba là không có cái phong kháng-luận biệt-trạch. Triết-học nước Hi-lạp sở-dĩ hay thịnh lên được là bởi tại người này người khác kháng-biện lẫn nhau rồi chiết-trung lại, càng tiến lên càng thâm, càng dẫn ra càng dài, vì như có một giáp-thuyết khởi lên thì lại có một thuyết nữa phi-giáp khởi lên mà kháng biện, tranh-biện mãi không thôi thì lại có một ất-thuyết nữa ra mà điều hòa; ất-thuyết đã khởi lên thì liền có thuyết phi-ất ra tranh-biện, hai đàng tranh biện mãi nhau, thì lại có một thuyết nữa ra điều-hòa là bính-thuyết, đó là cái cách luận-lý-học gọi là ba đoạn biện-luận vậy. Xem đồ như sau này:

Học-giới nước Hi-lạp tiến-bộ lên cứ xem như mẫu-đồ trên ấy thì biết. Từ Đức-Lê khai-tông trở về sau, thì có giáp-thuyết về phái Chi-nặc-phân-ni khởi lên, lại liền có thuyết phi-giáp của Ngạch-lạp-cát-lai-đồ khởi lên kháng-biện, biện-bác mãi không thôi, lại có ba nhà bính-thuyết khởi lên là phái điều-hòa. bính thuyết đã khởi lên thì lại có phi-bính-thuyết kế khởi lên là phái hoài-nghi ; rồi đến đinh-thuyết của Thoa-cách-lạp-đề khởi ra mới tập-thành cả lại ; về môn-đồ Thoa-phái lại có mậu-thuyết là thuộc về phái Tháp-nặc-khắc ; lại liền có thuyết phi-mậu là phái Kỷ-Lê-ni ; rồi đến kỷ-thuyết của Bách-lạp-đồ khởi ra mới chấp-trung mà chính-đính lại. Kỷ-thuyết đã thịnh-hành lại có thuyết phi-kỷ của Đức-mô-cát-lai-đồ khởi ra ; về sau lại có canh-thuyết của Á-lý-sĩ-đa-đức khởi lên biện-luận, cứ thay đổi biện-bác mãi đến vài trăm năm, thuyết sau lại càng tinh hơn thuyết trước, ví như mùi thiên-thanh xanh hơn chàm, chất hàn-băng lạnh hơn nước, làm cho phát-huy quang-đại mãi ra đều là bởi cớ ấy vậy ; không những là đời cổ, đời gần đây cũng vẫn như thế. Trong sách Tàu có khen vua Thuấn là đại-trí bảo rằng ông ấy hay cầm hai đầu so-sánh lấy cho thích-trung để dụng ra các việc cho dân. Xem như việc gì cũng có hai đầu, cũng có thích-trung, thì chân-lý nó ở đó. Thế mà những học-phái trước đời Tần không phải là không thịnh, trăm nhà nghị luận không phải là không ồn-ào ; nhưng chưa có nhà nào hay đường-đường đối-lũy giơ ngọn giáo ra để khêu-khích lẫn nhau ; tựu-trung cũng có các thuyết dị-đồng nhưng đều là dị-đồng không có ý-thức gì cả. trong những chỗ quần-ngôn hào-loạn chưa nghe thấy nhà nào hay khởi lên mà biện-luận mà chiết-trung lại (1), chỉ có Mặc-tử đối với Khổng-tử cũng đã có tuyên chiến-thư mà biện-luận, nhưng chưa thực là giao-phong mà biện-bác vậy. Họ Mặc đối với họ Dương thì hai phái đều đứng về đàng cực-đoan, lúc bấy giờ có Tử-Mạc 子莫 đứng giữa chấp-trung để mà điều-hòa lại. Tử-Mạc thực là biết cái tình-trạng học-giới lúc bấy giờ, tiếc rằng những lời nghị-luận không thấy truyền lại. Song cứ lấy cái lẽ un-thắng liệt-bại mà suy xét, thuyết Tử-Mạc mà không truyền lại được, tất là cái thuyết cũng chẳng ra gì. Phàm cách nghị-luận đã đứng về bính-thuyết thứ ba để chiết-trung hai thuyết trước, thì tất phải kiến-thức có hơn hai nhà giáp và phi-giáp trên kia, thì mới có thể đứng về địa-vị bính-thuyết được, các nhà học-giả nước Tàu thì không được như thế, sỷ-dĩ học-thuật không tiến lên được. Nay không dẫn-chứng đâu xa hãy xem như gần đây, về hồi Âu-châu cận-thế này, có hai phái : Bồi-côn, Địch-tá-nhi cùng biện-luận đối-kháng với nhau đến vài trăm năm, sau mới có Khang-đức người Nhật-nhĩ-man khởi lên mà chiết-trung lại thì cái học ấy càng thịnh, thế thì Khang-đức kiến-thức có phần hơn Bồi-côn, Địch-tác-nhi vậy. Nước Tàu từ đời Tống đời Minh trở lại, trong học-giới phân ra có hai phái : phái Chu, Trình và phái Vương, Lục, hai phái ấy cũng biện-bác đối kháng với nhau đến vài trăm năm, đến triều nhà Thanh thì có lũ Thang Mân khởi lên biện bác mà chiết-trung lại, làm cho đạo-học tắt đi mất,

(1) Các hậu-nho có nói rằng : « Chúng-ngôn hào-loạn chiết-trung về ông thánh. » Lời ấy là nói càn, như thế là cái kiến-thức phân ra chủ với nô không phải là chiết-trung, vì rằng đã tôn Khổng-tử là thánh thì những học-thuyết của họ Lão họ Mặc đối với học-thuyết Khổng-tử, là hai đàng đối-địch với nhau ; Khổng-Tử đứng về giáp-vị mà các học-phái kia đứng về phi-giáp-vị, tất phải có một nhà nữa đứng về ất-vị mới ra mà chiết-trung lại được. Nay lại nói rằng : « Chiết-trung chư-thánh », thì là nói chiết-trung về phái giáp, có lẽ thế bao giờ !

thế thì Thang Mãn kiến-thức lại kém hơn Chu Hối-am, Vương Dương-minh xa lắm vậy, đó là nói về những lẽ đặc-thất xưa nay rành ra như thế, suy ra đều bởi tại cái luận-tý tư-tưởng thiếu thốn cho nên thế vậy ; những kẻ học-giả sau này phải nên chăm về đường luận-lý-học mà biện-bác cho rành.

Bốn là tại chia ra môn-hộ chủ nô rất là nghiêm quá. Phàm học-thuyết trên đời cứ theo luận-lý giữ công tâm mà biện-bác với nhau cho ra lẽ, thì càng biện-nạn bao nhiêu chân-lý lại càng rõ mà không có sinh ra ý-kiến riêng. Đó là bởi tại tranh-biện cốt ở chỗ lẽ phải trái, đối-địch cốt ở chỗ thuyết dị-đồng, chứ không phải tranh địch gì với cái người ấy. Nếu biện-nạn mà không theo luận-lý, không giữ công-tâm chỉ biện-bác cần thì không những là không phát-minh ra chân-lý, mà trên trường bút thiệt lại hóa ra đám hẳn thù. Những trận bút-chiến của các học-giả trước đời Tần, kịch-liệt cũng chưa bằng những nhà hiền-triết bên Hi-lạp, mà cái tính ghen ghét hẹp hòi thì thực là một ô-điểm trên lịch-sử nước Tàu. Lấy như đức Khổng-tử là bậc đại-thánh, mà khi ngài mới vào làm tướng đem giết ngay Thiếu-Chính Mão, hỏi đến tội-trạng thì khép vào cái tội « nết ngụy mà kiên, nói ngụy mà biện, học không phải mà rộng, thuận điều trái mà hoạt-bát » Ôi, ngụy với chân thì biết thế nào mà định hình được ; phải với trái thì thực là khó định vị được, nếu quả người ấy là ngụy là trái, cũng chẳng qua người ta có điều sở-kiến sở-tín riêng, thời mình xét mà kiểu-chính lại mới là phải, việc gì đến nỗi đem mà giết đi. Hay là bởi cái cớ doanh-hư đem biến kẻ công-địch ra làm kẻ tư-cừu, mà lạm-dụng cường-quyền đem giết đi, thế chẳng hóa ra làm ngăn trở cho đường tư-tưởng tự-do, ngôn-luận tự-do lắm thay. Thoa-cách-lạp-đề mà bị giết ở bên Nhã-điển là bị phải lũ quần-manh nó giết vậy, nay học thuật của Thiếu-Chính Mão không biết so với Thoa-thì thế nào, mà lại phải đấng thánh-nhân giết đi, thực là một điều sỉ trong học-giới nước Tàu vậy. Sau này như Mặc-tử bài bác phái Nho thì lại nhặt lấy những điều tiểu-tiết như giết lợn ở Trần, Sái mà làm điều chê bai ; Mạnh-tử cự tuyệt họ Dương họ Mặc thì gia cho cái tội vô-phụ vô-quân, mà cũng không có chứng cứ gì cả ; Tuân Tử chê bai mười-hai nhà Nho chỉ moi móc những điều vô-liêm-sỉ, ham ăn uống mà bỉ là kẻ tiện-nho ; những lối cãi nhau như thế thực lắm-nhảm như giọng đàn-bà, không có cái phong sĩ quân-tử thung-dung luận đạo ; không những là chẳng hay rộng dãi người mà mình cũng chẳng biết tự-trọng vậy. Đó là bởi không hay lấy lý để cùng biện-chiết, lấy luận để cùng giảng-bàn, mà chỉ vụ-ganh nhau lấy khí, lấn nhau lấy quyền ; thế thì cái vạ khanh-phần cũng chẳng trách chi Tần-hoàng, cái mẹo lừa vào bẫy khoa-cử cũng chẳng dợi đến vua Đường-Thái. ta nói đến đây ta lấy làm thẹn với các bậc hiền-triết phương Tây lắm, chẳng hay những bậc quân-tử sau này, có biết trừ hỏ những cái miêu-nghiệt chỉ bởi móc cãi nhau xằng đi không?

Năm là bởi tại cái lòng sùng-cổ và bảo-thủ rất nặng-nề quá. Các bậc hiền-triết bên Hi-lạp có sáng lập ra một luận-thuyết nào, đều tự mình suy nghĩ, tự mình tổ-chức, tự mình phát-biểu ra, tự mình thừa-nhận lấy, chứ chưa từng khi nào chỉ y-bạng về cổ-nhân, chỉ cốt làm sao phát-minh những điều cổ-nhân chưa phát-minh ra được, mà sáng nghĩ ra để cho thiên-hạ biết, chứ cũng không xui người ta phần-cổ để tự-đắc lấy làm hay. Bên nước Tàu thì bậc đại-thánh như Khổng-tử cũng tồ-thuật đạo vua Nghiêu vua Thuấn, hiến-chương phép vua Văn vua Võ, thuật cũ mà không làm mới, tin theo mà yêu chuộng cổ,

phi lời pháp-ngôn của tiên-vương thì không dám nói, phi pháp-hạnh của tiên-vương thì không dám làm, cái chỗ lập-ước của học phái nhà Nho gần như là bảo-thủ vậy. Còn như họ Lão họ Trang thì chủ-nghĩa phá-hoại, thế mà Lão-tử cũng sùng-cổ lại là phần cổ hơn, Khổng-tử sùng cổ thì chẳng qua cổ hơn phần kim mà thôi, đó là cái côn-tính của người Tàu nó khiến nên thế chăng. Nay xem ra các nhà học-phái trước đời Tần thì tư-tưởng đến già nữa phần đều là tự sáng-lập ra, đã tự sáng-lập ra thì tự-nhận lấy phải trái công quá, tự nhận lấy trách-nhiệm, há lại chẳng là quang-minh lỗi-lạc lắm ư. Nhưng nay lại không thế, cứ tất phải dựa theo về cổ, Khổng-tử thì thác về vua Nghiêu vua Thuấn, Mặc Địch thì thác về vua Đại Vũ, Lão-tử thì thác về vua Hoàng-đế, Hứa-Hành thì thác về vua Thần-Nông, suy ra trăm nhà học-phái đều như thế cả. Xem trong sách *Hán-thư-Nghệ-văn-chí* kể ra những sách của Hoàng-đế, Dung-Thành, Kỳ-Bá, Phong-Hậu, Lực-Mục, Y-Doãn, Khổng-Giáp, Thái-Công làm ra cũng đến và trăm thứ sách, mà đều là người đời Chiến-quốc ỷ tựa mà làm ra cả. Ôi! sao lại khổ đến như thế, sao lại coi trọng cổ-nhân thái-quá mà tự mình cam làm nô-lệ đến như thế. Hay là sợ mình nghị-luận không dám tự-tín, mà đổ công quá cho người khác chăng? Hay là muốn cáo mượn oai hùm để lừa dối những kẻ tai mắt phàm-tục chăng? Không biết là tại cớ sao, đó chỉ tại cái lòng sùng cổ và bảo-thủ rất nặng-nề quá mà thôi. Ta đây không dám hủy-báng các bậc tiền-bối đâu, ta chỉ mong cho cõi học sau này tuyệt bỏ cái thói nô-lệ cổ-nhân đi mới được.

Sáu là bởi tại cái giới-hạn về sư-pháp rất nghiêm ngặt. Bách-Tạp-Đồ là học-trò Thoa-thị, thế mà học-thuyết Bách-thị vẫn có chỗ dị-đồng với Thoa-thị. Á-lí-sĩ-đa-đức là học-trò Bách-thị, thế mà học-thuyết vẫn thường phản-đối Bách-thị; vì thầy học là học lấy cái chỗ hợp-lý; có khi rất ghét người ấy, mà cái lý nó sở-tại có chỗ phải thì tất là phải học theo. Kinh-dịch là dịch cái chỗ trái lý, có khi rất kính người ấy mà cái lý-thuyết không phải thì cũng phải đối-dịch mà cãi. Kính yêu gì bằng cha mẹ, mà chữa lại những chỗ sai lầm của cha mẹ, kinh *Dịch* vẫn khen, đó chẳng phải là cái qui-tắc về nhân-đạo đấy ư? Xem như Thoa-thị, Bách-thị, Á-thị, ba bậc tiên-triết đều là thầy trò với nhau, tình-ái đốc-hậu xưa nay ai cũng biết, thế mà về học-thuyết thì lại khác nhau như thế, bởi thế mới hay truyền-thụ được mối chính-thống về triết-học Hi-lạp vậy; nếu không thế thì Thoa-thị cũng chẳng mong gì Bách-thị, Bách-thị cũng chẳng mong gì Á-thị vậy. Người Tàu thì không thế, nếu người nào đã học được một thuyết của thầy dạy thì cứ bo-bo giữ lấy không dám tăng-tổn, không dám xuất nhập, nếu hơi trái một tý, gần thì cho là kẻ bội-sư, xa thì bỉ là kẻ chê thánh, không còn ai dung cho nữa. Bởi thế sau khi Khổng-tử mất rồi, đạo Nho chia làm tám phái, đạo Mặc lìa làm ba phái, mà chưa nghe thấy phái nào hay xuất-sắc hơn thầy, như là màu xanh xanh hơn lam, chất băng lạnh hơn nước vậy. Ví như có một cái nhà kia người cha tích-tụ di-sản được nghìn vàng đem để cho con, con mà hay trì-gia, đem di-sản ấy làm sinh lãi ra đến hàng vạn, rồi lại tiến lên đến hàng cự-vạn, thế mới là thỏa chí người cha; chứ như bảo rằng ta nay chỉ bảo-thủ mà thôi, thì trong đám con ấy chia nghìn vàng ấy ra, thì mỗi người được một số ít, chẳng được hai đời cũng nghèo kiệt đi hết. Những nhà học-giả nước Tàu cứ mỗi người giữ lấy một thuyết của thầy, thì chẳng qua chỉ là một phần của thầy, lại không dám thêm bớt dị-

đồng gì cả, tái-truyền cho học-trò sau thì sở-đắc chẳng qua chỉ được một phần ở trong phần kia mà thôi, lâu rồi cũng đến tuyệt-diệt đi hết. Xem như Khổng-giáo truyền-thụ tự hai nghìn năm trở lại đây, càng ngày lại càng suy sút đi mãi, chẳng phải tại cớ ấy là gì. Một học-phái mà suy sút đi còn là phần ít mà thôi, chứ như học-phái cả toàn-quốc mà đều như thế cả, thì học-thuật tư-tưởng trong nước ấy càng ngày càng suy kém đi không còn có sinh-khí nữa, chẳng đáng sợ lắm thay!

Sau này còn một đoạn so-sánh với các học-phái Ấn-độ, tác-giả còn chưa soạn-thuật được hết, xin hãy lược bỏ.

IV.— *Nho-học thống-nhất thời-đại.*

Chính-trị bên Thái-tây thường chuyển-di theo với học-thuật tư-tưởng; học-thuật tư-tưởng bên Trung-quốc thì lại thường chuyển-di theo với chính-trị, thế cũng là một điều khuyết-điểm ở trong học-giới vậy. Xem như chính-giới của các nước đều phân-lập, thì học-giới cũng các phái đều phân-lập; chính-giới mà cộng chủ nhất-thống, thì học-giới cũng tôn-sư nhất-thống. Đương cuối đời Chiến-quốc các học-phái cũng đã hay sáng-tân lập-dị như gấm như hoa, song chẳng đầy và mười năm thì tiêu-diệt gần hết; nguy-nhiên độc tồn, chỉ còn có một Nho-thuật mà thôi, cái vết tiến-bộ của học-thuật tư-tưởng từ đó cũng ngưng-trệ lại. Xem thế thì tiến-hóa cùng với cạnh-tranh nó vẫn theo nhau, nếu cạnh-tranh tuyệt thì tiến-hóa cũng đều tuyệt; chính-trị nước Tàu sở-dĩ không tiến-hóa được là vì cái cớ cộng-chủ nhất-thống. Học-thuật nước Tàu sở-dĩ không tiến-hóa được cũng là vì cái cớ tôn-sư nhất-thống, mà cái vận-hội nó chính khởi về khoảng đời Tần đời Hán giao-tế nhau; cái khoảng Tần Hán giao-tế thực là một hồi quan-kiện lớn trong và nghìn năm của nước Tàu vậy. Học-thuật bên Thái-tây lại chẳng có lúc đương phân mà hợp, đương hợp mà phân, càng suy diễn ra lại càng tấn tới, chứ có ngưng-trệ lắm như nước Tàu đâu. Đó là bởi học-thuật bên Thái-tây mà thống-nhất là tự sức nó hợp lại; học-thuật Trung-quốc mà thống-nhất là bởi sức khác nó hợp lại. Thế nào là bởi tự sức nó? nghĩa là các nhà học-giả đều đem cái sở-kiến ra cùng biện-bác với nhau, lại cùng chiết-trung với nhau, cạnh-tranh đào-thải, hơn được kém thua, hễ học-thuyết nào hợp về chân-lý, thích về dân-dụng, thì họ đua nhau cùng theo, chiết-trung về một thuyết chí-đáng, rồi các dị-luận đều tự diệt đi; bên Thái-tây gần đây trong học-giới có cái định nghĩa công-lệ, đều bởi đó mà ra cả. Thế nào là bởi tự sức khác? Là nhờ về người ở ngôi trên có quyền lực giúp cho, chỉ theo cái sở-hiểu của họ mà họ đề-xướng lên, hễ tưởng-lệ cho phái học-thuyết này, thì tất là đè nén mất học-thuyết kia, kẻ nào mà xuất nhập bắt chước thì cho là tà-thuyết dị-đoan, hoặc có dị-nghị thì cho là phi-thánh vô-pháp, gió thổi cỏ lướt, dân phải thuận theo một chiều, xem như Cảnh-giáo về đời Trung-cổ bên Thái-tây và Khổng-giáo trong vài nghìn năm trong nước Tàu, đều bởi đó mà ra cả. Nếu học bởi tự sức mình phát-siển ra thì học càng ngày càng tiến; học nhờ về sức người khác đề-xướng lên thì học càng ngày càng thoái; xét những việc trước còn chứng nghiệm rành rành. Vậy nên Nho-học mà thống-nhất không phải là may cho học-giới nước Tàu, mà thực là không may cho học-giới nước Tàu vậy. Sau này xin trước kể cái nguyên-nhân rồi đến lịch-sử, thứ nữa kể đến các chi-phái rồi nói đến kết-quả.

1) *Nguyên nhân.*—Nho-học mà thống-nhất thì các học-phái khác đều phải tiêu-trầm đi hết, trong cái khoảng nhất

hưng nhất vong, nguyên-nhân nó rất phồn-tạp, nói ước lại có sáu mối.

Một là đương lúc thiên-hạ đại-loạn, dầy cõi giáp-binh, ngày tháng học-giả đều phải tiêu-tan vào trong lúc nhiễu-nhương, không còn rỗi thì-giờ đâu mà theo đường học-nghiệp, lại gặp những tay bá-giả ra cái thủ-đoạn tàn-nhẫn hung hăng, đem trừ bỏ giết hết đi, nếu không có cái tinh-thần nghị-lực hơn người, thì không hay giữ được cái sở-học của mình, để đứng ở trong cái thế-giới hắc-ám phân-loại. Vậy nên qua cái va cuối đời Châu kiêm-tính, lại đến cái vạ đầu đời Tần khanh-phần, khiến cho đạo-thuật đời trước như lá rụng gió bay, mây tan mù cuốn, đó thực là cái tổng nguyên-nhân các học-phái đều tồi-tàn cả, Nho-học với các học-phái khác cũng đều cùng một kiếp ấy.

Hai là phá-hoại không có thể lâu được, phải kế đến kiến-thiết, nhưng rất không may cái sức chủ-động về kiến-thiết lại không tự các nhà học-giả, mà lại tự các triều đế-vương. Các nhà đế-vương đã coi thiên-hạ là của riêng mình, thì chỉ cốt giữ sao cho tĩnh được nhân-tâm ; nếu để cho các việc sàm-tạp bàn nói ồn-ào, mỗi người một phách, kẻ nói phải người chê trái, thì lại càng làm cho động nhân-tâm lên. Bởi vậy mới nghĩ cái thuật làm cho trấn-tĩnh, thì chẳng gì bằng đem học-thuật tư-tưởng mà thống-nhất cả lại ; vậy nên những đời vua chuyên-chế, tất là nghiêm-cấm ngôn-luận tư-tưởng tự-do, đương khoảng đời Tần đời Hán giao-tế, chính là lúc chính-thể chuyên-chế của nước Tàu đương phát-đạt, thực là hoàn-toàn, vậy nên cái cách kiến-thiết chẳng muốn cho các nhà học-phái phân ra mà lại muốn cho hợp, chẳng muốn cho các nhà tịnh - lập mà lại muốn cho thống lại nhất-tôn, là cái thế nó xui nên thế vậy.

Ba là đã thống về nhất-tôn rồi, thì đương lúc ấy thiếu gì các nhà chư-tử bách-gia, muốn đem cái đạo mình ra để trị thiên-hạ, sao lại không thống-tôn một giáo khác mà chỉ thống-tôn một Khổng-giáo, là cớ sao ? Nguyên là các nhà học-phái lúc cuối đời Châu đứng bằng hàng với Khổng-giáo thì không giáo nào hơn Lão-tử với Mặc-tử. Song Mặc-thị chủ nghĩa bình-đẳng, không lợi cho phép chuyên-chế ; Lão-tử chủ-nghĩa phóng-nhiệm cũng không lợi về đường can-thiệp ; khác với cái thuật các nhà bá-vương chủ - trì. Duy có Khổng-giáo thì nghiêm sỉ-đẳng, qui trật-tự, mà đem ra thi-thố lại cốt trọng về quân-quyền ; tuy rằng Khổng-giáo có cái nghĩa đại-đồng, có cái qui-chế thái-bình, song những lời vi-ngôn chửa mấy người đã dễ hiểu được, mà những điều đem ra hiến với bảy mươi hai vua, dạy cho ba nghìn học trò, đều là cái nghĩa tôn-nghiêm phù dương ức âm cả, vậy nên rất là thích-hợp với cái đạo ngự dân của các nhà đế vương, cho nên các nhà bá vương mới trộm lấy đem ra lợi-dụng để mà tề-chế thiên - hạ, như khi vua Hán Cao mới ra khai-sáng thì cực là ghét nhà Nho, đến khi đại-nghiệp đã định rồi thì liền đến nước Lỗ đem cỗ thái-lao tế đức Khổng-tử ; bởi vì đương khi trước thì Khổng-học có khi làm trở-lực cho mình, đến sau này đã thành công rồi thì có thể mượn Khổng-học mà làm áo-viện cho mình được.

Bốn là hay lợi-dụng được nhà Nho. Phái học về Pháp-gia lại chẳng lợi cho các nhà đế-vương lắm hay sao ? Sao mà lại không trọng-dụng ? Nguyên là phái Pháp-gia cũng có lợi rõ-ràng mà nhanh chóng, nhưng nó lưu-tệ lại nhiều, phái Nho-gia thì cái lợi nó kín-đáo mà lâu-dài, nó lưu-tệ lại ít, đem ra cai-trị dân bán-khai thì lại dễ nói lừa : Sớm bốn bữa chiều ba, đàn bà dù cũng hi-hởn ; tay giơ roi tay dứ kẹo, lũ trẻ con lại mừng rơn ; vậy nên đời

nhà Tống đặt ra cuộc làm sách *Thái-bình ngự-lãm* là để giam hãm kẻ anh-hùng; đời nhà Thanh mở ra khoa bác-học hồng-từ để dẹp yên kẻ phản-trắc; đó là cái đạo khi chiếm-thủ thì phải làm ngược, mà khi thủ-thành thì phải làm thuận, không gì hay hơn thế vậy. Khổng-học thì nào là nói trung hiếu, nói trung-dung, giảng cho dân biết nghĩa phục-tùng, bảo cho vua làm điều nhân-chính, cái đạo khá lâu dài mà cái phép dễ làm, không như phái Pháp-gia biết dụng-thuật thì mới dễ hưng-khởi, không biết dụng thuật tới đến mất ngay; bởi thế Khổng-học mới hay thịnh-hành, cũng bởi hay thích hợp nên mới hay sinh-tồn, là cái công-lệ về thiên-diễn như thế vậy.

Năm là bởi cũng có sức tự-động. Trở lên các mối nói về Nho-học nhờ về sức cổ-động của các nhà đế-vương, nhưng cũng bởi có cái sức tự-động. Cái lẽ doanh-hư tiêu-trưởng là công-lệ cả muôn vật, vậy nên sau khi cực thịnh mà lại có người kế khởi lên cũng khó lắm, xem như học-thuật Hi-lạp sau khi Á-lý-sĩ-đa đức thì suy dần; triết-học đời gần đây sau khi Khang-đức thì cũng kém dần, đó cũng là bởi nhân-sự không thể làm thế nào được. Nước Tàu đương khi cửu-lưu phân-phái khởi lên, thổ hết cả tinh-hoa, qua đến đời sau thì cái sức tư-tưởng của dân-tộc đã quyện, lại khiếp phục về những học-thuyết của các bậc tiên sư cho là không thể nào hơn được nữa; vậy nên chỉ có nhân-tuần chứ không có sáng-tác, chỉ có truyền-thụ chứ không có khuếch-sung, là cái thế nó xui nên thế vậy; vả lại đạo-thuật của các nhà đại-đế đều lấy một điều hay đã cho làm giỏi rồi, thừa về trước các học-thuyết đã ít, cho nên truyền về sau cũng không được rộng. Khổng-học thì tổ-thuật đạo Nghiêu, Thuấn, hiến-chương phép Văn-Võ, tự ông Khổng-tử tiên-sư dẫu vẫn có cái tinh-thần cải-chế pháp-độ, song những nhà hậu-học thì chỉ biết giữ lấy tàn-văn khuyết-điển cho làm tận-trách rồi; vậy nên theo về Mặc-học mà không có cái thực-lực bạo-tợn hăng-hái thì không hay truyền được Mặc-học; theo về Lão-học mà không có cái tri-tuệ u-huyền vi-diệu thì không hay truyền được Lão-học. Đến như Nho-thuật thì kẻ nào bàn về nghĩa huấn-hỗ cũng khá phụ vào được, kẻ nào chăm về công hiệu-khám cũng khá phụ vào được, kẻ nào nói về điển-chương chế-độ cũng có thể phụ vào được, kẻ nào nói về tâm-tính lý-khí cũng có thể phụ vào được, con đường Nho-học nó rất là rộng-rãi, không phải cầu đến cái công sáng-tác làm gì, bởi vậy các học-phái khác đều giữa đường tuyệt-diệt, duy có Nho-học là hay xương-thịnh lên được mà thôi.

Sáu là nhà Nho lại hay giao-thiệp với các vương-hầu. Các nhà lập-giáo đều chỉ cậy về cái bút-thiệt của mình mà tự mở ra đường lối, chứ không có nhờ gì đến các vị thời-quân; như là Mặc-học thì chủ về nghĩa dẹp kẻ mạnh đỡ kẻ yếu, thế-lực càng thịnh ra bao nhiêu thì kẻ thù-hằn lại càng dữ. Lão-học thì coi khinh cả vạn-vật như chó rơm, túng-chí khinh đời, thường ngạo-mạn cả các đấng vương-hầu lấy làm đắc-ý, như thế thì không những hợp ý với các nhà bá-vương, mà mình cũng tự-tuyệt trước vậy.

Khổng-học thì chẳng như thế, cốt lấy dụng-thế làm mục-đích, lấy biến-đổi lòng vua làm thủ-đoạn, vậy nên đương đời Khổng-tử đi chu-du liệt-quốc, những người học-trò cao-đệ lại bạn chơi với cả các vua chư-hầu; nếu đời ấy muốn hưng đạo Đông-Châu thì phải dùng đến Khổng-tử, muốn thực-hành nhân-chính thì phải hỏi đến Mạnh-Kha, Nho-học vẫn cùng với các nhà đế-vương cùng y-phụ không thể lìa ra được. Vậy nên khi Trần Thiệp

khởi lên thì đã có Khổng-phụ 孔 甫 ra theo, khi Lưu Quý dấy lên thì đã có Thúc-Tôn 叔 孫 theo giúp, hết lòng cung-thuận để ra giúp đời, ai nhanh chân thì được là lẽ đương-nhiên vậy, Nho-học sở-dĩ xương-thịnh cũng nhờ về đó.

(Còn nữa)

NGUYỄN HỮU-TIẾN *dịch*

DANH-NHÂN CỦNG DANH-THẮNG HẢI-DƯƠNG

XII

Lê Hữu-Kiều 黎 有 喬 và gia-thế

Lê Hữu-Kiều sinh ở làng Liêu-xá, huyện Đường-hào (nay thuộc Hưng-yên) đời Hậu-Lê. Con của Xuân-Am 春 庵 tiên-sinh, đỗ Hoàng-giáp đời Cảnh-trị.

Lê Hữu Kiều bồ-côi từ nhỏ, tám tuổi đã thông nghĩa sách, nhờ anh cả là Lê Hữu-Hỉ rèn tập cho.

Hỉ đỗ Tiến-sĩ đời Chính-hòa, Kiều đỗ Tiến-sĩ đời Vĩnh-thịnh, lại người anh thứ nữa đỗ Tiến-sĩ cũng đời vua ấy.

Lê Hữu-Kiều làm quan trong triều trải các chức Thiêm-sai, Tri-phiên rồi bổ ra làm Đốc-đồng trải ba xứ Cao-bằng, Thanh-hoa, và Thái-nguyên. Sau đi sứ Tàu, về đi đốc-chiến đánh giặc lập nhiều chiến-công, thăng Tham-tụng Thượng-thư cùng ông Trần Cảnh ở Tướng phủ. Lúc ông trí-sĩ về, vua Lê có cho bài thơ đề cờ có câu rằng :

清 白 家 風 漢 四 知

Thanh bạch gia-phong tiễn tứ tri

Dịch : Thói nhà thanh-bạch « tứ tri (1) *» hay.*

Lê Hữu-Trác 黎 有 卓

Lê Hữu-Trác, hiệu là Lãn-ông, tục gọi là Chiêu-bảy, cháu gọi Lê Hữu-Kiều là chú. Sinh ở làng Liêu-xá, huyện Đường-hào đời Lê Dụ-tôn. Thọ ngoài 70 tuổi. Thủa nhỏ học nho sớm thông có tài văn-chương, văn Hán văn nôm đều hay. Gần 20 tuổi tiên đại-phụ tạ-thế là đời Lê Hiển-tôn sơ-niên, vùng đông-bắc nổi loạn Tuyền Hẻo rất to, Lê Hữu-Trác bèn bỏ bút-nghiên theo việc kiếm-cung đánh bọn loạn-đảng. Nửa chừng lại chán, bỏ mà vào Nghệ-an nuôi mẹ ở quê ngoại huyện Hương-sơn. Vì bà mẫu là thứ-thất, có người anh ruột ở đấy nuôi mẹ mới mất nên Lê Hữu Trác phải ở lại Nghệ-an nuôi mẹ.

Từ đó đổi đi học thuốc, nghiên-cứu học-tập 10 năm thành một nhà y-học có tiếng, chữa khỏi nhiều bệnh nặng, bèn soạn ra một bộ sách thuốc lớn 66 quyển, đề là : *Lãn-ông tâm-lĩnh* 懶翁心領. Sách có ba phần : Phần lớn thì toán-thuật của Tàu ; phần nhỏ thì nói về kinh-nghiệm của mình ; phần nhỏ nữa thì sưu-tập thuốc nam. Gần đây trong nước nhiều nhà y-sĩ còn theo về môn thuốc Lãn ông ấy.

Lãn-ông đã nổi tiếng nghề làm thuốc và đã trước-thuật thành môn riêng rồi, bèn mở trường dạy học thuốc, học-trò đông lắm.

(1) *Tứ-tri* = Bốn chỗ biết. Dương Trần làm quan, có người đem của đến dút, nói đêm tối không ai biết. Trần cự mà rằng : « Có trời biết, đất biết, anh biết và tôi biết, sao lại gọi là không biết. »

Năm Cảnh-hưng 43. Có Chánh-đường-quan là Hoàng Đình-Bảo, trước trấn Nghệ-an, đã biết Lãn-ông hay thuốc, bèn cử-tri với chúa Trịnh là Trịnh Xâm triệu Lãn-ông vào kinh chữa thuốc cho Thế-tử Trịnh Cán.

Song Trịnh Cán mới năm tuổi, bị sài mòn đã lâu mà chúa Trịnh cũng không hết tin Lãn-ông, nên ông cố từ xin về, có viết quyển « *Thượng-kinh ký-sự* » thuật việc du-lịch chuyến ấy.

Lãn-ông tự tuyên-ngôn ở trong sách *Tâm linh* rằng mình « *khứ-nho tựu-y* 去儒就醫 » bỏ nghề nho sang nghề y. Ông nói thế có ý lấy làm vinh-hạnh, nghĩa là ông chán cái học hư-văn đời ấy mà theo cái học thực-dụng vậy. Ông có một câu học-thuyết về cái học thực-dụng ấy để chống với phái nho bấy giờ. Câu rằng : « Phàm đã gọi là đạo, thì chu-lưu bàng-bạc khắp cả ở trong thiên-địa-gian này không đâu không có, suy ra từ lớn chí nhỏ không biết bao nhiêu là việc, có phải chỉ cử một việc nào mới là kinh-tế. » Nay đời học-giới khai-thông ta đọc lại câu học-thuyết ấy, biết Lãn-ông cũng đã có sáng-kiến vậy.

Còn về văn-thơ, Lãn-ông có làm nhiều, nay chỉ còn tập thơ Hán-văn mà thôi, có câu :

諸葛豈憐三顧厚
Gia-cát khởi liên tam cố hậu.
囊無詩酒薄南陽
Nang vô thi-tửu bạc Nam-dương.

Dịch : Gia-cát vị gì ba bận rước,
Thơ cùn rượu hết chán Nam-dương.

Thơ nôm còn một bài *Cung-oán* như hai câu sau này :

Mây ruồi chẳng kinh vầng nhật xế,
Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.

Vũ Thuần-Phủ 武純甫

Vũ Thuần-Phủ sinh ở Mộ-trạch, phủ Bình-giang, Hải-dương, đời Hậu-Lê. Đỗ Tiến-sĩ làm quan Đông-các Hiệu-thú, rồi bổ ra làm Tham chính xứ Sơn-nam. Năm Cảnh-hưng (1740-1787) ông có soạn sách « *Công-dư tiếp ký* », chia ra làm 12 mục là : Thế-gia, danh-thần, danh-nho, tiết-nghĩa, chí-khí, tiết-phụ, ca-nữ, thú-loại, thần quái, âm-phần, dương-trạch và danh-thắng. Tuy có thiên về phong-thủy quái-đản, song sách ấy có giúp cho sự khảo-cổ ngày nay được nhiều việc.

Nguyễn Tân 阮新

Nguyễn Tân sinh ở làng Thượng-cốc, huyện Gia-lộc, Hải-dương, về đời Nguyễn-triều. Đỗ Tiến-sĩ đời Minh-mệnh (1820-1840). Ông có cái tư-tưởng chán đời, không thích sự hiển-đạt. Truyền rằng khi ông đỗ Tiến-sĩ rồi, về ở làng, tục làng hay đánh « thò-lò » chơi ngày xuân, ông cũng đánh với chúng, thua đem cờ biển Tiến-sĩ ra gán cho chúng. Vua triệu vào cho làm quan thuộc-viên trong bộ, được ít lâu, ông cố xin về, vua cho ông làm chức Thanh-tra quan-lại hạt Bắc-kỳ. Ông rất liêm và nghiêm, lại hay có tính hoạt-kê, thường vi-phục đi thử các quan tỉnh và phủ huyện. Vì thế tiếng đồn đi khắp hạt Bắc kỳ, quan-lại đều phải bỏ hết cái tệ hối-lộ.

Ông hay rượu nên tự-hiệu là Túy-tiên 醉仙, có một tập thơ chữ Hán đề là « Túy-tiên thi-tập ». Trong khi làm quan Kinh, vợ vào chơi khi về có bài thơ tiễn, có hai câu rằng :

也可山河能粉黛
Dã khả sơn-hà năng phấn đại
故教閨閣亦風塵
Cố giáo khuê-các diệc phong-trần.

Dịch : *Ý hẳn non sông nhiều phấn sáp,*
Nên xui khuê-các cũng phong-trần.

Văn thơ nôm của ông cũng hay lắm. Truyền lại có hai bài. Một bài thơ vịnh con chim bồ-cu ở dinh quan Tổng-đốc Hải-dương và một bài văn tế sống bà vợ.

Bài vịnh con chim bồ-cu :

Cu hỡi cu hỡi bảo cu hay,
Cu ở đâu mà cu đến đây ;
Đứng cậy lồng son cùng ấm sứ,
Có ngày thớt nghiến với giao phay.

Bài văn tế sống bà vợ làm lúc ông đã về ở nhà, đọc để bồ-khú với bà, thuần dùng lời khôi-hài, truyền rằng bà đang quét sân, ông đi sau đọc, hễ ông đọc một câu thì bà lại cười và đánh cái chổi vào chân ông một cái. Bài như sau :

« Nhớ bà mày xưa :
« Cái mắt đỏ hoe ;
« Cái môi thâm-sịt.
« Đi chợ bất-trị chi ăn quà ;
« Về nhà vô-hồi chi đánh đ. . .
« Sờ lên trên đầu, trấy như chùm sung;
« Sờ xuống hậu-môn, sần như sơ mít.
« Sừng-sững đó dựng chi chân ;
« Phình-phĩnh lấy giành chi đít.
« Sốc-sếch hở lườn chi yếm, vú thõng dưa gang ;
« Lòa-xòa lá tọa chi quần, rốn lồi quả quít.
« Trông bà bay như ma « cà-lồ » ;
« Để chơi vậy kiếm thằng con nít.
« Cũng tưởng bách-niên giai-lão, sống ở cùng nhau ;
« Ai ngờ kinh-nguyệt bất-điều, chết đi thì thiệt. Than ôi ! »

Nguyễn Thân 阮 神

Nguyễn Thân sinh ở làng Mạc-xá, phủ Nam-sách, Hải-dương, đỗ Cử-nhân năm Tự-đức 27. Tính cương-trực, làm Tri-huyện Lục-ngạn, thăng Tri-phủ Diễn-châu, rồi về kinh làm Lại-bộ Lang-trung. Ít lâu bổ ra làm Phó-đốc, coi cái tầu máy hiệu « *Lợi-đạt* » là một cái tầu tải to lắm, Nhà-nước mua của nước Pháp, để tải binh-lương. Đến khi kinh thành Huế thất-thủ ông bỏ về ở nhà nuôi mẹ già. Sau cuộc Bảo-hộ định rồi, Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-quan nhiều lần tìm ông ra làm quan, ông nhất-định từ để ở nhà nuôi mẹ.

Phạm Quí-Thích 范 貴 適

Phạm Quí-Thích hiệu là Lập-trai sinh ở làng Hoa-đường, phủ Bình-giang, Hải-dương. Đỗ Tiến-sĩ đời Lê-mạt, làm đến Bắc-ninh trấn Đốc-đồng. Lê mất, ông đi trốn, Tây-sơn tìm không được, đến Nguyễn-triều, vua Gia-long triệu ông ra, ông xin từ, vua ban cho chức Thị-trung Đại-học-sĩ. Minh-mệnh nguyên-niên lại có chiếu vời vào Kinh sung chức tu-quốc-sử, ông nghị-luận với quan Tổng-tài không hợp, bèn cáo bệnh xin về, ông có soạn sách *Hải-dương phong-vật*.

Phạm Hội 范 會 và hai bà chị

Phạm Hội sinh ở làng Lương-ngọc, phủ Bình-giang, Hải-dương. Mồ-côi cha từ thủa nhỏ, có hai chị gái đều tình-nguyện bất-giá ở nhà nuôi mẹ và cho em đi học kỳ đến thành đạt. Sau ông Phạm Hội đỗ Cử-nhân đời Minh-mệnh, làm quan Giáo-thụ. Bấy giờ mẹ mất rồi, ông thờ hai chị như thờ mẹ, việc nhà lớn nhỏ đều trình với hai chị trước. Có tiếng sư-tôn và hiếu-đễ ở đời (1).

Nguyễn Tuệ-Tĩnh 阮 慧 靜

Nguyễn Tuệ-Tĩnh sinh ở làng Nghĩa-phú, huyện Cẩm-giàng, Hải-dương, đời nhà Trần. Học-trò nhà Giám, đỗ Nhị-giáp, rồi đi tu Phật, hiệu là Tuệ-tĩnh thiền-sư. Ông phát-minh ra môn thuốc nam để chữa bệnh, hiện-thời đã nổi tiếng hay lắm. Truyền rằng đồn sang đến Tàu, người Tàu mời sang chơi để hỏi. Nay nhà thờ có đôi câu đối làm chứng như sau :

(1) Cụ Phạm Hội là tằng-tổ của ông Phạm-Quỳnh, bản-chí chủ-bút.

名魁二甲標陳鑑
Danh-khôi nhị-giáp tiêu Trần-giám,
使命十全醒北醫
Sứ-mệnh thập-toàn tỉnh Bắc-y.

Sách của ông soạn có hai bộ là bộ « *Nam-dược thần-hiệu* » sáu quyển còn truyền đến nay. Còn bộ « *Thập-tam phương gia-giảm* » thì chưa tìm ra.

Nguyễn Quang-Huy 阮光輝

Nguyễn Quang-Huy sinh ở xã An-lâm, huyện Đông-triều, Hải-dương, đời nhà Lê. Trước ông làm xã-trưởng được lòng người, chúng theo đông. Nhân trong xứ có giặc, ông xin mộ quân ra đánh, lập nhiều chiến-công, thăng đến chức Trung-trinh Đại-phu, Tả-xuân-phường, Đông-phái-bá.

Ông hết sức yên dân dẹp giặc, uy-danh lừng-lẫy một vùng. Lại thăng Đô-chỉ-huy-sứ làm Hiệp-trấn xứ An-quảng, gia phong Đông-phái-hầu. Ông cai-trị xứ nhà có nhiều nhân chính, lòng dân mến nhớ, nay còn đền thờ ở thôn Trạo-hà xã An-lâm.

Phạm Đình-Hồ 范廷琥

Phạm Đình-Hồ sinh ở làng Đan-loan, huyện Đường-an Hải-dương, cuối đời Lê, đỗ Sinh-đồ. Lê mất, Tây-sơn lên, ông không ra thi.

Nguyễn-triều thống-nhất, hạ chiếu thu cầu cho hết những dật-sĩ Bắc-thành. Ông tuy là học-trò mà có tiếng bác-học tề-danh với ông Phạm Thích nên cũng bị triệu. Ông cố thác bệnh không ứng mệnh. Minh-mệnh nguyên-niên, vua đi bắc-tuần, vời ông vào bệ-kiến ở Hà-nội. Hạ chỉ bổ ông chức Hộ-bộ hành-tẩu. Ông cũng sưng bệnh hoãn lại. Sau ông dâng 5 quyển sách mà ông sưu-tập được về đời Cố-Lê, rồi cũng không chịu làm chức gì. Ông có viết quyển « *Vũ-trung tùy-bút* » nay còn.

DANH-THẮNG HẢI-DƯƠNG

Núi An-tử 安子

An-tử là một ngàn núi rừng to lớn ở mé đông-bắc xứ Bắc-kỳ. Mé bắc núi về phận ba huyện Lục-ngạn, An-châu, An-bác tỉnh Bắc-giang; mé tây và nam về phận hai huyện Chí-linh, Đông-triều, tỉnh Hải-dương; mé đông về phận tỉnh Quảng-yên.

Lâm-sản. — Về mé bắc sản nhiều lim, gụ và các thứ gỗ, các lâm-sản khác. Nguồn sông ăn ra sông Lục-nam là một sở kiểm-lâm lớn.

Về mé tây-nam và đông, dưới chân núi thì nhiều than đá; trên núi thì nhiều thông, thủy-tùng, các thứ lan, sói, trúc; gần chùa An-tử có nhiều trúc hoa, sản quế gọi là quế Yên-tử, tốt thứ hai ở Việt-Nam ta. Song ít những tái-mộc quí. Nguồn sông ăn ra là sông Bến-châu, sông Nam-mẫu.

Thắng-cảnh. — Ngàn núi chạy dài, đột lên ba ngọn. Đầu đàng tây phận Đông-triều một ngọn là Ngọa-vân 臥雲. Giữa một ngọn là Hồ-thiên cũng về phận Đông-triều. Đầu đàng đông một ngọn cao hơn cả là Tử-tiêu. Ba nơi này đều có chùa và cổ-tích của hai triều Trần Lê, tường-giải như sau này:

Về đàng đông. Phần này thường gọi là An-tử. Đường vào có ba ngả: Một ngả từ Hải-phòng đi theo cầu máng nước vào chùa Lân; một ngả từ Tràng-bạc đi qua chùa Cẩm-thục vào chùa Lân; một ngả từ huyện-lỵ Đông-triều đi qua Bến-châu, rồi đi tắt qua đường nhỏ trong núi vào chùa Lân.

Chùa Lân-động ở xã Nam-mẫu, trên một cái đồi cửa rừng An-tử, chùa to mà cổ. Từ đấy đi ước hơn ba giờ đồng-hồ đường rừng, lội qua hơn 30 cái suối thì đến suối Giải-oan. Quãng đường này còn lần-lần dễ đi.

Suối Giải-oan to hơn các suối vừa qua. Lội qua suối Giải-oan thì là chân núi An-tử, từ đó đường đi cứ rốc

ngược mãi lên. Trên bờ suối có một ngôi chùa gọi là chùa Giải-oan. Có một mái chùa nhỏ, có sư trụ-trì, một cái khách-đường để khách vãng-cảnh trọ, tuy am cỏ cả mà sạch-sẽ.

Từ chùa Giải-oan đi độ một giờ đồng-hồ đến Rốc-kiệu là nơi vua Trần Nhân-tôn trước hằng nghỉ kiện ở đó. Đấy có mấy ngọn tháp bằng đá cuội, vì toàn-thể núi này không có đá xanh mà đường rốc nên không có thể mang đá xanh ở ngoài vào được. Từ đó đi độ hơn một giờ nữa đến chùa Hoa-yên.

Chùa Hoa-yên là trung-độ ngọn núi này. Duy ở đấy có một miếng đất lân-lân, làm đủ một cái chùa và một cái sân con, còn thì rốc cả. Cái khách-đường một nửa làm lên đất, một nửa phải cắm cừ như nhà đáy cũng như tất cả các cái khách-đường ở các chùa về ngọn núi này.

Trần Nhân-tôn và các tổ Trúc-lâm trước đều trụ-trì ở chùa này, còn các chùa ở trên cao nữa thì chỉ là chỗ thỉnh-thoảng lên lễ và quan-vọng mà thôi.

Di-chỉ chỉ còn có cái nền, mấy hòn tảng đá cuội, vài cái thống đá cuội, còn chùa cổ thì không còn. Gần đây các trụ-trì tăng mới giùm thảo-am lên mà cũng bị cháy luôn.

Gần đó có nền am thuốc, nền kho muối là chỗ để lương chay của vua Trần. Có hang Ngự-rội là chỗ cụ tắm.

Lại có cái chùa một mái là một hòn đá cuội đứng chếch ngược lên, các sư hiếu-sự đem bày vài pho tượng vào đó.

Ở chùa Hoa-yên đi lên độ hơn hai giờ thì đến chùa Bảo-sát. Quãng này lại rốc hơn quãng dưới, thường có những hòn đá bạch-anh bằng cái nhà gác to ở bên lối đi.

Gần và ngang với chùa Bảo-sát lại có một cái chùa là Vân-tiêu. Hai bên gọi nhau nghe thấy, đều là những chỗ di-chỉ ngày xưa, nay các sư mới khuyến-hóa mà lập nên. Từ hai chùa này trở xuống như từ cái vai người, nghĩa là còn khum-khum. Còn từ hai chùa này lên tuyệt-đỉnh thì như cái đầu, nghĩa là thẳng tuột lên.

Từ hai chùa này lên tuyệt-đỉnh, tục gọi là lên chùa đồng, đi mất ước hai giờ. Có một quãng chỗ gần hai chùa lên rốc quá, thuần đá mà cỏ cây rậm, lối chỉ lọt người. Người trèo lên mỗi bước tay phải bám vào rễ cây rồi mới cất mình lên, xuống thì ngồi vào đá, tay bám rễ cây rồi mới đưa mình xuống. Đã có câu ca hành-trình chỗ đó: « *Lên thì như ếch xuống thì như cua.* » Qua quãng này đến một chỗ đất lân-lân là chỗ có tượng An-Kỳ-Sinh.

Tượng bằng đá xanh, hình đứng, to bằng người ta, nhưng lâu đời đã mòn đi, trông sù sì như cái cột quán đá đồ, một mặt như có vết hạ lòng xuống để thích chữ. Truyền rằng có An-Kỳ-Sinh, người Tàu, đời Tần, theo đạo thần-tiên rồi sang ở núi này luyện-đan mà thành-tiên. Nên đời sau mới gọi núi này là An-tử. Ở dưới chân tượng, người ta cũng để một cái bình hương bằng đồng để khách lễ-bái.

Từ tượng An-Kỳ-Sinh lại rốc lên đến gần đỉnh có một khúc đường như cái vai trâu bằng những đá cuội như hình bánh giầy, to bằng gian nhà, trồng lên nhau nghiêng-nghiêng, lối đi lên trên. Ở đó trông xuống hai bên đều rốc xuống, cây cối um-tùm ở dưới cả, như người đi trên nóc nhà trông xuống hai bên mái vậy. Thế mà các bà già cứ ton-ton, miệng niệm Phật, chân bước rảo, đi nhanh hơn con trai. Thế mới biết cái sức tín-ngưỡng nó thúc-giục người ta mạnh lắm.

Hết khúc này thì đến tuyệt-đỉnh. Sách *Hoàng-Việt địa-dư* gọi đấy là ngọn Tử-tiêu. Ông Phạm Sư-Mạnh có câu thơ: « 層層紫霄雲 Tầng-tầng Tử-

tiêu vân » Tầng-tầng mây núi Tử-tiêu là đó. Ở xa mà trông, thì đỉnh ngọn núi này cao nhất ngàn An-tử, trên phân ra hai cái mỏ, thường gọi là Mỏ-điểu. Song lên đến đây thì chỉ nhận có một mà thôi. Mé nam còn lán-lán, mé bắc đá vách thành đứng thẳng xuống.

Giữa đỉnh có một hòn đá cuội to bằng ba, bốn cái sập, cao bằng ngực người, mặt trên phẳng. Người ta bày ba pho tượng Trúc-lâm tam-tổ bằng đá mà nhỏ độ một thước nam, và cái bình hương bằng đồng để khách lễ-bái. Tượng thì trông về hướng nam.

Sở-dĩ gọi là chùa đồng, cũng là một cái tên mới. Gần đây có người cúng một cái chùa nhỏ gọng bằng đồng như một cái nhà táng, lợp kẽm. Đem úp lên trên hòn thạch-bàn kia. Song gió đánh đổ, nay còn bộ gọng để ở dưới chân một bên thạch-bàn. Hòn thạch-bàn này chắc là có sẵn ở đó, vì có nhân-lực thì cũng là chỉ kê lại cho tề-chỉnh mà thôi.

Ở đấy đã khỏi lớp không-khí nùng-hậu mà vào lớp không-khí hi-bạc, nên cây to không mọc được, điểu-thú cũng không, chỉ có những cây trúc nhỏ mà lá to và những loài ong kiến. Ở đây thường bị mây bọc, khi mây bọc thì chỗ đứng vẫn trông rõ, nhưng có loáng-thoáng những hạt mưa nhỏ rơi siên vào. Còn trông ra chung quanh thì mờ-mịt cả. Những hạt mưa nhỏ ấy là mây đó, vì nhỏ không đủ sức rơi xuống đất, lại nhiều lắm, nên ở xa trông như một đám khói, rồi bị gió thổi đưa đi, khi nào gặp khí lạnh hơn mới tụ vào nhau thành hạt to mà rơi xuống thành mưa.

Ở dưới chùa Bảo-sát cũng đã trông được xa, bể đông lấp-lánh trước mặt. Nhưng ở trên đỉnh này mà khi thanh-quang thì trông thấy bể còn rộng hơn nhiều. Đầu canh năm đã thấy mặt trời mọc, nghĩa là thấy hoằm xuống chiều cong của mình quả đất đó. Ông Nguyễn Trãi có bài thơ để ở đây rằng :

安山山上最高峯
An-sơn sơn-thượng tối cao-phong,
纔五更初日已紅
Tài ngũ canh sơ nhật dĩ hồng ;
宇宙眼窮滄海外
Vũ-trụ nhỡn cùng xương-hải ngoại,
笑談身在碧雲中
Tiếu đàm thân tại bích vân trung.

Dịch :

Ngọn Tử-tiêu cao nhất cõi đông,
Đầu canh năm đã thấy vầng hồng ;
Bể bạc trông xa ngoài vũ-trụ,
Mây xanh vây kín chỗ cười bông...

— Núi An-tử có chùa Hoa-yên từ trước đời Trần mà thành danh-thắng thì từ Trần. Sử chép vua Trần Thái-tôn bị Hoàng-thúc Thủ-Độ ép làm những điều trái luân-lý, nên vua xấu-hổ, đêm cùng mấy người thị-thần lẻn ra ngoài thành rồi đi vào An-tử yết vị sư Trúc-Lâm Đại-xa-môn mà xin đi tu. Hôm sau Trần Thủ-Độ đưa quần-thần vào An-tử đón vua về.

Trong sách *Khóa-hư* vua Trần Nhân-tôn cũng tự nói : Vua thương cha mẹ mất sớm mà muốn đi tu để báo ơn. Đêm vua cùng thị-thần cưỡi ngựa ra đi qua lối Phả-lại để vào An-tử. Trèo non lặn suối, ngựa mệt vua phải bỏ ngựa, vịu cây vạch cỏ mà đi. Tối ấy trọ ở chân núi, sớm mai mới vào tới chùa, thăm yết Quốc sư là Trúc-Lâm Đại-xa-môn xin ở tu. Mai Thúc-phụ Trần-công đưa quần-thần vào mời về, Quốc-sư Trúc-Lâm cũng khuyên vua về mà không nên quên đạo Phật. Hơn 10 năm sau, vua mời Quốc-sư Trúc-Lâm từ An-tử ra kinh-đô ở chùa Thắng-nghiêm, coi việc xuất-bản các kinh Phật.

An-tử từ có vết chân của một vị đế-vương đến tham-thiền mộ - đạo, mà nổi tiếng danh-tích từ đó. Đến đời

Trần Nhân-tôn có Trần Đạo-Tái người Bắc-ninh, đỗ Trạng-nguyên rồi xuất-gia tu Phật ở chùa Hoa-yên, đạo hiệu là Huyền-quang. Nhà sư có bài thơ nhàn-hứng rằng:

庵 達 青 雲 幕
Am đạt thanh-vân mạc,
門 開 雲 上 層
Môn khai vân-thượng tầng ;
已 竿 龍 洞 日
Dĩ can Long-động nhật,
猶 尺 虎 溪 冰
Do xích Hổ khê băng ;
抱 拙 無 餘 策
Bão truyết vô dư sách,
支 衰 有 瘦 藤
Chi suy hữu sấu đằng ;
閒 林 多 宿 鳥
Nhàn lâm đa túc điểu,
過 半 伴 禪 僧
Quá bán bạn thiền tăng.

Dịch :

Cửa chùa mây phủ buông màn,
Mặt trời ngang núi, chửa tan sương mù.
Yếu hèn chiếc gậy lùa-khua,
Chim rừng ngủ trọ trong chùa cùng sư.

Sau vua Trần Nhân-tôn xuất-gia lại về trụ-trì ở Hoa-yên với nhà sư Huyền-Quang mà tự-sưng là Trúc-Lâm đại-sĩ. Vua Nhân-tôn lại độ được ông Pháp-Loa cùng về ở đó, đều đắc-đạo cả, nhà chùa gọi là Trúc-lâm tam-tổ, nay khắp vùng Chí-linh, Đông-triều, chùa nào cũng có tượng ba vị ngồi ngang nhau.

Tổ Trúc-lâm đệ-nhất là vua Trần Nhân-tôn về tu ở Hoa-yên rồi, lại dựng một tòa chùa ở Hồ-thiên và một tòa ở Ngọa-vân. Còn dưới chân An-tử trở ra như Lân-động, Cẩm-thục, Quỳnh-lâm, Côn-sơn, v.v., đều là những chùa tổ đi lại thuyết-pháp mà đều khởi lên hồi ấy cả.

— Ngọa-vân là ngọn núi dàng tây ngàn An-tử, xa trông chót-vót như cái bút. Đường đi từ huyện-lỵ Đông-triều vào qua An-sinh, trại Lốc rồi lên núi. Đường này còn dễ trèo hơn An-tử mà rừng rậm hơn. Ngọn núi thì không cao bằng Tử-tiêu, chùa này là nơi tổ Đệ-nhất nhập-nát-bàn. Khi tổ nát-bàn duy có Pháp-Loa tôn-giả ngồi hầu, tổ dặn việc hậu-sự rồi ngồi mà hóa. Pháp-Loa rước tổ lên hỏa-đàn thiêu, còn được 2000 hạt « xá-lị » mà dựng tháp ở đó gọi là Phật-hoàng-tháp, nay còn.

Tháp bằng đá xanh, lòng khắc dụ-hiệu : 遇 一 祖。竹 林 頭 陀 淨 慧 覺 皇。陳 朝 仁 宗 聖 帝。調 御 王 佛。

Đệ-nhất tổ, Trúc-lâm đầu-đà, Tĩnh-tuệ giác-hoàng, Trần-triều Nhân-tôn thánh-đế, điều-ngự vương-Phật.

Ngoài ra còn một hòn đá nát-bàn, một ngựa đá, một voi đá. Lại một nơi Sơn-lăng gần đó còn hai phỗng đá, một voi một ngựa đá, hai dê hai hổ đá, đều đổ ngã cả vào trong bụi cỏ hoang.

Chùa cổ thì không còn gì, mãi hồi niên-hiệu Thánh-thái, sư cụ chùa Yên-lâm, đạo-hiệu là Thanh-quế mới vạch cỏ tìm đường vào dựng lên một mái am cho học-trò vào ở tụng kinh. Nhưng đường khó vào nên ít khách đến lễ-bái, sau sư cụ Thanh-Quế tịch, am lại đổ nát mất.

— Hồ-thiên là ngọn núi trung-gian ngàn An-tử, đời Trần đã có chùa, truyền rằng tổ Đệ-nhất thường từ Hoa-yên đi lần rừng qua Hồ-thiên sang Ngọa-vân. Chùa này cũng không còn gì là dấu-tích đời Trần, chỉ còn dấu-tích trùng-tu của đời Lê Vĩnh-hựu mà thôi. Chùa này dễ vào, đường từ huyện-lỵ Đông-triều vào Bến-châu rồi rẽ đường núi vào đến suối Thùm-thùm. Suối ấy dưới có lựng sâu, trên nước chảy rót xuống thành như mấy cái trống đánh. Qua đó đến núi Tiên-nhòm, núi đứng thẳng trên có hòn đá

thò ngang ra to lắm, như người thò đầu ra ngoài.

Đi một quãng nữa đến Bãi-bằng và cái suối chân núi. Từ bờ suối lên tuy rốc mà có bậc đá xếp dễ đi, đi độ một giờ đến chùa Một-mái cũng là một mảnh đá cuội to vỡ chếch như ở bên Hoa-yên.

Lại đi độ nửa giờ thì đến chùa Hồ-thiên. Chỗ này còn phẳng-phẳng hơn bên An-tử một chút. Đấy là vai núi, còn lên tuyệt-đỉnh cũng dễ lên.

Di-tích đời Lê trùng-tu còn một cái nhà bia bằng đá xanh, trong có cái bia khắc một bài thơ của vua Ý-tôn nhà Lê niên-hiệu Vĩnh-hựu (1735-1740), mà công việc trùng-tu thì ở chúa Trịnh. Chúa Trịnh có trùng-tu nhiều chùa ở Đông-triều như Quỳnh-lâm, Yên-lâm đều có bia ghi công-đức.

Lại một cái tháp đá xanh cũng dựng lúc ấy. Một gian nhà xây cuốn bằng đá ở trước cửa nhà bia. Ở đây có nhiều thủy-tùng, cây thẳng mà cao to đẹp lắm, phong-cảnh thanh-quang hơn bên Hoa-yên, cũng bị hoang-phế dã lâu, chùa cổ đổ nát hết, mãi niên-hiệu Thành-thái sư cụ Thanh-Quế sửa chùa Ngọa-vân cũng mới vào hái cỏ dẫn cây dựng lên một cái tiền-đường và cho tiểu vào tụng kinh. Được vài năm khách đến tham-thiền lễ Phật đã đông, thì có bọn dư-đảng người Tàu chạy sang vào ẩn ở chùa.

Quan-quân tỉnh Hải-dương về cản bọn dư-đảng khách đi rồi, linh-tráng đốt cái am mới dựng ấy đi. Ấy là việc đầu năm Duy-tân. Nay có một người sư ni là học-trò của Thanh-Quế thiền-sư vẫn trụ ở đó tụng kinh mà khêu ngọn đèn cúng Phật để nối chí thầy.

Hồi Duy-tân năm thứ 3, 4, ký-giả có vào thăm cảnh, sư cụ Thanh-Quế có xin một bài du-ký, ký-giả lúc ấy còn thiếu-niên từ chối không được có viết lược-thảo một bài văn vần như sau :

Tiết vừa chuốc chén hoàng-hoa,
Trạnh niềm nhớ cảnh yên-hà cõi tiên.
Giục đồng sắm sửa dù yên,
Thong-dong lên động Hồ-thiên thăm chùa.
Thú đâu xuân cả tư mùa,
Cảnh khôn một cõi nào thua Nguyên-đào.
Hai bên cỏ đón hoa chào,
Thùm-thùm trống suối ào-ào đàn thông.
Dường mây nhẹ bước tang-bồng,
Tiên-nhôm đã thấy bóng hồng xa-xa.
Rộn mừng dừng hỏi dò-la,
« Chủ-nhân trong ấy có nhà không cô ?»
Cùng nhau ngâm họa quanh co,
Nàng đà chỉ lối ta vô Bãi-bằng.
Bụi trần rũ sạch láng-láng,
Quyết lên bẻ quế cung trăng phen này.
Bầu-trời gần đã đâu đây,
Bầu ta tạm chuốc chén cay riêng mừng.
Cung cầm tiếng địch vang-lừng,
Dưới khe nước chảy trong rừng ve kêu.
Dòng khe nước chảy trong veo,
Đá bàn nhan-nhản lớp rêu xanh rì.
Vin cây vạch cỏ tìm đi,
Nghìn tầng đá bậc, tứ vi mây lồng.
Lạ-lùng thay thú non Bồng,
Có lên mới biết rằng ông Tạo tài.
Mấy vòng đường liệng vành ngai,
Đến chùa một mái đứng ngoài cửa hiên.
Tài-tình ngắm vẻ thiên-nhiên,
Thợ trời khéo tạc mái thiền cỏn-con.
Thi-hoài như mở tấm son,
Để rồi theo dẫy đá hòn bước lên.
Này đây là động Hồ-thiên,
Bảng-khuâng cái gánh trần-duyên nhẹ-nhàng.
Bước vào đến trước Phật-đường,
Ngạc-nhiên thấy sự phi-thường mà ghê.
Than tro lạnh-lẽo bốn bề,
Biết bao quán nọ lầu kia tan-tành.
Rằng : « Ngày hôm nọ giao-binh,
Cửa từ mà cũng cháy thành vạ lây.»
Bạch sư hỏi hết niềm tây,
Gió thu đến cả chốn này kia ru ?»
Rửa bia xem chữa « tùng-tuy »,
Kể từ Vĩnh-hựu xuân-thu đã nhiều.
Chín tầng tháp đá kiêu-kiều,
Dưới thơ ngự-chế quan triều ghi tên.

Người xưa cũng lắm công-duyên.
Bạt non khắc đá để yên dân nhà.
Hương thừa dấu cũ xem qua,
Vô-vàn lộc tổ hà-xa của trời.
Danh-hoa dị-thảo bời-bời,
Bù loài tòng-bách, đủ mùi chi-lan.
Trèo lên tuyệt đỉnh lân-lân,
Cúi trông bốn cõi hải-hoàn cỏn-con.
Tha-hồ chỉ điểm nước non,
Đây đà dậy sớm, đây còn ngủ say.
Sự đời ngẫm cuộc vần xoay,
Dọc-ngang này gớm những tay anh-
Gió Âu mưa Á lạnh-lùng, [hùng.
Hỏi người trong cõi Lạc-Hồng tỉnh chưa?
Nước non hơn bốn nghìn xưa,
Mà trong bờ cõi bây giờ nhà ai.
Cảm-tình lai-láng bồi-hồi,
Nghĩ công-đức ấy ngậm-ngùi giờ lâu.
Thoắt thôi tay lại nghiêng bầu,
Mài thanh gươm tuệ, ngâm câu thơ
Cây đàn một cỗi tần-vần, [thần.
Thái-hà năm vẻ dưới trên mịt-mù.
Nam-nhi phỉ chí bồng-hồ,
Ngoảnh non An-tử, trông chùa Ngọa-
Đông tây la-liệt thánh-thần, [vân.
Có thiêng phù-hộ cho dân nước nhà.
Quỳnh-lâm, Lân-động, Am-hoa,
Bè từ ngàn giác kể là thiếu chi.
Nam-mô quảng đại từ-bi,
Độ người Nam khỏi sông mê hội này.
Mấy phen ngâm họa tỉnh say,
Tạ từ lại rón con giầy hạ-sơn.
Lại về dưới cõi trần-hoàn,
Cùng về quả phúc cho tròn với nhau.
Phật Tiên cũng chẳng xa đâu.

Đỗ-Nam

MẤY TAY TUẦN-LẠI NƯỚC TÀU ĐÔ-HỘ NƯỚC TA XƯA

Ta duyệt Nam-sử, ta lạ cho dân-tình đối với quan-lại Chi-na, có người thì yêu như cha mẹ, có người thì ghét như cừu-thù, đó có phải là dân-tình có tư-vị gì mà sinh ra yêu ghét đâu. Vì đương lúc thịnh-triều, trung-ương chính-phủ hay giữ lấy quyền, chọn được những bậc tuần-lương, xử với dân-sự có bụng nhân-từ, nên ai cũng hoan-nghinh mà yêu như cha mẹ. Gặp lúc loạn-triều, địa-phương quan-chức cầu cho tắc-trách, giở những thói tàn-bạo, đối với dân-tình không có lòng thể-tất, nên ai cũng ta-oán mà ghét như cừu-thù. Sách Đại-học có câu rằng: « đắc chúng tắc đắc quốc, thất chúng tắc thất quốc 得衆則得國,失衆則失國。» Nghĩa là được lòng chúng thời được nước, mất lòng chúng thời mất nước. Đã được lòng chúng thời chúng yêu, mất lòng chúng thời chúng ghét. Sự yêu ghét ấy không phải riêng một cá-nhân, thực là hợp với tâm-lý các dân-tộc vậy, nếu không phải vậy, thời thử xem khi thuộc nhà Hán, Chu Ngung 周暠 làm Thứ-sử, thời dân Giao-châu phản-kháng, đến khi Mạnh-Kiên 孟堅 thay chức ấy, không phải dùng chém giết, mà dân tự-nhiên đổi cái lòng phản-kháng mà ca-tụng chính thanh. Khi thuộc nhà Đường, Hàn Ước 韓約 làm quan đô-hộ, thời quân phủ bạn-nghịch; khi Mã-Thực 馬植 thay chức ấy, chỉ làm việc thanh-tĩnh, mà giặc tự-nhiên đổi lòng bạn-nghịch mà cảm-phục đức-chính, xem như vậy thời đủ biết sự yêu ghét tự dân hay là tự quan.

Nước ta nội-thuộc kể trước sau hơn nghìn năm, quan cai-trị kể hay người dở biết bao nhiêu người, hiềm vì quốc-sử không chép hết, cũng là một việc đại-di-hận cho nhà sử-học vậy. Nay sẽ lược kể những bậc tuần-lương có lòng khai-hóa, có lượng nhân-từ, đáng làm

ân-nhân của nước ta ngày trước, diễn ra sau này, để thay làm bia kỷ-niệm.

1. – Tích-Quang 錫光

Đời Tây-Hán vua Bình-đế niên-hiệu Nguyên-thủy năm đầu, quốc-dân ta bấy giờ còn là dã-man thời-đại, dân-tục hãy còn thắt tóc để rủ sau gáy, lấy vải quấn chung quanh mình, chân không giầy dép chi cả. Tích-Quang làm chức Thái-thú quận Giao-chỉ, đem lễ-nghĩa dạy dân, rồi mà dân ta mới hấp-thụ được cái văn-hóa của nước Tàu, dần dần đổi được cái tục hủ-lậu ấy, chính là công Tích Quang vậy.

2. – Nhâm-Duyên 壬延

Đời Đông-Hán vua Quang-Vũ niên-hiệu Kiến-vũ thứ năm bấy giờ tục Cửu-chân lấy nghề săn bắn làm sinh-nhai, chưa biết trồng cấy ruộng cấy. Dân thường phải ăn đong, ở Giao-chỉ hằng năm vẫn thường thiếu ăn. Từ khi Nhâm-Duyên làm Thái thú quận Cửu-chân. Nay Thanh Nghệ khiến dân chế ra cày bừa và dạy khai-khẩn ruộng nương, mở-mang được nhiều, trăm họ mới được phong-phú. Đến như con trai con gái trước xưa vẫn ngẫu-hợp lấy nhau, không có lễ giá-thú, Nhâm-Duyên bèn sức cho huyện hạt, phàm như con trai tự hai-mươi-nhăm tuổi đến năm mươi, con gái tự mười-lăm tuổi đến năm mươi đều phải theo niên-xỉ mà phối-hợp, phải có sinh-lễ thì mới được thành-hôn, nhà nào nghèo không lo được sinh-lễ, thời sức cho trưởng-lại trở xuống phải quyên tiền bổng để trợ-cấp cho dân; lúc ấy đông-thời lấy nhau hơn hai nghìn người, tự đấy đẻ con ra mới biết họ bố mẹ, đều cùng-tụng rằng, khiến ta có con này là công ông Nhâm Duyên vậy, cho nên thường lấy chữ nhâm mà đặt tên con để nhớ công ông Nhâm-Duyên vậy. Nhâm-Duyên tại chức được bốn năm, vua Hán triệu về, khi đã thiên-chức, dân tình vẫn còn ái-mộ, bèn lập đền sinh-từ để sùng-bái.

3. – Lý Thiện 李善

Đời Đông-Hán vua Minh-đế, Lý Thiện người đất Nam-dương, làm chức Thái-thú quận Nhật-nam, thuộc nước ta, giữ lòng nhân-ái, yêu dân như con, dân chỗ nào có phong-tục khác thời đem nghĩa-lý hiểu bảo, sửa đổi dần dần, chứ không có sự gì cưỡng-bách, cho nên dân hạt đều được yên-ổn làm ăn, sau rồi làm quan Thái-thú quận Cửu-chân cũng là một bậc lương-lại ở nước ta vậy.

4.— Trương Kiều 張喬 và Chúc Lương 祝良

Đời Đông-Hán niên-hiệu Vĩnh-hòa năm thứ ba, quận Nhật-nam nổi binh phá quận thành giết trưởng-lại, lúc ông Phàn Diễn 樊演 đem binh quận Giao-chỉ, quận Cửu-chân đến ứng-cứu, nhưng thế giặc ngày thêm mãnh-liệt, dẹp mãi chưa yên, vua Hán lo sợ, với các quan công-khanh đến hỏi kế, các quan đều bàn xin cử tướng-thần đem binh bốn châu Kinh, Dương, Duyện, Dự đến tiễu giặc, duy Lý Cố 李固 tâu rằng: « Nhật-nam xa cách chỗ ấy không có thóc ăn, vận-tải binh-lương nhiều sự không tiện, đánh cũng không hay, giữ cũng không được, chẳng qua chỉ hao binh tổn tướng mà thôi; vả Nhật-nam cách Cửu-chân chỉ hơn nghìn dặm, mà tướng-tốt đến đấy còn chưa khám được, phương-chi đem binh bốn châu trèo non vượt bể, xa cách muôn dặm, thời làm thế nào nghĩ xin chọn người có tài dũng-cảm, có lương nhân-từ, đáng làm phụ-mẫu dân, cho làm Thứ-sử và chức Thái-thú, thời không phải dùng đến binh-qua mà cũng có thể dẹp được loạn.» Vua Hán giao cho đình-nghị, đình-thần theo lời Lý Cố, cử Chúc-Lương làm Thái-thú quận Cửu-chân, Trương Kiều làm chức Thứ-sử quận Giao-châu, Lương đến quận đi một cái xe vào chỗ giặc, không dùng khí-giới chi cả, đến đâu cũng đem cái lòng thành-thực mà hiểu-

dụ dân-tình. Bấy giờ giặc kéo đến ra hàng, Kiều đem quân đi kinh-lý trong hạt, đến đâu hiểu-dụ cho dân-sự biết rằng: « Ta nay vâng mệnh triều-đình tới đây, cốt đem cái bụng thành-thực đối với dân Việt-Nam, muốn cho dân sự yên phận làm ăn, đừng có nhiễu-loạn, để khỏi phiền động đến việc can-qua, chính là cái lòng vọng-nguyện của ta vậy ». Giặc cướp đâu đấy nghe tiếng đều ra hàng-phục

5.— Hạ-Phương 夏方

Đời Hán-hoàng-đế, niên hiệu Nguyên-hy thứ ba, giặc quận Cửu-chân nổi binh làm loạn, giữ đất Nhật-nam, Hạ-Phương vâng mệnh làm chức Thứ-sử Nhật-nam. Giặc nghe tiếng Hạ-Phương là người nhân-huệ, xưa nay lại có chính-thanh, bèn tới đến quận xin ra hàng, còn dư-đảng trốn ra Thương-ngô, quan Thái-thú quận Giao-chỉ là Trương Bàn 張 槃 đem quân đón đánh, cho nên giặc không dám nhiễu quận Nhật-nam nữa.

6.— Giả Mạnh-Kiên 賈孟堅

Đời Hán-Minh-đế, niên-hiệu Quang-hòa năm đầu, bấy giờ Giao-châu và quận Hợp-phố man-dân nổi loạn, người Giao-châu là Lương Long 梁龍 dấy binh có hơn hai vạn người, đánh phá quận huyện, quan mục là Chu Ngung 周 喁 cũng không thể hãn-ngự được, Chu Ngung vốn người tàn-ngược, người châu tích - oán đã lâu, bèn mưu vào phủ bắt giết Chu Ngung, rồi sai người tới cửa khuyết dâng thư kể tội-trạng Chu Ngung tàn-khắc làm vậy, vua Hán nhận thư chiếu cho đình-thần chọn bậc năng-lại, bèn cử Giả Mạnh-Kiên (người Hồng-quận đất Liêu-thành) làm chức Thứ-sử, Mạnh-Kiên khi mới đến quận, đòi dân trong hạt đến hỏi, lũ người bạn-nghịch là cớ gì? đều nói rằng: « Tiền-quan nhiệm-chức ở đây chỉ lợi trong quận nhiều ngọc minh-châu, tê-tượng, đồi-mồi, bắt dân phải cung-cấp, nay đòi thức này, mai đòi thức khác, sách-nhiễu không thôi, dân-tình không thể chịu được, Thiên-triều xa cách, không biết kêu ai, tình rất đau-khổ, bất-đắc-dĩ phải họp đảng để bênh-vực cùng nhau, chứ thực không dám làm sự gì bạn-nghịch, xin quan phụ-mẫu lượng xét ». Mạnh-Kiên dụ rằng: « Nay ta biết rồi cho lũ người lui về yên nghiệp làm ăn, » Rồi sai người đi hiểu-dụ trong hạt, chiêu tập lưu-dân, tha cho dao-dịch, bắt được cừ-khôi sẽ trị tội, còn những dư đảng nhất-thiết có-khoan, rồi chọn những người trưởng-lại, hiền-lương để phủ-dụ dân-chúng. » Lúc ấy trên đường ngoài ngõ ai cũng ca-tụng rằng: « Giả-phụ lại muộn, khiến ta trước phần, nay gặp thanh-bình, không dám bội-bạn. » Mạnh-Kiên ở châu ba năm, vua Hán vời về cho làm chức Nghị-lang, cho người ở bản-châu là Lý Tiến 李進 thay làm chức Thứ-sử.

Lý Tiến người Cao-hưng quận Giao-chỉ, thông-hiểu kinh - truyện, được bổ chức Công-tào, kế được thăng chức Kỵ-đô úy. Năm Vĩnh-hòa thứ hai, Kinh-man làm phản, vua Hán sai Lý Tiến làm chức Thái-thú Linh - lăng đem quân đánh phá, rồi mà dâng thư với vua Hán rằng: « Khắp trong vòng đất ai cũng làm tôi vua, nay triều đình bổ chức đều là những người trung-quốc, chưa phải là khích-khuyến người xa » Từ ý rất là cảm-thiết, vua Hán bèn chiếu cho nước ta ai đỗ khoa Hiếu-liêm và Mậu-tài thời cho bổ thuộc-châu trưởng-lại, nhưng không được bổ-dụng ở trung-châu Lý Tiến lại dâng sớ xin từ, nay ai đỗ Hiếu-liêm thời cũng được cùng với bác-sĩ mười hai châu bổ-dụng, vua không cho. Kế lại có Lý Cầm 李琴 cũng người nước ta, lúc ấy đương trực-túc ở chỗ cấm-đài bèn viện người làng là Bốc Long 卜龍 và năm sáu người gặp ngày chính-đán, muốn nước triều-hội, rủ nhau đến quỳ dưới điện - đình tâu rằng: « Ơn vua

không đều. » Hữu-tư hỏi cớ gì lũ người lại dám nói như vậy ? Tâu rằng : « Việt-Nam xa cách triều-đình, ơn trời lượng đất không có che-chở cho khắp, cho nên mưa ngọt không xuống, gió hòa không đến, thật là thiệt riêng cho những người Việt-Nam. Xin từ nay bỏ quan, người Việt-Nam cũng được theo lệ như người ở trung-thổ. » Vua chiếu ủy-lạo và cho lui, rồi mà cử người nước ta đỗ Mậu-tài một người làm quan lệnh Hạ-dương, Hiếu-liêm một người làm quan lệnh Lục-hợp, sai Lý Cầm làm quan đến Tư-lệ-hiệu-úy, Trương Trọng làm quan Thái-thú Kim-thành, nhân-tài nước ta được cùng với người nhà Hán cũng bổ quan ở trong triều, đều nhờ công Lý Tiến, Lý Cầm xướng-thủy vậy.

Mạnh Kiên, người đất Thượng-ngu, huyện Cối-kê, cuối đời nhà Hán làm chức Thái-thú quận Hợp-phố, tự-nhiên bể sinh nhiều châu báu, trước khi ấy thú-tể nhiều hạng tham-tàn, sai dân mò bể tìm châu ngọc ; từ đấy ngọc bèn dời ra quận Giao-chỉ. Khi Mạnh-Kiên đến quận, cải-cách tệ cũ, chửa được một năm, châu ngọc lại về Hợp-phố, trăm họ xưng-tụng thần-minh. Than-ôi ! châu ngọc quận nước ta, các quan thú-mục đều được như Mạnh-Kiên thời dân ta chả đại-hạnh lắm dư ?

7.— Vương Sĩ-Nhiếp 王士燮

Đời Đông-Hán vua Linh-đế niên-hiệu Trung-bình thứ tư, Vương Sĩ-Nhiếp, làm chức Thái-thú quận Giao-chỉ. Sĩ Nhiếp tên tự là Ngạn-uy 彥威, người Quảng-tín quận Thương-ngô, tiên-tổ vốn người Mân-dương nước Lỗ, đến cuối đời nhà Hán lánh nạn Vương Mãng 王莽, ngụ ở nước ta, đến Sĩ-Nhiếp đã sáu đời, cha là Sĩ-Tứ 士賜, đương triều vua Hán Hoàn-đế làm Thái-thú quận Nhật-nam, Sĩ-Nhiếp còn trẻ tuổi, vào học kinh-sư chuyên-trị sách Tả-truyện Xuân-thu làm lời chú-giải, đỗ khoa Hiếu-liêm, bổ chức Thượng-thư-lang, nhân việc quan phải miễn-chức, sau đổ Mậu-tài, bổ làm quan lệnh Vu-dương. Đến bấy giờ lại thiên chức Thái-thú.

Khi ấy Chu Phù 朱符 làm quan Thứ-sử quận Giao-chỉ, đem những thân-thuộc và người làng ra làm trưởng-lại, chính-lệnh tàn-ngược, phú-thuế phiền-hà, trăm họ ai cũng ta-oán ; bèn họp đảng cử-binh đánh phá. Chu Phù chạy ra bể, bị giặc giết. Nhà Hán bèn đổi Giao-chỉ làm Giao-châu, cử Trương Tân 張津 thay làm chức Thứ-sử, mà Sĩ-Nhiếp thời vẫn giữ chức như cũ. Sĩ-Nhiếp cử em là Nhất 壹 lĩnh chức Thái-thú Hợp-phố, em thứ là Hữu 燮 lĩnh chức Thái-thú Cửu-chân, em thứ ba là Vũ 武 lĩnh chức Thái thú Nam-hải. Sĩ-Nhiếp tính chất khoan-hậu, đãi sĩ-phu rất là khiêm-cung, cho nên sĩ-phu ở trong nước nhiều người quy-phụ, bèn tự-lập làm vua ở Giao-châu.

Anh em Sĩ-Nhiếp đều liệt-quan quận huyện, hùng-trưởng một châu, xa cách thiên-triều muôn dặm, quyền-thế không ai hơn, đi đâu cũng có tấu nhạc khua chuông, uy-nghi rất là nghiêm-chỉnh, trăm rợ man đâu đấy đều là kinh-phục. Trước ông Triệu Úy-Đà 趙尉陀 cũng không hơn được.

Đoạn rồi quan Thứ-sử Giao-châu Trương Tân bị giặc giết, vua Hán biết tin cho chiếu-thư bảo Sĩ-Nhiếp rằng : « Giao-châu xa cách triều-đình, phía nam giáp bể chưa tiện giao-thông, vì thế ơn-đức triều-đình không có khắp đến, mà ẩn-tình muôn họ không có đạt đến triều-đình, nay bọn nghịch-tặc là Lưu Biểu 劉表 lại dám sai bốn-Cung thay chức Trương Tân làm Thứ-sử, thực là mạn phép, nay ủy cho người làm chức Trung-lang-úy, quản-đốc bảy quận, mà nguyên lĩnh chức Thái-thú, kế lại cho làm An-viễn Tướng-quân, Long-đỗ-đình-hầu.

Lúc ấy Viên Thiệu 袁紹 ngụ ở Giao-châu đưa thư cho Tuân Úc 荀彧 rằng : « Giao-chỉ sĩ-quân, học-vấn rộng, kiến

thức cao, lại có tài chính sự, xử trong lúc đại-loạn giữ-gìn được yên cả toàn-bộ, hơn hai-mươi năm không dùng đến binh-đao, dân được yên-nghiệp, mà những khách ky lữ đâu đấy cũng được hàm ơn; vả lại việc quan lâm khi phiền-kịch, thế mà xử-trí cũng được thanh-thỏa, không có lầm-lẫn sự chi; khi rỗi việc quan, xem truyện kinh Thi *và truyện họ Tả, nghĩa-lý tinh-thông, ta thường đem những nghĩa ngờ ở trong truyện chất hỏi, nhiều chỗ phát-minh, nên ta vẫn khen là bác-học quân-tử.»*

Sĩ-Nhiếp lại thường đem Thi Thư *mà dạy bảo người nước, tự đấy văn-học Chi-na mới dần dần bành-trướng đến bề Nam vậy. Nên nước ta suy-xưng là «Nam-Giao Học-tổ* 南交學祖*». Khen thay Sĩ-Nhiếp là một nhà chính-trị kiêm cả nhà giáo-dục. Đến nay nước ta cũng còn nhiều chỗ có đền thờ.*

8.— Đào Huỳnh 陶潢

Người Mạt-lăng, huyện Đan-dương, là con Đào Cơ 陶基*. Đương triều Ngô Tôn-Hiệu* 吳孫皓 *niên-hiệu Kiến-hành thứ ba, làm chức Thứ-sử Giao-châu và kiêm-đốc quân-vụ. Người có mưu-lược và có lòng nhân-từ lại hay chu-cấp cho kẻ bần-cùng, trong hạt ai cũng yêu-mến, sĩ-phu cũng lấy làm hoan-nghinh, cho nên đánh giặc được nhiều công-trạng, bắt được Dương Tắc* 楊稷*, bình được Giao-châu, kế lại dẹp được giặc mèo ở đất Vũ-bình, (nay thuộc Khoái-châu Tiên-hưng), Cửu-đức và Tân-xương, đặt ba quận, cùng là thuộc-địa ở đất Cửu-chân hơn ba-mươi huyện, rồi mà nước Ngô với Đào Huỳnh về, cho Tu-Doãn* 須允 *thay chức Thứ-sử. Lúc đăng-trình, dân sở-tại vin sau xe, xin lưu Đào Huỳnh ở lại, biểu-tình ái-mộ, hơn hai nghìn người. Vua Ngô bất-đắc-dĩ phải cho Đào Huỳnh ở lại giữ cựu-ly.*

Huỳnh ở chức ba-mươi năm, ơn-uy khắp cả xa gần, dân-tình yêu-mến như cha mẹ. Khi mất, cả châu thương tiếc, lúc ấy nhà Tấn đã bình được nhà Ngô, cử Ngô Ngạn 吳彥 *thay Huỳnh làm chức Thứ-sử Giao-châu. Tự khi Đào Huỳnh tạ-thế, Cửu-chân thủ-binh nổi loạn như trước.*

9.— Đỗ Tuệ-Độ 杜慧度

Triều vua Tấn Hiếu-Vũ-đế, niên-hiệu Thái-hòa năm thứ sáu, cha Tuệ Độ là Đỗ Viện 杜瑗 *người quận Chu-thước, sau đời ở Giao-chỉ làm chức Thái-thú. Trước đi đánh được Lý Tốn* 李遜 *có công, phong làm Tương-long tướng-quân, sau lại đánh phá được giặc Lâm-ấp, thăng làm chức Thứ-sử Giao-châu, đến triều Tấn An-đế niên-hiệu Nghĩa-hy thứ bảy, Đỗ Viện mất, vua Tấn cử con là Tuệ-Độ kế chức Thứ-sử, bấy giờ Lư-Tuần* 盧循 *nổi loạn vào cướp Giao-châu, Tuệ-Độ đem binh đánh phá Lư-Tuần, ở Long-biên, kế lại đem binh binh được giặc Lâm-ấp có công, khi Tuệ-Độ ở châu, mặc áo vải ăn cơm rau, theo lối cần-kiệm, không có chút gì là quan-dạng, rồi lại sửa nhà học-hiệu để tôn thánh-đạo, cấm cả dâm-từ, không được mê-tín quỉ-thần chính-sự rất là chu-tất, việc quan coi như việc nhà vậy. Lại dân ai cũng kính sợ và có lòng yêu-mến, cũng đáng là vị tuần-lương vậy. Khi mất, tặng làm tả-tướng-quân, cử con trưởng là Hoằng-Văn* 弘文 *kế chức Thứ-sử. Hoằng-Văn tại-quan, chính sự khoan-giản, rất được lòng dân, cho nên trong hạt yên cả trộm cướp, cửa ngoài không đóng, đi đường không ai nhặt của rơi, riêng chiếm một chỗ thái-bình cảnh-tượng, sau được tập-phong tước Long-biên-hầu. Hoằng-Văn ba đời kế chức Thứ-sử đều có chính-thanh, khen thay một nhà ba vị tuần-lương xưa nay ít có.*

10.— Triệu Xương 趙昌

Triều vua Đường Đức-tôn niên-hiệu Trinh-quán thứ mười chín, cử làm chức

An-Nam Đô-hộ. Khi trước Triệu Xương chưa đề-ly, Phùng Hưng 馮興 người đất Bường-lâm, nhà hào-phú có sức khỏe, hay bẻ gẫy sừng trâu, bắt hùm tay vo, nhân gặp Cao Chính-Bình 高正平 chính-sự phiền-nhiễu, phú-thuế nặng-nề, Lâm-ấp ai cũng ta-oán, bèn cùng với em là Phùng Hải 馮駭 suất đẳng-chúng vào vây phủ-thành, Cao Chính-Bình lo sợ mà chết. Phùng Hưng kéo vào trong phủ ở dân-chúng tôn làm Bố-cái đại-vương (tục bấy giờ gọi cha là bố, mẹ là cái, tôn như thế nghĩa là tôn như cha mẹ vậy). Chúng lại suy-cử con Phùng Hưng là Phùng An 馮安 làm đô-phủ quân. Bấy giờ Triệu Xương đề-ly, đem nghĩa-lý hiểu-dụ, Phùng An liền suất chúng ra hàng, rồi mà Triệu Xương đắp rộng La-thành để làm kế phòng-bị, xong đi du-lịch trong hạt, phàm những chỗ danh-sơn, đại-xuyên cùng các nơi cổ-tích, biên thành một tập, ở châu mười năm, cáo bệnh về hưu, nhà Đường cử Bùi Thái 裴泰 thay chức. Bùi Thái bắt dân phá bỏ ao chuôm trong thành, hợp đắp một cái thành cho rộng, dân-phu khó-nhọc. Bấy giờ nha-tướng là Vương Lý-Nguyên 王李元 giận đuổi Bùi Thái. Nhà Đường lại cử Triệu Xương sung chức Đô-hộ lần nữa, Triệu Xương đề-ly, phụ-lão trong hạt nghe tiếng đến mừng nói rằng : «Nay lại gặp được sứ-quân tái-lai, thời quốc-dân hạnh-phúc.» Từ đấy giặc cướp yên tĩnh, dân-sự đều được vui-vẻ làm ăn.

11.— Mã Tổng 馬總

Đời vua Đường Đức-tôn niên-hiệu Nguyên-hòa thứ mười bốn, bấy giờ An-Nam Đô-hộ là Lý Tượng-Cổ 李象古 chính-lệnh tàn-khắc, không giữ phép công, người Giao-châu là Dương Thanh 楊清 đời làm tù-trưởng, Tượng-Cổ thường vẫn giới-tâm, bèn cử Dương Thanh làm nha-tướng, và giao cho tinh-binh ba nghìn, để phòng-bị. Không ngờ Dương Thanh đã giữ được binh-quyền ở tay liền mưu với con là Chi-Liệt 志烈 vào đánh phủ-lỵ, giết Tượng-Cổ, rồi hợp với man Hoàng-đông và cướp trong châu. Lúc ấy nhà Đường cử Mã Tổng 馬總 làm chức Đô-hộ An-Nam, giữ tính thanh-liêm, không có nhiễu dân-sự chi cả. Lại đem nho-học khuyến-hóa quốc-dân, khiến đổi được cái phong-tục tốt, đâu đấy nghe tiếng lấy làm hoan-nghinh, không những trộm cướp được yên, mà những giặc man giặc mèo hết là quy-phục, rồi lại dựng cột đồng-trụ để ghi mình là con cháu ông Phục-ba tướng-quân.

12.— Mã Thực 馬植

Đời vua Đường Hiến-tôn niên-hiệu Nguyên-hòa thứ mười - bốn, bấy giờ quân phủ nổi loạn, quan Đô-hộ là Hàn Ước 韓約 bị Dương Thanh đuổi, phải chạy ra Quảng-châu, nhà Đường cử Mã Thực thay Hàn Ước làm chức An-Nam đô-hộ, người đất Phù-phong, đỗ tiến-sĩ, lại am-hiểu việc quan, khi tại-chức chỉ lấy văn-chương phong-nhã làm vui, chính-sự thanh-tĩnh, không có phiền-nhiễu đến dân, cho nên dân hạt ca-tụng, tuần-lương cho đến những bọn tù-trưởng cừ-khôi đâu đấy cũng đều kính-phục.

THIỆN-ĐÌNH

GIA-ĐỊNH TAM-HÙNG

Xưa nay những bậc anh-quân hiền-chúa gây lên được sự-nghiệp kinh-thiên động-địa, làm cho vẻ-vang cái lịch-sử của nước nhà, không phải một người làm nên được, tất phải nhờ có nhân-tài, người giúp mưu, kẻ giúp sức, kẻ lược-địa, người công-thành, đem mình hi-sinh cho việc nước, rồi sau mới thành được cái công-nghiệp hiển-hách như vậy.

Nước ta cuối đời nhà Lê, đương quãng thế-kỷ thứ mười-bảy, ngoài thời chúa Trịnh cướp quyền của vua Lê, trong thời Tây-sơn nổi loạn, mà Nam-kỳ lại bị Tây-sơn chiếm cứ Gia-định. Lúc ấy chúa Nguyễn thế cô sức yếu, nếu không nhờ được tam-hùng phò-tá, vị-tất đã nhất-thống được Nam-kỳ, mà nước ta thành ra tam-phân ngũ-liệt, sau này lại sợ gây ra một cái binh-hấn với nước Tàu nữa. Thế thời chúa Nguyễn gây nên được cái cơ-đồ nhất-thống chả phải công tam-hùng đấy ư? Tam-hùng là ai? là: Chu Văn-Tiếp, Đỗ Thanh-Nhân và Vũ Văn-Tính, ba người ấy đều quản ở Gia-định, bấy giờ Tây-sơn gọi là Gia-định tam-hùng, khiếp không dám phạm.

Chu Văn-Tiếp 朱文接

Triều Lê Cảnh-hưng, chúa Nguyễn đóng quân ở Gia-định, Tiếp đem binh qui-phụ với chúa Nguyễn, chúa Nguyễn bèn sai Tiếp suất các bộ-binh, đóng giữ thượng-đạo, cùng năm dinh tướng-sĩ liên-lạc với nhau, hễ động-dụng chỗ nào thì hợp các quân lại để ứng-cứu. Tự đấy thanh-thế chúa Nguyễn càng ngày càng lừng-lẫy ở xứ Nam-kỳ, sau chúa Nguyễn bị quân Nguyễn Huệ đuổi đánh đến dinh Tân-định, chúa Nguyễn phải chạy ra Hà-tiên, kế lại chạy ra Phú-quốc-đảo; rồi mà quân Tây-sơn kéo về Quy-nhơn, lưu bầy-tôi Hộ-bộ Bá 戶部伯 và Đỗ Bế-Trập 杜閉 䕶 giữ thành Gia-định.

Bấy giờ Chu Văn-Tiếp làm chức chưởng-dinh, có nghe tin chúa Nguyễn bị thua, bèn kéo quân vào Gia-định để cứu-viện, kéo cờ viết bốn chữ «Lương-sơn tả-quốc 良山佐國», Hộ-bộ Bá nghe tin binh Văn-Tiếp đã kéo đến nơi, bảo Đỗ Bế-Trập rằng: «Văn-Tiếp là tay danh-tướng, lược thao đủ sức, kinh-luân gồm tài, nay đã đem trọng-binh đến đây, thế mình chưa dễ địch được, không gì bằng lùi binh về Quy-nhơn để từ-đồ sau này cũng chưa là muộn.» Bế-Trập không nghe, hô các quân-sĩ sắp binh-mã khí-giới, đón quân Văn-Tiếp ngang đường. Văn-Tiếp bảo bộ-tốt rằng: «Ta nay tất gặp giặc giữa đường, nên phải chỉnh-bị quân-uy, cố sức để đánh thủ-tử». Bèn cử Phan Văn-Sĩ 潘文士 đi tiền-phong, quả-nhiên gặp giặc, liền hô quân xông vào trận tiền, quân giặc sợ chạy, Bế-Trập bèn lùi binh về Quy-nhơn. Văn-Tiếp bèn thu-phục được thành Gia-định, sai người đến Phú-quốc-đảo báo tiệp; chúa Nguyễn được tin lấy làm mừng rỡ, liền sai bách quan ngự xe đến Tứ-kỳ, Văn-Tiếp đã đem quân đến đón, trông thấy xe loan, sụp lạy ở bên đường, khóc mà nói rằng: «Không ngờ ngày nay lại được trông thấy chúa-thượng, thực là hân-hạnh vô-cùng.» Chúa Nguyễn ủy-dụ rằng: «Tuy được giang-sơn a-hộ, nhưng cũng nhờ công ngươi biết là đường nào»

Đoạn rồi chúa Nguyễn kéo binh về Sài-gòn, cử Chu Văn-Tiếp làm chức Ngoại-tả-chưởng-dinh, Tôn-thất Dụ

宗室裕 làm chức Ngoại-hữu-chưởng-đinh, rồi sai cai-cơ là Vũ Duy-Nguy 武維巍, Trương Phúc-Dĩnh 張福頴 chế-tạo chiến-thuyền để mưu tiến-thủ.

Năm sau Tây-sơn kéo vào cướp Gia-định, chúa Nguyễn nghe tin cáo-cấp, sai Dương Công-Trừng 楊公澄 đặt đồn Thảo-công ở bên nam-ngạn sông lớn, thuộc tỉnh Gia-định, sai Tôn-thất Mân 宗室曼 giữ đồn Giác-ngư ở bắc-ngạn, dưới sông thời liệt bày hơn trăm chiếc chiến-thuyền, để phòng-triệt. Bấy giờ Nguyễn Văn-Lã và Nguyễn Văn-Huệ đem chiến-thuyền tự cửa bể Cần-giờ, theo dòng nước kéo lên, bức đánh hai đồn ở hai bên sông. Quân chúa Nguyễn toan dụ giặc vào bên trong để lập trận hỏa-công, không ngờ nước triều lên, tự-nhiên nổi gió đông-bắc, ngọn lửa tạt lại, thuyền giặc không hề chi mà thuyền mình thì bị cháy, Tôn-thất Mân bị lăn xuống sông chết, Dương Công-Trừng thời bị giặc bắt được, Chu Văn-Tiếp biết lòng trời chưa tựa, dẫu có tài-trí đến đâu cũng chưa dễ mà địch được, bèn dẫn quân lùi. Lúc ấy chúa Nguyễn chạy ra sông Lật, quân Tây-sơn đuổi theo không có thuyền đò, sĩ-tốt nhảy xuống sông chết cũng nhiều. Chúa Nguyễn may được cá ngạc rước sang qua sông, bèn ngự ra đảo Phú-quốc. Lúc bấy giờ giặc đem quân thủy vây chung quanh đảo, thế rất gian-nguy, may mà lòng trời nương tựa, tự nhiên ban ngày mây kéo đen nghịt, mưa to gió lớn, sóng bể nổi lên ầm-ầm, thuyền Tây-sơn đắm chết vô-số, may quân chúa Nguyễn lại được thoát nạn.

Trước kia thua trận, chúa Nguyễn sai Chu Văn-Tiếp sang Xiêm-la để cầu-cứu, và cầm bức thư nói với thứ-phi chúa Xiêm. Đại-ý nói rằng: « Nay Tây-sơn đuổi đánh, thế thậm nguy-cấp, dám xin qui-quốc trước nghĩ đến nghĩa lân-bang, sau nhớ đến tình quyến-thuộc, may mà qua được lúc gian-nguy, khỏi được cơn nguy-biến, chúa tôi cảm tạ qui-quốc vô-cùng ». Thứ-cung đưa thư ấy cho vua Xiêm. Vua Xiêm ưng lời, Chu Văn-Tiếp liền trở về nước sai bộ-tướng đem thủy-quân ra Hà-tiên, và dâng mật-biểu tâu với chúa Nguyễn, xin đưa quốc-mẫu cùng chúa sang Xiêm để dỡ khôi-phục. Chúa Nguyễn tiếp được tờ biểu, trong lòng rất làm hoan-hỷ như cởi cơn buồn, bèn cùng với quốc-mẫu ngự ra Long-xuyên, hội với tướng nước Xiêm, kéo vào thành Vọng-các, vua Xiêm đón rước khoản-đãi rất là ân-cần, chúa Nguyễn vẫn thường phẫn-uất, cơm không muốn ăn, nước không muốn uống, như hình có ý lo-sợ. Vua Xiêm bảo rằng Chiêu Nam-Cốc 昭南谷 có tính dát hay sao? (tiếng Xiêm gọi vua là *Chiêu*, Việt Nam là *Nam cốc*). Chúa Nguyễn nói: « Tôi có phải là dát đâu, chỉ vì nghĩ đến công tiền-nhân sáng-tạo đã ngoại hai trăm năm, đến nay gặp phải quốc-vận gian-chuân, trách mình đức bạc tài hèn, không hay giữ được tôn-xã, đến nỗi phải trèo non vượt bể tới đây, thực là thiên-khổ vạn-khổ; nghĩ làm sao diệt được giặc để báo-thù rửa hổ, thời dẫu chết cũng cam-tâm, không biết qui-quốc có lòng thể-tất đến cái hoàn-cảnh ấy cho không? » Chúa Xiêm nghe nói cũng muốn giúp binh, nhưng trù-trừ chưa quyết, bỗng đâu thấy Chu Văn-Tiếp ở đâu chạy vào, vội-vàng ôm lấy đùi chúa Nguyễn, kêu khóc rất là bi-thương, chúa Xiêm hỏi tên kia có sự chi mà làm như vậy, Văn-Tiếp tâu rằng: « Muôn lạy điện-hạ, nay nước nhỏ bị phải cường-tặc lăng-bức, vì thế vua tôi phải lánh nạn tới đây, đêm ngày mong qui-quốc có lòng lân-tuất, nghĩ đến nghĩa lân-bang đem binh cứu-viện, chính là đại-hy-vọng của vong-thần vậy. Nếu viện-binh không đến thời tôn-xã nhà Nguyễn biết làm thế nào, dám tâu điện-hạ ơn trời lượng bể, trước nhớ đến nghĩa lân-bang, sau nhớ đến

tình quyến-thuộc, thời vua tôi vong-quốc này được đội ơn tái-sinh, muôn lạy». Nghe nói cảm-động trong lòng, bảo thần-hạ rằng: «Nay Chiêu Nam-Cốc có bầy-tôi trung-ái như vậy, thời đủ biết lòng trời cũng còn nương-tựa cho nhà Nguyễn, không có lẽ ta lại khiết-nhiên cho đánh. Liền sai hai quan tướng người trong họ là Chiêu Tăng 昭曾, Chiêu Sương 昭霜 suất quân thủy hai vạn, ba trăm chiến-thuyền, để dẫn chúa Nguyễn về nước. Chúa Nguyễn sai Chu Văn-Tiếp làm chức Bình-tây-đại-đô-đốc, đều bắt mọi quân họp với quân chúa Xiêm, phát binh tự thành Vọng-các đến đạo Kiên-giang, thẳng kéo đến xứ Ba-sắc, xứ Sa-đích, xứ Bân-thiết, chia binh đóng đồn các nơi, Chu Văn-Tiếp tiến binh chống giặc ở sông Bân-thiết, thuộc Hà-tiên, hai bên đối-trận rất là kịch-liệt. Văn-Tiếp nhảy lên thuyền giặc, toan lấy đầu tướng giặc treo xuống dưới cờ, bị giặc đâm phải trọng-thương, máu chảy thấm quần áo, liền xé vạt áo quấn vào chỗ thương, rồi bỏ quân xông vào bắt được tướng giặc là Chưởng-Tiền-Bảo 掌前保, chém ở trước trận, quân giặc sợ chạy, tướng giặc là Trương Văn-Ngạn 張文彥 chạy ra Long-hồ. Trận ấy thu được chiến-thuyền không biết bao nhiêu mà kể.

Văn-Tiếp bị thương, đau quá không thể gượng được, kêu lên một tiếng rằng: «Trời ơi! Trời ơi! Trời chưa cho ta bình được giặc Tây-sơn hay sao?», Nói xong lăn ra mà chết. Chúa Nguyễn thương xót dậm chân khóc rằng: «Ông Tiếp ơi! ông Tiếp ơi! Thương ông tiếc ông biết thuở nào nguôi, ông chết vì nước tiếng ông muôn đời.» Bèn cho gấm lụa, sai tướng-sĩ làm lễ khâm-liệm, tang-tế rất là cẩn-thận, quân-sĩ ai cũng thương tiếc, khóc như mưa. Rồi cử Lê Văn-Quân 黎文均 thay Văn-Tiếp làm chức Tổng-nhung, lại sai cai-cơ Nguyễn Văn-Thành thu tập dư-đảng ở Đông-sơn, hợp với quân Xiêm để bình giặc. Một hôm bảo với chư-tướng rằng: «Quân nước Xiêm tàn ngược, đến đâu thì cướp bóc của dân, làm lắm sự phi-pháp, nay Chu Văn Tiếp chết, không có ai mà kiềm-chế được, nếu được thành Gia-định mà để cho dân-sự ta-oán, lòng ta không nỡ làm, nghĩ nên lùi quân để từ-đồ, có lẽ phải hơn. Không bao lâu Nguyễn Huệ đem chiến-thuyền vào Sài-gòn, sai bộ-tướng đem phục-binh đóng ở bên sông Suy-miệt, thuộc tỉnh Định-tường, dụ cho quân Xiêm lại đánh, tướng nước Xiêm là Chiêu Tảo, Chiêu Sương có ý khinh-chiến; bèn dẫn binh thẳng đến Mỹ-tho, bị quân Nguyễn Huệ đánh úp, hai tướng thua, chúa Nguyễn biết tin, than rằng: «Nếu trời còn để Chu Tiếp thời quân Xiêm không đến nỗi hại.»

Năm Minh-mệnh thứ năm nhớ công Chu Tiếp truy-tặng Lâm thao quận-công, tùng-tự ở nhà Thái-miếu.

Đỗ Thanh-Nhân 杜清仁

Cuối đời Lê Cảnh-hưng năm bính-thân, Nguyễn Nhạc tâu suất nhân-đinh ở Qui-nhơn sung vào binh-ngũ, sai em là Nguyễn Lã đem thủy quân vào cướp Gia-định, chúa Nguyễn lánh giặc ngự ra dinh Trấn-biên. Nguyễn Nhạc tự-xưng là vua Tây-sơn, đúc ấn vàng ba lần mới thành, ban cho Nguyễn Huệ làm chức Long-nhung tướng-quân. Bấy giờ Đỗ Thanh-Nhân coi đạo binh ở đông-sơn suất quân-sĩ tiến đến Sài-gòn đánh đuổi Tây-sơn, thu-phục lại được Gia-định, rồi sai quân rước chúa Nguyễn trở về hành-dinh yên nghỉ, Đỗ Thanh-Nhân nhân việc ấy có công-trạng, thăng chức ngoại-hữu-chưởng-dinh Dương-quận-công.

Năm đinh-dậu thứ mười-hai, binh Tây-sơn lại đem thủy-binh bộ-binh

vào cướp Gia-định. Bấy giờ chúa Nguyễn đã trao ngôi cho Đông-cung làm Tân-chính-vương (tức là vua Gia-long). Đông-cung đem binh chống đánh thua trận phải lùi quân đóng ở sông Chanh thuộc Gia-định. Chúa Nguyễn xuất bốn nghìn quân Đông-sơn đến cứu, rồi tiến quân đến đất Tài-phụ, truyền cho Tân-chính-vương rằng: Sau đường sông Chanh binh-quyền Tân-chính-vương tự đương. Trước đường Tài-phụ binh-quyền ở ta tự đương.» Lại sai chư quân lập hội thủy-trận để đợi giặc đến, rồi mà Tây-sơn kéo binh đến đánh Tài-phụ, chúa Nguyễn phải chạy ra Long-hưng thuộc Gia-tường, nhân gặp trời mưa lớn, giặc đuổi không kịp. Đỗ Thanh-Nhân đem binh tự đất Gia-khê cứu-viện, rồi rước chúa Nguyễn ra Cần-thơ cùng với quân Trịnh Thiên-Tích hợp một đạo, binh Tây-sơn lại tiến đánh sông Chanh, Tân-chính-vương phải lùi quân đóng ở Xa-tại-tân; lúc ấy Đỗ Thanh-Nhân suất bộ-thuộc là Lê Văn-Quân củ-hợp nghĩa-binh ở Tam-phụ, hịch cho các đạo Thống-nhung là Nguyễn Văn-Hoằng 阮文弘, Chưởng-dinh là Tôn Phúc-Lương 宗福楊, Điều-khiển là Dương Công-Trừng 楊公澄, Cai-cơ là Hồ Văn-Lân 胡文璘 đều phải đem quân đến cùng với giặc bội đánh ở dinh Long-hồ thuộc Vĩnh-long, tiến đánh Gia-định, quân Tây-sơn lại đem thủy-binh giữ Trấn-biên. Đỗ Thanh-Nhân lại hợp với Lê Văn-Quân 黎文勻 và Nguyễn Văn-Hoằng hợp-binh chống giặc ở Ngưu-chử, lại tiến quân đến Lộc-dã thuộc tỉnh Biên-hòa chém được hai tướng giặc là Liêm 廉 và Lăng 陵. Hai người bên thu-phục được Trấn-biên.

Năm sau nước Cao-miên nổi loạn, Đỗ Thanh-Nhân lại phụng-mệnh đi binh giặc Cao-miên, dựng Nặc-ấn làm vua, lưu bộ-tướng là Hồ Văn-Lân ở lại để bảo-hộ nước Cao-miên.

Đỗ Thanh-Nhân có công đới-dực, thăng chức Ngoại-hữu phụ-chính Thượng-tướng-quân, cùng các tướng-sĩ đều được thăng-thưởng. Thanh-Nhân tự đấy có công lớn, có ý kiêu-ngạo, sinh-sát giữ đặc-quyền ở trong tay. Vua thường ngự ra chơi nhà, tình rất thân-mật, Thanh-Nhân lược bỏ lễ vua tôi, cử-động nhiều việc khinh-suất. Một hôm Tôn-thất Khiêm mật-tâu với vua rằng: «Xưa nay quyền-thần tiếm-loạn, công lớn bao nhiêu thời tội lớn bấy nhiêu, nếu không sớm liệu đề-phòng, sau này gây nên cái thế (vĩ-đại bất-trạo, sợ không kịp phòng.» Vua nghĩ hồi lâu rằng: « Việc đó ta biết rồi, nhưng không nên lộ.» Bên sắc có bệnh, sai người triệu Thanh-Nhân vào dinh để bàn việc. Thanh-Nhân vừa đến chỗ ngự-truyền, vệ-sĩ trói lại, rồi đọc tội-trạng cho Thanh-Nhân nghe, rồi đem hành-tội, còn đảng-thuộc của Thanh-Nhân sẽ cô-thứ cho; chia đạo Đông-sơn ra làm bốn quận, Lê Văn-Quân thời chưởng tiền-quân, Vũ Văn-Lộ thì chưởng hữu-quân, Đống Phúc-Lương thời chưởng tả-quân, Trương Văn-Bác thời chưởng hậu-quân. Lúc ấy đảng-tốt của Thanh-Nhân đều trốn ra Tam-phụ làm giặc, đưa thư chiêu-dụ đều chống mệnh không tuân. Anh em Tây-sơn nghe Thanh-Nhân chết mừng nói rằng: « Thanh-Nhân chết, chư-tướng ta không đủ sợ.» Bèn đem hơn trăm chiếc thuyền vào cướp cửa bể Cần-giờ, lại tiến binh đến cửa thành Gia-định.

Vũ Văn-Tính 武文性

Tổ-tiên vốn người Phúc-an, tỉnh Biên-hòa, sau dời ở Bình-dương (thuộc Gia-định), còn ít tuổi đã có chí-khí khảng-khái, trí khôn sức khỏe hơn người, nhà có tư-bản, nói với mẹ bỏ của ra để chiêu-mộ hào-kiệt, dấy nghĩa-binh ở đất Phù-viên, rồi kéo quân đến Định-tường giữ nội Khổng tước (thuộc Tân-hòa), có quân hơn

vạn, hễ giặc Tây-sơn kéo qua đến địa-hạt thì đem binh đánh giết, giặc thường kinh sợ, bảo nhau rằng: « Gia-định có ba tay anh-hùng Vũ Tính là bậc nhất, chớ có xâm-phạm đến mà uổng mạng tôi. »

Bấy giờ Vũ Tính nghe tin chúa Nguyễn đóng ở dinh Vĩnh-tấn, bèn suất bộ-thuộc đến hành-dinh bái-yết, chúa Nguyễn ban cho chức Khâm-sai tổng-nhung-chưởng cơ. Biết là có mưu-lược, có can-đảm, xuất-sắc hơn người, bèn đem công chúa Ngọc-Du gả cho, bảo rằng: « Ta muốn đem việc binh ủy cho ngươi, đừng nên cô-phụ cái lòng chú-vọng của ta. »

Chúa Nguyễn đem quân đến Sài-gòn, sai Nguyễn Văn-Tường giữ đất Mỹ-tho, Lê Văn-Minh giữ đồn Ngũ-kiều và sai Vũ Tính cùng Tôn-thất Hội đem quân đốc-chiến, mình tự đem quân đi thuyền, sai quân thủy quân lục hai quân giáp đánh, rồi mà thu-phục được thành Gia-định. Lê Văn-Quân cùng với chư-tướng là Nguyễn Bảo-Trí 阮保智 Tống Phúc-Đàm tâu xin tiến quân đến lấy Bình-thuận. Nguyễn Văn-Thành 阮文誠 nói rằng: « Gia-định mới khôi-phục xong, dân tình chưa được yên-ổn, nay lại vội đem quân lấy Bình-thuận, tuy lấy được thì dễ, giữ được thì khó, không bằng dưỡng-uy súc-nhuệ để từ-đồ là thượng-sách. » Chúa Nguyễn không nghe theo lời lũ Văn Quân quyết đánh, bèn sai bộ-thuộc tiến quân đi trước, Nguyễn Văn-Thành làm phó-tướng, chúa Nguyễn bảo Văn Thành rằng: « Ta nghe thấy Vũ Tính cùng với Văn Quân ý-kiến không hợp, sợ có ngộ-sự sau này, ngươi phải liệu đó mà điều-đình, đừng để hai người có sự gì xung-đột với nhau, việc đó ta ủy-thác cho ngươi ». Văn-Thành vâng lời, lạy tạ xin đi.

Vũ Tính cùng với chư-tướng đến đánh Phan-lý. Tướng Tây-sơn là Đào Văn-Hồ kéo quân lùi, Nguyễn Thành đón đánh đầu lối, quân Tây-sơn vỡ chạy, bèn thu-phục được Bình-thuận. Văn-Thành lại tiến quân đến lấy Duyên-khánh, Vũ Tính đóng quân ở Tam-đầu để ứng-viện. Lại chia các thuộc-tướng đặt ba đồn ở đất Nha-phân, đất Mai-lang để phòng-thủ, tướng Tây-sơn là Hồ Văn-Tự 胡文緒, Nguyễn Công-Thái 阮公泰, Từ Văn-Tú 徐文秀, tự đất Duyên-khánh đem chín nghìn binh đi thuyền đến cửa bể Phan-rang rồi kéo bộ vào vây đồn Nha-phân đồn Mai-lang. Lê Văn-Quân binh ít không thể địch được, lùi giữ đất Ỷ-la, đưa thư cáo cấp, chúa Nguyễn liền sai bộ-tướng cầm thư đưa tờ mật-dụ Văn-Thành phải đem binh đến ứng-cứu, cử Phạm Văn-Nhân làm tiền-phong hợp cùng với Vũ Tính tiến đến sau. Chúa Nguyễn thân-đốc quân thủy ngự ra cửa bể để phòng-tiệt, rồi lưu Tôn-thất Tuy 綏 và Tôn-thất Hội 會 ở lại giữ thành Gia-định, chúa Nguyễn lại đưa quân tiến đến cửa bể Cần-giờ, sai người đến dụ chư-tướng rằng: « Lũ ngươi liệu giặc có thể đánh được, phải nên cùng lòng hợp sức, quyết-chiến một phen, để báo-thù rửa hổ, nếu chưa gặp được cơ-hội thì đừng nên khinh chiến, phải nên đóng bền giữ lấy thành-lũy, để đợi đại-binh tiến đến rồi sẽ hay. »

Văn-Quân, Văn-Thành mở đồn kéo quân cùng giặc quyết-chiến, từ sớm đến nửa ngày, trong ngoài giáp đánh, quân Tây-sơn chết hại cũng nhiều. Trận ấy quân ta thắng, ra chiếu ban quân về, vua ngự xe về Gia-định. Sau Tây-sơn lại chiếm-cứ phủ Duyên-khánh, chúa Nguyễn ngự ra cửa bể Nha-trang sai Tiền-chi-hiệu-ủy Nguyễn Văn-Đắc, Tả-chi hiệu-ủy Nguyễn Văn Lương đánh đồn Hoa-bông, giặc bỏ đồn chạy, bèn thu-phục được phủ Duyên-khánh, kế lại sai Vũ Tính chọn quân-vệ tiến đến phủ Bình-khang, chưa kịp đánh, tướng giặc là Vũ Huy

武 揮 nghe tiếng Vũ Tính đã kéo quân đến, sợ chạy về Quy-nhơn, còn những dư-đảng xin ra hàng, tự đấy thu-phục được phủ Bình-khang, sai Nguyễn Thoan 阮 瀚 làm chức Lưu-thủ, để giữ việc trong phủ.

Chúa Nguyễn lại ngự đến cửa bể Xuân-đàm, tướng Tây-sơn là Phạm Văn-Điền thua chạy, thu-phục được binh-khí và lương-xướng cũng nhiều, bèn thu-phục được Phú-an, nghe tin báo-tiệp, bèn thưởng cho tướng-sĩ ba nghìn quan tiền, rồi đặt đồn lũy ở chợ Hội-an, sai quan phòng-thủ, chúa Nguyễn lại tiến quân đến cửa bể Thi-nại, sai Vũ Tính suất những vệ-binh đi đường bộ tiến đánh các đồn lũy ở chợ Thi-nại, rồi thừa-thế lại tiến-binh đến phá ở cầu Tân-hội, giặc lùi về Úc-sơn, quân Vũ Tính thừa-thắng tiến đánh ở nội Bình-thịnh, Tây-sơn Nguyễn Văn-Nhạc sai con là Nguyễn Văn-Bảo cùng với quân ta giao-chiến; lúc ấy lại gặp được Tôn-thất Hội, đem bộ-binh ra đất Hà-nha và đất Cù-mông, chia đường giáp đánh, Nguyễn Văn-Bảo lại sửa đắp đồn lũy để chống với quân Vũ Tính, chúa Nguyễn bèn mật-dụ Tôn-thất Hội cùng với Nguyễn Văn-Thành suất quân-đội qua núi Kỳ-sơn hội với quân Vũ Tính đánh úp đàng sau, giặc bất-ý kinh sợ, quân-sĩ cùng với voi chạy tán-loạn, dẫm nhau mà chết không biết chừng nào. Nguyễn Văn-Bảo thua trận cùng với chư-tướng lùi về giữ thành Quy-nhơn. Chúa Nguyễn sai Vũ Tính, Nguyễn Quản-Đức, Nguyễn Văn-Thành, Tôn-thất Hội hợp các đạo binh tiến đến, vây thành Quy-nhơn, Nguyễn Văn-Nhạc sai đô-đốc, Đào Văn-Hồ cùng các bộ-tướng lập đồn Dê-phụ và xứ Ngạc-trì, xứ Tam-tháp chống đánh, chúa Nguyễn sai các đạo binh đem hỏa-công cùng đại-bác đánh phá Quy-nhơn, Nguyễn Văn-Nhạc đóng quân trong thành có hơn vạn người, bền giữ các đồn, nên đánh mãi không vỡ; quân ta lại đánh đồn Dê-phụ, bắt được tướng giặc là Đào Văn-Hồ, còn đảng-tốt đều kéo ra hàng, đồn Ngạc-trì nghe tin kinh sợ bỏ chạy, duy có đồn Tam-tháp giặc vẫn đóng bền, chưa chịu hàng-phục. Các đạo quân lại tiến vây thành Quy-nhơn, Nguyễn Văn-Nhạc thế cùng, sai người đến Phú-xuân cáo-cấp, Nguyễn Quang-Toản 阮 光 瓚 sai Nguyễn Văn-Huấn 阮 文 訓 Lê Trung 黎 忠 Ngô Văn-Sở 吳 文 楚 đem bộ-binh một vạn bảy nghìn người, voi tám-mươi đôi và Đô-đốc Hố 都 督 嘑 Chưởng-cơ Thiêm 掌 奇 添 suất thủy-binh ba-mươi chiếc thuyền kéo đến Quy-nhơn để cứu-viện, quân Tây-sơn mới kéo đến sông Trà-khúc, cùng với quân ta chống đánh, quân ta bị thua, chúa Nguyễn mệnh chư-tướng rút quân về, rồi ngự thuyền ra cửa bể Xuân-đài, sai Vũ Tính và Nguyễn Văn-Trương 阮 文 彰 đem quân thủy để theo thuyền ngự. Sai Tôn-thất Hội đem bộ-binh giữ trấn Phú-an, Nguyễn Hoàng-Đức 阮 黃 德 giữ Na-thái-trung-đạo, Nguyễn Long 阮 龍 giữ Thạc-thành thượng-đạo, Vũ Văn-Lương 武 文 良 và Nguyễn Văn-Nhân 阮 文 仁 đem chiến-thuyền giữ Lâm-ấc hạ-đạo, kế lại sai Vũ Tính quản-lĩnh năm vệ-binh và tướng-tốt mới ra hàng đi chiến-thuyền về giữ Gia-định.

Năm giáp-dần Tây-sơn sai Tổng-quản là Trần Quang-Diệu 陳 光 耀, Tả-lệ là Lê Trung 黎 忠, đem quân thủy quân bộ, cướp thành Phú-an. Vũ Tính khẳng-khái tâu rằng: « Giặc Phú-an tôi xin một mình tự-đương, không có quản-ngại chi cả ». Chúa Nguyễn khen là người có đảm-lược và dụ rằng: « Giặc ở xa đến, ngươi nên bền giữ đừng có đánh vội, lấy mình thong-thả đợi giặc mỏi-mệt, chính là mưu vạn-toàn vậy ». Lại ban áo quần cho Vũ Tính cùng bộ-tướng mà dụ rằng: « Ngươi là nanh-vuốt của ta, vì ta bết lòng phò-tá; nhớ ngày đánh ở Thi-nại,

ngày thời chống gươm thề bể, đêm thời gối giáo nằm sương, trải sáu tháng trời việc binh-chiến thật là lao-khổ, phương-chi lâu nay theo việc chiến-trường nỗi gian-nan kể sao cho xiết, nên ta ban cho y-phục để dãi chút cảm-tình ».

Tây-sơn lại đem binh vào cướp chỗ địa-đầu đất Bình-khang. Vũ Tính tâu xin đánh thủ-tử. Chúa Nguyễn bèn dụ rằng: « Nay trời gió bấc, giặc thừa khi thuận gió thuận nước, kéo quân thủy vào đất Bình-khang, ý quân giặc cốt ở phủ Duyên-khánh mà thôi, vì phủ ấy chứa nhiều khí-giới lương-thực, nên phải dự kế đề-phòng, giặc thốt-nhiên kéo đến, ta phải nên tri-trọng, giặc cố-thủ thời ta đánh, giặc đánh thời ta cố-thủ, liệu-cơ ứng-biến đừng có khinh-động, đợi lâu ngày giặc sinh lười biếng, ta sẽ liệu cơ đánh úp phá giặc, thời cũng không khó chi ». Bèn sai Nguyễn Văn-Kinh đem các bộ-binh đến phủ Duyên-khánh theo Vũ Tính chỉ-huy mệnh-lệnh, nếu trái phép sẽ cứ quân-pháp thi-hành.

Vũ Tính lại phụng-mệnh ra trấn-thủ thành Duyên-khánh. Tướng Tây-sơn là Trần Quang-Diệu 陳光耀 kéo quân đánh, toan trèo lên thành vào bên trong, bị súng ở trên mặt thành bắn xuống, quân chết như rạ. Giặc lại đắp lũy ở ngoài thành, chung quanh cao năm thước, định làm cho trong thành tuyệt lương-thực, Vũ Tính đóng cửa thành cố giữ, bấy giờ trong thành tuyệt-lương, tình-trạng rất là thống-khổ, Vũ Tính gọi quân-sĩ úy-dụ rằng: « Ta nay trông thấy cái tình-hình quân-sĩ như vậy, ta cũng lấy làm xót lòng đau ruột, nhưng vì hai chữ trung-nghĩa còn chất trên vai, nên ta quên cả cái cảnh-huống ấy, ta nghĩ quên mình báo nước ở ngày nay, hết lòng báo chúa cũng ở ngày nay, mà lũ ngươi vì ta lập được công-trạng cũng ở ngày nay. » Chư-tướng nghe lời lấy làm cảm-khích, lại mộ một người cảm-tử thừa lúc đêm vắng cầm tờ mật-biểu trèo qua thành vượt qua lũy ra ngoài để báo cho chúa Nguyễn biết. Chúa Nguyễn lâu nay bị đường-sá ngăn trở, không biết tin-tức ở trong thành thế nào, nay tiếp được tờ biểu khen rằng: « Tướng-sĩ có bụng trung-thành như vậy thực là đại-hạnh cho xã-tắc. » Rồi mật-dụ cho Vũ Tính rằng: « Đạo làm tướng quí mưu mà không quí mạnh, đừng tham đánh cũng đừng tham công, kế ngày nay không gì bằng đóng binh bền giữ, để đợi giặc lâu ngày lao-quyện, để ta còn chỉnh bị khí-giới lương-thực đâu đấy sẵn sàng, đến bấy giờ bên ngoài bên trong giao-chiến, phá hết sào huyệt, tưởng cũng dễ như trở bàn tay vậy.

Khi Vũ Tính tiếp được tờ dụ, bèn yên trí cố-thủ ở trong thành.

Đoạn rồi chúa Nguyễn thân-đốc các đạo tướng-quân, đem binh đến Duyên-khánh, lưu thái-tử Cảnh giữ Gia-định, cử Phạm Văn-Nhân, Tô Văn-Đoái 蘇文兌, Phan Thiên-Phúc 潘天福, Nguyễn Văn-Nghị 阮文濟, để giúp việc cho thái-tử, rồi sai chưởng-cơ Nguyễn Văn-Tương điều-bát quân-sĩ, để đi dẹp giặc, ngự thuyền đến cửa Úc, sai Tôn-thất Hội điều-bát các đạo binh, tiến đến Phan-thiết, rồi kéo đến đóng ở đất Suy-miệt để phòng-bị, lại sai Trương Phúc-Trạch 張福澤 điều-bát các đạo thủy binh, tiến đến đất Ý-la cướp lấy kho gạo của giặc được nghìn phương, rồi lại cử Tống Viết-Phúc 宋曰福 đem vệ-binh phá giặc ở cửa Duyên-úc, bắt được Đô-đốc Nguyễn Văn-Nhai, dư-đảng sợ chạy, báo tin cho chúa Nguyễn biết, chúa Nguyễn dụ rằng: « Đạo dùng binh quí ở vạn-toàn, chớ đừng lấy tiểu-thắng làm mừng, vả ta nghe quân giặc dự-bị chiến-thuyền rất nhiều mà thuyền

quân ta bị phải ngược gió chưa tiện vượt qua bể, nếu không đề-phòng cẩn-thận, một sớm giặc đem đại-binh kéo đến, chưa biết thắng-phụ như thế nào, chả thà ta sẽ lùi quân về đất Vị-lê để giặc tưởng mình dút-dát, tự-đắc kiêu-căng không kịp phòng bị, đợi khi gió thuận ta sẽ đem đại-binh đi thuyền đánh úp cũng chưa là muộn.

Rồi mà chúa Nguyễn đi thuyền ra cửa bể Cần-giờ, kế lại tiến đến cửa Cù-huân, sai Nguyễn Văn-Thành và Lê Văn-Duyệt kéo quân lên bờ đóng đồn phòng thủ, và phát mấy tiếng súng lớn liên-thanh, để cho Vũ Tính ở trong thành biết rằng đại-binh đã kéo đến ứng-viện. Lại sai Nguyễn Long 阮龍 và Mai Tiến-Vạn 枚進萬, Nguyễn Văn-Nguyện 阮文願, Nguyễn Văn-Quế 阮文桂, Trần Văn-Đắc 陳文得 đem binh theo đường gián-đạo để ứng tiếp với quân Vũ Tính, đêm thời đánh trống đốt lửa, ngày thời giương cờ bày giáo, giả làm sắp trận tiến đánh, nhưng hễ thấy giặc đến thời giữ hiểm, không có đối-trận giao-công, hễ giặc đi thời đem binh đuổi sau, khiến cho quân nó lao-quyện rồi ta sẽ nhất-cử thành-công.

Một hôm có một kiện-tốt ở thành Duyên-khánh lẻn đến chỗ hành-tại, tâu với chúa Nguyễn rằng: « Nay Vũ Tính bị bệnh, mà tướng-sĩ đau ốm cũng nhiều. » Chúa Nguyễn hỏi các bệnh chứng như thế nào, rồi thảo tờ dụ và sai điều-hộ dự-bị thuốc-thang giao cho tên ấy nhảy vào trong thành đưa cho Vũ Tính. Dụ rằng: « Ngươi cùng với tướng-sĩ bền giữ cô-thành đã gần tám tháng nay, trải mùi đắng cay, lắm nỗi gian-khổ, ta cũng muốn đem quân đến giải vây, để ngươi cùng tướng-sĩ sớm đường nghỉ-ngơi, nhưng ta đã liệu tình-hình giặc hiện nay cùng-quẫn, chẳng bao lâu giặc cũng giải-tán. Nay tiếp được tin lấy làm ái-ngại cho ngươi lắm, ngươi cần phải nên điều-dưỡng, khiến được chóng khỏi, để vì ta tiết cái phẫn cho thần-dân, báo được cái thù cho tôn-xã, há chỉ khu-khu một cái thành Duyên-khánh ư. Ta coi ngươi rất là quý-báu gấp trăm gấp nghìn cái thành Duyên-khánh kia, ngươi cứ yên lòng phục-dược, ta quyết trong tuần nhật đem binh phá giặc, khiến ta được cùng với ngươi, khiến ngươi được cùng ta tụ-hội một nhà, ngươi đừng ngại ». Rồi lại bảo thư cho Tôn-thất Hội rằng: « Bấy-tôi xã-tắc duy có ngươi với Vũ Tính mà thôi, nay thành Duyên-khánh bị vây đã lâu, Tính lại bị bệnh, vạn-nhất có biến-cố ta biết làm thế nào, ngươi phải cần chỉnh-bị quân-nhung chia các đạo đánh đàng trước ».

Năm đinh-tị Vũ Tính cùng với Nguyễn Văn-Thành, đem bộ-binh đánh Tây-sơn ở chợ Hội-an, phá được đồn lũy; tướng giặc Trần Quang-Diệu đem binh đến giữ cửa Úc. Chúa Nguyễn sai Thái-tử Cảnh quản-lĩnh tả-quân tướng-sĩ vào cửa bể Đại-chiêm (thuộc Quảng-lang), chiếu dòi Vũ Tính đem binh ở Phú-an đến hội, và dụ rằng: « Giặc nay đem hết quân đến giữ cửa Đà-nẵng, đồn Đại-chiêm không có phòng-bị, ngươi nên cần phải đem quân hợp với Đông-cung chiếm giữ dinh ấy, rồi sau sẽ kéo binh ra Đà nẵng. » Vũ Tính tuân mệnh, cùng với Đông-cung Cảnh, tiến binh đến đất Đại-chiêm, gặp Đô-đốc giặc là Nguyễn Văn-Ngũ 阮文伍 đi thuyền ở ngoài bể hò quân tiến đánh, phỉ-đảng là Dương Khả-Đại 楊可大, Dương Long-Phát 楊龍發 kinh sợ bỏ chạy, thu được chiến-thuyền hơn ba-mươi chiếc.

Năm kỷ-mùi, tướng giặc là Lê Văn-Ứng 黎文應 đem tinh-binh năm nghìn, voi năm-mươi đôi mưu đến ấp Tây-sơn-thượng, thu chứa quân-lương để mưu tiến-thủ, Vũ Tính đưa hịch cho Nguyễn Văn Thành chọn tượng-binh-úy cho Nguyễn Đức-Xuyên

阮德川 làm quân tả-đạo, Lê Chất 黎質 làm quân hữu đạo, (Lê Chất là tướng Tây-sơn ra hàng) mà mình thời quản-chưởng quân trung-đạo, định ngày tiến đánh. Tướng giặc Lê Văn-Ứng 黎文應 kinh sợ trốn mất.

Ứng đã thua trận, đẳng giặc là Lê Văn-Thanh 黎文清, Nguyễn Đại-Phát 阮大發, Dương Tiến-Thúy 楊進翠 đẳng tờ biểu đem thành xin ra hàng, chúa Nguyễn ủy-dụ rằng: «Nay lũ ngươi đã biết hồi-tâm hướng-thuận, ta cũng đãi lấy cái lòng thành-thực, lỗi trước không có kể chi, trước là cừu-địch, nay là vua tôi, lũ ngươi đừng có nghi sợ chi cả, bèn mệnh gác xe vào trong thành, cấp cho tướng-sĩ ở đó và năm nghìn quan tiền, rồi cải thành Quy-nhơn làm thành Bình-định, và sắc cho dân-cư ở ngoài thành nhà nào bị giặc đốt phá thời tha cho sưu-thuế một năm, còn những lão-nhiêu, tàng-tật thời được miễn cả dao-dịch, và chiếu cho những dân trong hạt biết rằng: «Từ khi bị Tây-sơn tàn phá đến nay, người nào không chịu theo Tây-sơn mà phải chém giết ấy, sức cho sở-tại phải kê tính-danh, quán-chỉ và sự-trạng thế nào, do Lễ-bộ sát-thực, sẽ được dự-tế, để yên-ủi linh hồn; còn những con cháu tùy tài bổ chức, người không tài thời tha cho thuế thân.

Rồi mà sai Vũ Tính thống-lĩnh dinh hậu-quân kiêm cả tả-hữu trung-quân và tướng-sĩ hai vệ (vệ Thiên-tường và vệ Trực-tín) cùng với Lễ-bộ Ngô Tùng-Chu lưu giữ trấn Bình-định.

Khi ấy Trần Quang-Diệu bảo Vũ Văn-Dũng rằng: «Ta nghe tiếng Vũ Tính đã lâu, chư-tướng không ai dám địch, nay giữ cô-thành, ta đem binh đến đánh, rồi đem thủy-binh phòng-triệt ở cửa Thi-nại, khiến cho quân viện rở đường không được đến, và triệt những đường vận lương, thời tất có cơ phá được. Bèn nói với Nguyễn Quang-Toản định ngày chia đạo tiến binh. Quang-Toản ư lời, Quang-Diệu bèn suất bộ-binh đến đất Thạc-tân, Vũ Văn-Dũng suất thủy-binh vào cửa Thi-nại, kể hơn hai vạn quân, binh-thế rất là hùng-dũng, rồi kéo đến dưới thành, có ý khiêu-chiến, nhưng Vũ Tính biết thế giặc đương mạnh, chưa có thể đánh được, bèn thu quân giữ cửa thành, rồi truyền cho quân-sĩ không được náo-động. Tướng giặc Văn-Diệu cùng Văn-Dũng sai quân-sĩ đắp lũy ở ngoài thành vây cả bốn mặt để làm kế bền giữ lâu dài.

Sau Vũ Tính nghe thấy quân thủy quân bộ đem đến cứu-viện, bèn khích-khuyến chư-tướng liều chết với giặc, giao-chiến đã hơn hai-mươi trận, không thua trận nào, nhưng vì lâu ngày quân-sĩ mỏi mệt mà lương-thực cũng thiếu, hoặc có người khuyên Vũ Tính vượt vây mà lẻn ra ngoài, Vũ Tính không nghe, nói rằng: «Ta vâng mệnh giữ thành này, thời ta cũng thề cùng với thành mà liều chết, nếu bỏ thành thoát lấy mình thời còn mặt mũi nào trông thấy chúa-thượng nữa.»

Bấy giờ quan-quân đến cứu-viện đã gần hai năm trời, đánh mãi không tài nào giải vây được. Chúa Nguyễn bèn sai một người giỏi nghề lặn nước, lặn từ cửa bể lẻn vào trong thành bảo với Vũ Tính bỏ thành mà ra, để hội với quan quân rồi sẽ mưu quyết-chiến, Tính nhất-định xin ở đây cố-thủ và sai người cầm tờ mật-biểu ra tâu rằng: «Nay giặc suất cả quân-sĩ cô-trú ở thành này, tất là thành Phú-xuân không có phòng-bị, không gì bằng thừa-hư đem quân tiến đánh, chẳng khác gì đồi gạch lấy vàng, dẫu liều một mình tôi mà đổi được thành Phú-xuân, thời tôi ở dưới cửu-tuyền cũng được thỏa cái linh-hồn vậy».

Chúa Nguyễn được lờ biểu mới quyết-ý đem quân do đường thủy kéo đi ban đêm, trèo qua núi Độc-sơn đốt lửa làm hiệu, Vũ Tính ở trong thành thấy hỏa-hiệu, bèn mở cửa thành ra đánh, giết được hai tên tướng giặc, nhưng vì ngoài thành lại có lũy rất là kiên-cố khôn dễ mà giải vây được.

Khi ấy trong thành tuyệt cả lương-thực, quân sĩ phải giết voi ngựa mà ăn, xem ra ai cũng quyết-chí hy-sinh về việc nước. Vũ Tính sợ thành hãm thời tướng-sĩ tổn đến tính-mệnh cũng nhiều, chả thà mình chết trước, cho khỏi đi-lụy đến tướng-sĩ, bèn đưa thư ra nói với Trần Văn-Diệu rằng: « Ta làm chủ-tướng, ta đành liều chết ở dưới cờ, còn tướng-sĩ không có tội gì, ngươi đừng nên nỡ tay tàn-hại. » Kế gọi tướng-sĩ bảo rằng: « Ta nay muốn liều chết, nhưng ta không muốn cho quân giặc trông thấy mặt ta. » Nói xong sai quân chất củi ở dưới lầu Bát-giác và bỏ thuốc súng vào trong, quyết kế tự-tử, nhưng không lộ cho tướng-sĩ biết.

Một hôm Ngô Tùng-Chu sang hỏi Vũ Tính rằng: «Sự thế ngày nay nguy-bách, tướng-quân định liệu thế nào?» Vũ Tính trỏ vào lầu bảo rằng: « Lầu ấy chính là chỗ ta gửi trung-hồn vậy.» Tùng-Chu nói: « Tướng-quân chết, tôi cũng xin chết theo ». Tính bảo Chu rằng: « Tôi là võ-tướng, không lẽ cùng sống với giặc, như ông là văn-quan thời trách-nhiệm của ông cũng không quan-hệ gì mấy, tất giặc nó cũng không hại đến ông, ông cũng nên mưu lấy tự-toàn để ứ-đỡ sau này là phải ». Tùng-Chu cười mà rằng: « Dù văn hay võ, ai cũng trung-ái nội lòng, có phân-biệt gì đâu, tướng-quân hay liều mình với nước, tôi lại không liều mình cùng tướng quân hay sao? » Nói xong liền đứng dậy về dinh uống thuốc độc chết. Tính thấy quân-sĩ bảo Tùng-Chu chết, khóc mà than rằng: «Không ngờ Tùng-Chu có can-đảm hơn ta một nước, bèn thân-hành làm lễ khâm-liệm rồi mai-táng rất là tử-tế để tỏ lòng thân-ái cùng nhau.

Cách hai hôm mặc áo triều-phục, gọi chư-tướng bảo rằng: « Ta nhờ có chư-tướng cùng lòng mới hay giữ thành được đến ngày nay; nhưng nay thế cùng, giữ thời không giữ được, sống thời cũng nhục với quân giặc mà thôi, ta nay liều mình để cho được toàn tính mệnh quân-sĩ. » Rồi sai Nguyễn Văn-Biện 阮文卞 chất lửa vào trong lầu, bấy giờ đương hút thuốc lào rồi nhảy lên lầu, đâm vào đống lửa mà chết. Bộ tướng là Nguyễn Tiến-Huyên 阮進暄 ở ngoài nhảy vào đống lửa mà chết theo, ngày hôm ấy là ngày hai-mươi bảy tháng năm năm tân-dậu, chính là ngày kỷ-niệm Vũ Tính quyên-trần vậy.

Trần Quang-Diệu biết Vũ Tính chết, kéo quân vào thành đến chỗ lầu Bát-giác, cũng rơi hai hàng lệ cảm-động lòng thương, rồi sai tướng-sĩ làm lễ chôn táng, rất là cẩn-thận, còn các quân-sĩ của Vũ Tính không có giết hại một người nào, bảo với tướng-sĩ rằng: « Đây có ai muốn theo ta lập lấy công-trạng thời ta cũng tin dùng. » Nhưng không có một người nào chịu ở theo giặc.

Chúa Nguyễn tiếp được thư Vũ Tính và Tùng-Chu tử-tiết, khóc mà than rằng: « Tâm-phúc của ta, can-thành của ta, nay đã liều mình vì dân vì nước, can-trường như vậy, tiết-liệt như vậy, so với cổ-nhân như Trương Tuần 張巡 Hứa Viễn 許遠 tưởng cũng chẳng kém gì.

Năm Gia-long năm đầu, sai dựng đền thờ ở nền cũ lầu Bát-giác. Truy-tặng Vũ Tính là Dực-vận công-thần thái-úy quốc-công; Ngô Tùng-Chu làm Tán-trị công-thần thái-tử thái-sư quận-công; Nguyễn Huyên được tặng

làm chưởng-cơ. Năm Minh-mệnh thứ mươi-hai, sắc cho Vũ Tính, và Tùng Chu được hưởng-tự ở nhà Thái-miếu.

. . .

Than ôi! Vũ Tính trí-dũng có thừa, Tây-sơn nghe tiếng vẫn sợ như cọp. Tây-sơn đã vây được Vũ Tính ở trong thành, ngoài ra chư-tướng không sợ ai cả. Tự đấy có ý kiêu căng, nên thành Thuận-hóa không có đề-phòng đến, vì thế chúa Nguyễn mới thu-phục được thành Thuận-hóa mà hỗn-nhất được dư-đồ, thế thời bất-hạnh cho Vũ Tính, chính là đại-hạnh cho chúa Nguyễn vậy.

Truyện Vũ Tính đã đăng ở sách *Nam-hải dị-nhân*, đáng không phải chuế-bút nữa, nhưng hiềm vì truyện còn dài mà mực đã khô, chưa có vẽ hết được tâm-sự của anh-hùng, cũng là một việc di-hận vậy.

Vậy đem bộ *Hoàng-triều kỷ-sự* và *Bản-triều thực-lục*, trích-dịch ra một đoạn lịch-sử này và chép cả hai truyện danh-tướng ở Gia-định cho đủ tam-hùng, để cống-hiến các nhà đọc-sử.

ĐẶNG XUÂN-VIỆN

GƯƠNG ĐẸP ĐÀN BÀ

Đoản-thiên tiểu-thuyết

TẬP THỨ NHẤT

(Kể về người yểu-điệu nhà khuê-các)

I

Chiếc thuyền tình

Người đất Hình-giang, có kẻ túc-nho là Thiệu-sinh, từ thủa nhỏ cha chết sớm, nương-tựa với mẹ lần-hồi sinh-nhai. Kịp lớn lên giỏi nghề văn-thơ, mới đặt trường dạy học lấy bổng kiếm ăn.

Thiệu-sinh có con gái tên là Mạn-Vân, lúc bé theo anh đi học, cũng đôi-chút thông-hiểu nghề hãn-mặc, nên rất hay thác-hứng làm thơ, xuân-thu đôi chín mà vẫn kén chồng trong chốn thâm-khuê. Chẳng phải là không có người dòm hỏi, chỉ vì người mẹ đối với sự hôn-giá của Mạn-Vân, vốn chẳng muốn can-thiệp để thúc-phọc cái quyền tự-do của con. Mà Mạn-Vân thì đã thông-hiểu nghề nghiên bút, nên tự-cao cái phẩm-giá của mình, chẳng muốn đôi lứa với hàng tục-tử, vì thế sự kén chồng lại càng thành ra khó. Người mẹ vẫn thường bảo Mạn-Vân rằng:

— Mẹ già rồi con ạ. Mà việc hôn-giá của con vẫn chưa có nơi nào là ăn-định, lòng mẹ rất lấy làm áy-náy. Dễ-dàng là thói hồng-nhan, cũng đừng kén chọn làm gì cho lắm.

Mạn-Vân đáp rằng:

— Con nếu không kén được người nho-sĩ tài-mạo song-toàn, thề chẳng lấy chồng vậy.

Người mẹ cũng chiều con, chẳng hề cưỡng-bách. Ngày tháng thoi đưa, hết năm nay sang năm khác, mà cái sự hôn-giá của Mạn-Vân vẫn còn chênh-vênh chưa định.

Đến mùa xuân năm ấy, người anh là Thiệu-sinh dọn đến ở trên bến Thượng-hồ. Mạn-Vân cũng theo anh theo mẹ cùng đi. Phong-cảnh nơi đó rất là xinh đẹp; một tòa thư lâu thay lấy ngay bên góc hồ, chung quanh bao la những núi cùng nước, có vẻ thiên-nhiên.

Lầu có hai tầng, Thiệu-sinh ở tầng dưới đặt trường tư-thục dạy học-trò, còn Mạn-Vân với mẹ thì ở tầng trên. Cứ những khi trăng chiếu hoa sớm, mỉ-cảnh lương-thần, Mạn-Vân thường tựa bên cửa sổ, ngắm nghía xa gần, ngâm-ngợi tỏ tình.

Một hôm chợt thấy dưới lầu có một chiếc thuyền của kẻ du-khách chở đi chở lại trên mặt hồ. Khách trong thuyền, thường để mắt nhìn lên trên lầu, dường như muốn nói câu gì đó. Du-khách đó là người nào? Là một chàng danh-gia công-tử ở gần miền ấy tên là Chu Thiếu-Kiều vậy. Thiếu-Kiều vốn là một người lạo-đảo trong bể tình, lại mới góa vợ, mới xin phép cha mẹ được quyền tự-do đi kén vợ. Đi đã ba tháng mà chưa có nơi nào xứng-ý. Đến khi nghe nói trên Thương-hồ có kẻ diễm-lệ kén chồng, mới chở lại thăm chơi. Kịp khi trông thấy Mạn-Vân, trong tâm khôn xiết khuynh mộ. Mà Mạn-Vân trông thấy Thiếu-Kiều cũng rất hiệp-ý. Duy chưa biết cái tài bộ học-thức của Thiếu-Kiều thế nào mà thôi. Trong khi Mạn-Vân đang so-sánh nghĩ ngợi, không khỏi có cái dáng-bộ đứng ngẩn-ngơ nhìn. Thiếu-Kiều ở dưới thuyền biết rằng mỉ-nhân đã mười phần để mắt xanh đến mình, mới phóng-khoáng đọc lên mấy câu, định lân-la hỏi người trên lầu về đường thân-thế tên họ. Thơ rằng :

Ngươi từng khoe phượng chửa ?
Ta khách cầu-hoàng đây ;
Mỉ-nhân mà biết nói,
Xin nói dưới lầu hay.

Thiếu-Kiều ngâm xong, ngẩng mắt trông lên mỉ-nhân ; mà mỉ-nhân ở trên lầu, vẻ tươi cười cũng đã biến đổi, dường như có thái-trạng trầm-ngâm. Thiếu-Kiều lại nối ngâm mấy câu rằng :

Một giây phiền-não mở giây tơ,
Đón dải đông-phong bay phất-phơ ;
Ta thấy mỉ-nhân mặt hoa nguyệt,
Tấm lòng vàng đá biết ta chưa ?

Thiếu-Kiều vừa mới ngâm xong, tiếng thơ ở trên lầu đã thỏ-thẻ dặng khác vàng mà ứng lên vậy. Mạn Vân trước kia yêu Thiếu-Kiều là kẻ có dáng, nhưng còn ngờ là kẻ không có tài, kịp nghe những câu thơ của Thiếu-Kiều mới biết Thiếu-Kiều thực là kẻ tài-tử. Mới thoát bỏ cái thói thẹn-thùng của kẻ nữ tử đi, mà cũng ngâm lên mấy câu để đáp lại. Thơ rằng :

Tiêu-tụy ngày xuân những bấy lâu,
Thói nhà thanh-bạch đã ai cầu ;
Đêm qua giấc mộng uyên-ương thấy,
Thuyền khách ngày nay đỗ dưới lầu.

Rồi Mạn-Vân lại nối ngâm rằng :

Thiếp thói chim khôn đậu kén nhà,
Cuộc đời liếc mắt cảnh nhìn xa ;
Ngày nay ta nối thơ hồng diệp,
Thói hữu-tình ta lại gặp ta.

Một luồng tiếng thơ tự trên lầu đưa xuống, lọt vào tai Thiếu-Kiều, khiến cho bề óc của Thiếu-Kiều chợt tăng sóng nhiệt, muốn lấy thơ đáp lại, mà khổ vì nỗi nhất-thời khó được câu hay, chỉ đem hết thảy tinh thần chú mắt trông lên mỉ-nhân mà thôi. Hồi lâu lại hồi lâu, vầng tịch-chiêu gác non đoài, gương tố nga xuất-hiện, gã lái thuyền liền-liền thúc giục quay mái chèo. Thiếu-Kiều bất-đắc-dĩ ngâm lên mấy câu thơ để thay lời từ-biệt. Thơ rằng :

Tâm hận thuyền lan kịp,
Hồn theo bóng ác xuôi ;
Cùng người tạm li-biệt,
Trò-chuyện đợi ngày mai.

Mạn-Vân ở trên lầu, trông thấy Thiếu-Kiều mỉm cười một cái, rồi khép cửa lầu đi vào. Thiếu-Kiều cũng chở thuyền về.

Đến ngày hôm sau, Thiếu-Kiều lại chở thuyền đến chốn ấy, thì nước hồ y-nhiên như cũ, bóng lầu y-nhiên như

xưa, mái tây song ở trên lầu cũng y-nhiên như cựu, mà chỗ cửa lầu ngỏ đó, chỉ thiếu một người. Ôi! Lầu hồng thâm-cách, cảnh gần người xa, mĩ-nhân hỡi mĩ-nhân! Nay đà ở đâu? Sao hôm qua phóng-lãng truyền ra tâm-sự, mà ngày nay lại tiếc một sự tương-kiến đó ru!

Rồi Thiếu-Kiều bỏ thuyền mà lên cạn đi thẳng vào nhà họ Thiệu, tiếp-kiến người anh và người mẹ Mạn-Vân, không giấu giếm gì cả, đạt thẳng ý mình lại, rồi nói rõ sự cầu-hôn.

Người mẹ Mạn-Vân nét mừng hiện ra sắc mặt, nhận ngay Thiếu-Kiều là vị rể hiền. Mà Thiệu-sinh cũng vâng theo ý mẹ, mừng rỡ được người, vì Mạn-Vân cũng đã từng đem cái sự-tình ngày hôm trước bảo rõ với mẹ và anh rồi vậy.

Chẳng bao lâu ngày lành tháng tốt đã đến, hôn-lễ cáo thành.

Một cặp giai-nhân tài-tử thật đã tu đến con đường diễm-lệ thanh-cao trong cõi phúc vậy.

II

Quả chuông cửa chùa

Bát-tiểu-thư là con gái người họ Tống, vốn nhà cự-tộc. Vì là con gái hàng thứ tám, cho nên người ta gọi là Bát-tiểu thư.

Tiểu-thư đã kiêu-diễm về bề sắc, lại phong-phú về bề tài. Từng học ở một trường nữ-học kia, cứ đến kỳ thi tất đỗ đầu cả lớp. Các nữ-giáo-sư phần nhiều đều có lòng mến trọng. Tiểu-thư mười-tám tuổi lấy một người thiếu niên đẹp trai. Chẳng may người thiếu niên ấy lại có bệnh « ái-nam », tiểu-thư thường uất-ức chẳng vui, tự thương mình là bạc-mệnh.

Cha mẹ cũng biết tiểu-thư có sự u-ẩn mất hi-vọng về thân-thế ấy, muốn vì tiểu-thư tìm phương-pháp để li-hôn. Nhưng tiểu-thư nói rằng:

— Ngày nay thói đời đơn-bạc, sự li-hôn hàng ngày không nỡ trông thấy, há lại nên bắt-chước thói ấy ư! Vả lại:

Quả chuông treo mấy cửa chùa,
Làm thân con gái bán mua mấy lần.

Dầu sao chăng nữa, cũng là duyên-nợ trong kiếp ba sinh. Nếu tự mình lại coi sự li-hợp như trở bàn tay, làm mất cái phong-thái đại gia, thì sao đủ làm gương cho khách má hồng. Người kia tuy như vậy, nhưng cũng là một người Nam-tử, không tội lỗi gì, con sao nỡ bội bạc người ta?

Tiểu-thư cố-ý không theo cha mẹ. Cha mẹ nghe lời tiểu-thư nói có nhiều lẽ cao-siêu chính-đáng, rút cục cũng phải chiều lòng mà nghe.

Sau tiểu-thư tự nghĩ, nếu mình cứ náu ở chốn gia-hương mãi, mà không ra khỏi vòng khuê các, thì đối với cuộc nhân-sinh của mình, cũng không còn có thú-vị gì nữa. Mới tự mình trù-liệu lấy một số học-phí, từ giã cảnh gia-hương, sang du-học bên Âu-Mĩ.

Khi tốt-nghiệp trở về nước, trông thấy đường sinh-hoạt của nữ-giới rất là khốn-đốn, đem lòng đoái thương, mới sáng-lập ra một trường học gọi là Nữ-tử chức-nghiệp học-hiệu, chuyên dạy về nghề nữ công. Tiểu-thư hết lòng coi sóc chẳng tiếc sức kinh-doanh, việc nữ-công quả có thành-hiệu.

Ôi! Tiểu-thư thật đã thoát khỏi cái nhân vật thâm-khuê mà làm nhân-vật xã-hội; chỉ thú tiểu-thư cho đến sự-nghiệp của tiểu-thư há những kẻ sớm chăn phi-thuy chiều gối uyên-ương vì được thay!

III

Vết máu Tiên, bàn tay Phật

Tưởng tiểu-thư vốn là con nhà quan, cha từng làm chức hiển-hoạn ở triều nhà Thanh. Tiểu-thư theo cha đi du-hoạn bốn phương, duyệt lịch được thâm, cho nên nhất-thiết, đối với việc

đời, thường có ý-kiến hơn người, vì thế ông bà họ Tưởng càng yêu qui lắm. Những dật-sự thủa bình-sinh của tiểu thư, thú-vị tốt đẹp, thu nhặt chẳng xiết. Nay lục ra hai sự như sau.

Mùa xuân năm qui-sửu, tiểu-thư đi chơi Thượng-hải. Lúc ấy mầu dương-xuân giữa tiết tháng ba, hoa đào-lý ganh nhau đua nở. Mười dặm vườn hoa, ngựa như rồng bay, xe như nước chảy. Tiểu-thư đoái cảnh vui tình, hàng ngày cùng với một người bạn gái cưỡi chiếc xe hơi đi chơi Tương-viên, Ngu-viên và Long-hoa-tự, lưu-liên phong-cảnh, vui thích tâm-thần. Tiểu-thư bảo người bạn gái rằng :

— Đất Thượng-hải phồn-hoa hơn cả toàn-quốc, tiếng đồn xưa nay thật đã chẳng sai. Sự phồn-hoa đã đành, nhưng không ngờ trong đám phồn-hoa lại có chốn danh-thắng thế vậy. Người bạn gái nói rằng :

— Chỗ Tương-viên với Long-hoa này, khách du-lãm phần nhiều là tục-tử, không đủ gọi là danh-thắng. Chị muốn chơi chốn danh thắng thì nên đến ngọn núi Ngũ-lão phong. Tiểu thư hỏi rằng :

— Ngọn Ngũ-lão-phong ư ? Tôi vẫn thường nghe chỗ ấy là nơi danh-thắng, vậy chẳng hay ở đâu ?

Người bạn gái đáp rằng :

— Chị muốn đến đấy chơi thì cứ theo tôi, sẽ được đến nơi.

Sáng ngày mai tiểu-thư lại cùng người bạn gái đi chơi Thành-hoàng miếu. Người bạn gái trỏ bảo tiểu-thư rằng :

Tòa đá chon-von chồng-chất kia, là Ngũ-lão-phong đó.

Ngọn núi sừng-sực, vách đá treo-leo, dường không có đường lối nào mà lên. Tiểu-thư có tính hiếu-kỳ, mới cùng người bạn gái vin trèo mà lên quyết rằng chửa đến tuyệt-đỉnh chửa thôi. Tiểu thư chẳng may chợt xẩy chân, và ngã lăn xuống. Người bạn gái vội-vàng ôm dậy, thì đã rách trán, sắc máu đỏ tươi, cùng với sắc phấn hồng ở hai bên mà hòa-hợp làm một. Người bạn gái lấy tay vỗ vẽ soa suýt, lấy lời yên-ủi tiểu-thư. Tiểu-thư nói rằng :

— Việc đời cũng thế, càng cao càng hiểm, chẳng có cái dấu vết mạo-hiểm, sao có cái thú-vị lên cao. Tôi xin đem cái dấu vết này hỏi người tri-thức.

Kẻ nghe lời ấy của tiểu thư, đều lấy làm lời nói hay.

Sau tiểu-thư kết bạn với một người thiếu-niên làm chồng.

Một hôm tiểu-thư cùng với thiếu-niên đến chơi một cái chùa sư nữ kia. Chùa có am, phong-cảnh cũng xinh đẹp, nhưng vốn là nơi dung-chứa những phường trần-cấu dâm-ô.

Người sư nữ thấy tiểu-thư đến, dung-mạo trắng đẹp, đi đứng khoan-thai, biết ngay là con gái nhà đại-gia. Thế sau một thiếu-niên, người đẹp như ngọc, phong-độ phiêu-nhiên, biết ngay là hạng phong-lưu công-tử, hết sức phùng-nghênh, mời đãi chu-trí. Bèn đón vào một cái nhà tĩnh-mịch kín đáo, bài-trí một cách xa-hoa mĩ-lệ, trên giường thất-bảo màn phi-thúy gối uyên-ương, sàn-lạn đoạt-mục. Người sư nữ bưng nước vào xong, lại khép cửa đi ra. Tiểu-thư và thiếu-niên xem ngắm, khôn xiết quái-ngạc. Ít lâu có ý hồ-nghi mới đạp cửa đi ra, thì ngoài cửa lại có khóa. Hai người lại càng lấy làm hoài-nghi, bèn lên tiếng cả gọi người sư nữ. Người sư nữ vội-vàng chạy đến, mở khóa. Hai người phiêu-nhiên đi ra, hỏi người sư nữ rằng :

— Trong nhà ấy xa-hoa mĩ-lệ như thế, toan để làm gì ?

Người sư nữ cười nói rằng :

— Khách đàn-việt há chẳng hiểu sự đời, đã hưởng chán cái thú hoan-nguyệt ở trong ấy rồi, lại còn ôm-ấp giả ngây thế vậy

Tiểu-thư nghe nói cả phát-nộ, liền dơ cánh tay liền, đánh đập người sư nữ. Người sư nữ sợ-hãi tháo lui chạy trốn.

Nguyên người sư nữ tưởng rằng tiểu-thư với thiếu niên muốn nhờ cái am này giở cuộc u-hội, cho nên mới đón vào chốn mật-thất ấy. Chứ có biết đâu hai người sớm đã duyên Đằng thuận nẻo, cùng nhau kết tóc se tơ, chứ chẳng phải là cách sớm mận tối đào, trong Đâu trên Bộc vậy.

Tiểu-thư bèn tức khắc đem tình-trạng người sư nữ cáo cho quan địa-phương hay mà lấy sự mình mắt trông thấy tai nghe nói làm chứng thực. Chẳng bao lâu đuổi người sư nữ ấy ra khỏi địa phương, và phá hủy cái am giả-danh tế-độ làm nghề ăn chơi ấy đi.

Chao ôi! Tưởng tiểu-thư một chuyến xuất-hiện mà vì người đời tát cạn ngay được cái bể trầm-luân, cắt đứt ngay được cái giây oan-nghiệt, tiểu-thư há chẳng phải là vị phật bà Quan-âm giáng-thế đấy ư!

IV

Chẳng tham ruộng cả ao liền.

Vương tiểu-thư tên tự là Phác-trinh, con gái một ông quan Đạo đài họ Vương triều nhà Thanh. Biết làm thơ, hiểu triết-lý, có tài Ban, Tạ, nên người ta thường gọi là một vị nữ tiến-sĩ.

Năm Dân-quốc, cuộc cộng-hòa thành-lập. Vương-ông vì cớ là hàng quan-liêu cũ, chẳng thích-hợp với thời-thế, cởi ấn về làm ruộng, ẩn-cư miền Nga-khê, suối Lục-toàn.

Tiểu-thư đã quá tuần cập-kê vẫn còn kén chồng ở trong chốn thâm-nghiêm khuê-các. Vương-ông có cái tính tham của, muốn đem tiểu-thư gả cho một chàng con nhà giàu. Tiểu-thư cố-chấp không nghe, nói rằng:

— Cái giàu há đủ trông cậy được ư! Trông cậy được chỉ có tài-phẩm học-thức mà thôi. Cha nếu yêu con, việc hôn-giá của con xin để cho con kén chọn lấy, sao lại cấp-thiết làm gì.

Lạ gì mấu tham hễ thấy hơi đồng thì mê, Vương-ông đối với kẻ nhà giàu kia, sinh lễ thách sao được vậy, mới lập-nghiêm trách tiểu-thư rằng:

— Mày mới hơi biết đôi ba chữ, đã nhiễm cái ác-tập tự-do đấy ư!

Rồi Vương-ông cứ đem tiểu-thư gả cho chàng con nhà giàu.

Tiểu-thư kỳ-thủy bất-đắc dĩ cũng đã thuận nghe, không dám trái lời cha. Ngày cưới đã định. Sau tiểu thư dò xét mãi, nghe đích chàng kia chẳng đoái-hoài gì đến sự sinh-nghiệp, du-đãng đã thành thói quen, liệu về sau ắt không có cái kết-quả lương-hảo.

Tiểu-thư mới trốn đi, tìm vào cửa Không, thì-phát đi tu, đối với sự đời dường như đã dũ sạch duyên trần, không bàn phải-trái gì nữa. Vương-ông cũng phải chịu, không biết làm thế nào. Nhưng bên nhà giàu kia, đối với nhà họ Vương cứ giao-thiệp mãi. Vương-ông bất-đắc-dĩ phải đem người em gái tiểu-thư gả cho.

Chẳng bao lâu, kẻ phú-ông kia chết, nhà ấy quả-nhiên sa-sút, chàng ấy quả-nhiên bơ-phờ. Vương-ông bấy giờ mới lấy làm ăn năn, muốn tìm đường xám-hối, nhưng không kịp vậy.

Than ôi! Gả con nên chọn rể hiền, chớ hề thách-thức bạc tiền làm chi. Vương-ông sao chẳng biết thế!

Trần-duyên đã dứt lửa lòng
Còn chen vào cuộc bụi hồng làm chi.

Vương tiểu-thư chính hợp thế vậy.

VI

Nguyệt-lão văn-chương

Quan Tử Học-sĩ về hồi cuối nhà Thanh, có người con gái tên là Cầm-Phương, giỏi nghề làm văn nên gọi là

Tú-nữ-sĩ. Nữ-sĩ thường đọc những lời văn trước-tác của một nhà văn-sĩ hiện-thời hiệu là Vấn-th -sinh, mà lấy làm yêu mến, hận rằng không bởi đâu mà biết được mặt Vấn thu-sinh. Gặp khi Lục-Tú-Trinh là cùng hàng nữ-sĩ sắp đi lấy chồng, vì tình đồng-học nên Cầm-Phương đến nhà làm lễ tiễn mừng. Tú-Trinh trỏ một người thiếu-niên nam-tử bảo Cầm-Phương rằng :

— Vị này là Vấn-thu-sinh, họ Chu tên là Hạc-Linh, tức là người mà chị vẫn kính-mến đấy.

Hạc-Linh tức-khắc cùng với Cầm-Phương làm lễ chào. Trước kia Cầm-Phương đọc văn Vấn thu-sinh, vì yêu mến văn, nên đem lòng yêu mến cả người, trong bụng vẫn đoán thầm Vấn-thu-sinh tất là niên-thiếu tài-hoa, tối-lạc hơn người. Đến khi tiếp mặt thì quả-nhiên như lòng tưởng-vọng.

Cầm-Phương mới đến trước mặt Hạc-Linh ngỏ lời rằng :

— Hâm-mộ tiếng tiên-sinh đã lâu, nay được thân-kiến hiền-sĩ, rất lấy làm may lắm.

Hạc-Linh tỏ dáng khiêm-nhượng kính-cẩn đáp rằng :

Đội ơn nữ-sĩ quá khen, càng thêm hổ-thẹn.

Rồi ba người cùng ngồi đối-diện, nói chuyện hồi lâu cười nói vui-vẻ. Biến bác ngày đã sẽ chiều, Hạc-Linh mới từ-tạ cáo-biệt. Từ đấy Hạc-Linh thật đã là ý-trang-nhân của Cầm-Phương vậy.

Chẳng bao lâu, Tú-Trinh nhân đã làm kẻ giới-thiệu, mới tiến lên làm kẻ môi-chước, loát-hợp cho hai người. Cầm-Phương với Hạc-Linh mới định-tình kết-hôn.

Tối hôm cưới, Cầm-Phương nói với Hạc-Linh rằng :

— Tân lang hỡi tân-lang ! Thiếp rất yêu tài chàng. Được làm vợ kẻ tài-lang, nguyện-vọng thiếp thế là đủ.

Hạc-Linh cầm lấy tay vợ nói rằng :

— Tôi có tài gì đó thay !

Cầm-Phương mới lần lượt đọc lên những câu ở trong tập « Văn thu-sinh trước-tác » mà nói rằng :

— Bài này chẳng phải của chàng làm ra đấy ư ? Lời văn tinh-ý triền-miên, không còn ai hơn nữa. Bài này chẳng phải của chàng làm ra đấy ư ? Lời văn ý-tứ cao siêu, không còn ai hơn được nữa. Bài này chẳng phải của chàng làm ra đấy ư ? Lời văn bút mặc trang nhã, không còn ai hơn được nữa. Bài này lại chẳng phải của chàng làm ra đấy ư ? Lời văn phép tắc giản-luyện, thật không còn ai là người hơn nữa vậy.

Hạc-Linh cười mà hỏi rằng :

— Nàng yêu văn đấy ư ? Hay là yêu người đấy ư ? Cầm-Phương đáp rằng :

— Thiếp yêu văn, thiếp lại càng yêu người.

Hạc-Linh lại cười nói rằng :

— Quả như thế tôi mới xin nói thực. Những văn chương trước-tác trong tập « Văn thu sinh » đều không phải là của tôi làm ra. Trong lục-phủ ngũ-tạng tôi, chỉ chứa có một khối ái-tình mà thôi, chứ sự trước-tác thì không sao làm được. Những văn-cảo ngày nọ đều của người em ruột tôi nó làm, mà mượn cái danh-hiệu tôi để vào đó. Tôi cũng không phải là không biết chữ, nhưng chỉ đủ xem sách người mà thôi, còn làm sách để người xem, không phải là tài tôi vậy. Nay thừa ân nữ sĩ khuynh-đảo quyến-chú, xin đem gan ruột dãi bày, nữ sĩ hẳn chẳng cho tôi là kẻ có tội.

Cầm Phương lấy làm ngạc nhiên, ngẫm-nghĩ hồi lâu, rồi nói rằng :

— Thiếp yêu người chứ chẳng phải yêu văn. Tuy vậy, nếu không có văn của em chàng thì thiếp cũng không bởi mà nghĩ đến chàng, dù có gặp chàng nữa, thiếp cũng không biết gì chàng. Thiếp với chàng ngày nay thành duyên giai-lão, thực là cái công của em chàng

rất nhiều, thiếp chẳng nên chẳng có lời cảm-tạ.

Hạc-Linh mới tức-khắc gọi em vào Cẩm Phương mới đến trước mặt cúi đầu vái một cái, vừa cười vừa nói rằng:

— Xin kính tạ ông Nguyệt-lão đã khéo xe giây.

Người em lấy làm ngạc-nhiên chẳng hiểu là thế nào, sau được nghe rõ cái duyên-cớ, mới cả mừng rằng anh đã lấy được vợ hiền. Rồi cả ba cùng cười nói vui-vẻ.

Cuối cùng Cẩm Phương nói rằng:

— Em cái ngòi bút nhà họ Chu để cùng với thiên-hạ tranh-hành thì chàng chẳng bằng em, mà tu lấy đức-hạnh để đóng-đá cho hàng tử-đệ nhà họ Chu, thì em chẳng bằng chàng. Em nên cố gắng, chàng cũng nên cố gắng, thiếp tôi hạnh-phúc nhiều lắm vậy.

Kẻ nghe lời nói ấy, đều kính-phục Cẩm-Phương là con gái học-thức nhà đại-gia.

VI

Tiếng thổi bễ, giọng ngâm thơ

Hãt Giang-âm có một nàng Lý-thị, thanh-tú yểu-điệu, học rộng thơ hay, nguyên là con một nhà đại-gia. Người cha trước kia làm chức ngự sử. Kịp người cha chết, cửa nhà sa sút, bị người mối họ lừa đem gả bán cho một nhà tầm-thường bách-tính. Người chồng làm nghề thợ rèn. Hằng ngày chỉ thổi bễ đốt than rèn sắt làm nghề-nghiệp. Mồ hôi nhễ nhãi, hình-thể nhọ-nhem, thật là một kẻ rốt đặc cán mai, chữ nhất là một cũng chẳng biết.

Lý-thị tự khi về nhà người thợ rèn, không những không oán-hận mà lại tự-xử một cách thư-thái tự-nhiên, đường như vui về duyên trời vậy. Cho nên đối với chức đàn bà của nhà ấy, dậy sớm thức khuya, cơm lành canh ngọt, đều vui vẻ làm lụng. Duy có khác người một cách, là tuy trong chốn nhà tranh vách đất cũng để ra một chỗ thư song. Giấy mực bút sách thường thấy để ở nơi đó. Khi nào chức vụ nhàn rỗi, lại vào đó ngoạn-thưởng nghỉ ngơi. Khi đắc-cú thì tự mình đề vịnh, khi đắc-ý thì tự mình ngâm-nga. Mà người chồng cũng phó mặc tự nhiên, không hỏi qua đến, mà cũng không ngăn-trở gì.

Hằng ngày tiếng ngâm thơ và tiếng thổi bễ thường cùng nhau đối đáp. Cô Ngọc-nữ với ông tượng đồng đen cùng nhau ánh chiếu, cũng là một cái quang-cảnh kỳ quan.

Sau trong làng có một nhà đặt trường tư-thục, đón thầy đồ về dạy học. Thầy đồ họ Vương, cũng vốn là một nhà danh-sĩ.

Thầy đồ Vương gõ đầu trẻ được ít lâu, tiếng thơ-văn của thầy bay ra ngoài, Lý-thị được nghe, cả lấy làm thưởng-thức.

Một hôm, Lý-thị tự đề-xướng một bài thơ, sau thơ có bức thư, lời lẽ khiêm nhã vẫn-tắt, sai một đứa thôn-tỳ, chẳng hiềm đường-đột, vào thẳng trường học đưa cho thầy đồ. Trong thư khẩn-cầu thầy nhả ngọc phun châu họa lại. Thầy đồ mở ra xem, kinh-hãi nói rằng:

— Chẳng ngờ chốn vườn hoang cỏ rậm, ngõ hẻm hang cùng này mà có nàng Bạn ở Tu thế ru!

Trầm-ngâm một lúc thầy cầm bút giở tập mưa sa họa lại bài thơ ấy, rồi sai một đứa học đồng, nối gót con thị-tỳ đem đưa cho Lý-thị.

Từ đấy, thơ đi thơ lại kể có hàng tháng hàng năm. Người ở trong thôn, cũng cho là một sự cố-nhiên, chẳng lấy làm lạ gì nữa. Thơ xướng họa trước sau, toàn là những lời phong-nhã đoan-chính.

Sau thầy đồ Vương câu thơ dần-dà lạc vào cõi tình, không khỏi lộ ra có ý khinh-bạc. Như câu rằng:

Thương ôi! Sắc nước với hương trời,
Cành ngọc trên mây nỡ rập vùi;
Non nước xinh thay đường hải thuốc (1),
Cũng nhờ nước chảy để hoa trôi.

Dám nhờ văn tự có tri-âm,
Bỗ kiếp hoa sen bãi cát lầm;
Nào phải hoa đào theo nước chảy,
Mà cho Lưu, Nguyễn ướm vào thăm.

Lý-thị được bài thơ ấy, tức-khắc làm một bức thư cự-tuyệt, từ rằng không can-thiệp gì nữa. Sau bức thư lại có bài thơ từ tạ rằng:

Như Lý-thị, há chẳng phải là một kẻ tài với hạnh song toàn đó ru!

TÙNG-VÂN *biên thuật*

SƯU-TẬP THƠ-VĂN CỔ

V

Giáo-huấn ca

(Của ông Thám-hoa Nguyễn Đức-Đạt)

致仕歌

Nay mừng quốc-thái dân-an,
Hà-thanh hải-ấn bốn phương thuận-hòa.
Phủ thì đã xếp can-qua,
Núi đà thả ngựa binh đà qui-nông.
Bốn mùa xuân hạ thu đông,
Nhà no người đủ niên-phong khí-hòa.
Thái-bình vận ứng hanh-gia,
Khắp hòa thiên-hạ âu-ca vui mừng.
Thiên thu hưởng bát thiên xuân,
Muôn năm kính chúc thánh-quân trùng-trùng.
Có khi nhân-hạ thong-dong,
Bút hoa lược chép thư-trung thánh-hiền.
Chép làm một quyển giáo-thiên,
Để cho nhân-thế tụng-truyền dạy nhau.
Vương-quan dân-sự đâu đâu,
Cứ ma ăn ở phải theo luân-thường.
Vua thì chính ngự ngai vàng,
Cầm quyền trị nước giữ-gìng ngôi trên.
Trong ngoài cẩm-phục hoài-an,
Ấn uy kiếm trứ khắp miền hoa-di.
Chữ rằng biểu chính ảnh tùy,
Nguyên thanh tất thị lưu kỳ diệc thanh.
Trên đà nghiêm-chỉnh phân-minh,
Dưới thì lương-tá triều-đình đa nhân.
Dặn hay những bậc vương-thần,
Cầm gương trung-nghĩa lần lần thường soi.
Ở cho phải đạo vua tôi,
Nam-nhi chí-khí chẳng rời tấc gang.
Chữ rằng sự-bất-tử-nan,
Lâm-cơ ứng-biến đảm-đang anh-tài.
Ơn trên cơm nặng áo dày,
Kể về tỏa-thược người ngồi phiên-ly.
Cư-an thì phải tư-nguy,
Vũ thì thao-lược văn thì mưu-mô.
Một niềm trung-nghĩa đều lo,
Chu-hành Thương-giám cơ-đồ công-danh.
Vua tôi tận-đạo trung-thành,
Quốc-gia tràng-cửu trị-bình an-khang.
Đời xưa nhị-đế tam-vương,
Quân minh được có thần lương những là.
Lịch-niên vũ-trụ thái-hòa.
Kiền khôn hoa-đàn thực là hòa vui.
Trước sau trọn nghĩa vua tôi,
Nghìn năm cũng chẳng đổi dời lòng trung.
Quân-thần nghĩa cả bao-dong,
Lại bàn sư-đệ thủy-chung thuở này.
Đã sinh ra đạo làm thầy,
Ở cho lễ-phép khi nay hiền-hòa.
Chính-tâm tu-kỷ tề-gia,
Thế-gian đã mục con nhà văn-thân.
Ngồi trên giữ mực cẩm cân,
Thang ngày lộc thánh chúng-nhân cung trần.
Chữ rằng giáo bất nghiêm-cẩn,
Nãi sư chi nọa thập phần tại trung.

(1) Là trỏ Lưu Nguyễn vào núi Thiên-thai hái thuốc, nhờ có cánh hoa đào trôi theo dòng nước chảy mà thấy người tiên.

Tiểu-nhi mới đến học cùng,
Dạy thì luyện-tập nho-phong lệ thường.
Lên lui ứng-đối cho tường,
Giáo thì hữu hóa tùy phương nhi đồng.
Đại-nho đèn sách văn-phòng,
Phú-thi luyện-tập cho thông những là.
Một mai trò được đăng-khoa,
Thì thầy được tiếng dân hòa ngợi khen.
Thầy đà giáo qui dĩ chuyên,
Trò nay giỏng-giả bút nghiên học-hành,
Gối Ôn man Đồng tập-tành,
Chữ rằng: « hữu chí cánh thành » chẳng [sai.
Mãi-Thần gánh củi trên vai,
Còn chăm đèn sách dùi mài nghiệp nho.
Nang-huỳnh ánh-tuyết thuở xưa,
Hãy còn cần học huống giờ chúng ta.
Sân Trình cửa Khổng vào ra,
Hàn-vi đổi được vinh-hoa có ngày.
Cờ đào trỏ nẻo đường mây,
Bõ công thầy dạy những ngày còn thơ.
Dặn cho những kẻ thư-nho,
Chớ nên khác học bội-sư bao giờ.

Thầy trò nghĩa cả chân-như,
Lại bàn phụ-tử hiếu-từ cho hay.
Đạo làm cha mẹ xưa nay,
Ở cho phúc-hậu lành thay hỡi lòng,
Tu-nhân tích-đức quan-phòng,
Để cho con cháu trông mong cậy nhờ.
Những điều bạc-ác kiêu-ngoa,
Thì đừng để dạ vậy là thương thân.
Gái trai xem cũng đồng cân,
Đừng lòng tư-vị riêng phần ghét thương.
Gái thì canh-gửi việc thường,
Nữ-công nữ-tắc mọi đường phân-minh.
Trai thì đèn sách học-hành,
Thông-kinh bác-sử tinh-thành tài lương.
Gia tài sản-vật ruộng nương,
Tùy nghi gia-kế liệu đường phân-minh.
Sinh con đều muốn thành thân,
Kịp thời trai gái Tấn-Tần lứa đôi,
Chớ tham phú-quí những nơi,
Mà lầm lại mắc phải người bạc đen.
Tìm nơi rể thảo dâu hiền,
Con nhà lệnh-tộc kết nguyền trâm-anh.
Đừng nề no ấm rách lành,
Trước tuy là vậy sau dành giàu sang.

Mẹ cha lo liệu cho con,
Quản bao công của thiệt hơn ngại lòng.
Mẹ cha lượng cả bao dung,
Con thì tận-đạo hiếu-trung kính-thành.
Phụng thờ cha mẹ phân-minh,
Trời cao cũng thấu hiếu-tình cho ta.
Thần-hồn định-tĩnh vào ra,
Thường ngày cầu khấn mẹ cha yên lành.
Khi cơn phong-vũ bất-bình,
Ra công lo-lắng lấy mình đại-lao.
Phỏng khi tật bệnh tiêu-hao,
Thì ta xem-sóc thế nào cơ-quan.
Trai thì chăm-chỉ thuốc thang,
Gái thì cơm cháo chăm đàng tẩy-ô.
Đừng mê tửu-sắc bạc-cờ,
Quên ơn cha mẹ công-phu nuôi mình.
Chữ rằng địa-nghĩa thiên-kinh,
Ai-ai phụ-mẫu sinh-thành cù-lao.
Đức bằng bể rộng non cao,
Khi nay chẳng báo lúc nào trả ơn.
Chẳng nên tính thiệt suy hơn,
Ở cho phải đạo cha con thuận-hòa.
Thuở xưa Vương-Quí là cha,
Văn-vương vi-tử ngày ba lần chầu,
Đến khi Văn lại phải đau,
Vũ-vương chẳng cởi áo chầu mà nuôi.
Nhắc xưa sự-tích mà coi,
Hai ông hiếu-đức sáng soi gương vàng.
Đừng như Cao-tổ Hán-hoàng,
Xem cha như thể đi đường người quen.
Thấy trong cựu-sử giản-biên,
Rành-rành ghi chép tụng-truyền dài than.
Ở đời những kẻ ngu-ngoan,
Xin dời cựu-ác cấp hoàn tân-lương.
Ta nay cứ phép luân-thường,
Sự thân chi đạo hết đường hiếu-trung.

Cha con từ hiếu đã xong,
Lại bàn huynh-hữu đệ-cung dường nào.
Anh em thủ-túc đồng-bào,
Sinh ra kẻ trước người sau cũng là (1).
Tuy rằng thử thất bỉ gia,
Nhưng là đồng-khí mẹ cha sinh thành.
Anh thì cho phải đạo anh,
Đã lòng hữu-ái đừng tình tranh-kiêm.
Em thì cho phải đạo em,
Đừng lòng khinh-dị một niềm kính-cung.

(1) Câu này có bản là : Sinh tuy sau trước khác nào mẹ cha.

Cùng nhau hòa-thuận khoan-dong,
Trên đừng lấn át dưới không lăng-loàn.
Xem nhau bằng ngọc bằng vàng,
Trong nhà đã trọng ngoài đàng chẳng [khinh.
Cùng người ngộ có tương-tranh,
Thì ta chẳng quản công-lênh chi mà.
Khó hèn cũng chẳng nên xa,
Giàu sang thì mặc người ta đừng gần.
Thế-gian lắm kẻ ngu dân,
Thấy phú thì trọng thấy bần thì vong.
Người đưng ôm-ấp vào trong,
Người thân thì lại lộn trong ra ngoài.
Khinh người mà lại trọng-tài,
Những người chẳng khác chi loài muông
Ta nay đồng-khí tương-thân, [chim.
Phải suy cho biết nhân-luân đạo thường.
Chữ rằng «nội huych vu tường,
Ngoại ngữ kỳ vũ» thế thường biết không?
Thuở xưa người ở quận Đông,
Cảm Diên-Thọ hóa đường không tranh-
Minh-Thành xưa có nhân-hiền, [điền.
Anh em hữu-ái nọ liền hòa nhau.
Ngày xưa đã có gương treo,
Luân thường soi đó mà theo sửa mình.
Đứng như Hướng Thái Kiến-Thành,
Anh em tứ-khích tương-tranh làm gì.
Lấy điều thảo-thuận mà suy
Ở cho phải đạo bình-đi mới đành.
Chữ rằng «nghi đệ nghi-huynh»,
«Nhất gia nhân-nhượng» hóa thành thuần-
Lại khuyên vi đệ chỉ cung, [phong.
Lập-thân phải lập nhân-phong từ rày.
Để mà tập lấy cho hay,
Biết đường luân-lý xưa nay sửa mình.
Cương-thường lễ-nghĩa phân-minh,
Thờ cha lấy hiếu thờ anh lấy tình.
Kẻo mà niên đức trưởng thành,
Mang cao khó nắn lại sinh ngoan-cường.
Trong nhà đừng thấy anh thương,
Cậy quyền cha mẹ tiện đường nhông-
Phải răn những tính tiêu-hao, [nhao.
Bây giờ chẳng dạy ngày sau khó chừa.
Có nghe câu ví đời xưa,
Dạy thì hữu ý thuở hài-đề (1) thơ.
Đậu-đò những kẻ tiểu-nho,
Học thời phải biết qui-mô đạo thường.

Vợ chồng nghĩa trọng cương-thường,
Kể ra cho hết mọi đường phân-minh.
Vốn xưa trời đất đã sinh,
Nhất-nam nhất-nữ phân-minh hai người.
Cùng nhau kết bạn làm đôi,
Được sinh trai gái đời đời dài lâu.
Gửi xương gửi thịt cho nhau,
Để rày giúp đỡ để sau cậy nhờ.
Khi nay ăn ở trong nhà,
Vợ chồng thảo-thuận hiện-hòa thương
Một niềm vàng ngọc nâng-niu, [yêu.
Đừng lời chi bấc nói nhau tiếng gì.
Chữ rằng phu-xướng phụ-tùy,
Tình thân ân hiệp lạc kỳ tại trung.
Suy ta là đạo làm chồng,
Ở cho nghiêm-chỉnh đừng lòng trăng
Rượu chè cờ bạc lánh xa, [hoa.
Đừng mê những việc phá-gia tán-tài.
Thánh ngày cần kiệm sinh nhai,
Chăm lo gia-sự một mai nên giàu.
Vợ chồng xem sóc thương yêu,
Chớ nên cãi-cọ những tao cùng mày
Hãy suy công nặng đức dầy,
Hai bên cha mẹ đẳng cay sinh-thành
Ngay lòng mà lại sửa mình,
Tề-gia đã được trị-bình mới nên
Vợ mà được kẻ khôn-ngoan,
Thì ta được cậy nhiều đường vinh-hoa.
Nhược bằng gặp đứa kiêu-ngoa,
Thì ta phải cứ phép nhà khi nay.
Lấy điều giáo-hóa cho hay,
Chẳng nên để bỏ phép rày không dong.
Nhớ xưa lời nói Tống-công,
Giàu sang cũng chẳng nên vong vợ hèn.
Chữ rằng sự tại hồ thiên,
Phu vo phiền-não thê hiền thị tai.
Vợ là nội-trợ khi nay,
Cửi canh giữ việc vá may trong nhà.
Đã sinh làm đạo đàn-bà,
Giữ trong tứ-đức hiền-hòa ôn-cung.
Thờ cha thờ mẹ thờ chồng,
Ở cho trọn đạo tam-tòng chẳng sai.
Nết-na phải giữ cho ngay,
Đừng nên cả tiếng ở ngoài người chê.
Trong nhà phải cần phòng khuê.
Trước vâng cha dạy chớ hề thảy chi.
Một niềm bồn-đạo xướng-tùy,

(1) Có bản là: Để mà nhờ cậy đến sau mình già.

Việc nhà mình chớ chuyên-vi thiện-quyền.
Mẹ cha chú bác đôi bên,
Một niềm thành-kính chẳng nên thiên vi.
Hoặc chồng khi có thị-phi,
Cũng nên ẩn-nhẫn giấu đi kẻo mà
Hoặc chồng khi có rượu chè,
Đã nghe cả tiếng thì ta lánh mình.
Hoặc chồng khi động phong-tình,
Gặp ngày bản-mệnh thì mình xin tha.
Đàn ông tính-khí sa-đà,
Ngô khi tâm-dục tửu trà quên chăng.
Phòng khi ta có nhâm-thần,
Giữ điều thai-giáo ở ăn tính-tường.
Sinh con dung-mạo phi-phương,
Hơn người tri-thức khác thường thông-
Chồng mà gặp được hiền-vinh, [minh.
Thì ta cũng được sướng mình bảnh-bao,
Chồng mà gặp phải khó nghèo,
Thì ta cũng phải nâng-niu kính thờ.
Hãy xem Vương-thị thuở xưa,
Cùng người họ Phạm quyết chờ tử-sinh,
Phương-Hoa cảm nghĩa Trương-khanh,
Thay chồng nộp quyền để-đình vào thi.
Hai người hiền-nữ xưa kia,
Rãy còn ghi chép tạc bia để truyền.
Đâu đâu nghe tiếng cũng khen,
Thuở xưa những kẻ gái hiền phải suy.
Đừng như những đứa nữ-nhi,
Tranh chồng công-của so kia sang giàu.
Bảo cho nhân-thế xưa sau,
Đừng ai như vợ Trọng Cao bấy giờ.
Nghĩ cho phải đạo phu-thê,
Trên hòa dưới thảo thuận tề gia-phong.

Vợ chồng rãy đã kể xong,
Lại bàn bằng-hữu giao-thông như hà.
Suy người thì cũng như ta,
Của ba thứ của người ba thứ người.
Ở thì ắt phải chọn nơi,
Kết-giao chọn bạn chơi-bời chọn phương.
Những người trung-tín hiền-lương,
Thì ta kết-nghĩa tiện đường giao-thông.
Ở cho hữu thủy hữu chung,
Nghìn năm cũng quyết một lòng tử-sinh.
Đừng ai phú trọng bần khinh,
Đừng nên đen bạc vong tình cựu-giao.
Ở cho lý báo đào đầu,
Gần thân xa tín vậy lâu mới tình.
Chữ rằng tứ-hải đệ huynh,
Kiền-khôn giao-hữu tâm tình giao-hoan.
Thân-hiền như tới nhà lan,
Lâu lâu lại thấy gió đàn hương thơm.
Thấy thiện đường có lòng thơm,
Khi xưa nước Sở lấy làm bảo trân.
Ta làm bạn với hiền-nhân,
Gần đèn sáng tỏ gần son tỏ mình.
Ta làm bạn với người lành,
Dường như vũ-lộ-trung-hành nhuận y.
Bạn cùng những kẻ ngu-si,
Hình như tới bến bào-ngư hôi mùi.
Bỗng con tới vách mà chơi,
Ta đừng giao-kết với người bất-như.
Chữ rằng thủy-đề-chi-ngư,
Thiên-biên-chi-nhạn bất kỳ cao đề.
Nhân-tâm chỉ-xích nan tề,
Khôn lường thiện ác khôn đề thiền thâm.
Tri nhân nhi bất tri tâm,
Vậy nên giao-kết tri-âm bạn hiền
Người tiền ta lại tìm tiền,
Cũng như Quách Lý đồng thuyền xuân-du.
Sông tình thuyền nghĩa mấy thu,
Nhân-gian tiền kiếp cộng trù khi nay.
Thuở xưa Hòa-quận Đàm-thai,
Hai người cùng kẻ lương-gia bạn hiền.
Cùng nhau đồng học thiếu-niên,
Đến ngày thi đỗ cùng tên bảng vàng.
Đồng thì giàu có quan sang,
Đồng thì xe ngựa chật đàng vinh-qui.
Kim-lan là nghĩa cố-tri,
Châu Trần lại ước thọ kỳ vô-cương
Lại danh Thuần-lộc Lôi-dương,
Hai người cùng kẻ thư-hương con nhà.
Cùng nhau lau huệ giao-ca,
Sách đèn đồng-học vinh-hoa đồng thi.
Đến ngày trí-sĩ đồng qui,
Ngựa hồng xe tía chen đi chật đường.
Chia tay nam bắc đôi phương,
Giã nhau Thuần-lộc Lôi-dương đều về.
Trần Trương cảm nghĩa cố-tri,
Tấn Tần lại ước đường đi cho gần.
Bạn người đã lấy làm thân,
Chàng Dương Lễ với chưng Lưu Bình
Hai người cùng kẻ tài-danh,
Cùng nhau đèn sách học-hành kinh thu.
Dọc ngang bể học rừng nho,
Chàng Dương bể quế lắm-le những ngày.
Hay đâu thì phận học tài,

Lễ thì đã dỗ tam-khôi những là.
Bình thì chưa được đăng-khoa,
Lễ thì thương bạn xót-xa trong lòng.
Nghĩ làm một chước mưu thông,
Nhân khi Bình đến Lễ không ra chào.
Sai đồng ra bỏi người nào,
Việc chi mà được sấn vào quan-gia.
Bình rằng cựu-nghĩa là ta,
Lâu ngày nhớ bạn nay hòa đến chơi.
Lễ nghe bạn nói khúc nhôi,
Trong lòng thảm-thiết ngoài thì dường sơ.
Gọi đồng truyền bảo bấy giờ,
Cả meo cơm bẩm dọn ra chớ chầy
Thết Bình một bữa cho hay,
Để cho người giận mày thay dỡ lời.
Cơm này là của ông tôi,
Qua đường lỡ bữa xin xơi lót lòng.
Quan dân nhất tự cách trùng,
Bạn thì mặc bạn ngài không biết gì.
Bình nghe tức giận một khi,
Giả ơn chú lệ thiếu chi cơm cà.
Vội-vàng kịp trở gót hoa,
Quyết lòng bấm chỉ trở ra kinh-thành.
Lễ ta thấy cũng thương tình,
Gọi nàng Ba lại vợ mình khi nay.
Bảo nàng nàng biết cho hay,
Bình xưa vốn thực ta nay bạn hiền.
Tài thì cũng đáng khôi-nguyên,
Cũng vì thất-dưỡng chữa nên thân tài.
Ta làm giả chước trêu ngươi,
Trong lòng vốn thực thiết nơi thương
Rầy nghe đã tới kinh-thành, [Bình.
Tìm nơi đèn sách học-hành quyết-khoa,
Bây giờ nàng phải nghe ta,
Ban cho vàng bạc liền ra Kinh-thành.
Tìm nơi trú ngụ nuôi Bình,
Chuyên-cần đèn sách học-hành nghiên-
Một mai Bình đỗ khoa-danh, [tinh:
Thì nàng giả chốn kinh-thành hồi-gia,
Nên công nuôi bạn cho ta,
Ắt là nhớ nghĩa nàng Ba muôn đời.
Qua bàn sự-tích mà soi,
Song chưa nói hết mọi lời phân-minh.
Sinh ra ở thế làm người,
Bạn thì phải chọn chớ nên giao cản.
Kim-thời lấy cổ làm gương,
Soi mà ăn ở tiện đường kết giao,

Đã bàn bằng-hữu trước sau,
Lại xem hương-đảng những điều ở ăn.

Xưa kia trời đất sinh dân,
Đều thời ở thế đồng-nhân một loài.
Nhưng mà chi-khí hữu sai,
Thông-minh ám-muội trí tài hiền ngu.
Kẻ thì trí-đức văn-nho,
Kẻ thì ngu-muội những đồ côn-quang.
Kẻ thì ngu-ác ngân-ngoan,
Kẻ thì ngu muội những đoàn vô-tri.
Làm người xử thế phải suy,
Ở trong đất nước đôi khi thuận-hòa
Xem người thì cũng như ta,
Thân-sơ kính-trọng trẻ già thương yêu.
Lấy điều trung-tín khuyên răn,
Lấy điều nhân-nghĩa mà bàn với nhau.
Hèn nghèo nên trọng sang giàu,
Mạnh thương kẻ yếu cùng nhau hoạn-hủy.
Luân-thường thứ-tự tôn-ti,
Trên đừng lấn át dưới suy kính nhường
Đừng ai cậy ý khôn-ngoan,
Lấy điều ích-kỷ mà toan hại người.
Đừng ai cậy thế tiền tài,
Thấy người đói khó mà hoài rẻ khinh.
Giàu thì lễ nghĩa tự sinh,
Khó thì đạo-tặc vật hình ư tâm,
Chữ rằng phúc thiện họa dâm,
Trời kia ở tại ốc-thiềm không cao.
Nhân-tình ai nấy bảo nhau,
Chớ làm việc dữ mà đau lòng lành.
Ở đừng đấu-trí tương-tranh,
Ở đừng sinh-sự công-đình làm chi,
Chữ rằng tục dịch phong di,
Ruộng cầy nhường cỗi người đi nhường
[dường.
Thuận-hòa đổi thói ngoan-cường,
Tứ dân phong-hóa thuần-lương vui vầy.

Sĩ thì đèn sách hôm mai,
Ôn kinh nấu sử dùi-mài nghiệp nho.
Một mai mà đỗ danh-khoa,
Hàn-vi đổi được vinh-hoa ngày rầy.
Nghênh-ngang xe ngựa tớ thầy,
Bỗ công luyện-tập những ngày bình-sinh.
Chữ rằng hữu chí cánh thành,
Xưa nay đã thấy hiền-vinh nhiều người
Khuyên đừng đăng chí chơi-bời,
Luống công mà lại thế cười người chê,

Nông thì cần-kiệm sinh-nhai,
Cầy mây cuốc nguyệt xem bề ruộng nương
Một mai mà được giàu sang,

Trong nhà đã có dọc ngang của tiền.
Chữ rằng đại-phú do thiên,
Kỳ như tiểu-phú tất tiên do cần.
Thuở xưa Vương Thạch nhị nhân,
Đã từng dấu phú gấm chăng hai đường.
Tiếng đồn thấu đến quân-vương,
Vua liền khen thưởng hai chàng một mai.

Công thì mực thước chớ sai,
Chăm lo nghề nghiệp tháng ngày cho tinh.
Một mai nổi tiếng thơm danh,
Được vào ở chốn cung-đình sửa-sang.
Đi về võng-giá nghênh-ngang,
Tớ thầy rộn-rịp họ hàng vãng-lai.
Khuyên đừng mực lệch thước sai.
Bao quản dục vẹo mà người không ưng.

Thương thì buôn bán ân-cần,
Tinh lời trong vốn ngoài lưng ít nhiều.
Tùy-thời dợi giá hạ cao,
Xem chừng chợ búa ra vào ngược xuôi.
Bắc Hồ nam Việt rộng khơi,
Buôn về bán một ra mười lời thay.
Gặp thời trời giúp ta nay,
Làm nên cơ-nghiệp để rầy cho con.
Xưa kia Bốc Thức cũng buôn,
Có tiền có bạc làm quan cao vì.
Bảo cho nhân-thế được hay,
Các cần kỳ nghiệp chớ ai vô-tình.
Chữ rằng nhất nghệ duy tinh,
Có ngày ắt được thân vinh rõ-ràng.

Dù ai làm được giàu sang,
Cũng nhờ phong-thổ cố-hương những là.
Ở cho trên thuận dưới hòa,
Đừng khoe thân-thế người ta giận hờn.
Ở cho có nghĩa có nhân,
Thì trong đất nước càng tăng trọng mình.
Tiếng Sơ Quảng, Thụ, tài-tình,
Hai ông trí-sĩ từ Kinh mà về.
Bạc tiền của-cải nhiều ghê,
Đều mời làng nước rượu chè cấp cho.
Nói rằng tích của thì lo,
Chẳng bằng tích-đức để cho con rầy.
Chớ ai như thể Trương-Hải,
Mới vâng đạo sắc ra ngoài Thư-chu.
Nghĩ mình Đô-đốc đã to,
Về làng uống rượu dặn dò hương-lân.
Hôm nay còn hãy làm thân,
Ngày mai lễ cách quan-dân chớ hề.

Vô-tình chẳng nghĩ chẳng suy,
Làm nên phú-quí bởi vì tại đâu.
Bây giờ tự trọng phú cầu,
Phụ nơi phong-thổ làm kiêu với làng.
Khuyên ai làm được giàu sang,
Ở như Sơ Thụ về làng khi xưa.
Đừng như Đô-đốc Thư-chu,
Thế-gian còn tiếng tư-ta đến rầy.

Lại khuyên ai nấy cho hay,
Lấy điều cần-kiệm thuở này dưỡng-gia.
Ăn chơi những thói sa-đà,
Rượu chè cờ bạc lánh xa đừng gần.
Chữ rằng bất-tiểu-chi-nhân,
Phá-gia-chi-tử ai thân làm gì.
Xem người uống rượu một khi,
Say sưa điên-ngộ ra chi dáng người.
Làm-nhàm nói chẳng nên lời,
Mắt thì dường bạc tiếng thời như vang.
Cửa nhà phá phách tan-hoang,
Bao nhiêu gà vịt những đoàn đuổi ra.
Biết chi khôn dại nữa mà.
Còn chi lễ-nghĩa mà ta khuyên bàn.
Thuở xưa Quý-Bố làm quan,
Hà-đông Thái-thú vua toan chiêu về.
Cho làm Ngự-sử đòi khi,
Nhân vì mê rượu người ghê không gần.
Ta nên lấy rượu làm răn,
Sinh ra cờ bạc của rừng tan đi.
Tập nghề đánh bạc làm chi,
Những người hay đánh đã thì hơn ai.
Đêm nghe chó xủa hơi hơi,
Ngồi vênh tai chuột lẳng nơi xa gần.
Tức-thì trỏ nẻo đề chừng,
Dò đi ắt đến rạng đông mới về.
Ngày ngồi dở tỉnh dở mê,
Nghĩ toan chốn nọ nơi kia kiếm tiền.
Ruộng-nương cầm bán hoang thiên.
Bất-kỳ cao hạ được tiền thì thôi.
Rủ nhau đi lĩnh nợ người,
Bất-kỳ nặng nhẹ mấy lời cũng vay.
Áo quần rách-rưới tả-tơi,
Trong nhà rầy-rứt bề ngoài cười chê.
Được thì rượu rượu chè chè,
Kẻ anh người chú đều chìa tay xin.
Thua thì đỏ đỏ đen đen,
Rủ nhau đem của đổ miền sông Ngô.
Những người chức cả quyền to,
Đã ngồi đám bạc cũng trò con đen.

Bàng-công thơ chép để truyền,
Có câu suy-bại nhỡn-tiền đa nhân.
Trách thay nhà thổ quá chừng,
Làm chi những việc mình mừng người lo.
Dù mà muốn dựng cơ-đồ,
Đóng tầu vượt bể buôn Ngô bán Lào,
Của làm ra ắt được lâu,
Tiền tài gá thổ trời đâu cho giàu.
Được là vào trước ra sau,
Phú-vân của ấy được lâu bao giờ,
Chữ rằng hại chúng thành gia,
Cửu-trường phú-qui thời ra không trời.

Tệ thay những kẻ đánh bài,
Một anh đã dại ba người không khôn,
Nghe ai cơm trắng rượu ngon,
Rủ nhau giả sự chơi xuân tìm vào.
Đua tài kẻ thấp người cao,
Đem nhau đều đút tay vào cạm thôi.
Tay rằng nói chỉ đánh chơi,
Thực là đem của cho người vô công.
Tan bàn trầu hết rượu không,
Thấp cao đều đổ vào trong lọ hồ.
Ngồi không mua việc mà lo,
Tỉnh ra mới biết thực đồ tệ thay.
Bảo cho những kẻ ở đời,
Muôn nghìn bài bạc chớ chơi làm gì.

Lại rằng những kẻ đánh cờ,
Danh tuy đồng lạc thực là tương sai.
Chăm chăm cờ bạc mấy người,
Tranh nhau thắng-phụ đua tài thấp kiêu.
Hay chi nghề ấy mà theo,
Lao-tâm vả lại thêm điều mất công.
Ở đời nhất sĩ nhì nông,
Tứ thương lại có tam công những nghề.
Tìm nơi sinh lợi nọ kia,
Người ta mới kể nam-nhi lương-tài.
Còn như những việc đánh bài,
Đánh cờ vô-ích làm người phải răn.
Ngô-vương thất lễ bất-triều,
Bởi vì bác-cục thấp kiêu chẳng nhường,
Việc xưa kể đã tỏ tường,
Ta nay lấy đó làm gương sửa mình.
Truyện này sau trước phân-minh,
Lấy trong hiền-truyện thánh-kinh dẫn [bày.
Lại đem danh tích xưa nay,
Để mà chứng thực cho người được suy.
Kẻo mà nhân thế còn nghi,
Tưởng lời ta nói có khi mô-hồ.
Ta đây cũng kẻ văn-nho,
Bây giờ nhĩ-thuận niên du lục-tuần.
Dại khôn mình cũng đã từng,
Phải chăng nay cũng đã nhuần tính xưa.
Làm lời ca-huấn bây giờ,
Để mà dạy bảo ngu-sơ những người.
Hay chăng xin chớ ai cười,
Làm ra truyện ấy để đời âu-ca.
Ai xem cũng nhớ đến ta,
Gọi là cũng tiếng con nhà văn-thư.
Dặn người nhân-thế bây giờ,
Ai mà miệng đọc lòng suy cho tường.
Đường ai thẳng-thốt bàng-hoàng,
Đọc không suy kỹ biết đường chi đâu
Có thơ đã chép trên đầu,
Đọc thì xuôi xuống lại hầu xem lên.
Cứ trong thư-tịch thánh-hiền,
Mỗi lời sự-tích ta truyền để đây.
Đọc ra mới biết sự hay,
Suy ra mới biết những tay chép truyền.
Chữ rằng thiên-tử vạn-niên,
Bút hoa lược ký tụng-truyền nghìn thu.

THẢO-TRẠCH ANH-HÙNG

III

Lê Duy-Mật
黎維䕫

Ông Lê Duy-Mật là con vua Dụ-tôn nhà Lê. Ông sinh gặp lúc nhà Lê thất-thế, họ Trịnh chuyên-quyền, ông nghĩ mình là ý-thân nhà vua, giận kẻ quyền-thần lăng-bức, ông bèn cùng với chú là Duy-Chúc, em là Duy-Thụy và triều-sĩ là Phạm Công-Thế, Vũ Lịch, thuộc-hiệu là Lại Thế-Tế, mưu đốt đô-thành, sợ việc tiết-lộ, bèn toan đi trốn, tìm cách khởi-binh, giả đi lễ Phật tại chùa Xích-đằng (赤藤寺) (chùa ấy ở về Phố-Hiến), nhân mẹ ông Thụy là người làng Cung-hoàng (龔黃), huyện Thanh-trì, cả anh em chú cháu và gia-quyến đều hội đến làng ấy, làm văn tế vua Lê Thái-tổ ; tế rồi, đi ra bến Cẩm-cơ (錦機) thì đã có gia-nhân dự-bị mấy chiếc thuyền chầu chực tại đấy, cùng đi thuyền đến chùa Xích-đằng, khi đến nơi mẹ ông Thụy mới biết cơ-sự như vậy, sợ làm lụy đến thân-thuộc, bách ông Thụy phải về triều chịu tội, chúa Trịnh Giang (鄭杠) phó hạ đình-nghị, ông Thụy phải tội giảo còn các ông khác như ông Duy-Qui phải chạy ra huyện Cẩm-thủy, ông Duy-Mật cùng ông Duy Chúc chạy ra huyện An-dương, gặp người thổ-hào là Ngô Hưng-Tạo đưa đi, vượt bể chạy vào Thanh-hoa. Trịnh Giang cho quân đuổi theo không kịp. Ông Mật ông Chúc liền khởi-binh ở đầu nguồn Thanh-hoa, suy-tôn ông Duy-Chúc làm minh-chủ. Được ít lâu ông Duy-Chúc mất, ông thay ông Chúc cầm quân.

Đương lúc ấy, quốc-chính rối loạn, thiên-hạ ngao-ngao, có nhiều nơi nổi loạn, đều lấy cái danh-nghĩa phù-Lê, mà bọn Nguyễn Cử (玩遽) Nguyễn Tuyển (玩選) ở huyện Chí-linh (至靈) là tay hùng-cường thứ nhất, khi nghe tin các hoàng-tử muốn khởi-binh thì kinh-thành rung động cả, Vương-phủ (王府) mới để lòng nghi-kỵ Hoàng-gia, sai quan hàng ngày điểm-diện các nhà Hoàng-tộc, để phòng những người có dị-chí.

Năm Vĩnh-hựu thứ sáu, ông đem quân ra đánh các huyện Phúc-lộc huyện Tiên-phong (Sơn-tây), Trịnh Doanh sai Trần Đình-Cẩm Nguyễn Ba-Lân đi kinh-lược ; ông Ba-Lân chiêu-tập những quân hương-binh ba huyện thượng-du đến đánh, ông Mật lui quân về đóng ở thượng-đạo trấn Sơn-tây. Rồi lại từ huyện An-hóa Phụng-hóa, qua huyện Mỹ-hương Minh-nghĩa, đi ra miền sông Đà sông Thao.

Trịnh Doanh sai quan thống-lĩnh Thanh-hoa là Đặng Đình-Bật đốc-suất cả các đạo quân huyện An-sơn và Mỹ-lương Chương-mỹ đến đánh. Ông Đình-Bật lừa lúc bất-ý, đến đêm đem quân đến áp tận nơi, đánh phá ba lũy vài mươi đồn. ông Duy-Mật phải lui quân về giữ ở huyện Văn-lãng Thái-nguyên, dần dần lại trở về Thanh-hoa, lập đình lũy ở làng Ngọc-lâu, tự xưng là Thiên-nam đế-tử.

Sau lại phải Đặng Đình-Bật đánh thua, ông phải chạy đến chiếm-cứ trấn Nghệ-an, rồi lại trở về Thanh-hoa, kéo quân ra huyện Lôi-dương, đánh phá đồn Bái-thượng, mưu sang sông Lương-giang trở về An-trường, gặp Đặng Đình-Bật cùng Hà Huân Nguyễn Nghiễm đem quân đến đánh, ông cùng Bật đánh nhau ở làng Thịnh-

mỹ, thua trận phải chạy về châu Lương-chánh.

Năm Cảnh-hưng thứ mười, ông Mật suất quân đi qua làng Kính-lão ra huyện Hoài-an, có tên phỉ-cừ là Tương cũng đem quân đến đóng ở núi Kệ-sơn, để làm thanh-viện cho ông. Chúa Trịnh Doanh lấy làm gần liền với Kinh-kỳ, sai đô-đốc là Văn Đình-Ức, hiệu-điểm là Mai Thế-Truân chia quân ra án-ngự; lại sai Lâm-trung-hầu thừa hư đến phá đồn Ngọc-lâu, để cho rối loạn quân-tâm của ông.

Năm Cảnh-hưng thứ 13, chúa Trịnh Doanh sai bọn ông Đàm Xuân-Vực và Nguyễn Nghiễm đem quân đến đánh tên Tương ở trấn Sơn-tây, Tương thua trận liền chết. Mật đem quân chạy trốn, nhưng thường vẫn đi đi lại lại ở miền Thanh-hóa và Sơn-tây.

Đến năm Cảnh-hưng 24, nhân bấy giờ quan đốc-suất Nghệ-an là Văn Đình-Ức, làm quan hà-khắc tàn-nhẫn, trăm họ kêu ca, ông Duy-Mật bèn đánh lấy đất Cao-châu Trấn-ninh, đem quân vào đóng tại thành Trình-quang, lại chia quân đánh lấy cả châu Quì và châu Trà, truyền hịch hiểu-dụ nhân-dân các xứ.

Duy-Mật ở Trấn-ninh, dần dần sinh-tụ, những dân Lào ở các châu Quì Trà và Cao-hợp, đều theo làm bộ-khúc, thanh-thế rất lừng-lẫy; chúa Trịnh Doanh mấy lần đem quân đến đánh, nhưng vì địa-thế hiểm-yếu vẫn không làm gì được.

Tháng tư năm Cảnh-hưng thứ 28, bấy giờ ông Mật nghe tin chúa Trịnh Doanh mất, bèn thừa-hấn sai tướng đem binh xuống miền Hương-sơn Thanh-chương, quân Trịnh bị thua chạy; tin cảnh-báo về đến triều-đình, chúa Trịnh Sâm sai ông Nguyễn Nghiễm cùng với ông Bùi Thế-Đạt đem quân ra đánh, Duy Mật lại lui quân về.

Lại sai quan tham-nghị Nghệ-an là Nguyễn Mậu-Dĩnh đem sắc-thư đến Trấn-ninh, để dụ hàng, nhưng không vào được, phải trở về không. Từ đó Trịnh Sâm quyết ý đem quân vào đánh.

Năm Cảnh-hưng thứ ba-mươi, Trịnh Sâm sai Bùi Thế-Đạt làm Nghệ-an thống-lĩnh, cùng với Nguyễn Phan, Hoàng Đình-Thể, ba đạo quân đến đánh thành Trấn-ninh. Duy-Mật nghe tin, bèn đóng quân ở thành Trình-quang, lấy dẫy núi cao làm hiểm-cố, đóng cửa thành cố giữ, rồi cho quân du-binh ra đón đường đánh quân Trịnh trèo núi kéo vào đánh khắp các miền. Duy-Mật thua luôn mấy trận, quân Trịnh thừa-thế tiến quân đến áp thành Trình-quang, chia đặt doanh-trại. Duy-Mật đóng quân lặng yên không ra đánh, quân Trịnh không biết hư-thực ra sao, không dám tiến quân vào ngay.

Sau lúc ấy Hoàng Ngũ-Phúc bắt được mẹ Lại Thế-Thiều là tướng của Duy-Mật, sai viết thư dỗ con làm nội-ứng. Thế-Thiều nguyên là con rể Duy-Mật, từ lúc tiếp được thư của mẹ, liền sinh nhị-tâm, bảo ngầm bộ-tướng là Lê Văn-Bản, mở cửa ngoài, cho quân Thế-Đạt vào. Quân Thế-Đạt vào được rồi, liền bắc thang trèo lên, chĩa súng bắn vào trong thành suốt ngày đêm, Duy-Mật biết có nội-công, thế không chống giữ được nữa, bèn tụ cả vợ con lại, tự đốt lửa mà chết.

Khi trước có một người hoạn-giả là Minh-quận thấy bọn gian-nhân làm rối triều-chính, giặc nổi như ong, cảm-khái mà nói rằng: «Ta nghiệm thiên-thời nhân-sự, vận nhà Trịnh sắp mất, nếu mình dắt lấy một ông hoàng-tử vào núi khởi-nghĩa như việc trung-hưng khi trước, thì có thể thành công-nghiệp lớn được.» Liền theo ông Duy-Chúc Duy-Mật đi bày mưu lập-kế, đánh lấy thành Trấn-ninh, tôn-phụng Duy-Chúc Duy-Mật làm chúa, sửa thành-bảo, sắm giáp-binh, hơn ba-mươi năm, biên-thùy không lúc nào được yên.

Chúa Trịnh thường dem việc Trấn-ninh hỏi ông Hoàng Ngũ-Phúc và Đỗ Thế-Giai, hai ông đều rằng : « Hắn có người mưu-chủ là Minh-quận chưa thể đánh lấy được. » Đến khi Minh-quận chết, ông Hoàng Ngũ-Phúc tâu với chúa Trịnh rằng : « Nay Minh-quận đã chết, thì thành Trấn-ninh có thể lấy được. » Trịnh Sâm liền sai Bùi Thế-Đạt thống-suất ba đạo quân đến đánh, liền yên được Trấn-ninh.

PHỤ BÀI HỊCH NHƯ SAU NÀY :

Từng mắng rằng :

Đấng văn-tôn văn-tử, thủ cha ông chỉ để đội trời ; người vương-thổ vương-thần, lòng trung-nghĩa phải toan vì nước.

Nhớ thủa : Đất Lam-sơn khởi-nghĩa ; đức Thái-tổ ra uy. Tuốt gươm thiêng chém quách Liễu-Thăng ; lên ngôi báu dựng đô Nam-Việt.

Trọc tóc khiến nên dài tóc, đầu đội ơn công-đức vô-cùng ; trắng răng đổi được đen răng, miệng chúc-tụng thái-bình hữu-tượng.

Ca Lê-liễn dịp tay hớn-hở ; khúc Nghiêu-cù vỗ bụng nhởn-nhơ.

Trần Cao giở mặt mặc Trần Cao, nào chuyền nhân-tâm tư Hán ; Mạc-thị mống lòng dấu Mạc-thị, khôn lay thiên-hạ tôn Chu.

Giữa trời Nam mở vận trung-hưng ; trong huyện Tống mượn tay nguyên-tá.

Nguyễn công ấy dạ-tràng xe cát ; Trịnh việc chi tu-hú để nhờ.

Trước ra tuồng tằm-gửi lán ngành, đã khẳng-khỉnh chuột sa chĩnh gạo ; sau quen thói bồ-câu tranh tổ, lại hung-hăng trau chọi nhà thần.

Mắt Mãng-sa dòm vạc Tây-Lưu ; miệng Tào-quỉ thèm ngôi Đông-Hán.

Kết chân rết đặt lời du-nịnh, anh-hùng miệng ngậm bồ hòn ; bận lông lươn sinh sự phiền-hà, thiên-hạ đầu vô trái kẻ.

Thảm-khốc mấy ! rắn sành ra mỡ ; oan-khốc chi ! gấp lửa bỏ tay.

Nhân-dân thổ-địa cõi bờ xưa, nỡ để vào hang tặc-tử ; xã-tắc sơn-hà nền-nếp cũ, chi cho vào túi gian-hùng.

Binh-cơ này dù chẳng sớm toan ; oan-gia ấy biết bao giờ dứt.

Vậy phải : Liều mình vượt bể ; gắng sức trèo non.

Chữ Khâm-sai sương nhuộm lá cờ ; đoàn qui-nghĩa gió lay con mác.

Câu-cốp một thành một lữ, lò hương vạc Hạ thổi o-o ; mở-mang tấc đất tấc dân, thanh cũ gươm Lưu mài sáng-sẳng.

Năm canh nguyệt mơ-màng Câu-Tiễn ; mấy thu trời tơ-tưởng Tấn Văn.

Trong nội Tân hươu chửa bể sừng, mở lưới bồ thiếu người hào-kiệt ; ngoài cõi Sở khỉ còn đội mũ, ra sức khua ít kẻ anh-hùng.

Tổ-công tôn-đức phụ chi ai ; nghĩa-sĩ trung-thần sao lánh mặt.

Kẻ chịu hoàng-ân khi sáng-nghiệp, có trời có đất có nhi-tôn ; người nhờ hồng-phúc thủa trung hưng, còn nước còn non còn tước-lộc.

Người cũng là người nước Việt ; đất nào chẳng đất nhà Lê.

Ngôi tiên-vương chim phượng ngắn lông, coi thấy cũng nên sa nước mắt ; giặc quân-trắc miệng tằm ăn lá, xem vào sa chẳng ngừa buồng gan.

Giống liu-điu nào phải con rồng ; lửa đom-đóm khôn chen vừng ác.

Cấy lúa chớ dung loài khác giống ; ăn trái nên nhớ kẻ trồng cây.

Gà Lã kia cựng cựa được nào, máu Sản-Lộc còn cho chợ Hán ; chó Hồ nọ nhân nanh giả chủ, thịt Lộc-Sơn thêm bần gươm Đường.

Vì thâm-nhân hậu-trạch thấm xương ; nên đại-đạo gian-phu ráo bọt.

Vả tiểu-tử vốn giòng đế-trụ, thừa tổ-tôn lạm dự nhà vàng ; ơn tiên-triều khơi mạch vương-nhân, ngưỡng phụ-mẫu phu lòng con đỏ.

Đã biết sức khôn lay bao Trịnh ; cậy lòng người còn mến đức Chu.

Xin đừng ỷ-thế băng-sơn ; phải liệu cùng nhau tả-đản.

Nhà đại-hạ vừa nghiêng-nghiêng xuống, cố sức chống cột giường ; ghềnh cự-xuyên đang cồn-cộn trôi, ra tay cầm bánh lái.

Vàng trên ngựa chớ tham của Ngụy; son vườn đào đừng phụ nghĩa Lưu.

Thu lò nước Quyển nước ...(1), chưng thủa kỳ khu bền dạ sắt ; đóm bếp người . . . người Ngụy, trong khi thảng-thốt dãi gan vàng.

Hoặc tựu công-môn ; hoặc thông tin sứ.

Nếu đã tả đề hữu khiết ; ắt là tung hợp hoành liên.

Trổ cờ đỏ bông oai, . . .

Diệt cường-thần nhổ rễ ác căn ; phù đế-thất dựng cây kiều mộc.

Cung Tiên trước đỡ thủ Triều-thành, cho Bình-đế bỏ . . . ; điện Kiền nay rửa hồ thượng-hoàng, kéo Tần-quan...

Loạn thì có trị ; khuất đã lại thân.

Rành hay cây cứng thủa hùng-phong; mới biết tôi ngay khi bản-đẳng.

Công-lênh ấy sông Vàng non Thái, ai phụ ai mặc quỉ-thần soi ; binh-định ra khoán sắt thư son, đức báo đức cho trời đất biết.

Mấy sự thủy-chung dãi ngỏ ; xin người trung nghĩa toan cùng.

Nay dụ.

Nguyễn Tuyển
阮 選

Nguyễn Tuyển người ở làng Ninh-xá phủ Nam-sách Hải-dương, đương năm Vĩnh-hựu thứ sáu đời vua Ý-tôn nhà Lê, bấy giờ chúa Trịnh Giang chuyên-quyền thi-nghịch, sa-xỉ tiếm-lộng, Tuyển cùng em là Nguyễn Cử (阮 遽) cháu là Nguyễn Duyên (阮 筵) cùng với tên Nguyễn Trác-Oánh cùng khởi-binh, họp tập ở địa-phận làng Ninh-xá, Tuyển xưng là minh-chúa, Trác-Oánh xưng là minh-công, đều mượn tiếng là tôn-phù nhà Lê, nên các dân hai phương đông nam đều bỏ cả sự cầy cấy đi theo, dần dần đảng-vũ có đến hơn một vạn, vây đánh các thành các ấp, triều-đình mấy phen không trừ được nổi.

Đến năm Vĩnh-hựu thứ sáu (1739), bấy giờ quân-thế của Tuyển đang dữ-dội ở mặt đông-nam, quan thống-lĩnh Bắc-đạo là Nguyễn Trọng-Uông đem quân đến đánh nhau với Tuyển ở đất Bình-ngô, đang lúc đánh nhau kịch-liệt, vì người thuộc-tướng là Nguyễn Hữu-Nhuận bỏ chạy, quân-sĩ hoảng-sợ tan vỡ, tỳ-tướng là Đặng Đình-Sất Phạm Hữu-Tá chạy cả, ông Uông thế cô bị giết. Tháng năm năm ấy Tuyển thừa thế suất quân qua sông vào lấn các huyện Phú-xuyên và Thượng-phúc, sau phải tướng thủy đạo là Nguyễn Đăng-Hiền tiến quân đến đánh, Tuyển thua trận phải chạy, lùi về đóng ở núi Phao-sơn, huyện Chí-linh, chia lập ra nhiều đồn lũy ; bấy giờ đảng-vũ có đến vài vạn người, các tướng mấy lần đến đánh không nổi.

Đến tháng sáu năm Cảnh-hưng nguyên-niên (1740), Nguyễn Tuyển đến đánh hãm huyện Đường-an, ông Vũ Tất - Thận đem quân chống ngự không nổi, đến tháng bảy Tuyển liền phái quan thống-lĩnh Hoàng Nghĩa-Bá đánh thua ở núi Phao-sơn. Tháng mười năm ấy, Tuyển nghe tin chúa Trịnh Doanh tự tưởng đi đánh giặc Ngân-giá, bèn cùng đồng-đảng là Trần Diễm (陳 艷) thừa hư tiến đến giáp bến sông Bồ-đề, bấy giờ trong đô-thành không có quân, nhân-tình hoảng-hốt, bà Vũ thái-phi bèn sai ông Trịnh Dịch, ra canh giữ bốn cửa thành, lại sai các quan văn-thần là Vũ Kinh-Vĩ và Nguyễn Bá-Quỳnh suất các cư-dân ở đô-thành ra giàn ở bến sông để làm nghi-binh,

(1) Bài này những chỗ có dấu chấm là nguyên-bản không rõ, bản-chí không dám tự-tiện điền vào, vậy ngài nào có biết xin viết thư cho bản-chí để điền sau.

sau ông Trần Cảnh và Phùng Thọ-Hầu ở huyện Lương-tài nghe tin, đem quân về miền Phù-lưu Đình-bảng đánh tập-hậu, lại quan trấn-thủ Sơn-tây là Đặng Đình Miên cũng đi tắt qua làng Thụy-hương (huyện Từ-liêm) sang bờ bắc-ngạn, huyện Gia-lâm suất quân ra đánh, Tuyền ngờ sợ, phải dẫn quân đi.

Đến tháng chạp Nguyễn Tuyền lại cùng em là Nguyễn Cử đem quân đến cướp ở các miền Hồng-châu và Khoái-châu, quan Sơn-nam đốc-đồng là Trần Viên suất quân ra đánh nhau với Tuyền ở Khoái-châu, không may quân thua phải chết trận,

Năm Cảnh-hưng thứ hai, bấy giờ quân-thế của Tuyền lại càng lừng-lẫy, chúa Trịnh Doanh sai ông Đặng Đình-Luận và Trần Trọng-Liêu Nguyễn Trọng-Thai đem quân đến đánh, lúc đem quân đến huyện Đông-triều, Tuyền sai người đến xin hàng, Đình-Luận ngỡ thực không phòng-bị, đến khuya Tuyền đem quân đến đánh bọn doanh, Đình-Luận và Trọng-Liêu Trọng-Thai đều bị Tuyền bắt được cả.

Tháng hai năm ấy, quan tổng-lĩnh Hải-dương là Hoàng Nghĩa-Bá đem quân đến đánh, phá luôn được cả các đồn Phao-sơn và Ninh-xá, Nguyễn Tuyền trận thua bị chết, còn tên Nguyễn Cử chạy trốn về xứ Lạng-sơn, y-phụ với tên thổ-tù là Toan Cơ, lại mưu trở về miền đông, mới đi đến huyện Đông-triều thì hết lương, quân-chúng tan hết, Cử cùng với con liền trốn náu vào nhà dân ở dưới núi Ngọa-vân, phải quan hiệp-đồng huyện Đông-triều là Phạm Đình-Trọng bắt được, đóng cũi giải về Kinh-đô giết đi.

. . .

Ba-Nhân

巴閏

Ba-Nhân người ở làng Bình-đẳng, huyện Bạch-hạc, tỉnh Sơn tây, vốn là một tay võ-lại, thường thường chỉ cướp bóc những thuyền muối ở bến Bình-đẳng làm sinh-nhai. Nhân một đêm đi ăn trộm, giết hai mất một người thủy thủ, bèn sợ tội trốn đi, cứ ban ngày thì nấp ở trong hốc cây đa chợ Canh-thị, tối đến thì rình khi người ở chợ tan rồi, Nhân lại ra đón những bọn con gái đàn bà, hoặc cưỡng-dâm, hoặc bóc lột, nhân-dân xứ ấy rất là khốn-khổ.

Cửa ô Hạc-quan nguyên là chỗ tuần-ti lấy thuế, thuyền bè xum-họp, buôn bán đông đúc, có một người gái góa tục danh là bà Tổng-hai Hạc, nhà giàu cự-phú, nhà gạch kể có hơn trăm gian, cổng kín tường cao bọn bất-lương vẫn thường để mắt rình mò, mà không làm gì được Ba-Nhân muốn vào ăn cướp, mà không biết làm cách thế nào, bèn ăn bận giả làm người lái buôn, ngồi trong một cái thuyền to, trong thuyền xếp đầy những bao sợi vải. Ba-Nhân vào nhà Thị-Hạc gọi bán; khi mặc cả thành giá rồi, liền thuê người gánh sợi vào, cứ mỗi người gánh hai bao, đến năm sáu mươi bao mới hết Bấy giờ trời đã tối rồi, đem vào để riêng một cái nhà, Thị-Hạc cũng không kịp kiểm xét gì nữa.

Đến hồi đêm đã khuya rồi, đồ-đảng của Nhân ở trong bồ sợi chui ra, cứ mỗi bồ có một người, người nào cũng cầm khí-giới, xô vào bắt Thị-Hạc đem ra khảo của, Thị bảo Nhân rằng: «Nay thế đã đến thế này, thì của chị tức là của cậu, cậu để sống, hay giết chết cũng mặc lòng.» Nhân nghe nói, cười mà tha không giết, chỉ thịt trâu mà cùng nhau ăn uống, đến sáng lại xuống thuyền đem quân đi, không thèm lấy gì cả.

Sau cùng đồ-đảng là tên Ba-Tín, tên Thiết-Thạch, và tên Tiền-Bột, Tiền-My, tụ họp ở trong làng Tam dương; lại làm kho đụn để chứa lương-thực ở trong rừng cấm dưới núi Tam-đảo, lương-thực rất nhiều, mỗi khi đánh

nhau với quan-quân, Nhân chỉ cầm một cái sào mà đâm, quản-tượng nào cũng phải chết. Hễ con voi nào thò vòi ra, Nhân lấy câu-liêm ngoèo cắt, voi bị đau, cuốn vòi kêu rống mà chạy. Cho nên người ta đồ nhau làm việc gì khó, thường vẫn nói rằng: « Mày có gan bằng Ba-Nhân không? »

Năm Minh-mệnh thứ mười-ba, (1832) quan tổng-đốc Sơn-tây là ông Nguyễn Công-Hoán phái ông Tôn-thất Bật đem quân đi tiễu-nã, gặp Nhân ở đất Quất-lưu, Nhân cùng ông Bật đánh nhau tay đôi, suốt một ngày, vẫn không bên nào được cả, quân Nhân và quân ông Bật, thì chỉ dàn đối-trận đứng xem; đánh nhau mãi đến chiều, Nhân biết ông Bật là tay võ-nghệ giỏi, không thể địch được, bèn cùng rút quân về, hẹn ông Bật để hôm sau lại đánh.

Từ đó Nhân kéo quân lên ở Thượng-du, lấy chỗ rừng Phù-ninh, Sơn-dương làm sào-huyệt, hoặc bắt người lấy của, hoặc cho quân đi cướp bóc, dân địa-phương ấy rất là khổ-sở, trong tám chín năm, quan-quân vẫn không dẹp được yên.

Đến năm Thiệu-trị thứ hai, (1842) ông Nguyễn Đăng-Khải làm tổng-đốc Sơn-tây, bấy giờ có người ghét Nhân là tay tàn-bạo, liền ra tố-giác mồ mả bố mẹ tên Nhân, ông Khải liền phái người đào lấy hài-cốt đem về, ngày thì phơi nắng, đêm thì ngâm bẩn; lại phái ông Tôn-thất Bật đề-binh đến tận nơi sào-huyệt, nghiêm-sức các phủ huyện gia-tâm phòng-thám. Nhân thế cùng sức hết, phải trốn lánh ở một nơi.

Sau ông Khải cho người đi do thám, biết Nhân trú ở nhà tên Cai-tổng Hùng ở làng Hiệu-lực, huyện Tùng-thiện, bèn đem quân đến vây. Nhân may chạy thoát được. Ông Khải bèn bắt tên Hùng chém đi, mà lại cho con tên Hùng là tên Tại kế làm chánh-tổng, bắt phải gìn-giữ trong địa-phận mình; vì thế Nhân không còn chỗ nào dung-thân, đành phải ra thú, ông Khải cho đến tỉnh chực hầu. Sau có chỉ-dụ bắt giải về Kinh, khi đi đến núi Tam-điệp, Nhân tự liệu không khỏi tội liền cắt cổ mà chết.

Dư-đảng của Nhân là Ba-Tín, Thiết-Thạch thì đã chết trận rồi, còn tên Tiền-Bột, Tiền-My theo Nhân ra thú. Lúc Nhân phải giải về Kinh rồi, hai tên ấy hậu-phái ở tỉnh, cũng bị bệnh chết cả.

Lúc Ba-Nhân nổi loạn, ông Nguyễn Đặng-Giai đương làm Tổng-đốc Sơn-tây, có một người tú-tài tên là tú Suất trạng-mạo khôi-ngô, có tài và có học-vấn, làm thầy dạy học ở tại dinh ông Giai, ông Giai rất kính-trọng, có một hôm ông Suất thưa với ông Giai, xưng mình có một bộ sách lạ, nguyên của ông thân-sinh để lại, trước nhân nghèo cho nên phải bán, xin ông giúp tiền để chuộc sách về, ông Giai cho mười thoi bạc, ông Suất mang về, rượu chè hát xướng, tiêu hoang đi hết, khi bạc hết rồi, ông đi đến đánh chén tại một hàng cơm ở trong địa-hạt phủ Quốc-oai, mật-mưu sai người đến báo láo cho người cai-tổng sở-tại rằng: « Ba-Nhân nay cùng-đồ, hiện có mấy thầy trò hắn, giả ăn bận rách-rưới, trốn ở trong quán cơm ấy. » Cai-tổng nghe, sai những người đã biết mặt Nhân, đi nhận mặt xem có phải không, quả thấy một người trạng-mạo không khác gì Nhân, về báo với cai-tổng nói là thật có Nhân trốn ở đấy, cai-tổng bèn suất họn thủ-hạ đến vây bắt. Ông Suất bảo rằng: « Chúng mày muốn dâng công thì phải nghe lời tao bảo, phải rước ta về nhà đãi-đằng tử-tế mới được, chớ không thì tao tuy thất-thế cũng đủ giết được mấy người, rồi tao mới chịu chết, cũng không cần gì. » Cai-tổng nghe theo, rước về nhà giết trâu thết tiệc, thù-phụng rất hậu, rồi đóng cũi, đem giải nạp tỉnh, khi đến thì ông Suất lấy khăn che mặt không cho ai trông thấy, chớ

khi quan tổng-đốc là ông Giai đi đến tận nơi xem thì ông mới giở khăn, lên tiếng khóc ồ-ồ, ông Giai hỏi tại làm sao mà đến thế, ông nói : « Tiền bạc bao nhiêu đều phải tên cai-tổng lấy hết, rồi lại bắt bỏ vào cũi mà giải đến đây, không biết tại cớ làm sao, xin quan lớn xét minh cho » Quan tổng-đốc bật cười thả cho ông ra, mà khép án tên cai-tổng về tội vu-hãm, phải tội đồ, cai-tổng không thể nào cãi cho khỏi tội được.

∴

Lê Duy-Phụng

黎維奉

Ông Lê Duy-Phụng tự xưng là cháu vua Cảnh-hưng nhà Lê, có tài thao lược, lại giao-kết rất rộng. Đương năm Tự-đức thứ mười-bốn, cùng với đồ-đảng là tiền-quân Lý Độ, Trung-quân Lý Ước, Hậu-quân Tài-Cầm, khởi-binh ở chá i Vạn-ninh, phàm các thuyền buôn của người Tàu người ta qua lại chỗ ấy, đều phải vào trình nộp thuế, lấy giấy chứng-thư, thì đi mới được vô-sự, lại chiêu-dụ được tất cả. Những quân thủy-phỉ bên Tàu, thu làm bộ-khúc.

Tháng bảy năm ấy, đem quân vào đánh phá được thành phủ Hải-ninh, các quan phủ huyện Tiên-yên, Yên-hưng đều bị bắt cả, quan tổng-đốc Hải-dương là ông Nguyễn Quốc-Cầm phụng-mệnh đi ra điều-độ, ông Cầm ủy quan đề-đốc Lê Văn-Tiến đem quân đi tiễu, không may quan-quân thua trận, ông Tiến bị chết trận, từ đấy quân-thế của Phụng, lại càng ngày càng thịnh, tiến quân vây tỉnh-thành Quảng-yên, quan-quân trong tỉnh phải đóng cửa thành cố giữ. Phụng lại phiến-dụ các tỉnh trong nam ngoài bắc, cùng khởi-binh để tiếp-ứng : Tỉnh Hải-dương thì tú-tài Trần Thế-Khanh, Bắc-ninh thì Nguyễn Văn-Thịnh, Thái-nguyên thì Lê Khôi-Nguyên, Tạ Kỳ-Đại, Hưng-yên thì Nguyễn Đình-Tri, Mỹ-lương thì Bạch Công-Chân, Quốc-oai thì Nguyễn Đức, các xứ đều khởi-binh, cùng suy-tôn Phụng làm minh-chủ.

Phụng lại có một tên súy-tướng là Quận-Thư, theo đạo Thiên-chúa, nhân lúc ấy triều-đình đang giết người theo đạo Gia-tô, nhân-tình đang lúc khổ-bách, nên mượn tiếng là tìm con cháu nhà Lê, mà suất đảng theo Phụng.

Quận-Thư là người nhân-tài đẹp-đẽ, võ-lược hơn người, thường đi khắp mọi nơi, phiến-dụ những kẻ hào-mục, đi đến đâu thì nhân-dân theo rất nh iều.

Có một bữa, Quận-Thư đi đến địa-hạt tỉnh Hà-nam, suất đồ-đảng vào ăn cướp ở một nhà đầu đảng côn-đồ trong hạt ấy. Lúc cướp xong, trở ra đến một chỗ ngõ hẹp, hai bên thì gươm giáo cùng xông đến đâm, Thư chỉ lấy gươm gạt ra, mà không ai đâm được trúng. Rồi cho đồ-đảng đi trước, mà mình đứng chiến lại sau, lúc đã mệt rồi, liền nhảy vào trong cái giếng cạn để nghỉ, người ta đứng ngoài lấy đá xô ném, cũng không trúng được đến người. Hồi lâu Thư lại vùng lên xông đánh, không còn một người nào dám đương. Thư bèn bắc loa gọi bảo rằng : « Ta là Quận-Thư đến đây, ai bằng lòng theo ta, thì cùng mưu đại-sự, nếu không ta cũng không cưỡng làm gì.

Chúng đã nghe lời Thư nói, lại thấy võ-nghệ cao-cường như vậy, bèn kéo nhau đi theo, cho nên đảng-vũ càng ngày càng nhiều, đánh phủ huyện nào cũng tan được.

Đến năm Giáp-tý là năm Tự-đức thứ mười-bảy, Phụng mưu đánh lấy thành Phú-xuân bèn đi đường bể toan vào cửa Thuận-an, mà sai Quận-Thư đem quân đi lối Thanh-hóa vào tỉnh Quảng-bình chiếm sẵn lấy các chỗ

yếu hại, rồi đợi các tỉnh Nam-kỳ và Bắc-kỳ cùng nổi lên một lúc, bấy giờ hoặc đánh hay dụ, có thể bình-định được tất cả. Mưu-tính xong rồi, phân phái xong rồi, Duy-Phụng cùng với tên thổ-phỉ Cát-ba, thuyền bè kéo đến rợp trời. Khi đi đến ngang núi Biện-sơn, gặp cơn gió bão, thuyền Duy-Phụng giạt vào cửa bể Minh-linh, Duy-Phụng lên bờ, phải quan quân bắt được, đóng cũi giải về Kinh, cùng bốn năm người đồ-đảng, đều phải án luật xử-tử.

Còn bọn Quản-Thư đi đường bộ, qua trong rừng Thanh-hoa, không may đi lạc đường, không gặp được Duy-Phụng, nên cũng phải quan-quân bắt được chém đi.

Tú Thổn
秀 村

Tú-Thổn tức là Trần Thế-Khanh người làng Đông-khê huyện Nghi-dương; đương năm Tự-đức thứ mười lăm, 1862 tụ chúng khởi loạn, tự xưng là Ngũ-đạo bộ-binh tham-tán, cùng với Tú Hiền người huyện Thiên-lộc, Tú Ngôn người làng Tuấn-kiệt, huyện Đường-an, tên Cai Thành, tên Lý Quỳnh, tên quản Sất, tên Cát, tên An, tên tổng Quyền cùng suy-phụng ông Lê Duy-Phụng làm minh-chủ. Tú Hiền xưng là thủy-tham-tán, Tú Ngôn xưng là thanh-vấn-đại-sứ, Lý Quỳnh xưng là quản-công, Cai Thành xưng là Tổng-thống, quản Sất xưng là Khâm-sai, Cát xưng là Khâm-mệnh, An xưng là Tham-tán, tổng Quyền xưng là tiền-quân, suất đảng đến phá phủ Kiến-thụy, quan nhiếp-phủ là Hồ Sĩ-Gian đem quân ra đánh thua bỏ phủ chạy, quan lĩnh-binh là Nguyễn . . . tử-trận, các quan phủ huyện Ninh-giang, Bình-giang, Đường-hào, Kinh-môn, Gia-lộc, Tiên-minh, Kim-thành, Thanh-miện, Đông-triều, Cẩm-giang, Tứ-kỳ, người thì chết, người thì bị bắt, người thì bỏ thành mà chạy, suốt toàn-hạt tỉnh Hải-dương, không còn một chỗ nào là không có giặc. Tú Thổn bổ quan phủ huyện mới, và danh-sách các tổng-lý đều đổi hết, triều-đình sai quan tổng-đốc là Nguyễn Quốc-Cẩm đem quân đi tiễu không nổi, phải cách chức, quan Bố-chính là Nguyễn Oai, án-sát là Nguyễn Hữu-Bằng cũng đều phải cách. Vua Tự-đức lại sai quan Hình-bộ Thượng-thư là Trương Quốc-Dụng làm tổng-thống quân-vụ, quan Nam-Nghĩa tổng-đốc là Đào Chí sung chức tham-tán, quan Thống chế Mai Viết-sung chức tổng-lý thủy-quân, quan Lại-bộ Thượng-thư là Nguyễn Tư-Giản sung chức tham-biện, ông Nguyễn Tư-Phác sung chức đề-đốc, quan nguyên-tham-biện Quảng-yên là Nguyễn Văn-Vĩ đều theo ông Trương Quốc-Dụng đi quân-thứ.

Tháng năm năm ấy, Tú Thổn chia quân làm ba đạo thủy-lục, cùng tiến đến vây tỉnh-thành Hải-dương, đến ngày mười-bốn tháng bảy, quan-quân tiến đến phá đồn, đánh hai đêm ngày, súng đại-bác bắn vang trời, khói thuốc đạn mù-mịt, quân giặc sợ chạy tan-tác, sa xuống nước chết rất nhiều, bấy giờ mới giải được vây tỉnh Hải-dương, quan thống-đốc, hộ-đốc cùng đem quân vào thành yên nghỉ. Tú Thổn lại kéo quân đến vây tỉnh thành, đắp thổ-đôi cao chừng hơn trượng, đem súng đại-bác lên, chĩa bắn vào trong thành, quân lính trong thành chết hại rất nhiều, trong thành lương-thực hết cả, có tiền cũng không mua được gạo, quân-sĩ phải bắt chuột con mà ăn, bán mỗi con chuột ba quan, một bộ lòng chuột một quan, đến như hút thuốc lào thì hút bã, tình-hình nguy-ngập, quân-sĩ rất là khổ-sở. Đến tháng tám năm ấy Tú Thổn cỡi ngựa đứng ngoài thành đốc quân, không may phải quan-quân bắn chết, quân giặc vì thế thoái chí, dần dần giải

vây. Đến ngày rằm tháng ấy quan Tổng-thống Trương, quan tham-tán Đào, quan hộ-đốc Phan, phân phái quân-quan các đạo mở tung cửa thành ra đánh, phá tan các đồn giặc ở các làng Bảo-chúc Bình-lao Hàm-thượng Hàm-giang Phượng-cáo Đồng-niên ở huyện Cẩm-giang, các đồn lũy các kho súng ở các mặt phố đều đốt được hết, quân giặc vừa bị lửa cháy, vừa lăn xuống sông chết hại rất nhiều. Lúc giải vây được tỉnh-thành rồi, ngụy minh-chủ là Lê Duy-Phụng và tên Độ tên Ước đem hết thuyền bè đi đường thủy-đạo Hải-dương chạy về huyện Nghiêu-phong, rồi trốn lên rừng lên núi hết.

Nguyễn Danh-phương

阮名芳

(tức giặc Ngũ)

Giặc Ngũ tên là Nguyễn Danh-Phương, hiệu là Cảnh-ngọ, lại hiệu là Năm-mươi, người huyện Yên-lạc, trấn Sơn-tây. Nguyên là dư-đảng giặc Tế ở Sơn-tây vậy.

Đương năm Vĩnh-hựu thứ sáu đời vua Ý-tôn nhà Lê (1739), tên Tế phải bắt, tên Phương nhân lại cũ-tập những quân dư-đảng được vài vạn người, chiếm giữ các miền Thanh-lãnh, Việt-trì, liền đem quân đến giữ núi Độc-tôn sơn, ở huyện Tam-dương, sau lại đến chiếm giữ núi Tam-đảo, tìm chỗ hiểm-yếu lập doanh-lũy, chiêu quân kiếm lương, thường sợ triều-đình đến đánh, Phương bèn dâng biểu xin hàng, để làm kế hoãn-binh, chúa Trịnh Doanh nghĩ hai mặt đông-nam còn chưa dẹp yên, nên cũng cho Phương hàng.

Đến năm Cảnh-hưng thứ 5 (1744), Phương đem quân vào phá huyện Bạch-hạc, triều-đình sai ông Văn Đình-Ức đem quân đến vây, sau vì ông Đình-Ức đổi ra đóng ở Nghĩa-an, Phương thừa lúc ban đêm xông vây ra được, liền lui về đóng ở làng Thanh-lãnh, lại chiếm giữ các nơi hiểm-yếu, lập đồn lập lũy để chống cự với quan-quân.

Năm Cảnh-hưng thứ 10 (1749), Phương lại từ huyện Bạch-hạc đến phá huyện Tiên-phong, bấy giờ quân-thế của Phương rất dữ-dội, quan hiệp-trấn Sơn-tây phải phi thư về triều cáo-cấp, chúa Trịnh Doanh sai quan cai-cơ là Nguyễn Phan đem quân ra đánh, Phương trận thua lại phải lui về. Từ đấy nấp náu, không dám khinh-thường ra quấy nhiễu nữa.

Sau thấy Hoàng Phùng-Cơ ra hàng, triều-đình tín-dụng, được phong chức, được cầm quân, Phương lấy làm tâm-mộ bèn mật đem hậu-lễ đút cho vợ chúa Trịnh là Nguyễn-phi, và kẻ nội-thần là Đàm Xuân-Vực, nhờ Xuân-Vực dâng tờ hàng-biểu xin hàng, chúa Trịnh Doanh hứa cho; nhưng đến khi vời về triều, Phương không vâng mệnh, lại chiếm giữ núi Ngọc-bội-sơn làm nơi sào-huyệt để kháng mệnh với triều-đình, tự xưng là Thuận-thiên khải-vận đại-nhân, lập cung-điện, đặt quan-thuộc, các đồ cờ quạt phục-sức, tiếm-nghĩ như vua, gọi chỗ mình ở là Đại-đồn, đồn Phương-cảnh là Trung-đồn, đồn Úc-kỳ là ngoại-đồn, lại lập nhiều những đồn trại nhỏ nữa, các nơi sở-tại đều cày-cấy lấy thóc để làm kế lâu dài; lại lấy cả những các thứ hoa-lợi chè, sơn, tre, gỗ ở miền thượng-lưu, và trường mỏ ở Tuyên-quang, tích-tụ các đồ châu-báu và thóc lúa rất nhiều, chia quân đóng giữ các nơi hiểm-yếu, để chống cự với quan-quân, trong khoảng hơn mười năm, nghiễm-nhiên là một nước địch-quốc.

Có một khi quan-quân các đạo cùng hội-tiễu, bắt được em tên Phương là Văn-Bì và Văn-Quảng, gặp Phương kéo quân đến vây ở tại làng Thanh-lãnh, quan-quân cơ-hồ bị khốn, lại phải thả tên Văn-Bì Văn-Quảng ra, mới giải được vây, các phủ huyện ở miền Tam-

đái, Lâm-thao, Đá-dương, đều thuộc về Phương cả. Đời bấy giờ trong nước rối loạn giặc cướp, như ong, Phương cũng là một tay kiệt-hiệt vậy.

Bấy giờ Phương cậy có đồn-bảo hiểm-trở, lấy làm quan-quân không thể vào được, nên cũng khinh thường, đến tháng hai năm Cảnh-hưng thứ 12, (1751) chúa Trịnh Doanh tự-tướng đem quân đi đánh, đi đường Thái-nguyên, thừa lúc quân giặc bất ngờ, đang đêm đến đánh phá đồn Úc-kỳ, liền tiến đến đánh bức đồn Phương-canh, Phương đem hết quân-chúng ra chống ngự, tên đạn bắn như mưa, quan-quân không thể vào được.

Khi ấy các tướng có ông Nguyễn Phan, vẫn có tiếng là một tướng vô-địch, chúa Trịnh Doanh bèn trao cho ông Phan một thanh gươm mà bảo rằng: «Nếu không phá được cái đồn này, thì sẽ lấy quân-pháp trị tội». Ông Phan bèn kéo cả quân-sĩ xông vào, rồi xuống ngựa cởi cả chiến-bào, cùng giặc đánh nhau ở dưới đất, quân-sĩ đều cố sức xông đánh, đánh phá được đồn Phương-canh, Danh-Phương trận thua, phải lui về đóng giữ đại-đồn ở núi Ngọc-bội-sơn; sai quân đóng chặt cửa đồn, bày súng ở trên núi để giữ. Chúa Trịnh Doanh lại sai ông Nguyễn Phan tiến quân lên đánh.

Ông Phan liền sai quân đều cầm dao ngắn, ông đem quân trèo lên trước, còn các quân vương-sư đi theo sau, bâu nhau như kiến trèo lên, quân giặc tan chạy, Phương chạy trốn vào núi Độc-đôn-sơn, lại phải quan-quân đuổi theo đánh phá, Phương cùng những bọn đồng-đảng đang đêm đốt lũy chạy trốn, chạy đến làng Tĩnh-luyện, huyện Lập-thạch, bị quan-quân đuổi theo bắt được, đóng cũi giải về hành-doanh.

Lúc cũi Danh-Phương giải về vừa gặp lúc cũi giặc Hữu-Cầu cũng giải đến, chúa Trịnh Doanh liền đặt tiệc khao quân ở nơi hành-thứ Xuân-hi, bắt tên Nguyễn Hữu-Cầu thổi sáo, tên Nguyễn Danh-Phương đi mời rượu, để làm một việc khoái-chí, về sau tên Danh-Phương và tên Hữu-Cầu cũng đều phải xử-tử cả.

Lê Độ-Mô
黎度謨

Lê Độ-Mô tự xưng là người đất Lam-sơn, là giòng-dõi chính-phái nhà Lê.

Đương năm Tự-đức thứ mười-lăm (1862) khởi-binh ở trong núi Tam-hiểm Thái-nguyên, đảng-vũ có đến hơn ba nghìn người, lại sai thuộc-tướng là Lê Khôi-Nguyên đi theo với ngụy Bình-nam-vương là Tạ Kỳ-Đại suất quân đồ-đảng Tam-đường và đảng quân người Tàu, giao-kết với hoàng-tôn Lê Duy-Uẩn ở Bắc-ninh, cùng nhau hưởng-ứng; chia quân đi cướp bóc các phủ huyện, rồi đến vây phủ Phú-bình, đến hơn một tháng, bắt được quan tri-phủ Phú-bình là Doãn Chính.

Độ-Mô sai người dụ bảo Chính hàng, sẽ cho làm quan to, nếu muốn về quê nuôi mẹ cũng cho quân đưa về; Chính không chịu hàng, nhảy xuống sông mà chết, Độ-Mô khen là trung-nghĩa, sai người vớt lên cho, lại sửa lễ tam sinh ra tế.

Độ-Mô đã đánh hạ được phủ Phú-bình rồi, liền tiến quân đến phá tỉnh-thành, đương trận giết được quan lĩnh-binh, lại giết được quan bố-chính là Nguyễn Đăng-Sĩ, bắt được quan án-sát Phan Trị, quân-thế rất là hăng-hái.

Sau quan Khâm-sai Nguyễn Tri-Phương dẹp yên giặc Bắc-ninh rồi, thân-suất các đạo quân đến đánh, Độ-Mô phải thua trận, nguyên-súy của Độ-Mô là Cai-Bằng cùng với mấy người bộ-tướng ra thú, quan đốc-lương của

Độ-Mô là Hai-Chính, thì bị bắt, trảm quyết.

Được ít lâu, Độ-Mô cũng phải tên man-trưởng Thái-nguyên bắt được giải nộp, giao về tỉnh Bắc-ninh trị tội. Lê Khôi-Nguyên cũng đến tỉnh Bắc-kạn đầu thú.

Lê Dư

LUẬN-NGỮ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH
論語國文解釋

Lời tiểu-chí

Trong sách Luận-ngữ nguyên là những lời đức Khổng-phu-tử với bầy mươi hai thầy học trò hiền-đạt, cùng nhau bàn nói; về sau các học-trò của thầy Tăng Sâm thầy Hữu-Nhược mới ghi-thuật lại những lời nói hay, cho nên gọi là sách Luận-ngữ.

Nay phiên-dịch giải-thích ra đây, khuôn-mẫu đều theo như sách Mạnh-tử quốc văn trước.

Dịch-giả chí

***

Tiểu-sử đức Khổng-phu-tử

Khổng-phu-tử 孔夫子 tên là Khưu 丘, tự là Trọng-ni 仲尼. Ngài nguyên là dòng-dõi vua Thang nhà Thương, tiên-tổ nguyên là người nước Tống, về sau mới dời sang ở nước Lỗ. Cha tên là Thúc Lương-Ngột 叔梁紇, mẹ họ Nhan 顏, tên là Trưng-Tại 徵在. Thuộc về năm thứ hai-mươi-hai vua Tương-công nước Lỗ, là năm canh tuất, tháng một, ngày canh-tí (Châu Linh-vương, năm thứ 21 trước kỷ-nguyên 551) trời giáng-sinh đức Khổng-phu-tử ở ấp Tu, làng Xương-bình nước Lỗ, (nay thuộc huyện Khúc-phụ tỉnh Sơn-đông).

Thuở Ngài còn đồng-ấu chơi đùa, thường bày đặt cái *trở* (1) cái *đậu* (2), kiến-thiết ra lễ-nghi tế-tự. Kịp khi lớn lên, làm một chức giữ kho gọi là chức Cy-lại, thì số xuất-nhập đong lường rất công-bằng. Lại làm một chức chăn coi loài súc-vật gọi là Tư-chức-lại, thì các loài súc-vật sinh-sôi phồn-thịnh.

Ngài từng đi sang nhà Châu thăm yết một vị triết-học là ông Lão-tử, hỏi về những lễ-nghi chế-độ của lịch-đại; khi trở về dạy học, học-trò lại càng thêm phần tiến-ích.

Năm thứ 25 vua Chiêu-công nước Lỗ, là năm giáp-thân, Ngài tuổi đã ba-mươi-nhăm. Nước Lỗ có cuộc chính-biến, vua Chiêu-công phải chạy sang nước Tề, trong nước Lỗ rối loạn, Ngài nhân dịp ấy cũng đi sang nước Tề, làm một chức gia-thần cho một vị đại-phu nước Tề là Cao Chiêu-Tử, để đạt lên vua Tề Cảnh-công. Khi ấy Ngài mới bắt đầu nghe nhạc Thiều là một thứ âm-nhạc rất hay của vua Ngu Thuấn, và Ngài với Cảnh-công cũng bắt đầu vấn-đáp về việc chính-trị.

(1-2) *Trở, đậu* = Các đồ thuộc về việc tế-tự ngày xưa.

Vua Cảnh-công muốn đem cái ruộng ở đất Ni-khê phong cho Ngài để dùng Ngài. Viên tướng-quốc là Án-Anh cho sự ấy là chẳng nên, vua Cảnh-công lại thôi, Ngài mới dời bỏ nước Tề mà đi. Lại trở về nước Lỗ.

Năm đầu vua Định-công nước Lỗ, là năm nhâm-thìn, Ngài tuổi 43. Khi ấy quan đại-phu nước Lỗ là họ Qui, là kẻ cường-thần xâm-lấn quyền vua, mà người gia-thần của họ ấy là Dương Hổ lại làm loạn chuyên-chính; cho nên Ngài chẳng ra làm quan mà lui về ở nhà sửa-sang kinh *Thi* kinh *Thư* kinh *Lễ* kinh *Nhạc* để dạy học-trò. Học-trò đến học lại càng nhiều.

Đến năm Định-công thứ chín là năm canh-tý, Ngài tuổi 51. Gia-thần họ Qui là Công-Sơn Bất-Nữu, giữ đất Phí làm phần họ Qui. Công-Sơn vời Ngài, Ngài đã toan đi, sau lại có lời nói với thầy Tử-Lộ rằng: « Ta muốn dấy đạo nhà Châu ở phương đông, nhưng họ Công-Sơn là một kẻ loạn-tặc, danh-nghĩa bất-chính, không thể giúp được. » Cho nên ngài lại chẳng đi.

Năm ấy vua Định-công dùng Ngài làm quan Tể đất Trung-đô, được một năm chính-trị đều hay cả, bốn phương đều đến bắt-chước. Rồi làm chức Đại-tư-không, lại làm chức Đại-tư-khấu. Năm Định-công thứ mười là năm tân-sửu, Ngài làm viên tướng-lễ (1) cho vua Định-công sang hội với vua Tề-hầu ở đất Giáp-cốc, người nước Tề phải đem cái đất bị xâm-lấn của nước Lỗ ngày xưa trả lại cho nước Lỗ. Ngài thật đã khiến cho nước Lỗ thắng-lợi về sự ngoại-giao vậy.

Năm Định-công thứ mười-một là năm qui-mão, Ngài sai một người học-trò giỏi có tài dũng-mãnh là thầy Tử-Lộ ra làm quan Tể đất Phí giúp việc cho họ Qui để chỉnh-đốn việc nội-trị cho nước Lỗ. Khi ấy Ngài dùng cái chính-sách hủy-bỏ ba cái đô-ấp riêng của họ Qui, họ Trọng, họ Mạnh (2), thu lột lấy những đồ giáp-binh, là ý muốn làm yếu những chốn tư-môn để làm mạnh cho quyền công-thất. Họ Qui, họ Trọng đều chịu hủy-bỏ ấp riêng, chỉ họ Mạnh là không chịu. Thầy Tử-Lộ đem quân vây ấp Thành, họ Mạnh vẫn không chịu hàng phục, vây đánh chẳng được.

Năm Định-công thứ mười bốn là năm ất-mão, Ngài tuổi 56, nhiếp-hành việc quan tướng-quốc nước Lỗ, bắt dẫn giết một viên Đại-phu làm loạn quốc-chính là Thiếu-Chính Mão. Ngài được dự-quyền thính-đoán chính-trị trong nước; ba tháng trong cõi nước Lỗ đã được hiệu-quả trị-bình. Người nước Tề thấy nước Lỗ tin dùng Ngài, lấy làm cả sợ, liền dùng cái kế li-gián vua tôi nước Lỗ, khiến vua tôi nước Lỗ chẳng tin dùng Ngài nữa, mới đem cho nước Lỗ một bộ nữ-nhạc. Quan Đại-phu là Qui Hoàn-tử tiếp-nhận bộ nữ-nhạc, quả-nhiên vua Định-công với Qui Hoàn-tử say-đắm về mĩ-sắc dâm-thanh, trễ-nải cả việc chính-trị trong nước. Thậm-chí trong nước có tế Giao, mà quên cả sự đem thịt phần cho các quan Đại-phu. Ngài vẫn biết rằng vua tôi nước Lỗ đã bị thanh-sắc mê-hoặc không thể giúp được nữa, muốn đi đã lâu, nhưng chưa có cớ gì mà đi, khi ấy Ngài mới nhân cái cớ chẳng đem thịt phần, là lỗi chẳng kính quan Đại-phu, mới từ-giã nước Lỗ mà ra đi.

Ngài đi sang nước Vệ, trọ ở nhà người anh vợ thầy Tử-Lộ là Nhan Trọc-Châu, rồi lại sang nước Trần, đi qua đất Khuông, người đất Khuông nhận lầm Ngài là người Dương Hổ mà đuổi bắt Ngài. Ngài chạy trước, thầy Nhan Uyên

---

(1) *Tướng lễ* = Vua chư-hầu khi ra ngoài, hội-minh giao-thiệp, tất có người tướng-lễ để giúp vua làm việc. Chức ấy cũng là chức trọng-yếu.

(2) Họ Qui, Trọng, Mạnh là ba họ cường-thần trong nước Lỗ, đều có đô-ấp binh-giáp riêng.

chạy sau, Ngài có than rằng: « Trời mà chửa làm mất cái đạo ấy thì người đất Khuông cũng chửa làm gì được ta! » Khi Ngài thoát khỏi cái nạn đất Khuông, Ngài lại trở về nước Vệ, trọ ở nhà người bạn hiền là Cừ Bá-Ngọc. Ngài vì cái lễ kẻ ngoại-thần vào nước, tất phải yết-kiến quốc-quân và quốc-phu-nhân, mà phải đi tiếp-kiến một kẻ đàn bà dâm-đãng là nàng Nam-tử. Khi ấy Ngài phải đem lẽ trời ra thề với thầy Tử-Lộ, vì thầy Tử-Lộ cho sự tiếp-kiến Nam-tử là sự xấu mà chẳng bằng lòng. Ngài lại nhân thấy Nam-tử đẹp, làm cho vua yêu, Ngài có than rằng: « Ta chửa thấy người nào yêu kẻ có đức, như là yêu kẻ có sắc. » Bỏ nước Vệ Ngài lại đi sang nước Tống. Quan Tư-mã nước Tống là Hoàn-Ngôi toan giết Ngài, Ngài tự nói rằng: « Trời đã sinh ra thánh-đức ở ta, gã Hoàn-Ngôi kia cũng chẳng làm gì được ta! » Rồi Ngài mặc áo người thường để qua khỏi nước Tống.

Lại đi sang nước Trần, trọ ở nhà quan Tư-thành là Trinh tử. Ở nước Trần ba năm, rồi lại trở về nước Vệ vua Linh-công nước Vệ cũng chẳng biết dùng Ngài.

Khi đó có kẻ gia-thần họ Triệu bên nước Tấn là Phật-Nật giữ đất Chung-mâu làm phản họ Triệu, vời đón Ngài, Ngài toan đi, rồi lại chẳng đi. Vì Phật-Nật làm phản họ Triệu cũng chẳng khác gì Công-Sơn làm phản họ Qui vậy. Ngài toan đi sang phía tây yết-kiến quan khanh nước Tấn là Triệu Giản-Tử, nhưng đi đến bờ sông Hoàng-hà lại trở về nước Vệ, trọ ở nhà Cừ Bá-Ngọc. Vua Linh-công nước Vệ hỏi Ngài về sự chiến-trận, Ngài chẳng đối-đáp mà bỏ đi. Lại đi sang nước Trần.

Quan khanh nước Lỗ là Qui Hoàn-tử mất, có lời di-chúc cho con là Khang-tử rằng phải đón ông Khổng Khưu mà dùng, nhưng sau lại có kẻ ngăn-trở. Qui Khang-tử mới không vời Ngài nữa, mà vời người học-trò Ngài là thầy Nhiễm-Cầu.

Ngài tự nước Trần lại đi sang nước Thái. Đi đến đất Diệp, vua Chiêu-vương nước Sở toan dùng Ngài, đã toan đem đất Thư-xã phong cho Ngài, quan Lệnh-doãn là Tử-Tây lại ngăn-trở đi, vua Chiêu-vương lại thôi. Ngài lại trở về nước Vệ; khi ấy vua Linh-công đã mất, vua nước Vệ là người Chiếp muốn được Ngài coi-trị chính nước. Thích-ngộ thầy Nhiễm-Cầu khi ấy làm tướng cho họ Qui, cùng với nước Tề đánh nhau được thành-công, Qui Khang tử mới nhân vời đón Ngài. Ngài trở về nước Lỗ chính là năm thứ mười-một vua Ai-công nước Lỗ, năm ấy là năm đinh-tị mà Ngài tuổi 68 vậy.

Song-le khi đó nước Lỗ chẳng biết dùng Ngài, mà Ngài cũng chẳng cầu ra làm quan, chỉ để chí về sự trứ-thuật. Ngài mới bày dãi truyện kinh *Thư* san kinh *Lễ*, sửa sang kinh *Thi*, chính-đính kinh *Nhạc*, làm ra lời *Thoán* lời *Hệ* lời *Tượng* lời *Thuyết-quái* lời *Văn-ngôn* trong kinh *Dịch*. Học-trò Ngài có đến ba nghìn người, thông-hiểu lục-nghệ (1) có bảy-mươi-hai người, gọi là « Thất-thập-nhị-hiền ».

Trong bọn « Thất-thập-nhị-hiền », có thầy Nhan Hồi là hiền hơn cả, nhưng chết sớm. Sau chỉ thầy Tăng-Sâm truyền được đạo của Ngài.

Đến năm thứ 14 vua Ai-công nước Lỗ, người nước Lỗ đi săn ở phía tây bắt được con lân, Ngài nhân cảm-tưởng làm ra kinh *Xuân-thu*, mượn ngòi bút thay quyền đấng vương-giả, ngụ lời khen chê, để phân-biệt kẻ thiện người ác.

---

(1) *Lục-nghệ* = sáu nghề: nghề lễ, nghề nhạc, nghề bắn, nghề ngự xe, nghề viết và nghề tính.

Năm Ai-công thứ mười-sáu là năm nhâm-tuất, tháng tư, ngày kỷ-sửu, Ngài mất, tuổi thọ 73. Chôn Ngài ở phía bắc thành nước Lỗ trên bờ sông Tứ. Học-trò bốn phương đều đề trở tâm-tang 3 năm, rồi người nào đều đi về phương ấy. Duy thầy Tử-Cống, làm nhà ở bên cạnh mả Ngài mà ở lại ba năm nữa, tất cả sáu năm.

Ngài sinh ra ông Khổng-Lý 孔鯉 tên tự là Bá-ngư 伯魚, nhưng mất trước Ngài. Ông Bá-ngư sinh ra ông Khổng-Cấp 孔伋 tự là Tử-tư 子思. Thầy Tử-tư thì học thầy Tăng-Sâm 曾參. Thầy Tăng-Sâm có làm ra sách *Đại-học*, mà thầy Tử-tư làm ra sách *Trung-dung*. Về sau thầy Mạnh-kha 孟軻 lại học đạo ở người học trò thầy Tử-tư, mà làm ra sách *Mạnh-tử*. Ấy đạo thống họ Khổng cùng truyền-tiếp nhau là thế, cho nên sách *Luận-ngữ*, sách *Đại-học*, sách *Trung-dung*, sách *Mạnh-tử*, đời sau gọi là « *Tứ-thư* ».

THIÊN HỌC-NHI THỨ NHẤT

學而第一

Gồm 16 chương

凡十六章

I

子曰學而時習之亦說乎

Dịch-âm. — *Tử viết* : « *Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ* !

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Đã học mà lại thời thường ôn-tập, thì sự học càng tinh càng kỹ, trong tâm chẳng cũng thỏa-thích lắm ư !

Chú-giải. — *Học* = Bắt-chước, kẻ biết sau bắt chước kẻ biết trước, để sáng lại cái tính lẫn-thiện của mình, tức là theo lối học-đạo để làm nên bậc thánh hiền. *Thời tập* = Lúc nào cũng thường thường ôn-tập lại những cái lẽ mình đã biết rồi, và cái sự mình đã làm được rồi.

Toàn chương này là ý thánh nhân cổ-vũ cho người ta chăm học. Tiết này là nói học mãi không thôi, thì hay tự-đắc ở tâm mình.

有朋自遠方來不亦樂乎

Dịch-âm. — « *Hữu bằng tự viễn-phương lai, bất diệc lạc hồ!*

Dịch-nghĩa. — « Có bạn học tự phương xa lại học mình, thế là mình đem được điều thiện truyền-bá cho người, mà có nhiều người tin theo mình, chẳng cũng vui-vẻ lắm ư !

Chú-giải. — *Bằng* = Bạn, cùng môn học đạo với mình, tức là kẻ môn-đồ. *Viễn-phương* = Phương xa ; phương xa mà lại, phương gần chắc đã lại ca rồi, là nói có nhiều kẻ bằng-đồ.

Tiết này là nói được nhiều người đồng-loại tin theo, thì đạo học truyền ra càng rộng, vui biết chừng nào !

人不知而不慍不亦君子乎

Dịch-âm. — « *Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân-tử hồ!* »

Dịch-nghĩa. — « Người đời chẳng ai biết mình, mà mình vẫn tự-xử thái-nhiên, chẳng để ý tức-giận, chẳng cũng là bậc người quân-tử đấy ư! »

Chú-giải. — *Uẩn* = Buồn-bã căm giận mà chẳng nói ra. *Quân-tử* = Bậc người thánh-đức.

Tiết này là nói học đã đến bậc thánh-đức, dẫu người chẳng biết cũng chẳng oán trách người.

II

也者而不上犯其人之作亂好犯上者鮮有未好犯上而好作亂者有子曰

Dịch-âm. — *Hữu-tử viết* : « *Kỳ vi nhân dã hiếu đễ, nhi hiếu phạm thượng*

giả tiền hĩ. Bất hiếu phạm thượng nhi hiếu tác loạn giả, vị chi hữu dã.

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Hữu-tử nói rằng: « Kẻ làm con em đã là người biết dường hiếu đễ, trong tâm đã đủ điều hòa-thuận, mà lại muốn làm những sự can-phạm đến người bậc trên, thì ít khi có vậy. Đã chẳng muốn can-phạm người bậc trên, mà lại muốn làm những sự bội-nghịch rối-loạn, thì chửa có bao giờ.

Chú giải. — *Hữu-tử* = Học-trò đức Khổng tên là Nhược 若. *Hiếu đễ* = Khéo thờ đấng cha mẹ là hiếu, khéo thờ bậc huynh-trưởng là đễ.

Tiết này là nói người ta đã có nết hiếu đễ, thì tự-nhiên là không mắc sự bất-nhân.

. . .

夫仁才孝而本君
之其家道本子
本與也生立務

Dịch-âm. — « *Quân-tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu đễ cũ giả, kỳ vi nhân chi bản dư!* »

DỊCH-NGHĨA. — « Người quân-tử phàm sự chỉ hết sức về chốn côn-bản; côn-bản đã thành-lập, thì cái đạo-lý của vạn-sự tự-nhiên phát-sinh. Như điều hiếu đễ nói trên kia, chính là cái căn-bản để làm sự nhân đấy dư! »

Chú-giải. — *Nhân* = Cái lẽ yêu-giấu của tâm người ta, mà là cái đức trong tâm-tính. Nói về toàn-thể của sự nhân thì bao-hàm cả những sự thân với người thân, nhân với người ngoài, yêu cả loài vật. Nhưng cái thứ-tự suy ra mà làm sự nhân, thì trước hết thân với người thân, rồi suy ra nhân với người ngoài, lại suy ra yêu đến loài vật. Sự làm nhân tất phải do điều hiếu đễ trước, cho nên điều hiếu đễ là cái côn-bản làm sự nhân.

Toàn chương này là chủ-ý khuyên người ta cốt giữ lấy điều hiếu đễ để làm nhân, mà đạo nhân, trọng nhất là gốc ở hiếu-đễ.

III

仁鮮令巧子
矣色言曰

Dịch-âm. — *Tử viết*: « *Xảo ngôn lệnh sắc, tiển hĩ nhân* ».

DỊCH-NGHĨA. — Đức Khổng nói rằng: « Những kẻ khéo lời nói, lành nét mặt, trang-sức bề ngoài, cốt để người yêu, kẻ ấy trong tâm ít còn đức nhân ».

Chú-giải. — Đây là răn người ta, không nên chỉ làm tốt bề ngoài, thì cái đức trong bản-tâm hư-hỏng đi mất cả.

IV

傳而乎與朋吾曰曾
習信友交友省子
乎乎交乎傳吾吾

Dịch-âm. — *Tăng-tử viết*: « *Ngô nhật tam tỉnh ngô thân: Vị nhân mưu nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao nhi bất tín hồ? Truyền bất tập hồ* »?

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tăng-tử nói rằng: « Ta trong một ngày thường lấy ba sự xét mình ta: Một là vì người mưu việc mà hoặc chẳng hết lòng chăng? Hai là cùng bè bạn giao-du mà hoặc chẳng tín dấy chăng? Ba là thầy truyền nghiệp học cho, mà mình hoặc lười biếng chẳng tự rèn tập đấy chăng? »

Chú-giải. — *Tăng-tử* 曾子 = Học-trò đức Khổng, tên là Sâm 參 tên tự là Tử-Dư 子輿. *Trung* = Hết lòng. *Tín* = Lòng thành-thực. *Truyền* = Những điều vâng chịu được ở ông thầy. *Tập* = Đem những lời thầy dạy mà tự mình rèn tập lấy cho tinh-thục.

Đây là thầy Tăng hằng ngày đem ba sự xét mình, mà không dám tự-khi, hễ có thì đổi đi, không thì càng thêm giữ-gìn cố gắng, thực là một cách học tự-trị rất là thành-thiết.

V

以人用而國千子
時使而信節乘曰
民愛節事之道

Dịch âm — *Tử viết*: « *Đạo thiên-thặng chi quốc, kính sự nhi tín, tiết-dụng nhi ái nhân, sử dân đi thời* ».

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Điều cốt-yếu để trị cái nước nghìn cỗ xe, thì phải mọ sự đến cẩn-thận chăm chủ, mà ra hiệu-lệnh gì phải thủ-tín với dân; lượng số xuất-nhập, tiết bớt sự chi-dùng mà lại phải thương yêu cả quan dân mà chu-tuất cho đủ; sai-khiến dân phải liệu về cái mùa dân đã nghỉ làm ruộng ».

Chú-giải. — *Đạo* = Trị. *Thiên-thặng* = Nước chư-hầu lớn, đất vuông nghìn dặm, có thể xuất được xe binh nghìn cỗ. *Kính* = Cẩn-thận không dám khinh-mạn.

Đây là nói về cái đại-thể chính-trị, xử sự thì cốt ở lòng kính, làm-dân thì cốt ở lòng tín, dụng của chớ có lòng xa-xỉ, dãi người thì chớ có lòng tàn-nhẫn, sai khiến dân thì cốt có lòng trọng việc nông, đó là năm điều cốn-bản trị nước mà cốt ở cái tâm vậy

VI

以 有 而 信 則 入 子
學 餘 親 汎 弟 則 曰。
文 力 仁 愛 謹 孝 弟
則 行 衆 而 出 子。

Dịch-âm — *Tử viết*: « *Đệ tử, nhập tắc hiếu, xuất tắc đễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân, hành hữu dư lực tắc dĩ học văn* ».

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Cái chức-vụ của kẻ đệ-tử, vào chốn gia-đình thì giữ điều hiếu; ra chốn tôn-tộc thì giữ điều đễ, nết phải kính-cẩn mà nói phải tín-thực; rộng yêu kẻ chúng chớ có ghen-ghét mà phải thân với kẻ nhân-hiền là kẻ hơn mình để cầu tiến-ích. Hằng ngày làm những việc trên ấy, khi có sức thừa thì dùng để học-tập việc văn ».

Chú-giải. — *Đệ-tử* = Trỏ về hạng học-trò tiểu-học còn ít tuổi. *Phiếm* = *Rộng*. *Văn* = Là kinh *Thi* kinh *Thư* và sáu nghệ là *Lễ*, *Nhạc*, *Xạ*, bắn cung, *Ngự* ngự xe) *Thư* (nghề viết) *Số* (nghề tính).

Đây là nói về cái chức-vụ kẻ tiểu-học phải trọng về đức-hạnh trước, rồi sau mới đến văn-nghệ

VII

之 未 而 謂 君 能 易 子
學 學。有 明 能 竭 色 夏
矣。吾 信 友 致 其 事 曰。
必 事 交。其 力。父 賢
謂 曰 言 身。事 母 賢

Dịch-âm.— *Tử-Hạ viết*: « *Hiền hiền dịch sắc, sự phụ mẫu năng kiệt kỳ lực, sự quân năng tri kỳ thân, dữ bằng-hữu giao ngôn nhi hữu tín, tuy viết vị học, ngô tất vị chi học hĩ* ».

Dịch-nghĩa.— Thầy Tử-Hạ nói rằng: « Nay có người yêu người hiền mà đổi được cái lòng yêu sắc đẹp; thờ cha mẹ hay hết được cái sức mình; thờ vua hay bỏ được cái thân mình; cùng bè bạn giao-du, nói làm sao tin làm vậy; người như thế là người đã hết được đạo luân-thường, dẫu có kẻ cho rằng người ấy chưa học, nhưng ta tất bảo rằng người ấy đã học rồi vậy ».

Chú-giải. — *Tử-Hạ* = Học-trò đức Khổng họ là Bốc ⊢ tên là Thương 商. *Hiền-hiền* = Chữ *hiền* 賢 trên là yêu mến. Chữ *hiền* dưới là người hiền-đức. *Hiền hiền dịch sắc* = Đem đổi cái lòng hiếu-sắc đi mà thành-tâm yêu trọng người hiền. *Tri* = Ủy, bỏ, nghĩa là chẳng quản khó-nhọc, chẳng nghĩ gì cái thân mình.

Đây là nói việc học cốt nhất là hay hết đạo luân-thường, chứ bất tất phải câu-nệ về văn-nghệ mới gọi là học.

VIII

固。則 威。則 不 君 子
不 學 不 重 子。曰。

Dịch-âm.— *Tử viết*: « *Quân-tử, bất trọng tắc bất uy, học tắc bất cố.*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Người quân-tử lập cái thân, nếu khinh-phù mà chẳng trọng-hậu, thì ngoài mặt chẳng có uy-nghiêm, mà sự học ở mình cũng chẳng giữ được bền vững.

Chú giải. — *Quân-tử* = Trỏ về bạng người dương chuyên sức về sự học-vấn, Chữ quân-tử tiết này trùm cả ba tiết dưới.

∴

僭。主
忠

Dịch-âm. — *Chủ trung-tín.*

DỊCH-NGHĨA. — « Trong tâm cốt giữ lấy điều trung điều tín.

∴

己 不 無
者。如 友

Dịch-âm. — « *Vô hữu bất như kỷ giả.*

DỊCH-NGHĨA — « Chớ làm bạn với kẻ chẳng bằng mình.

Chú-giải. — *Bất như kỷ* = Trỏ về kẻ học-vấn kém-cỏi, phẩm-hạnh hư hèn; làm bạn với người ấy, thì chỉ có tổn mà không có ích.

∴

改。勿 過
憚 則

Dịch-âm. — « *Quá tắc vật đạn cải* ».

DỊCH-NGHĨA.—« Có điều nhầm lỗi phải đổi ngay đi, chớ có ngại-ngùng nấn-nửa ».

Chú-giải. — *Đạn* = Nản sợ.

Toàn chương này là nói cái đạo tự-tu lấy thân mình, trước phải có uy-trọng thì việc học mới chắc-chắn, trong tâm phải cốt giữ lấy trung-tín làm chủ, lại phải chọn bạn mà chơi, đổi lỗi chớ nản, thì cái công-phu học-vấn mới hoàn-toàn được.

IX

厚 德 遠。終 曰。曾
矣。歸 民 追 愼 子

Dịch-âm. — *Tăng-tử viết* « *Thận chung truy viễn, dân-đức qui hậu hĩ* »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tăng-tử nói rằng: « Kẻ làm người trên cẩn-thận lễ tống-chung cho cha mẹ, truy mến khi tế-tự ông tổ xa ; cái đức người trên đã chẳng bạc, thì kẻ hạ-dân cũng bắt-chước mà theo về đường hậu vậy ».

Chú-giải. — Đây là nói người trên xử về việc tang việc tế mà hay giữ đạo trung-hậu, thì tự-nhiên cảm-hóa kẻ hạ-dân cũng theo về đường trung-hậu.

X

與。抑 求 聞 邦 至 曰。於 子
與 之 其 也。於 夫 子 禽
之 與 政。必 是 子 貢 問

Dịch-âm. — *Tử-Cầm vấn ư Tử-Cống viết* : « *Phu - tử chi ư thị-bang dã, tất văn kỳ chính, cầu chi dư, ức dữ chi dư?* »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử - Cầm hỏi thầy Tử-Cống rằng : « Đấng phu-tử ta chu-du bốn phương, hễ đến nước nào tất được nghe chính-sự nước ấy, đấng phu-tử phải cầu lấy mới được nghe đấy dư? hay là vua các nước tự đem chính-sự lại cho mà nghe đấy dư? »

Chú-giải. — *Tử-cầm* = Học-trò đức Khổng, họ Trần 陳 tên là Cang 亢. *Tử-Cống* 子貢 = Học-trò đức Khổng, họ Đoan-Mộc 端木 tên là Tứ 賜. *Phu-tử* = Lời học trò xưng-hô đức Khổng, cũng như đời sau gọi là tiên-sinh, là bậc thầy. *Chính* = Chính-sự, là những điều kỷ-cương pháp-độ trong nước có khi nhân khi cách. *Ức* = Hay là.

∴

之 諸 求 之。儉 子 子
求 異 之 夫 讓 溫 貢
之 乎 也。子 以 良 曰。
與。人 其 之 得 恭 夫

Dịch-âm. — *Tử-Cống viết* : « *Phu-tử ôn, lương, cung, kiệm, nhượng, dĩ đắc chi. Phu-tử chi cầu chi dã, kỳ chư dĩ hồ nhân chi cầu chi dư!* »

DỊCH-NGHĨA. — Thầy Tử-Cống nói rằng : « Đấng phu-tử vì có đức *ôn*, đức *lương*, đức *cung*, đức *kiệm*, đức *nhượng*, cảm-động được vua các nước, vua các nước đem lòng kính tín phu-tử mà tự đến hỏi thì phu-tử được nghe chính-sự, phu-tử thực không phải cầu. Thế thì phu-tử ta cầu đấy, há chẳng khác người ta cầu đấy dư! »

Chú-giải. — *Ôn* = Ôn-hòa trung-hậu. *Lương* = Dễ dàng ngay thẳng. *Cung* = Nghiêm-trang cung-kính. *Kiêm* = Tiết-chế, có qui-củ không ngông - nghênh. *Nhượng* = Khiêm-tốn, không khoe mình. *Kỳ chư* = Lời đưa-đẩy, cũng như nói ấy chăng.

Đây là kể ra cái thịnh-đức của đức Khổng hay tự-nhiên cảm-hóa, không phải cầu mà tự được nghe chính, đó là bất-cầu chi cầu, khác người ta là phải cầu lấy mà nghe.

XI

謂之改三觀志。在子
孝道。於年其父觀曰。
矣。可父無行。沒其父

Dịch-âm. — *Tử viết : « Phụ tại quan kỳ chí, phụ một quan kỳ hạnh, tam niêm vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ ».*

Dịch-nghĩa. — Đức Khổng nói rằng : « Khi người cha hãy còn, người con chẳng được tự-chuyên, thì xem cái chí-hướng người con, đủ biết người con là thiện hay ác. Khi người cha đã mất, người con phàm sự đã được tự-chuyên, thì xem cái phẩm-hạnh người con, đủ biết người con là thiện hay ác. Nhưng người con hành-vi dẫu thiện, lại tất phải trong cái thời-kỳ ba năm, cha tuy đã mất, thường coi như cha hãy còn, mà chẳng nỡ vội đổi cái đạo của cha mới khả gọi là hiếu vậy. »

Chú-giải. — *Vô cải ư phụ chi đạo* = Là tự cái lòng con chưa nỡ đổi vội, trở về cái sự tuy rằng nên đổi, nhưng chửa đổi cũng không hại gì, cho nên đợi ngoài ba năm rồi sau sẽ đổi.

Đây là luận về cái phép xem xét người con đối với cha mẹ có hiếu hay không, không cứ xét ở cái tích mà xét ở cái tâm mới biết được.

XII

由美。道先和禮有
之。小斯王爲之子
大爲之貴。用。曰。

Dịch-âm. — *Hữu-tử viết : « Lễ chi dụng, hòa vi qui. Tiên-vương chi đạo, tự vi mĩ, tiểu đại do chi.*

Dịch-nghĩa. — Thầy Hữu-tử nói rằng: « Cái thể của lễ dẫu nghiêm, nhưng khi dụng ra, cốt ở hòa mới là qui. Đấng tiên-vương chế lễ ra cũng cốt ở hòa mới là thiện-mĩ, việc lớn việc nhỏ đều noi đấy mà làm.

Chú-giải. — *Lễ* = Là cái tiết-văn của lẽ trời và là cái nghi-tắc của việc người. *Hòa* = Là cái lẽ tự-nhiên thung-dung bất-bách. *Tiểu đại* = Sự nhỏ như là cử-động uy-nghi, sự lớn như là cương-thường luân-lý.

Đây là nói dụng lễ cốt ở hòa.

行不之。禮不而知不有
也。可亦節以和和行。所

Dịch-âm. — « *Hữu sở bất hành, tri hòa nhi hòa, bất dĩ lễ tiết chi, diệc bất khả hành dã* ».

Dịch-nghĩa. — « Hòa như thế mà lại có khi trở-ngại chẳng làm đi được, là vì chỉ biết hòa là qui, mà chuyên về một bên hòa, chẳng biết lấy lễ làm tiết-chế, thành ra mất cả trật-tự thượng hạ tôn ti, thì cũng không thể làm được vậy ».

Chú-giải - Đây là nói kẻ dụng-lễ nên cốt-yếu ở điều hòa mà phải tiết-chế bằng điều lễ, thì dụng lễ mới được hoàn-toàn.

XIII

亦不恥近可近有
可失辱於復於子
宗其也。禮。也。義。曰。
也。親。因遠恭言信

Dịch-âm. — *Hữu-tử viết : « Tín cận ư nghĩa, ngôn khả phục dã. Cung cận ư lễ, viễn sỉ-nhục dã. Nhân bất thất kỳ thân, diệc khả tôn dã* ».

Dịch-nghĩa. — Thầy Hữu-tử nói rằng: « Tín ước hẹn với người, xét xem có hợp nghĩa không, thì lời hẹn mới có thể như lời được vậy. Cung kính tiếp với người, sao cho hợp lễ, thì người mới chẳng khinh rẻ mình được mà

minh mới khỏi sự sỉ-nhục vậy. Nương-tựa với cái người đáng thân, thì sau này mới có thể tôn người ấy làm chủ được vậy ».

Chú-giải. — *Tín* = Hẹn ước. *Nghĩa* = Cái sự chính-đáng hợp-nghi. *Lễ* = Cái nghi-tiết thích-đáng chẳng thấp chẳng cao. *Nhân* = Nương-tựa, giao-kết. *Tôn* = Chủ, lấy người ấy làm chủ mà mình tôn-trọng.

Đây là nói phàm sự ngôn-hành giao-tế của người ta, một lời nói một nết làm đều nên cẩn-thận ở lúc trước, mà lo nghĩ về sau, thì mới không hối-hận vậy.

XIV

學焉。有慎敏居食子
也可道於於無無曰。
已。謂而言。事。求求君
好正就而安。飽。子。

Dịch-âm.— *Tử viết : « Quân-tử, thực vô cầu bão, cư vô cầu an ; mẫn ư sự nhi thận ư ngôn, tựu hữu đạo nhi chính yên, khả vị hiếu học dã dĩ ».*

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Người quân-tử chuyên tâm dốc chí về sự học, ăn không kịp cầu no, ở không kịp cầu yên, nhanh trao về việc làm, cẩn-thận về lời nói, nhưng còn chẳng dám cho mình làm phải, mà lại tới gần với người có đạo-học để mà chất-chính những điều phải trái, như thế thì khả khen là kẻ hiếu-học đấy vậy ».

Chú-giải. — *Vô-cầu* = Không rồi kịp nghĩ đến. *Hữu đạo* = *Đạo* là cái lẽ đương-nhiên của sự-vật, *hữu-đạo* là nói những kẻ hiền-đạt có đạo-học.

Đây là tả ra cái tâm ham học của người quân-tử, để khuyên người ta nên cố gắng.

XV

好而也。如。而而子
禮樂。未子無無貧
者富者曰。驕諂曰。
也。而貧可何富貧

Dịch âm.— *Tử-Cống viết : « Bần nhi vô siểm, phú nhi vô kiêu, hà như ? » Tử viết : « Khả dã ; vị như bần nhi lạc, phú nhi hiếu lễ giả dã ».*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống hỏi rằng: « Xử cảnh nghèo mà không siểm-nịnh, xử cảnh giàu mà không kiêu-căng, người ấy học-lực thế nào ? » Đức Khổng nói rằng: « Người ấy đã biết tự-thủ, là bậc đã hơi khá, chửa đến bậc cao ; chửa bằng người nghèo mà vui, quên mình là nghèo, giàu mà hiếu-lễ, quên mình là giàu kia vậy. »

Chú giải. — *Siểm* = Tự-đê tự-khuất để siểm-nịnh người. *Kiêu* = Kiêu-căng xa-xỉ. *Lạc* = Vui-vẻ, tâm-thần quảng-đại, hình-thể khoan-thư, siêu-thoát cảnh nghèo, chẳng biết mình là nghèo. *Hiếu-lễ* = Yên ở về điều thiện mà vui theo lẽ phải, siêu thoát cảnh giàu, chẳng biết mình là giàu.

Đây là nói cái người xử cảnh nghèo cảnh giàu mà hay tự-thủ, còn không bằng cái người gặp cảnh nghèo mà vẫn vui-vẻ trong lòng, gặp cảnh giàu mà vẫn yên ở điều thiện, là coi sự giàu nghèo cũng như không vậy.

. . .

謂斯磨。琢磋。切云。曰。子
與。之其如如如如詩貢

Dịch-âm.— *Tử-Cống viết : « Thi vân : « Như thiết như tha, như trác như ma ». Kỳ tư chi vị dư ? »*

Dịch-nghĩa. — Thầy Tử-Cống nói rằng: « Kinh *Thi* có câu rằng : « Học-vấn vô-cùng, như trị đồ sừng đã cắt mà lại rũa, như trị đồ ngọc đã đẽo mà lại mài. » Câu ấy là nói về lẽ học-vấn vô-cùng đấy dư ? »

Chú-giải. — *Thi* = Thơ Kỳ-úc 淇澳 thiên Vệ-phong 衛風.

Thầy Tử-Cống trước kia cho bậc vô-siểm vô-kiêu đã là chí-cực, kịp được nghe đức Khổng bảo rằng còn có bậc nghèo mà vui, giàu mà hiếu-lễ là hơn ;

mới tỉnh-ngộ ra rằng trong sự học nghĩa-lý vô-cùng, mà công-phu học-hành không bao giờ hết, cũng như trong sự rũa ngà sửa ngọc, đã tinh mà lại càng cầu lấy tinh hơn vậy.

. . .

來而語矣。詩興始賜子
著。知往告已言可也。曰。

Dịch-âm.— *Tử viết*: « *Tử dã, thủy khả dữ ngôn Thi dĩ hĩ. Cáo chư vãng nhi tri lai giả* ».

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng khen rằng: « Thầy Tử kia vậy, mới khá cùng bàn đến nghĩa kinh *Thi* vậy. Bảo cho lẽ trước đã nói mà biết được cái lẽ sau chưa nói ra ».

Chú-giải. – *Vãng* = Trước, cái lẽ đã nói ra trước, như là luận về cái đạo xử cảnh nghèo giàu mà hay vui hay hiếu-lễ. *Lai* = Sau, cái lẽ chưa nói ra, tức như dẫn lời kinh *Thi* mà nói về lẽ thiết-tha ma-trác.

XVI

人不知。不人不子
也。知患已之患曰。

Dịch-âm — *Tử viết*: « *Bất hoạn nhân chi bất kỷ tri, hoạn bất tri nhân dã* ».

Dịch-nghĩa.— Đức Khổng nói rằng: « Người quân-tử trách ở mình, chẳng lo người chẳng biết mình, chỉ lo mình học-thức chẳng đủ biết người, chẳng phân biệt được kẻ thị phi tà chính vậy ».

Chú-giải.— Đây là bảo kẻ học-giả cốt trách tự mình, học sao cho hiểu-thấu đạo-lý mới hay phân-biệt được người hay người dở mà theo về đường hay, chớ đừng vội lo người ta không biết mình vậy.

(Còn nữa)

Đông-Châu và Tùng-Vân *dịch*

THỜI-ĐÀM (1)

Thời-cục nước Tàu. — Gần đây miền Bắc nước Tàu bỗng nổi lên cuộc Trung Nhật xung đột một cách mau chóng lạ thường, ai cũng bảo là bởi cái án Trung-Thôn (kỳ trước đã nói qua) mà người Nhật liền thi cái thủ-đoạn cường-ngạnh, thực-hành cái chính-sách võ-lực xâm-lược cõi đất nước Tàu. Nhưng tựu-trung xét ra còn nhiều cái nguyên-nhân khác nữa chứ không phải chỉ vì cái án Trung-Thôn. Nay theo các báo mà lược-thuật ra sau này :

Cứ theo các báo Nhật thì việc xung-đột này đâu đuôi như thế này :

Việc đại-úy Trung-Thôn (Nakamura) đôi bên điều-đình đã gần ổn-thỏa, những ai ưa cuộc hòa bình đã có lòng mừng, thì chợt ngày 15 Septembre có tin chính Phụng-Thiên nhận đại-úy bị quân Tàu ám-sát. Viên binh-bộ tổng-trưởng Nhật là tướng Nam-thị (Miamin) vừa đây ngỏ lời bất-phục chính sách ngoại-giao của Nam-tước Tê-Nguyên (Baron Shidehara) lúc ấy lại trái hẳn thái-độ trước, tuyên-ngôn rằng mình về phái ưa cuộc hòa-bình. Thế là hai bộ Binh-vụ và ngoại-giao, đối với con mắt người ngoài, hình như đồng-tâm hợp-chí mà làm việc.

(1) Kỳ này việc Tàu nhiều, tường-thuật về thời-cục nước Tàu, để mục « Thế-giới đại-sự-ký » về kỳ sau.

Tuy thấy hai bộ này hình như có ý thực tâm mưu cầu cuộc hòa-bình, nhưng từ hôm đó trở đi trong dân-chúng thấy đồn đại đi nhiều tin rất đáng lo: Nam-kinh liền trách Đông-kinh có ý gây sự.

Hôm 16, một viên đại-tá Nhật là Doihara, từ giã Đông-kinh sang nhậm chức ở Phụng-thiên. Người ngoài xì-xào nói Chính-phủ ra nhiều lệnh bí-mật và quan-trọng cho đại-tá mang theo sang đất Tàu.

Ngày 17, và 18, chẳng xảy ra sự gì lạ. Báo Tàu chỉ thấy đăng tin một vài đám cướp đánh phá các đồn binh ở dọc đường Nam-Mãn mà thôi. Thế mà...

Ngay tối đó, cái tin quân Nhật xung-đột với hơn 400 lính Tàu, rồi hồi 3 giờ sáng hôm 19, quân Nhật kéo thẳng vào chiếm Phụng-thiên, làm cho dân-sự hai nước choáng-váng cả người, như bị tiếng sét lớn kêu vang giữa bầu trời trong trẻo. Nhiều người còn chẳng tin việc ấy là có thực.

Trong tờ « Nhật-bản thời-báo » hôm ấy xuất-bản trước 5 giờ chiều, có đăng tin rằng lính Tàu phá một cái cầu trên đường Nam Mãn, tại Pei-Ta-Ying hồi 10 giờ rưỡi tối hôm 18. Quân Nhật bắt gặp, đôi bên xung đột, làm cho việc Phụng-thiên này lan rộng ra đến cả Trường-xuân, Cát-lâm. Sư-đoàn Nhật ở Mãn-châu động-binh ngay, lại ra lệnh cho cả quân lính ở Quan-đông và Bắc-Cao-ly (An-đông, Nghĩa-châu) kéo về. Quân Nhật đóng gần Phụng-thiên kéo thẳng vào tỉnh ấy, bắn phá một hồi chiếm ngay tỉnh. Chiếm Phụng-thiên rồi, tướng Bản-Trang (Honjo) tự nhận trách-nhiệm kéo quân đi chiếm-cứ thêm mấy tỉnh nữa.

Đến nay nào Hội-đồng Vạn-quốc, nào Mĩ, nào các cường-quốc ưa sự hòa-bình đều can-thiệp vào, mong việc này sẽ kết-liễu một cách êm-ái, cái ngọn gió lớn tuy nổi lên nhưng không thành trận cuồng-phong, Tàu cũng mong như vậy, nhưng cái thái-độ của Nhật ở các Hội-nghị cực là cương-quyết, anh Lùn khó nỗi chịu nhún mình.

Lại theo các tin gần đây: Kể từ đêm 18 Septembre, quân Nhật do đội thủ-bị ở đường Nam-Mãn sinh sự tiến chiếm thành Thẩm-dương (tỉnh-thành Liêu-ninh, tức là tỉnh Phụng-thiên cũ), ngày 19 tiến chiếm thành Trường-xuân, ngày 28 vào chiếm tỉnh-thành Cát-lâm, đạo quân Nhật ở Triều-tiên lại tự Hội-ninh (đất Triều-tiên) tràn sang chiếm thành Diên-cát, ngoài ra đạo quân ở Quan-đông lại chia đi chiếm hai thành An-đông và Phượng-hoàng; chiếm mấy nơi trọng-yếu ở dọc đường sắt Nam-Mãn và mấy đường sắt khác nữa. Trừ hai đường sắt An-đông — Phụng-thiên và Nam-Mãn nguyên thuộc về quyền người Nhật quản-lý, còn ngoài ra những đường sắt do người Tàu khởi-trúc lấy đều vào tay quân-nhân Nhật-bản quản-lĩnh cả. Những thành chấn trọng yếu bị chiếm, quan lại và lính cảnh-sát Tàu đều bị đuổi hết, không thể hành-sử được chức-quyền, vậy có thể nói là hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm của Tàu đã mất hết về tay quân Nhật.

Người Nhật đối với miền đông-bắc nước Tàu, cái dã-tâm thế nào chắc ai cũng đã biết, cách hành-động chiếm đất như trên đã nói lại càng tỏ ra cái chính-sách xâm-lược Mãn-Mông của bọn quân-nhân chính-khách Nhật bấy lâu vẫn ra sức kinh-doanh. Nhưng trong vài tuần nay, không kể mấy việc quấy phá ở các nơi, như việc ném bom xuống Cẩm-châu trong ngày 9 Octobre, ngoài các nơi đã chiếm được rồi, không thấy quân Nhật khuếch-trương gì nữa, theo như lời

đại-biểu Nhật là Phương-Trạch tuyên-bố ở hội Quốc-tế liên-minh là nước Nhật đã bắt đầu rút quân, nhiều người đều cho là có lẽ quân Nhật rút lui thật. Nhưng sự thực nào đâu có thế, xem như tin-tức hằng ngày thì quân Nhật ở bản-quốc và Triều-tiên vẫn lục-tục kéo sang Liêu-ninh và Cát-lâm, mưu cơ định đã lâu, lòng muốn mới hơi thỏa, lẽ nào họ lại chịu rút lui ngay, đại-biểu Nhật sở-dĩ tuyên-bố là rút lui, có ý thâm là muốn cho quốc-tế bớt để ý đến việc mình làm, dằng-dai cái thời-giờ giao-thiệp với nước Tàu để được dễ ra tay xâm-lược.

Xét ra quân Nhật lần này đối với hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm của Tàu lại xử-trí một cách quyết-đoán như thế, cái dã-tâm là muốn chiếm hết cả Mãn-châu để cầu được thấu tới cái chỉ định là « họp trị hai xứ Triều-tiên, Mãn-châu, dựng nước trong miền đại-lục », điều đó ai nấy đã rõ rồi. Nhưng miền Bắc-Mãn vì quan-hệ đến đường sắt Trung-Đông nước Nga Sô-viết tất không chịu ngồi nhìn, nước Nhật tạm-thời cũng chưa muốn tiến lên miền Bắc để cùng Nga gây oán; còn từ Cẩm-châu trở vào là đất bản-bộ của Trung-quốc, con mắt thế-giới đều nhìn đến, người Nhật vì muốn khỏi gây nên rắc-rối, tạm-thời cũng không muốn lấn vào; âu là đã lấn được hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm hãy cứ giữ lấy. Nhưng vì sự-thế khó-khăn cũng chưa dám coi ngay hai tỉnh ấy là thuộc-địa của mình hẳn. Cứ như điều người ta đã suy đoán thì cái ngón của người Nhật không ngoài hai cách này:

1°) Nếu sự thỏa-hiệp của Nhật-Mĩ hay Nhật-Nga đã thành-lập chắc-chắn rồi mà phương-diện quốc-tế liên-minh cũng không có ý làm khó-khăn, thì nước Nhật tất dùng cách trực-tiếp giao-thiệp, bức nước Tàu phải bỏ cái chủ-quyền hai tỉnh Liêu-Cát, hay là mở rộng cái phạm-vi thuê đất Lữ-thuận, Đại-liên ra đến những chỗ hiện-thời đã lấn được làm bạn.

2°) — Nếu như sự thỏa-hiệp của Nhật-Mĩ hay Nhật-Nga chưa thành-lập được mà phương-diện quốc-tế liên-minh lại ra lời trách-nạn, thì nước Nhật tất mượn những cớ đặt đường sắt Cát-lâm Hội-ninh (đường thông sang Triều-tiên), thay quyền người Tàu quản-lý những đường sắt Nam-Mãn, yêu-cầu tăng cái kỳ-hạn 90 năm thuê đất Lữ-thuận, Đại-liên và quản-lý đường sắt An-đông — Phụng-thiên, mới chịu rút quân đông ở Liêu-ninh và Cát-lâm. Vả trước khi rút quân, tất phải làm xong đường sắt Cát-lâm — Hội-ninh để cho đạt tới cái mục-đích thực-hành chính-sách « hai đường hai cảng » (Người Nhật vốn định cái kế-hoạch đắp hai đường sắt Nam-Mãn và Cát-lâm — Hội-ninh cùng mở-mang hai cửa bể Thanh-tân và Đại-liên để thực-hành việc chiếm Mãn-châu); mà khi rút quân ra tất họ sẽ giúp ngầm đảng nhà Mãn-Thanh hay đảng quân-nhân thất-ý nước Tàu, khiến tự tổ-chức nên chính-phủ Mãn-châu, thoát-li chính-phủ bản-bộ Trung-quốc để làm bung xung cho họ vậy.

Theo những điều đã nói đó, thì lần này người Nhật có thôn-tính ngay hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm của Tàu hay không, còn phải trông ở cái tình-thế quốc-tế như thế nào.

Ngày 19 Septembre, quân Nhật chiếm Vạn-bảo sơn. Cũng ngày hôm ấy quân Nhật lại chiếm cả Trường-xuân, một viên doanh trưởng Trung-hoa bị tử-trận, cả nhà 13 người đều bị hại. Các nha-thự ở Trường-xuân đều bị đốt cháy; các trưởng-quan Trung-hoa đều bị bắt.

Quân Nhật lại chiếm đảo Hồ-lô. Từ Trường-xuân đến Cáp-nhĩ-tân, giây điện-thoại đều bị quân Nhật cắt đứt.

Cũng ngày 19, viên tổng-tư-lệnh quân Nhật ở Quan-đông mang 800 bộ-binh từ Đại-liên đến chiếm Thẩm-dương, (tỉnh-thành Liêu-ninh, tức là tỉnh Phụng-thiên cũ). Sau khi quân Nhật đã chiếm tỉnh-thành, liền chiếm hết quyền-quân và chính-trị. Khi quân Nhật tiến vào, quân đông-bắc (quân Trương Học-Lương) không chống lại, lục-tục lui ra dọc đường bị quân Nhật lột khí-giới và đánh chết rất nhiều. Nhân-dân có nhiều người chết và bị thương. Một giải Hoàng cô-đồn đều bị quân Nhật chẹn giữ. Một viên lữ-trưởng là Vương Dĩ-Triết vì cố giữ lấy xưởng binh-công bị quân Nhật giết chết.

Các nhà đương-cục ở Bắc-bình nói rằng quân Nhật lần này chưa hề bị khiêu-khích mà đột-nhiên tiến đánh, sự thực rõ ràng, quân Trung-hoa dẫu chết nhiều người, nhưng chưa hề có đánh lại. Coi đó đủ biết quân Nhật trước khi sinh-sự đã có bố-trí rồi. Trước hai ngày xảy ra việc ấy, các nhà đương-cục Trung-quốc đã nghe tin chính-phủ Nhật thêm lính đến Nam-Mãn, đội hậu-bị ở Quan-đông cũng dự đủ khí-giới. Việc quân ấy và cách hành-vi vốn trái với điều-ước. Phó tổng-tư-lệnh Trương Học-Lương ngày 19 cũng tiếp được người Nhật mật-báo rằng nội-nhật ở Nam-Mãn e có sự biến, chớ về Liêu-ninh vội để khỏi mắc sự nguy-hiểm.

Có tin ở Bắc-bình nói rằng sau khi Trương Học-Lương được tin quân Nhật chiếm Thẩm-dương lập-tức triệu các quân-quan mở cuộc hội-nghị khẩn-cấp, đem việc bạo-hành của quân Nhật báo-cáo chính-phủ trung-ương và điện các nhà đương-cục đông-bắc duy-trì trật-tự, quân-dân trước hãy lui ra nơi địa-điểm tương-đương để đợi lệnh giải-quyết của Trung-ương. Các đạo quân của Trương Học-Lương họp cả ở Sơn-hải-quan để đợi mệnh lệnh. Trương đối với việc quân Nhật chiếm đất và đốt phá rất là căm-tức, hai lần phát khóc lên.

Đoạn đường sắt ở gần đồn Hoàng-cô bị quân Nhật phá-hủy. Sau khi quân Nhật chiếm Thẩm-dương đã phái một đại-đội ở Lữ-thuận chia đi các nơi Thanh-đảo và Thiên-tân.

Nhà riêng của Trương Học-Lương ở Thẩm-dương bị quân Nhật cướp và đốt cháy không còn gì nữa.

Sau khi quân Nhật chiếm Thẩm-dương, bắt giam nhiều quan-chức chính-phủ tỉnh Liêu-ninh, trong đó có cả viên chủ-tịch là Tang Thức-Nghị. Quân Nhật cưỡng-bách Tang phải ký giấy, bảo ký thì tha, không ký thì giết. Tang nhịn ăn để tỏ ý cự-tuyệt thà chết không chịu nhục. Nguyên hôm viên tư-lệnh quân Nhật là Bản-Trang khi mới chiếm Thẩm-dương, có yêu-cầu cho nhân-dân Nhật-bản và Triều-tiên ở bốn tỉnh đông-bắc nhất-luật được tự-trị, các đường sắt Thẩm-Hải về quyền quân Nhật quản-lý, bốn tỉnh đông-bắc chỉ cho dùng cảnh-sát, không được dùng lính, Tang Thức-Nghị không nghe nên bị giam.

Lãnh-sự Đức có nói chuyện rằng khi sự-thế đã nguy, bọn Tang Thức-Nghị sao không bắn phá xưởng binh-công và xưởng máy bay đi, lại cứ để nguyên làm lợi cho địch-quân, điều đó thực là thất-sách quá, chỉ có điều lấy cái chết cự-tuyệt những điều yêu-cầu của Nhật là còn đáng phục.

Có tin ở Phụng-thiên rằng quân Nhật vẽ dấu hiệu Nhật vào các máy bay của nhà binh Tàu rồi đem dùng, nhất là các máy Pháp hiệu Potey.

Hôm quân Nhật kéo vào Thẩm-dương, các nhà yếu-nhân ở trong thành đều bị lục-soát, không nhà nào còn lại một tí gì, nhà Trương Học-Lương cũng bị lục-soát đến mấy lần. Các hiệu quan-ngân và các ngân-hàng đều bị niêm-phong, bao nhiêu tiền đều lấy đem về Nhật. Các cơ-quan sau khi bị niêm-

phong, các văn-kiện đều đốt cả. Xưởng binh công Thẩm-dương có chứa 8 vạn súng trường, bốn nghìn súng máy, xưởng máy bay có hai trăm chiếc máy bay cũ mới đều bị chiếm, thiệt hại chứng hơn một vạn vạn đồng. Những nơi quân Nhật đi qua, các vật kiến-trúc đều bị phá hết.

Cứ như bức điện của viên lãnh-sự Mĩ ở Thẩm-dương gửi đến quan công-sứ Mĩ ở Bắc-bình nói trong hôm quân Nhật phá thành Thẩm-dương, số người Trung-hoa chết hơn 3.000 người, sáu phần mười là bình-dân.

Luôn mấy ngày quân Nhật tiến đánh các nơi trong tỉnh Liêu-ninh, không chết hại mấy người, chỉ có hôm tiến đánh Trường-xuân, bị quân Cát-lâm đánh dữ-dội quá, quân Nhật chết 80 người, đánh Nhi-đạo cầu và tỉnh thành Cát-lâm, quân Nhật chết gần 500 người. Ba liên-đoàn quân Cát-lâm ở Trường-xuân cùng quân Nhật đánh dữ-dội một ngày một đêm, đến lúc đạn hết cùng nhau hô to : « Trung-hoa dân-quốc vạn tuế ! » rồi tự-sát, không một người nào chịu hàng cả.

Sau khi quân Nhật chiếm Thẩm-dương, liền cử người Nhật là Thổ Phi-Nguyên làm thị-trưởng. Thổ nhận chức, kiều-dân Nhật có mở cuộc khánh chúc. Máy bay Nhật bay rắc truyền đơn năm sắc, trong truyền đơn viết câu : « Vĩnh chiếm Thẩm-dương, Tiên Mãn hợp trị » nghĩa là chiếm mãi thành Thẩm-dương, cai-trị cả Triều-tiên và Mãn-châu.

Sau khi quân Nhật chiếm Thẩm-dương, hạ-lệnh đêm đến từ 9 giờ trở đi không phải là người Nhật thì cấm không được đi lại. Quân Nhật cưỡng bách các người buôn bán Trung-hoa lại phải mở hàng buôn bán như thường, vài trăm người bị đánh chết, thi-thể không biết ở chỗ nào.

Có tin ở Cáp-nhĩ-tân nói rằng sau khi quân Nhật chiếm Trường-xuân chôn sống hơn một trăm tù binh Trung-hoa, cả nhà Chu Ngọc-Bình 14 người đều bị giết.

Quân Nhật bắt nhiều học-sinh ở các nơi đã chiếm được trong hai tỉnh Cát-lâm và Liêu-ninh, hoặc làm nhục, hoặc giết chết, nói sẽ trừ hết giống phản Nhật.

Có tin ở Thẩm-dương nói rằng thành phố Thẩm-dương vẫn ở trong thời-kỳ khủng-bố, cư-dân vì quân Nhật, đội tiện-y Triều-tiên quấy rối không thôi, một ngày đến mấy lần phải sợ. Viên tư-lệnh Nhật là Bản-trang vừa rồi có huấn-hoại bảo rằng quân Nhật không kể thế nào quyết không lui ra, người Nhật ở Mãn-châu kinh-doanh trong mười năm có thể xưng-bá cả địa cầu.

Lại có tin ở Bắc-bình nói rằng thành Cẩm-châu là chính-phủ tỉnh Liêu-ninh mới dời đến bị bắn phá rất tàn hại, máy bay Nhật bay rất thấp, bốn lần thành và chợ đều bị đạn ném xuống, trường giáo-thông đại-học bị nhiều đạn hơn cả, trường học bị đổ, chết mất một viên giáo-thụ người Nga Mễ Xuân-Lâm không thấy tông tích đâu cả. Trong thành phải 30 người chết, 50 người bị thương ; Bộ quân Vương Dĩ-Triết hơn 4000 người vừa đến đóng ở đó, liền bị bom ném phải, chết và bị thương mất nhiều.

Viên giáo-thụ Nga sau khi bị đạn chết, nghe đâu gia-thuộc đã điện về Moscou báo cáo sự bạo-hành của quân Nhật.

Sau khi đó Trương Học-Lương điện ngay đến chính-phủ Nam-kinh cầu cứu và xin tố cáo hội quốc-tế liên-minh.

Lại một đoàn xe thiết-giáp Nhật chở súng trái phá đến ga Thông-liêu, phá đoạn đường sắt ở khoảng ga bắc ga nam và chôn địa-lôi, cùng thời máy bay lượn giải truyền đơn, nói quân Trung-hoa không thể duy-trì được sự

trị-an, cho nên quân Nhật phải đến bảo-hộ.

Bộ tổng tư-lệnh Nhật ở Quan-đông bá cáo cho người Trung-hoa ở các nơi trong hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm, nhất luật phải đổi dùng niên-hiệu Chiêu-hòa, trái lệnh phải xử-tử.

Một đoàn 36 chiếc máy bay Nhật bắn phá đường Thao-ngang và ga xe hỏa, vì đoạn đường Thao-ngang thuộc về đường Bắc-mãn, quân Nhật sợ nước Nga can-thiệp không thể nào chiếm được, cho nên hủy đi.

Hải-quân Nhật ở Tần-hoàng-đảo lên bộ, dọc bờ đào chiến-hào, ý định chiếm ở lâu. Tàu binh các nước đều cho là Nhật có ý khiêu-chiến, đều điện về bản-quốc báo-cáo

Vì thấy quân Nhật càng ngày càng làm dữ, người Nga sợ người Nhật dùng võ-lực lấn cả Bắc-mãn, nếu cả Nam-mãn, Bắc-mãn điều bị quân Nhật chiếm-lĩnh thì hai nước Nhật Nga sẽ nhân đó mà sinh nhiều việc, vì muốn đề-phòng nên phải phái đại-quân đến đóng ở Đại-ô-li.

Quân Nhật khi đánh vào Cát-lâm, đoàn quân Lý Quế-Lâm đóng giữ ở đó vì chưa được lệnh trưởng quan lui ra, chức trách phải giữ đất chống với quân Nhật trong 7 giờ, đạn hết viện tuyệt, đến khi quân Nhật vào thành, Lý Quế-Lâm và cả đoàn quân đều tự sát.

Vài vạn quân Nhật ở núi Đại-hồ, Tân-dân, Câu-bang-tử tiến đến Cẩm-châu, các yếu-nhân đông-bắc ở Cẩm-châu đều sợ hãi, bỏ trốn vào trong Sơn-hải-quan, nghe đâu Trương Tác-Tường cũng đổi lốt trốn vào Thiên-tân, các nhân viên trong chính-phủ tỉnh Liêu-ninh từ khoa-trưởng trở lên đều chạy trốn, chính-phủ hàng tỉnh lại bị đình-đốn. Nếu Cẩm-châu lại bị quân Nhật chiếm giữ lấy nốt, thế là cả tỉnh Liêu-ninh đều bị mất không còn gì.

Chính-phủ Trung-hoa ở Mãn-châu đã dời xuống Tân-đô do Trương Tác-Tường làm chủ-tịch. Còn Trương Học-Lương thì vẫn ở Bắc-bình, các bộ-hạ của Trương Học-Lương đều giả trang tới Bắc-bình với Trương.

Một chiếc máy bay Nhật ném bốn quả trái phá vào trại lính ở Tân-đô, nhiều người chết.

Trương Cảnh-Huệ đã tuyên bố chính-phủ tỉnh Cát-lâm dời đến Cáp-nhĩ-tân để thi-hành chính-quyền. Tin đồn tỉnh Hắc-long-giang độc-lập là tin đồn sai, đó là người Nhật bịa đặt ra.

Người Nhật chặt đứt đường Bắc-kinh, Phụng-thiên ở ga Ta-du-Shan, cách Phụng-thiên chừng 100 dặm. Làm như vậy, người Nhật tỏ ra cái thái-độ quyết giữ việc kiểm sát đường.

Đường Bắc-kinh, Hán-khẩu đã được lệnh đưa tất cả các vật-dụng về Nam-kinh để phòng khi rút về Khai-phong.

Người Mĩ thấy tình thế này đoán chắc Tàu sẽ bắt buộc phải khai chiến với Nhật.

Có tin ở Bắc-bình rằng quân Nhật lại có ý muốn tiến vào Sơn-hải-quan có ba chiếc máy bay Nhật từ Cẩm-châu đến Đường-sơn bay lượn trên thành để ra oai, lại một đội 36 chiếc máy bay nữa đến ném bom xuống Thao-nam, kết-quả đoạn đường sắt nối nhau bị phá hủy.

Chính-phủ Nhật vừa điện sang tòa công-sứ Nhật ở Bắc-bình nhớ bảo trước Trương Học-Lương biết rằng quân lính Nhật nếu chẳng ai gây sự thì không khởi thế công bao giờ, nhưng Trương phải hạ lệnh cho quân Tàu khi vào Sơn-hải-quan, chớ có cái thái-độ gây lên với lính Nhật, nếu không thì cũng như việc ở Cẩm-châu, nếu xảy việc gì do sự gây lộn ấy mà ra thì Tàu phải chịu trách-nhiệm.

Lại có tin ở Bắc-bình nói rằng người Nhật định làm cho Mãn-châu Mông-cổ thành một nước độc-lập, gọi là nước Trung-hòa, bốn tỉnh Liêu-ninh, Cát-lâm, Hắc-long-giang, Nhiệt-hà làm đất độc-lập, theo chế-độ lập-hiến. Hiện người Nhật đang khởi-thảo bản hiến-pháp Trung-hòa, nghe đâu định mang phế-đế Tuyên-thống nhà Thanh ra làm Hoàng-đế.

Có tin ở Sơn-hải-quan nói rằng người Nhật vẫn ra sức tiến-hành việc lập ra nước Mãn-Mông độc-lập, chính-phủ định lấy Cung-thân-vương hay Phổ nghi (Phế-đế Tuyên-thống) làm hoàng-đế, Hi-Hợp làm Mãn-vương đại-thần, Quách Đạo-Phủ làm Mông-cổ đại thần, Viên Kim-Khải làm Văn-bộ tỉnh đại-thần, Triệu Hân-Bá làm ngoại-tướng, Hàm Triều-Tĩ làm cảnh-sát đại-thần, Vu Xung-Hàn làm tài-vụ đại-thần. Hiện đã đem Cung thân-vương hộ-tống đến ga Nam-Mãn, giám-thị sự tự-do. Nếu vậy thì quân Nhật ở Đông-tỉnh dẫu rút lui, chủ-quyền không phải là của nước Tàu nữa.

Người Nhật vẫn ngấm-ngầm ra sức xui việc tổ-chức ra Mãn-Mông mới, cho các người Mãn đến Thiên-tân nói với phế-đế Tuyên-thống, lại liên-lạc với các vương, công, minh-trưởng, kỳ-trưởng có thế-lực ở Nội Mông-cổ, định mở cuộc hội-nghị Mãn-Mông dân-tộc phục-hưng ở Trường-xuân; một mặt khiến Trương Tôn-Xương, Thạch Hữu-Tam, Trương Học-Thành chia đi chiêu dụ các toán quân tan vỡ ở Liêu-ninh và Cát-lâm-châu, dẫn các phương dự vào. Hiện Thạch Hữu-Tam ở Thẩm-dương, Trương đã đến Trường-xuân. Báo Nhật lại công-nhiên cổ-động là cần phải lập ra nước Mãn-Mông độc-lập, nói Mãn-Mông đất rộng vật thịnh, sau này các người Nhật, Hàn, Mãn, Hán, Mông ở miền đông-bắc chủ quyền đều bình-đẳng như nhau. Cấm dân ở nội-địa Trung-quốc không được dời ra ngoài Sơn-hải-quan.

Người Nhật muốn thực-hành cái mưu xui người Mãn-Mông độc-lập, lợi dụng phế-đế Tuyên-thống không được, lại lợi-dụng em phế-đế là Cung thân-vương. Cung thân-vương vì tham cái ngôi Hoàng-đế nên hết sức vận-động các người có thế-lực miền đông bắc. Viên trấn-thủ-sứ đường Thao-nam là Trương Hải-Bằng đã dự vào cuộc vận-động phục tích. Cung thân-vương phong Trương làm Hắc-long-giang tướng-quân, khí giới do người Nhật cung cấp.

Trương Hải-Bằng nghe lời người Nhật xui giục, mang hai lữ-đoàn quân Mông-cổ theo dọc đường Thao-ngang đến chiếm tỉnh thành Hắc-long giang. Ủy viên hàng tỉnh và các cơ-quan vâng lời điện Trương Học-Lương không chống cự, điềm tĩnh lui ra. Gia-quyến chủ-tịch Hắc-long-giang là Vạn Phúc-Lân tránh nạn đến Cáp-nhĩ-tân.

Trương Hải-Bằng đính ước với người Nhật, quân đội sẽ đón vài chục giáo-quan Nhật rèn tập, tổ chức lại chính-phủ tỉnh Hắc-long-giang.

Vì thấy người Nhật dùng cách gián-tiếp để xâm-lược miền Bắc-Mãn như thế, nước Nga lấy làm căm giận lắm.

Vì quân Nhật ngày nào cũng ném bom xuống các nơi ở dọc đường xe hỏa Bắc-bình, Liêu-ninh, nên nạn-dân xô nhau chạy tránh vào Sơn-hải-quan. Có tin thám báo rằng quân Nhật đã bắt đầu điều tra các nơi dọc bờ bể Trung-hoa và các nơi đóng quân, vẽ thành địa-đồ, dự bị tuyên chiến.

Từ khi xảy ra việc Mãn-châu, Phổ nghi (Tuyên-thống) thành ra quan-hệ. Vì Nhật-bản mà lợi-dụng được Tuyên-thống thì Mãn-châu không phải là đất của Tàu nữa. Theo tin báo Tàu ban đầu thì nói Phổ-nghi không bị lợi-dụng, không muốn làm vua Cao-ly thứ hai, và đã tìm nhà vào ở Bắc-bình, sau lại

có tin Phổ-nghi đi mất, vậy Phổ nghi có bị lợi-dụng hay không, vẫn còn chưa chắc.

Còn Trương Tôn-Xương vì theo lời bà mẹ già nói nếu Trương theo Nhật, thì bà sẽ tự sát, nên Trương phải dời Đại-liên đến Bắc-bình.

Tàu binh Nhật ở địa-phận Tàu hiện có là : 6 chiếc tuần-dương, 10 chiếc khu-trục, 3 chiếc tàu đại-bác, 10 chiếc tầu nước nông, cộng là 29 chiếc, Chia đóng các nơi : Nam-kinh 2, Thượng-hải 4, Hán-khẩu 3, Thanh-đảo 4, Hạ-môn, Phúc-châu, Tùng-dư, Đại-dã, Trấn-giang, Trùng-khánh, Sa-thị, Nghi-xương, Cửu-giang Vu-hồ, Tràng-sa, Võ-huyệt, mỗi nơi một chiếc ; còn 4 chiếc chạy dày chạy đó, dư-rạc không thường.

Lính thủy của Nhật ở Hán-khẩu lên bộ tập trận, lại dự bị lưới điện v. v. . . đề phòng bị rào chặt tô-giới. Bọn lính thoái ngũ thì họp nhau lại tổ-chức đội nghĩa-dũng 600 người, đang nửa đêm đem súng ống tập trận ở tô-giới Nhật, quần áo họ mặc không khác gì học trò trường quân-quan của Tàu ở Võ-Hán. Theo lời người Nhật, thì tại Hán-khẩu khi cần ra, chỉ vài ba ngày là Nhật có thể họp tập 40 chiếc tầu binh. Còn sự dự bị về tài-chính thì những lương của những người làm trong quân lãnh-sự và sở cảnh-sát đều bỏ ra 4 phần mười quyên vào công bộ, để giúp tiền mua than cho thủy-quân dùng và phòng bị cuộc tẩy chay. Họ lại chở gạo ở các nơi đến Võ-hán để phòng thiếu gạo. Chính-phủ Nhật lại gửi 2 triệu 60 vạn sang nhà Ngân-hàng Nhật ở Hán-khẩu để phòng bị cứu-tế dân Nhật.

Vì phong-trào bài Nhật bành-trướng rất dữ, bộ thủy-quân đã quyết định phái chiếc chiến-thuyền «Jokiwa» cùng 400 lính đi Thượng-hải để bảo-hộ kiều-dân.

Bốn chiếc phá ngư-lôi Nhật đến Thượng-hải làm cho dân sự náo động, vì có tin đồn quân lính sẽ kéo lên bộ.

Nhật-bản chiếm cứ Mãn-châu lần này có một điều rất khôn ngoan, là trước khi đó không có giao-thiệp lôi thôi, không đưa thư tối-hậu cho Chính-phủ Tàu, không tuyên-chiến, thành ra quân Nhật chiếm-cứ đất Tàu rõ ràng, mà chỉ là việc xung-đột riêng trong một cục-bộ, không thể cho là việc chiến-tranh của hai nước được. Đã không thành hình-thức chiến-tranh, thì hội Quốc-tế hay các nước ký điều-ước phi-chiến cũng khó can-thiệp. « Việc riêng cục-bộ, chỉ do cục-bộ giải-quyết », đó là điều mà người Nhật cố giữ để xử lý việc này ; Người Nhật chỉ muốn đàm-phán riêng với Chính-phủ Đông-bắc thôi, đến Chính-phủ Nam-kinh giao-thiệp, người Nhật cũng còn không muốn, nữa là một nước thứ ba nào. Đó thật là một cái khoé khôn ngoan của Nhật.

Người Nhật vẫn biết rằng : « Điều-ước phi-chiến không thể phá-hoại được. » Nhật-bản e các nước ký ước trách-vấn, không dám đưa tờ tuyên-chiến, nên mới diễn ra một cuộc kỳ-quan trong quốc-tế xưa nay chưa từng có. Sau lại gặp quân Tàu xử nhũn, đâu đâu cũng lui nhường, không hề chống cự, bên Nhật lại vin được cớ là chưa gây nên hình-thức chiến-tranh, khiến cho các nước ký ước khó bề can-thiệp. Mưu chước thật khôn. Song nếu chiếm đất mãi không thôi, thì cái sự thực phá-hoại thế quân-bình và nguy hiểm cuộc hòa-bình ở Viễn-đông, Liệt-cường cũng không thể ngồi nhìn được.

Hiện nay người Tàu ở các nơi đều nổi lên phong-trào bài Nhật rất dữ-dội. Nhất là ở Hồng-kông, Thượng-hải, Nam-kinh, Bắc-bình, Hán-khẩu, Thiên-tân, v. v. . , đâu đâu cũng có

cuộc biểu-tình bài Nhật và đề-chế Nhật-hóa, phá các nhà máy của Nhật.

Phong-trào bài Nhật ở Thượng-hải lại dữ dội hơn trước. Cũ soát đoàn có bắt 13 người buôn hàng Nhật mà giam trong một cái đền.

Dư-luận Mã-lai rất chú ý đến việc xung đột ở Mãn-châu. Các báo Anh lại ngỏ ý cho Tàu có lý. Kiều-dân Tàu ở một vài nơi chực nổi lên đề-chế hàng Nhật.

Các báo Vân-nam vẫn đăng nhiều tin tức về việc phân-tranh Trung Nhật và cổ-động cho quốc-dân đồng-tâm hiệp-lực mà đối phó với một dân-tộc muốn buộc người Trung-hoa vào vòng nô-lệ, và cổ động để ai nấy bãi việc giao-dịch với nước Nhật. Các báo ấy đăng những câu như: Ta sẽ lấy máu sốt của ta mà làm cho ngập các cù-lao Nhật-bản. Ta sẽ chôn bọn lùn Nhật dã-man. Ta sẽ đánh đổ nước Nhật.

Ấy vì những lời cổ-động ấy, nên bọn học-sinh ở Vân-nam phủ đến xin đầu binh, nhưng quan tỉnh-trưởng và quan ủy-viên bộ giáo-dục có khuyên họ cứ nên đi học, và đợi mệnh-lệnh của Nam-kinh.

Ở các phố có xảy ra một cuộc biểu-tình lớn, người biểu-tình phần nhiều là sinh-viên trường binh-vụ, và học-sinh các trường. Khi tới trước cửa hai hiệu buôn Nhật ở một phố kia, họ xông vào phá phách hết sạch.

Kiều-dân Nhật-bản một phần lớn đã bỏ Vân-nam phủ mà chạy sang đất Bắc-kỳ.

Tại Hương-cảng và Quảng-châu dân sự có đóng cửa nghỉ kỷ-niệm một ngày quốc-sỉ.

Tại Quảng-châu có nhiều cuộc biểu-tình bài Nhật cực lớn. Các viên-chức của chính-phủ đọc diễn-văn rất hăng-hái.

Viên lãnh-sự Nhật nhiều lần đến yết-kiến Trần Hữu-Nhân, người ta đoán rằng lãnh-sự Nhật đến yêu-cầu Tàu phải hoàn-toàn bảo-hộ sinh-mệnh và tài-sản của kiều-dân Nhật, nếu không sẽ lập tức xin chính-phủ Đông-kinh cho chiến-hạm đến và tự mình dựng lên bảo-hộ người đồng-bang.

Trần an-ủy viên lãnh-sự Nhật, bảo rằng chính-phủ Quảng-châu sẽ bảo-hộ kiều-dân Nhật, nhưng nếu chiến-hạm Nhật tới thì chỉ làm găng thêm tình-thế mà thôi.

Tại tòa lãnh-sự Nhật, kiều-dân Nhật có hội họp bí-mật, nhờ lính canh gác. Trong kỳ hội-họp này, người Nhật quyết định ba điều:

1o/ Yêu-cầu chính-phủ Tàu phải hoàn-toàn bảo-hộ sinh-mệnh và tài-sản kiều dân Nhật;

2o/ Lập tức xin chính-phủ Nhật phái mấy chiếc pháo-thuyền đến để bảo-hộ cho người Nhật;

3o/ Điều-tra về phong-trào bài Nhật ở vùng Nam nước Tàu rồi trình cho chính-phủ Nhật biết rõ.

Các nhà băng Nhật ở Sa-điện bị người Tàu gửi tiền xông vào lấy lại tiền gửi. Học-sinh trường đại-học «Tôn Dật-Tiên» quyết định hết lòng trợ lực phong-trào đề chế hàng-hóa Nhật.

Tại Hương-cảng hơn một nghìn người Tàu tổ-chức một cuộc biểu-tình bài Nhật, đập vỡ cửa kính, và đồ đạc mấy cửa hàng Nhật, sau cảnh-binh đến giải tán được.

Tại Nam-kinh có lệnh chính-phủ bắt các nhà hát đóng cửa để tỏ ngày ấy là ngày Quốc-sỉ. Trong thành phố nhiều nơi biểu tình bài Nhật.

Nhiều kiều-dân Nhật đã dời bỏ Nam-kinh.

Chính-phủ Nam-kinh tuyên ngôn sẽ không chịu trực-tiếp điều-đình với Nhật. Trái lại Nhật có lòng rất muốn điều-đình thẳng với Tàu.

Công-sứ Nhật là Trùng Quang-Quỳ đến Nam-kinh đưa quốc-thư cho ngoại-

giao Thứ-trưởng Tàu. Nguyên-văn có bốn đoạn như sau này :

1º — Việc Mãn-châu là do cái tư-tưởng kháng Nhật của Tàu đã lâu năm và cái thái-độ khiêu-khích đối với quân Nhật gây nên. Đó là cách giữ mình của quân Nhật, chính-phủ Nhật đã tuyên-cáo như thế rồi. Bởi vậy chính-phủ Tàu đối với cái án đó nên phải chịu lấy trách-nhiệm.

Chính-phủ Nhật đối với các cuộc vận-động bài Nhật đã tổ-chức nên ở các nơi trong đất Tàu trước nay đã nhiều lần yêu-cầu chính-phủ Tàu cấm đi, lại thường nghĩ đến cuộc thân-giao với Tàu nên phải nín nhịn nén mình mong cho sự-thể thay đổi. Không ngờ cuộc vận-động đó càng ngày càng kịch-liệt. Hiện những hội phản Nhật ở Thượng-hải và các nơi khác chẳng những cấm chỉ sự buôn bán và vận-tải hàng hóa Nhật, lại quyết định hủy bỏ những khế-ước sẵn có và cấm chỉ mọi việc giao-dịch với người Nhật-bản, cấm-chỉ sự thuê mướn với người Nhật-bản; gọi là tuyệt giao với Nhật về đường kinh-tế mà dùng cả những thủ-đoạn kiểm tra, bắt giữ, hiếp bách, làm dữ v. v.., mà bắt ép phải thực-hành, ai không chịu thực-hành thì chẳng những xử-trí một cách nghiêm khắc, thậm-chí đều bắn chết nữa ; dù là hàng hóa của Nhật cũng cướp lấy và bắt giữ. Những sự làm dữ và xâm hại đối với tính mệnh và tài-sản của người Nhật đâu đâu cũng thấy xảy ra luôn mãi, đến nỗi làm cho tất cả một phần Nhật-kiều ở các nơi trong đất Tàu, bất đắc-dĩ phải lui ra.

2º — Vả cuộc vận-động bài Nhật ở Tàu là cách tổ-chức chính-trị đặc-biệt của Tàu, xem ra đến đảng bộ Quốc-dân là cái cơ quan khó phân biệt chức quyền chính-phủ, đứng ra chỉ đạo để thực hành cái thủ-đoạn quốc-sách như thế, không thể cùng với sự hành-động vô thống-chế bởi cái tư-tưởng tự-do của cá-nhân mà cùng coi như một được. Sự hành động đó không những trái với tinh-thần và điều khoản trong các hiệp ước Trung Nhật hiện còn, mà lại trái với cái quan-niệm về chính nghĩa hữu-nghị nữa, cái ý nghĩa nó rõ ràng là sự hành-vi đối địch, mà không dùng võ-lực rồi. Chính-phủ Tàu đối với việc đó nếu không lập tức dùng thủ-đoạn kiến-hiệu, thì chúng tôi tin rằng là trách-nhiệm sẽ rất to lớn, nhất là hội Phản Nhật chỉ là những đoàn-thể riêng, mà lại dùng hình phạt để xử người trong nước, cái đó tỏ rõ là không công nhận quyền-lực của quốc-gia mình rồi.

3º — Ở hội Quốc-tế đại-biểu Tàu cùng đại-biểu Nhật đều đoan nhận là giữ cho sự thể không lan ra to, thế mà nay các hội bài Nhật đối với sự tự-do buôn bán và sự yên lành về tính-mệnh và tài-sản của thần dân Nhật-bản trong các đất nước Tàu vẫn cứ làm việc oai hiếp, chính-phủ Trung-ương vẫn chưa có lòng thành ngăn ngừa, ít ra là về đường sự thực vẫn chưa dùng thủ-đoạn kiến-hiệu mà làm cho thôi đi, như thế không thể không cho là trái với sự đoan nhận đã kể trên kia, mà làm cho sự thể cứ lan ra mãi.

4º — Bởi thế Nhật-bản đối với sự hành-động của các tụi bài Nhật đã kể ra đó, nhắc để chính-phủ Tàu chú ý. Nếu chính-phủ Tàu đối với sự thôi bỏ cuộc vận-động bài-xích hàng Nhật và cái nghĩa-vụ bảo-hộ cho tính-mệnh tài-sản và lợi-ích của người Nhật-bản mà không làm xong, thì hết thảy những cái trách nhiệm bởi đó mà ra, chính-phủ Quốc-dân phải gánh hết.

Chính-phủ Tàu đã đáp lại cho viên đại-sứ Nhật là Trùng-Quang lúc ấy có mặt ở Nam-kinh. Tàu chẳng nhận trách-nhiệm phong-trào ấy, vì rằng nó do việc quân lính Nhật xâm chiếm Mãn-châu mà ra. Tàu lại không thể

ngăn cấm người trong nước phát-biểu tấm lòng ái-quốc mà chẳng vượt ra khỏi vòng luật-pháp, ví dụ như người Tàu không dùng hàng Nhật đó là tự ý mình chứ không ai cấm đoán được.

Từ khi quân Nhật chiếm Mãn-châu khắp nước Tàu đâu cũng tỏ lòng phẫn-khích. Không kể việc xung-đột ở Hương-cảng và việc tẩy-chay ở các nơi là sự quen vẫn thấy, ngoài ra còn những việc này nên kể:

Việc tổ-chức Nghĩa-dũng-đội. — Ở các nơi, phần nhiều là các học-sinh, họ luyện-tập theo lối nhà binh và tình-nguyện làm quân cảm-tử, xin chính-phủ tuyên chiến với Nhật.

Học sinh. — Các học-sinh ở Bắc-bình họp cuộc hội Phản Nhật, hội trường phẫn-khích lạ thường, có người uất quá, lăn ra chết ngất, hồi lâu mới tỉnh; nhiều người khóc.

Học-sinh trường Trung-đại Nam-kinh nghỉ học diễn thuyết. Hồ Thích diễn giảng.

Học-sinh lưu học ở Nhật-bản cũng tổ-chức hội Phản Nhật.

Một toán học-sinh ở Bắc-bình kéo đến biểu-tình trước dinh Trương Học-Lương xin khai chiến với Nhật-bản. Học-sinh trường Đại-học đã thành lập quân đội nghĩa-dũng.

Ở Thượng-hải có 5000 học-sinh xin đi xe hỏa vào Nam-kinh yết-kiến Tưởng Giới-Thạch xin đầu quân và xin tuyên chiến với Nhật.

Phụ-nữ. — Hội Phụ-nữ Cứu-tế ở Nam-kinh, đánh điện báo cáo các đồng-bào phụ-nữ khắp nước nói rằng: Đã bắt đầu tổ chức Phụ-nữ cứu-quốc nghĩa-dũng đội ở Nam-kinh, mong các chị em đều ra lính, liều chết chống với người lùn.

Hội Phụ-nữ cứu-quốc đại đồng-minh ở Thượng-hải đã mở hội thành lập, đến dự có hơn 2000 người, tuyên thệ theo lương-tâm sai khiến làm hết cái thiên-chức quốc-dân, đoàn-kết phấn-đấu, nhất quyết tuyệt giao kinh-tế với nước Nhật.

Báo-quán. — Các báo-quán trong nước Tàu treo màn đen ngoài cửa và in chữ tràm trong một tuần lễ.

Các báo ở Bắc-bình đều chủ-trương xin chính-phủ Trung-hoa tuyên chiến, nói hội Quốc-tế liên-minh quyết không thể làm cho ta được mãn ý, mà công cuộc dự bị tuyên-chiến của Nhật đã xong rồi, nếu nước mình còn cứ tri nghi, thì miền bắc Trung-hoa sẽ lại theo ngay Đông-tam-tỉnh về tay quân Nhật nốt.

Thương-giới. — Các thương-hội đều tổ-chức hội Phản Nhật đặt chương-trình hành-động cho có qui-củ. Nhiều nhà buôn tự mình hủy hàng hóa Nhật.

Hoa-kiều. — Đại-biểu Hoa kiều ở Nam-kinh là bọn Hoàng Thiên-Thạc xướng khởi đoàn kháng Nhật cứu-quốc, thông điện các Hoa-kiều ở ngoại-quốc hưởng-ứng.

Hoa-kiều ở Nhật kéo về nước rất nhiều.

Hoa-kiều ở Cựu-kim-sơn (Mĩ) thì yêu-cầu Tổng-thống Mĩ họp một cuộc hội nghị Trung Nhật, giải quyết việc Mãn-châu.

Các tướng-lĩnh. — Các tướng-lĩnh như Lưu Trĩ, Cố Chúc-Đồng, Thương Chấn, Từ Vĩnh-Xương, Dương Ủy-Nguyên, Chu Đại, Tôn Sở, Tôn Diệu-Anh, v. v., hơn hai mươi người quân-trưởng, đứng lên điện xin đem quân chống Nhật. Bọn tướng-lĩnh Sơn-tây lại có điện riêng xin làm hậu-thuẫn cho ngoại-giao.

Hơn 30 tướng-lĩnh là bọn Hà Ứng-Khâm, Trần Minh-Khu, Lỗ Địch-Bình, Chu Thiệu-Lương, Tôn Liên-Trọng, Tưởng Quang-Nại, Thái Đình-Khải

cũng phát bức thông-điện tỏ ý đối với nước Nhật, xin cả nước đều thôi việc nội-tranh, cùng nhau chống kẻ ngoài khinh mình, bọn Khâm này xin mặc áo giáp đi tiền khu, vác giáo đánh giặc.

Lại Tâm-Huy là một tướng ở Tứ-xuyên cũng điện cho Trương Học-Lương xin cho các tướng lĩnh ở Tứ-xuyên nhất-trí liên hợp cứu nước.

Dân đói. — Dân đói ở Hán-khẩu khóc nói với hội Chẩn-cấp xin từ chối của Nhật chẩn cấp, nói rằng thà chết đói không chịu ăn của người Nhật. Hội Chẩn-cấp đã điện ra Thượng hải xin trả lại chẩn-phẩm của Nhật.

Các giới. — Ở Nam-kinh tổ-chức Nghĩa-dũng đội chung cho các giới, số người tình nguyện cảm-tử đã được khá nhiều. Ở Thái-nguyên tổ-chức phản Nhật đại-hội, các giới đến dự, có người khóc đến mất tiếng.

Cảnh Bắc-dương. — Khi mới xảy ra việc Mãn-châu, có người Nhật đến thăm Đoàn Kỳ-Thụy, Đoàn cự tuyệt. Tào Côn cho người bạn đến thăm Đoàn, nói rằng việc nước đang lúc nguy biến, các yếu-nhân đã từ chức rồi, cũng nên cùng nhau tỏ ý. Đoàn e người ta hiểu lầm, nên không đồng tình. Cảnh Bắc-dương lần này thái-độ cũng khá.

Nội-tranh. — Các giới đã đánh, đến cảnh Cộng-sản cũng tỏ lòng phản Nhật mới lạ chớ. Đại-biểu của Cộng đến hành doanh Hán-khẩu, xin thôi việc nội-tranh, đảng Cộng-sản tình nguyện đem cả đảng làm đội quân tiền-khu đi đánh quân Nhật, theo mệnh lệnh chính-phủ Nam-kinh.

Lòng phẫn-khích của dân Trung-hoa thì cả thành phố Thượng-hải, nhân dân Trung-hoa đều nghỉ việc để ghi nhớ sự đau xót ở Mãn-châu, và mở cuộc thị-dân đại-hội, dự hội có đến 20 vạn người, quyết nghị xin chính-phủ Nam-kinh mau mau đem quân đánh Nhật.

19 trường đại-học Sơn-tây, tổ-chức hội kháng Nhật cứu-quốc, hợp tất cả học trò các trường, tổ-chức đoàn quân học-sinh.

Các Hoa-kiều ở Nam Phi-châu điện về Nam-kinh nói rằng hội phản Nhật đồng-minh đã thành-lập, tất cả Hoa-kiều đều xin tuyên chiến, những người thiếu-tráng xin về nước tòng quân, quân-phí có thể mộ ngay được.

Vì thấy quân Nhật hoành-hành và thấy dư-luận Nga đều có ý cảm tức người Nhật dùng cách gián-tiếp để xâm-lược miền Bắc-Mãn, nên dân chúng Trung-hoa đều xin khôi-phục việc bang-giao với Nga, để cùng đối với Nhật

Hầu hết các thị, trấn đều có phong-trào bài Nhật, và đều xin chính-phủ tuyên chiến với Nhật. Các thị trấn đều kéo cờ rũ ai nấy đều đeo băng đen để tỏ lòng đau xót.

Ngũ Bích-San là một cô đào hát, 18 tuổi, đã nổi tiếng danh-ca ở Quảng-châu. Từ khi có tin quân Nhật xâm chiếm Mãn-châu, Bích-San ra ý cảm giận lắm, có làm ra bài hát ái-quốc, xin với bà mẹ nuôi cho đem đến diễn ở các tửu-quán trà-lâu để thúc giục lòng người nghe. Bích-San vừa rồi, mượn cớ đi chơi, xuống tàu đi Hương-cảng, giữa đường nhảy xuống bể tự tử. Trước khi Bích-San đâm đầu xuống bể, có để lại bức thư tuyệt-mệnh sau này:

« Mấy lời ngỏ cùng bốn vạn vạn đồng-bào.

« Tôi đây, việc làm dẫu hèn mạt nhưng tấm thân vốn thanh-cao, lúc bé học tập thi thư, hơi biết nghĩa lý, đối với việc lớn của nước nhà, đôi lúc vẫn có lòng muốn chịu trách-nhiệm. Nhưng việc đời chẳng theo ý người, lòng muốn thế mà lực có hạn, để đến nỗi làm thân sống thừa, không bổ ích

cho nước nhà được chút đỉnh, đêm thanh tự hỏi, lòng những thẹn lòng. Tuy vậy vẫn còn hi-vọng, vì tuổi còn ít, ngày còn dài, may ra hoặc còn có cơ-hội, đem thân bồ-liễu, đền nợ non sông. Nào ngờ tiếng xét lưng trời, bỗng đâu nổi dậy, quân « Giặc lùn » kéo đến xâm phạm đất nước ta, dù là nữ-nhi, cũng căm gan tím ruột. Hiềm nỗi sức một người có hạn, dám đâu châu-chấu đá voi, nghĩ ngợi đêm ngày, khó báo nước được, muốn nhân trong các bài hát ngụ-ý tuyên-truyền, lại bị mẹ nuôi ngăn trở, ngoảnh nhìn trong nước vẫn thấy im hơi lặng tiếng chưa tỏ ra ý định thế nào. Tôi buồn nỗi thân mình hèn mọn, người nước mơ màng, cực chẳng đã nên phải giết mình theo nước, để mong đồng-bào đều thức tỉnh, lòng riêng đau đớn, chắc đồng-bào đều sẽ tin cho. Tôi nay chết rồi, nhắm mắt là hết, đất nước nhà sau này chẳng rõ ra sao, chỉ còn mong ở dưới suối vàng, đem vong-hồn mà giục người nước vậy. Tình dài giấy ngắn, không kể hết nỗi thương đau, thế nước ngày nguy, dám mong cố sức ».

Chính-phủ Nam-kinh tha tội cho Diêm, Phùng. — Bức điện chính-phủ Nam-kinh tha tội cho Diêm Tích-Sơn và Phùng Ngọc-Tường đã đến Sơn-tây, chia đưa đến hai nơi Tây-hội và Phần-dương, trừ những việc đã qua không kể nữa, và lại mong hai người đều đem hết trí-năng để đối-phó với người Nhật.

Phùng Ngọc-Tường thông điện đi các nơi nói rằng: Việc cấp lắm rồi, đồng-bào kíp nên mãnh tỉnh đoàn-kết, đem quân-đội cả nước đi ra mặt trận, chính-thức chống lại sự xâm-lược của người Nhật, vì sự phòng giữ chính-đáng, để rửa cái sỉ-nhục lớn, Tường này dẫu hèn, thề cùng đồng-bào cùng cứu nạn nước, dù phải nát thịt tan xương cũng không đoái tiếc.

Diêm Tích-Sơn cũng điện cho Từ Vĩnh-Xương xin chuyển đạt đến Trương Học-Lương, nói nạn nước đã đến ngày gấp quá, dù Trương đối ngoại theo cách nào, Diêm cũng xin lấy tư-cách cá-nhân ra sức giúp.

Khu Nhật cảm-tử đội là đội quân mới tổ-chức của tỉnh Hồ-nam đã do Trương Man-Thư đem đến Nam-kinh.

Một chiếc tầu Đức đến Thượng-hải chở 800 tấn quân-hỏa (8 nghìn tạ), ước giá đến 10 triệu bạc. Hiện đã đem lên xe hỏa chở đến Nam-kinh.

Có tin ở Bắc-bình rằng nước Nga Sô-viết thấy quân Nhật hoành-hành qua có cái dã-tâm phá-hoại cuộc hòa-bình ở Viễn-đông, đã điều-khiển hai vạn quân quốc-phòng, đến đóng ở biên-cảnh Trung Nga, và do thống-binh trưởng-quan thông tư cho chính-phủ tỉnh Hắc-long-giang nói rõ lần này điều-khiển quân quốc-phòng chỉ là phòng ngăn sự bạo-hành của quân Nhật lan rộng ra, quyết không làm hại sự trị-an trong cõi Trung-quốc. Nếu nước Nhật lại làm quá nữa quân quốc-phòng Nga lập-tức theo đường Trung-Đông xuống miền Nam để ngăn ngừa đi.

Có tin ở Cáp-nhĩ-tân nói rằng vì thấy nước Nga mang quân phòng thủ, sợ sinh việc với nước Nga nên quân Nhật dừng lại không tiến lên miền bắc nữa, tỉnh Hắc-long-giang may có thể vên được.

Nước Mĩ cũng phái 14 chiếc tầu khu-trục từ Bột-hải đến Thượng-hải. Quan Viễn-đông hải-quân tư-lệnh nước Mĩ ở Phi-luật-tân có đi tầu đến Tần-hoàng-đảo, rồi đi hỏa xa đến Bắc-bình, vào thăm Trương Học-Lương và định ngày sẽ điểm-duyệt quân-đội lục-chiến của Mĩ ở miền bắc nước Tàu.

Về việc hội-đồng quản-trị hội Vạn-quốc định mời một viên đại-biểu Hoa-

kỳ dự cuộc nghị-luận về các việc xảy ra ở Mãn-châu, bộ ngoại-giao Nhật-bản có nói việc hội-đồng quản-trị định như thế trái cả với tôn-chỉ lập lên hội Vạn-quốc.

Chính-phủ Nhật đã phúc đáp, viện các lẽ không để cho đại-biểu Hoa-kỳ luôn luôn tại Hội-đồng.

Tuy thái-độ Nhật như thế, nhưng hội-đồng quyết định mời Hoa-kỳ dự.

Xét đến việc Trung Nhật xung-đột, ban trị-sự hội Vạn-quốc có nghe lời trình của M. Yoshizawa (đại-biểu Nhật-bản) báo tin rằng Nhật-bản vẫn rút quân ở Kirin.

M. Sze (đại-biểu Trung-hoa) thì muốn rằng trong khi Nhật-bản báo tin đã rút quân đó, nên nói rõ cho biết bao giờ thì Nhật rút hẳn quân về.

M. Larroux có thuật lại nguyên-do mối bất-hòa của Trung Nhật và nói hội Vạn-quốc vẫn cố gắng làm cho hai nước được hòa-hảo với nhau. Ban trị-sự hội Vạn-quốc đã ghi nhận rằng hiện nay đại-biểu hai nước Trung Nhật đã tỏ ý muốn giải quyết một cách hòa-bình với nhau. Nhật-bản tỏ ý muốn rằng hễ việc bảo-hộ kiều-dân Nhật được chắc chắn thì Nhật sẽ rút quân ở suốt đường xe lửa, mà hiện nay thì thật binh quân Nhật chỉ đóng ở có bốn chỗ thôi.

Hội Vạn-quốc vẫn tìm cách giảng-giải cho đôi bên. Đại-biểu Nhật là M. Yoshizawa có tuyên-bố tại phiên công-khai ban trị-sự hội Vạn-quốc rằng nước Nhật muốn giải-quyết vấn-đề Trung Nhật xung đột một cách hòa-bình, theo cách đôi bên Trung Nhật trực tiếp điều-đình với nhau, như lời thoạt kỳ thủy Trung hoa đã xin như thế, mà Nhật-bản đã nhận lời.

M. Yoshizawa có nói: « Nếu đôi bên đã tỏ ý rõ ràng như thế thì phận-sự hội Vạn-quốc là phải kính trọng cái ý-kiến của đôi bên và phải để cho đôi bên có đủ thì giờ mà làm cho đạt mục-đích đã ấn định, nghĩa là việc giải quyết vấn-đề ấy. Vì vậy, tôi tưởng hội Vạn-quốc không nên can-thiệp vào vấn-đề ấy một cách sớm quá, thì mới là một cách khéo xử.

Đại-biểu của Trung-hoa là Szée thì nói rằng: « Nước Trung-hoa xin phó thác mình vào tay hội Vạn-quốc chứ không có dụt-dè tí gì ». Rồi M. Sze nói nếu ban trị-sự của hội Vạn-quốc muốn giữ đúng như điều lệ của hội Vạn-quốc thì phải làm cho Nhật rút hẳn quân ở Mãn-châu về đã và xin cho một ban ủy-viên tới tận nơi xét việc rút quân ấy.

Ông chánh Hội-đồng M. Larroux trả lời rằng Hội-đồng muốn rằng đôi bên điều-đình với nhau được ổn thỏa và muốn biết rõ cái cách đôi bên điều-đình với nhau thế nào để trình hội Vạn-quốc biết.

Công-sứ Thi Thiệu-Cơ lại đệ trình hội đồng một tờ thư của chính-phủ Tàu xin hội-đồng cần kíp dùng các phương pháp mưu giữ cuộc hòa-bình. Chính-phủ Tàu lại xin hội-đồng cử ủy-ban đến tận Cẩm-châu là nơi bị máy bay Nhật ném bom giết nhiều người và làm tai hại lắm.

M. Thi đưa trình cả bản truyền-đơn của máy bay Nhật ném xuống Cẩm-châu, trong đó nói rằng binh đội Nhật phải bắt buộc dùng mọi phương-pháp đả đảo cai chính-phủ của Trương Học-Lương và khuyên dân Cẩm-châu phải qui-phục đại-đội binh mã của Nhật.

Thi công-sứ lại đệ trình hội-đồng tờ tuyên cáo của chính-phủ Tàu, hô-hào anh em trong nước nên bình-tĩnh và giữ gìn trật tự. Các quan chức sẽ chịu trách-nhiệm về việc bảo-hộ kiều dân ngoại-quốc.

Công-sứ Nhật đã thương-thuyết cùng Sir Eric Drumond. Ông này có thương thuyết cùng Lord Reading. Hoa-kỳ đặt một quan-sát-viên tại Genève là M. Prentis tổng lãnh-sự Mĩ.

Hội Quốc-tế lần này đối phó với việc Mãn-châu, có thể cho là việc khó khăn nhất từ khi có lịch-sử hội Quốc-tế đến giờ. Kết-quả công việc hội thế nào, chẳng những quan-hệ đến cuộc yên nguy ở Viễn-đông, lại còn quan hệ đến tiền-đồ cuộc vận-động giảm quân của thế-giới. Việc Mãn-châu đã nghiêm trọng hơn lên, lại thêm cái tiếng quyết chiến của Tưởng Giới-Thạch, chắc hẳn các đại-biểu các nước trong vòng mấy ngày phải đem hết tinh-thần mà giải-quyết.

Tờ thư của Quốc-vụ-khanh nước Mĩ gửi cho hội Quốc-tế có nói: « ... Hai nước Trung Nhật đã toan nhận tuân theo qui-củ của hội Quốc-tế, vậy hội cũng không nên những công việc giảm thị, và nên ở trong vòng quyền hạn của hội hết sức vận-động thế lực khiến cho hai bên hành-động không được vượt phép. Chính-phủ Mĩ vẫn hành-động riêng về đương ngoại-giao để giúp hội Quốc-tế. Chính-phủ Mĩ vẫn chú ý đến việc Trung Nhật lắm, và không quên rằng hai nước đều có trách-nhiệm đối với điều ước Phi-chiến và tờ hiệp định 9 nước ký ở Hoa-thịnh-đốn. Nếu khi cần ra, chính-phủ Mĩ sẽ khiến cho hai bên hiểu cái trách-nhiệm của mình.

Sứ quán Anh đã phái 3 người chuyên việc đi điều-tra chân tướng Mãn-châu.

Theo như sự quan sát ở Đông-lôn thì hình-thế Mãn-châu đã đến lúc tối nghiêm-trọng rồi. Thử coi quân Nhật phái thêm sang Tàu, và tầu binh Nhật ở miền Dương-tử cũng thêm lên mãi, sự hành-động việc binh đó rồi kết-quả nó sẽ ra làm sao, thật là khó đoán. — Chính-phủ Tàu vẫn vui lòng tuân theo lời quyết nghị của hội, nên Tàu cố xin tổ-chức đoàn ủy-viên để điều tra chân-tướng Mãn-châu.

Theo tin Nam-kinh: Hội Quốc-tế đã hẹn ngày bắt Nhật-bản rút quân và bắt Tàu phải chịu hết trách-nhiệm bảo-hộ kiều-dân Nhật. Nếu Nhật không rút quân đúng hẹn, tức là cố ý phá-hoại cuộc hòa-bình, các nước có chân hội sẽ chiếu khoản thứ 16 trong điều lệ hội mà thẳng đều tuyệt giao kinh-tế với Nhật. Phần nhiều các hội-viên đã tán thành người đó.

Mới rồi tại Nam-kinh có mở một cuộc hội tập giữa trời, công-chúng đến dự hội đông không biết bao nhiêu mà kể. Tưởng Giới Thạch đứng diễn thuyết.

Tưởng nói rằng: Nếu Vạn-quốc-hội và những nước ký tên trong phi-chiến điều-ước không can-thiệp vào, không cản-trở được việc hành-vi của Nhật-bản thì chính-phủ Nam-kinh sẽ phải tuyên-chiến với Nhật.

Tưởng có nói thêm rằng đến lúc ấy sẽ dấn thân vào chiến-trường mà liều chết vì nước, chớ không dám đổ trách-nhiệm cho ai.

Tưởng Giới-Thạch ở trong cuộc hội nghị trung-ương chính-trị có bày tỏ cái hi-vọng giải-quyết việc Mãn-châu. Tưởng nói: Hội Quốc-tế liên-minh nên phải làm những việc sau này: 1· lấy cái thái-độ công-bình xử-đoán án ấy; 2· hết sức ngăn giữ việc chiến-tranh xảy ra; 3· nước Nhật không tuân theo lời quyết-nghị của hội Quốc-tế liên-minh, cứ kế-tiếp đóng quân ở Đông-tam-tỉnh, thực không có lí-do gì, hội Quốc-tế liên-minh phải nên dùng phương-pháp tương-đương, khiến cho nước Nhật tỉnh-ngộ. Chính-phủ Trung-quốc phải đem tố-cáo với hội Quốc-tế liên-minh, vì là muốn tuân giữ minh-ước của hội Quốc-tế đó thôi, mà nước Nhật lại bảo là muốn cầu hội Quốc-tế bênh-vực, thì thực lầm to. Trung-quốc đã ẩn-nhẫn quá lắm rồi, nếu hội Quốc-tế vẫn không có cách gì giải-quyết, thì Trung-quốc chỉ có cách chịu trách-nhiệm tự giải quyết lấy. Trung-quốc vì tôn-trọng công-ước phi-chiến và hội Quốc-

tế liên-minh, những hội-viên hội Quốc-tế và những nước có ký vào điều-ước phi-chiến không thể chịu được cái trách-nhiệm thần-thánh ấy. Trung-quốc quyết không còn tri-nghi gì nữa, đem lòng quả-quyết hi-sinh, thực - hành tuyên chiến để giữ cái vẻ tôn-nghiêm của hội Quốc-tế và nền hòa-bình của thế-giới. Vì cớ ấy dầu có phải bỏ ra một cái đại-giá phá sản của Trung-quốc trong 50 năm cũng cam lòng không tiếc.

Tưởng diễn-thuyết tại cuộc đại-hội của thị-đảng-viên Nam-kinh, nói rằng lần này quân Nhật tự-tiện hành-động ở Đông-tam-tỉnh của ta, cưỡng-chiếm Thẩm-dương, Trường-xuân, Hồng-an, Doanh-khẩu và các nơi quan-yếu trong tỉnh Liên-ninh, tình-hình rất nghiêm-trọng, thực là một việc ở trên quốc-tế chưa có bao giờ.

Nước ta chịu sự kỳ-sỉ, đại-nhục ấy, không kể các bạn đồng-chí đồng-bào, đều nên nhận rõ, cùng nhau phấn-khởi, để cứu nạn nguy-vong. Vả cần phải đem những điều quan-hệ về trước sau cái vấn-đề ấy mà nghiên-cứu những chỗ trọng-đại, cho được tỏ chân-tướng để liệu cách ứng-phó. Lần này quân Nhật làm càn không những phá-hoại cuộc hòa-bình Viễn-đông, cũng ảnh-hưởng đến cả cuộc hòa-bình cả thế-giới, sự tình rất là trọng-đại. Cho nên chúng ta lập chí cần phải kiên-quyết, ứng-phó thì nên trầm-mặc, cứ như ý-kiến của Trung-Chính đây, lần này quân Nhật làm càn, ta có thể thí-nghiệm được hai điều sau này: một là thí-nghiệm trong quốc-tế có chính-nghĩa hoặc công-lý không, và các nước thế-giới có lòng quả-quyết để nên sự hoành-bạo, giữ vững nền hòa-bình của thế-giới hay không. Cách cử-động của người Nhật lần này, không những là thừa lúc nước ta đang cơn nguy-cấp, trái đạo-đức quốc-tế, và cực-đoan phá-hoại cái tinh-thần bản điều ước quốc-tế liên-hợp và bản công-ước bài-trừ chiến-tranh. Hai điều-ước ấy đều là các nước vì muốn giữ vững cuộc hòa-bình thế-giới mà lập ra, tôi dám tin là những đoàn có dự vào hội Quốc-tế liên-hợp và những nước có ký vào bản công-ước bài-trừ chiến-tranh đối với việc làm càn của người Nhật, tất phải có cách đè-nén đi. Hai là việc xảy ra lần này có thể nghiệm xem cả nước ta có cùng một lòng tỏ ra cái tinh-thần ái-quốc, để chống với sự lo ở bên ngoài. Tôi có nhớ một người Nhật có một cuốn sách nhan là « Mãn-châu vấn-đề chi-trọng-đại-hóa », ở trong đại-lược có nói đến người Trung-quốc rời-rạc không quan-tâm đến việc nước, mà hai trận chiến-tranh giáp-ngọ và giáp-tí, những người Trung-quốc ở ngoài đất chiến-tranh ra, đều không ai lấy làm quan-hệ, miền bắc có việc, người miền nam đứng nhìn mà không bận lòng, miền nam có việc nhân-dân miền bắc cũng không hề cảm-giác. Đại-ý trong cuốn sách ấy nói như thế, cho nên người Nhật dám công-nhiên xâm-lược, thực họ đã coi quốc-dân ta không còn ra gì, thực đáng nên đau lòng. Ở trong lúc nạn nước nghiêm-trọng này, quốc-dân ta có thể ai nấy một lòng tỏ ra cái tinh-thần ái-quốc chân-chính, để cứu nạn nước, cũng là một dịp thí-nghiệm trọng-đại. Tôi tin chắc phàm là quốc-dân ta, gặp vào buổi có quan-hệ đến sự còn mất của dân-tộc này, tất có thể cùng nhau phấn-khởi cùng cứu nạn nguy-vong, để nên cái dã-tâm của người Nhật. Nước nhà đang lúc có việc trọng-đại xảy ra, tinh-thần của quốc-dân đã đành không nên rời-rạc, việc hành-động lại càng không nên hấp-tấp, lực-lượng do sự tổ-chức mà sinh ra, tất phải cùng làm cùng tiến, giữ kỷ luật nghiêm-chỉnh, phục-tòng quyền chỉ-huy thống-nhất, một đức một lòng, theo sự phấn-đấu quyết chiến, rồi sau mới có thể sinh ra hiệu-lực, quyết không nên mỗi người tự ý làm liều, để thành ra chia rẽ. Đối với việc quân Nhật làm càn, chính-phủ trung-ương đã mở cuộc nghiên-cứu kỹ-càng, quyết-định cái phương-pháp nên theo. Hiện nay dư-luận thế-giới đều cho

người Nhật là vô-lý, nước ta bây giờ nên phải trên dưới một lòng, trước lấy công-lý đối cường-quyền, lấy hòa-bình đối dã-man, chịu đau nhịn tức hãy cứ gắng im, để đợi điều phán-đoán của công-lý quốc-tế. Tất cả anh em đồng-chí ta, phục-tòng chủ-nghĩa tam-dân, cách-mệnh cứu nước, tự phải có cái lòng quả-quyết không nghĩ đến sống chết, để giữ sự sinh-tồn của dân-tộc. Nhưng sự còn mất của nước nhà quan-hệ rất lớn, dân-chúng nghiêm giữ trật-tự, phục-tòng chính-phủ, tôn-trọng kỷ-luật, không nên làm sự vọng-động trái phép, mà làm sự phấn-đấu có trật-tự có kỷ-luật. Bây giờ hãy cố nhịn. quyết không phải là khuất-phục, như đến lúc mà điều-ước quốc-tế nhất-luật không có hiệu gì, hòa-bình tuyệt-vọng, cố nhịn mà không sao nhịn được và không nên nhịn nữa, thì chính-phủ trung-ương đã có lòng quả-quyết và sự chuẩn-bị cuối cùng, bấy giờ tất phải đem cả quốc-dân ra thà cam một chết lấy lực-lượng bốn vạn vạn người giữ-gìn sự sinh-tồn của dân-tộc cùng nhân-cách của quốc-dân ta. Trung-Chính này đã hứa thân cho cuộc cách-mệnh, sự sống chết vốn đã bỏ qua rồi, gặp lúc còn mất nguy-cấp này tất phải nước còn cùng còn, nước mất cùng mất, tất phải đứng ở đường trận trước tiên của quốc-dân, làm tiên-phong của quốc-dân, cùng cứu nạn nước để làm hết cái thiên-chức của ta. Còn mong ở các bạn đồng-chí, biết ý ấy mà bảo khắp cho quốc-dân biết.

Đinh Duy-Phần là ủy-viên chính-phủ quốc-dân có bá-cáo tại cuộc kỷ-niệm chu-niên, đại-ý nói rằng : hiện nay sự nguy-hiểm và cái nạn nước của chúng ta đã quá lắm rồi. Người Nhật nhân lúc nước ta nguy, đem quân đến Đông-tam-tỉnh chỉ trong một hai ngày, bèn chiếm các thành-thị lớn trong hai tỉnh Liêu-ninh và Cát-lâm, sang-đoạt đất cát ta, đày-vò đồng-bào ta, việc ấy không kể về nhân-đạo, về công-lý về công-pháp quốc-tế đều là trái cả. Về phần người Nhật cho rằng dinh lúc không ngờ, lập tức có thể lấy được nhiều đất cát, là đắc-ý rồi. Về phần chúng ta nên biết một nước còn hay mất đều ở tự mình, chúng ta tự mình đối với nước nhà có phương-pháp, đối với kẻ ngoài khinh ta có dự-bị, thì dù có xảy ra sự nguy-hiểm và khó-khăn thế nào đều có thể chiến-thắng được, Hiện nay chúng ta chỉ nên mình tự hỏi mình, đối với sự bạo-hành của quân Nhật, có dũng-khí không ? có cái nghị-lực kiên-nhẫn không ? có kế-hoạch chu-tất không ? Nếu quả đủ được những cái ấy, thì là có thể hóa dữ làm lành, hóa nguy làm yên. Chúng ta từ ngày 18 tháng trước sau khi xảy ra cái án Thẩm-dương, liền định ngay phương-châm ra sức dự-bị, liền hợp cả nước làm một đoàn để đối-phó với quân Nhật. Cùng thời tất cả quốc-dân không kể nam, bắc, nhất luật thề chết cùng tranh, máu nóng sôi lên đều xin vì nước liều chết. Sự tỏ ra cái tinh-thần yêu nước ấy, thực là cái hiện-tượng rất quí của nước ta, chúng ta nếu quả có thể đem cái tinh-thần lợi nước ấy trên dưới cùng nhau đoàn-kết, giữ mãi không rời nhau, thì chắc có thể giữ được nước nhà, chống được ngoại-hoạn. Nếu quả chính-phủ có cách dự-bị vững-vàng, nhân-dân có tinh-thần hi-sinh yêu nước trên dưới một lòng, thì thế nào cuối cùng cũng được thắng-lợi. Lại xem như lịch-sử, nước nhà mới thành lập, thì thế nào cũng phải trải qua nhiều sự nguy-hiểm, trải qua nhiều cái hoàn-cảnh khó khăn, rồi sau mới được vững vàng. Nước nhà ta gặp những sự nguy-hiểm và những sự khó-khăn, đó là cái đoạn đường phải đi qua, chứ không có gì là lạ, mà những sự nguy-hiểm và khó-khăn phải trải qua ấy, chính là một cái dịp của một quốc-gia đổi yếu làm mạnh, nước Thổ-nhĩ-kỳ gần đây tức là một cái lệ trước cho chúng ta vậy.

Trương Học-Lương điện cho Tưởng Giới-Thạch nói ở vào lúc nước nhà nguy cấp, hai phương Nam-kinh và Quảng-đông nên mưu hòa hợp hết sức đối ngoại, chờ xem tình hình hội quốc-tế

sau khi khai hội nếu không có hiệu-quả gì, lập tức điều tập quân đội cả nước quyết cùng Nhật tuyên chiến.

Đại-biểu học-giới Bắc-bình gửi thư cho Trương Học-Lương, nói ngài làm chức Đông-bắc biên-phòng tư-lệnh-quan, nay biên-cảnh đều mất, chẳng hay ngài phòng cái gì, nay lại đặt một quan-thư không hàm ở Cẩm-châu, không những bị người Nhật cười, lại làm xấu hổ cả nước, xin mau mau triệt bỏ đi, để tạ người nước.

Xét như cuộc Trung Nhật xung-đột trên này, nguyên-nhân không phải là chỉ tại cái án Trung-Thôn, mà chính tại tranh đành về cái vấn-đề quyền-lợi Mãn-châu ; bên quân Nhật mượn cớ lấy võ-lực mà uy-hiếp, bên Trung-hoa thì dân chúng phẫn-khích phi-thường, hội Quốc-tế thì nước Mĩ ra tay can-thiệp, nếu ba phương-diện đều gắng cả thì không khéo cuộc chiến-tranh lại khởi lên to. Song lấy hiện-tình mà nói thì nước Tàu đương lúc nội-chiến chưa yên, thiên-tai thủy-hạn, nhân dân cùng khốn, lấy gì mà chống với Nhật. Trông về sức ngoài thì các nước hiện đương kinh-tế khủng-hoảng, ai thừa sức đâu mà gây việc binh-đao để giữ nước cho láng diềng ? Ai cũng bảo rằng phần thất-bại sẽ về người Tàu chịu thiệt, cứ xem như cái án Tế-nam, Vạn-Bảo, và Triều-tiên gần đây thì biết bao giờ người Tàu cũng phải chịu thua. Song liệt-cường lẽ nào lại chịu ngồi yên mà cứ để cho Nhật-bản toàn chiếm cả Mãn-Mông để xưng hùng trên thế-giới. Thế tất liệt-quốc phải hết sức điều-đình cho khỏi xảy ra cuộc chiến-tranh chăng ? Cái đó ta cũng khó mà đoán định trước được.

Nam-kinh và Quảng-đông muốn giảng hòa.— Vì việc xảy ra ở Mãn-châu, nên việc bất-hòa của Nam-kinh và Quảng-đông hình như chóng giải hòa được. Ở Nam-kinh có tin đồn chắc chắn về việc tổ-chức lại chính-phủ trung-ương có thể làm cho mãn-nguyện được cả các đảng phái.

Về việc ấy, người ta đồn rằng Vương Chính-Đình sẽ mất bộ ngoại-giao và Tưởng Giới-Thạch sẽ từ bỏ nhiều chức vị đương nhận.

Bác-sỹ Vương đệ đơn lên Chính-phủ xin từ chức, viện lẽ rằng vì bị bọn học-sinh ở Nam-kinh đánh đau nên không còn đủ sức khỏe làm việc. Bác-sĩ Thi Thiệu-Cơ, đại-sứ Tàu ở Luân-đôn, có điện văn mời về kế chân Vương, cũng từ chối, viện các lẽ riêng. Hiện nay viên thứ-trưởng bộ ấy là bác-sỹ Frank Lée lên tạm quyền. Trong chính-trị giới người ta đoán chắc hoặc Trần Hữu-Nhân hoặc một tay chính-khách phái Quảng-đông sẽ được cử vào bộ ngoại-giao. Lại có người đoán Ngũ Triều-Khu nguyên đại-sứ ở Hoa-thịnh-đốn sẽ thay bác-sỹ Vương. Chủ-tịch Tưởng Giới-Thạch đã điện cho Cố Duy-Quân, ngoại-giao tổng-trưởng của chính-phủ Nam-kinh cũ, mời Cố tức khắc về Nam-kinh. Cố được Trương Học-Lương giúp sức, có lẽ sẽ được cử vào thay Vương Chính-Đình đứng đầu bộ ngoại-giao.

Hồ Hán-Dân nguyên chủ-tịch viện lập-pháp, hiện đã được tự-do. Trước đây phái Quảng-châu phản-đối nhất Tưởng Giới-Thạch về việc quản-thúc Hồ.

Hồ Hán-Dân và Tưởng Giới-Thạch, đã hội-kiến với nhau hồi lâu, xem chừng việc phân-tranh có thể điều-đình được ổn.

Ủy-viên Nam-kinh đã đi Quảng-châu. Đôi bên quyết nghị như sau này, nhưng còn chờ Tưởng Giới-Thạch chuẩn-y.

1. Tưởng Giới-Thạch phải phát-biểu một tờ tuyên-cáo với quốc-dân rằng tự ý mình xin từ chức. Tờ tuyên-cáo

ấy phát biểu rồi thì chính-phủ Quảng-châu cũng tức khắc từ dịch.

2) Uông Tinh-Vệ sẽ phát biểu một tờ tuyên-cáo nói rõ cho quốc-dân Trung-hoa biết cái chính-thể thống-nhất sau này của nước Tàu.

3) Một hội-nghị giải quyết việc thống-nhất sẽ họp tại Thượng-hải.

Có tin ở Nam-kinh nói rằng Tưởng Giới-Thạch đã tỏ ý đang lúc nạn nước cấp-bách, đối với các điều kiện của phái Quảng-đông đều xin tiếp nhận, mong chính-phủ Quảng-đông mau mau phái đại-biểu lên miền bắc để cùng bàn phương-sách cứu nước.

Cuộc thống-nhất hội-nghị đã định đến ngày 20 Octobre sẽ mở ở Thượng-hải.

Các đại-biểu của cánh Quảng-châu, đã tới Thượng-hải. Trong số các đại-biểu ấy, có: Uông Tinh-Vệ, lĩnh-tụ Tả-phái; Tôn Khoa, nguyên Tổng-trưởng bộ Thiết-lộ và là con trai Tôn Dật-Tiên tiên-sinh; Ngũ Triều-Khu nguyên Đại-sứ Trung-hoa tại Washington; Trần Hữu-Nhân; Đường Sinh-Trí; Trương Phát-Khuê, thay mặt cho Trần Tế-Đường. Các đại-biểu của Chính-phủ Nam-kinh là Hồ Hán-Dân và Trương Quần thị-trưởng thành-phố Thượng-hải, ra đón tiếp các đại-biểu của cánh Quảng-châu. Sẽ họp một cuộc Hội-nghị thứ nhất về việc tổ-chức một Chính-phủ Liên-hiệp Quốc-gia.

Cố Duy-Quân sẽ đại-diện Trương Học-Lương dự cuộc hội-nghị.

Chủ-tịch Tưởng Giới-Thạch sẽ tới Thượng-hải chậm hơn cái thời-kỳ định trước. Sự chậm ấy có phải là do ý của Tưởng không muốn từ chức và muốn ép các lĩnh-tụ cánh miền Nam (là cánh Quảng-châu) phải theo những điều khoản của mình, như lời đồn trong mấy giới kia, hay không? Lại có người nói rằng: Có lẽ Trần Hữu-Nhân sẽ được cử làm ngoại-giao bộ Tổng-trưởng, vì dư-luận cho rằng muốn đối kháng với Nhật-bản thì Trung-hoa cần phải thân-thiện với Nga.— Các nhà đương-cục thì im lặng, không thấy nói năng gì. Thế nhưng, đương có nhiều lời đồn đại kia khác, tựa trung có lời đồn rằng: Có lẽ Tưởng Giới-Thạch vẫn giữ quyền độc-đoán.

Trần Minh-Khu nguyên chủ-tịch Quảng-đông, đã ở Hương-cảng về Thượng-hải. Trần đóng một vai rất trọng-yếu trong việc thương-thuyết giải hòa.

Việc trong nước

(*Từ 15 Août đến 15 Septembre 1931*)

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý tỉnh Nam-định. — Ngày 18 tháng Août, quan Toàn-quyền Pasquier đi kinh-lý tỉnh Nam-định, để xét cái tình-hình chính-trị kinh-tế và tài-chính cùng các công việc dẫn-thủy trong hạt ấy. Khi tới nơi, sau khi tiếp các quan-chức cùng các nhà đồn-điền, thì đi xem nhà máy nước mới, cho chạy mỗi ngày được 3.000 thước-khối nước. Đến xem nhà cầm-đồ mới lập lên, xem tòa Đốc-lý đương làm mới. Rồi đi Nghĩa-hưng, xem nhà hộ-sinh mới làm, ra chủ-lễ khánh-thành cái cống mới xây ở trên cái kênh Tràng-vinh, làm cho nước kênh thông với sông Nam-định để tiêu nước đi, mỗi năm ba-mươi làng miền ấy được tới một vạn mẫu tây ruộng cày cấy được hai mùa. Lại đáp tầu qua lạch Nam-định, sông Đáy tới Lạc-môn-trại đến tổng Mễ-lâm xem cái đê mới đắp để ngự nước mặn ở đấy, dài hơn 15 cây số, cao 2 thước rưỡi, chân đê

rộng 12 thước rưỡi, mặt đê rộng 5 thước, hết 223.000 thước khối đất, tốn 20 000 đồng bạc, đê ấy lợi cho 8.000 mẫu An-nam cấy cấy được, ruộng ấy để làm công-điền, quân-cấp cho sáu thôn ở duyên-đê, và quân-cấp cho sáu làng mới lập ra có 2.300 đinh lấy ở những làng trong tỉnh-hạt đem đến.

Nam-triều tôn tước quan Toàn-quyền Pasquier.— Ngày chủ-nhật 23 tháng Août, quan Phụ-chính thân-thần và các quan trong Cơ-mật-viện có làm lễ tôn quan Toàn-quyền PASQUIER tước « Trạch-nam - quận - vương » tại phủ Khâm-sứ Huế.

Hội Xã-hội trợ-tế.— Quan Thống-sứ THOLANCE mới thông - tư cho các quan Công-sứ các tỉnh để tổ-chức mỗi tỉnh một hội Xã-hội trợ tế (*Assistance sociale*).

Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ.— Ngày 25, Hội-đồng quản-hạt Nam-kỳ đã bầu ban trị-sự xong, kết-quả như sau này :

Chánh-hội-trưởng : ông MATHIEU.

Phó-hội-trưởng : ông QUINTRIE LAMOTHE và BÙI QUANG-CHIÊU.

Thư-ký : ông GUÉRINI và SÂM.

Hội-đồng lại cử các tiểu-ban và cử mấy ông đi dự Thượng-hội-nghị. Các ông hội-viên được cử đi dự Thượng-hội-nghị là : MATHIEU, LABASTE, DE LA CHEVROTIÈRE, BÙI QUANG-CHIÊU, NGUYỄN PHAN-LONG VÀ LÊ QUANG-LIÊM tức BẢY. Các ông dự-khuyết là : GUÉRINI, GUILLEMET, DE TASTES KHÁ, LIÊNG và DUY.

Chính-sách tiết-kiệm của quan Toàn-quyền Pasquier.— Muốn cho giảm bớt số tiền lương các viên-chức Nhà-nước trong ngân-sách Đông-dương, nên quan Toàn-quyền vừa đạt cho các Thủ-hiến các xứ và các sở tờ chu-tri rằng :

1° Kể từ ngày mồng một Août 1931 trở đi, các công-sở sẽ dình hết việc tuyển-bổ các viên-chức mới, bất-cứ người Tây hay người Nam, bổ vào chính-ngạch hay bổ theo hợp-đồng, hoặc bổ công nhật cũng vậy, chỉ trừ ra mấy ngạch sau này không kể.

Ngạch cai-trị và ngạch quan-lại An-Nam, ngạch y tế, khố-xanh, mật-thám và tuần-cảnh.

Duy những viên-chức khi có tờ chu-tri này ra mà sắp sửa bổ cùng những viên-chức vào ngạch cao-đẳng bản-xứ hiện đương lập thì mới được trái các lệ ấy.

2° Vậy thì trừ các điều mới nói ở trên không kể, phàm các kỳ thi kỳ hạch đã định ngày trước, sẽ bãi đi hết ; kể từ ngày mồng 1 Août trở đi, có chân nào khuyết sẽ bổ người điền vào.

Tiền lương cấp cho các viên-chức hiện các ngạch đã bổ thì không khi nào được quá cái số đã dự-định cho năm 1931. Việc thăng-thưởng cũng phải tùy số ấy mà định.

Khánh-thành bến thủy-phi-cơ.— Ngày mồng 4 Septembre, quan Toàn-quyền đã đến chủ lễ khánh-thành bến thủy-phi-cơ ở Các-lai Sài-gòn.

Quan Toàn-quyền lại đi thăm xưởng thủy-quân, xem chỗ để riêng cho đoàn tầu ngầm đậu và chỗ xưởng chữa máy tầu ngầm.

Nhà thương Bảo-hộ phố Phủ-doãn. — Trong kỳ hội-đồng thành-phố Hà-nội mới rồi, các ông hội-viên An-Nam đồng-thanh xin cử để nhà thương Bảo-hộ nguyên ở chỗ bây giờ dùng làm nơi chữa những người bệnh cần phải mổ xẻ châm trích, và làm nhà hộ-sinh. Còn nhà hộ-sinh bên đất nhà tu kín trước thì để làm những phòng bệnh cho đàn bà. Chỉ những người mắc bệnh lây và cần phải hô-hấp cái không-khí tốt lành như bệnh lao, thì cho đem chữa cả tại nhà thương mới dưới Cống-vọng.

Viện Dân-biểu Bắc-kỳ khai-mạc hội-đồng. - Sáng ngày 14, viện Dân-biểu

Bắc-kỳ đã khai-mạc hội-đồng, có quan Thống-sứ THOLANCE chủ-tọa. Buổi chiều bầu tòa trị-sự, ông Phạm Huy-Lục được 74 phiếu trong số 97 phiếu tái-bầu làm Nghị-trưởng năm nay : ông Nguyễn Văn-Thịnh được 77 phiếu bầu làm phó nghị-trưởng.

Ngày 15, buổi sáng bầu đại-biểu đi dự Đại-hội-nghị sắp họp về tháng November tại Sài-gòn, ba ông thực-thụ là : Nguyễn Văn-Vĩnh, Phạm Quỳnh và Ngô Tiến-Cảnh ; ba ông dự-khuyết là : Lã Quí-Chủy, Hoàng Tích-Chu và Trần Trung-Hòa. Buổi chiều bầu các tiểu-ban hội-đồng trong Nghị-viện.

Ngày 16 và sáng 17, xét sổ dự-toán về Công-chính, về Điền-thổ, về Địa-chính, về Học-chính, về Y-tế, về Nông-chính, về Lâm-chính và về Thú-y.

Chiều 17 và sáng 18, bàn và thảo các giấy thỉnh-cầu.

Ngày 19, xét các giấy thỉnh-cầu và họp kỳ hội-đồng bế-mạc.

Bắt được hai người cách-mệnh quan-trọng — Đầu tháng Août, ở Hà-tĩnh, một toán lính đi tuần thuộc huyện Can-lộc bắt được hai người trọng-yếu trong đảng cách-mệnh là hai tay đã từng ám-sát nhiều người mà vẫn bị truy-nã từ hồi mới xảy ra việc biến-động đến giờ.

Bắt được mấy người trong đảng Bình-dân cấp-tiến cách-mệnh. — Ngày 18, sở mật-thám cử người xuống Thái-hà-ấp bắt được 5 người có chân trong đảng Bình-dân cách-mệnh. — Ngày 20 lên Phú-thọ bắt được hai người có chân trong đảng Bình-dân cách-mệnh và nhiều giấy má quan-trọng.

Học-sinh-đoàn. — Ở Vinh, sở mật-thám vừa khám-phá ra một chi-bộ cộng-sản mới lập ở các trường Pháp-Việt gọi là « Học-sinh-đoàn ». Đã bắt nhiều học-sinh có can-dự vào việc ấy.

Lại một đảng mới nữa. — Ở Thanh-hóa sở mật-thám mới khám-phá ra một chi-bộ đương tổ-chức ở vùng huyện Yên-định. Có một người giáo-học quán ở Huế nghi là có chân trong đảng ấy đã bị bắt, người ấy khai rằng Việt-Nam Độc-lập-đảng hiện còn đương tổ-chức, chứ chưa thành-lập.

Nạn cộng-sản ở Trung-kỳ và Nam-kỳ — Theo hai cái biểu thống-kê của Pháp-Việt tạp-chí kể mọi việc hành-động của cộng-sản ở Trung-kỳ từ đầu tháng Mai 1930 đến cuối tháng Mai 1931 và ở Nam-kỳ từ 15 Août 1930 đến 17 Avril 1931 như sau này :

1. — Ở TRUNG-KỲ

1er Mai 1930. — Đồn-điền « Viễn-kỳ » của một nhà điền-chủ người Nam-kỳ bị dân hai làng Hạnh-lam và Yên-lạc (Vinh) đốt cháy.

1er Juillet. — Ở Phước-yên (Nghệ-an), viên kỳ-mục Đinh Nho-Trọng bị ám-sát bằng súng lục vì người ta nghi là phản-đảng.

16 Septembre. — Ở Phú-lương (Hà-tĩnh), trường học bị đốt phá.

Đầu tháng Octobre. — Ở Long-phú thuộc phủ Hưng-nguyên (Vinh), một viên chánh-tổng không chịu vào đảng cộng-sản bị bọn phiến-loạn chém chết trong làng.

10 Octobre. — Ở trại Cân-danh sở kiểm-lâm bị bọn cộng-sản đốt cháy.

31 Octobre. — Ở Vinh, có hai người lạ mặt đến nhà viên cựu-chánh-tổng Lê Văn-Đức tức Hữu-Đức đòi lấy 5.000 đồng, việc không thành. Hôm sau viên chánh-tổng bị một bọn hai-mươi đứa có khí-giới vào nhà lôi đi mất.

6-7 Novembre. — Ở miền Hương-khê, nhiều điếm canh bị đốt cháy. Lý-trưởng làng Phúc-trạch bị thương rất nặng.

16 Novembre. — Ở Lai-thạch (Hà-tĩnh), một viên phó-lý bị ám-sát, thân-thể bị

xả ra từng mảnh và ném xuống ao. Ba người kỳ-hào bị thương.

Ở Yên-phú thuộc Thanh-chương (Nghệ-an), một viên kỳ-mục tên là Nguyễn Phong-Thanh bị đánh chết, thây vứt xuống ao.

23 Novembre. — Ở tổng Mỹ-đức có hai đứa đến ép cha viên chánh-tổng nộp chúng 116 đồng, rồi chĩa súng vào ông cụ già bắn, nhưng may không trúng.

26 Novembre. — Ở Phú-việt (Hà-tĩnh) một viên chánh-tổng đã già nuôi một đứa cháu làm con. Bọn cộng-sản rủ người cháu vào đảng nhiều lần, nhưng người này nhất-định từ chối, bọn kia dọa giết. Bị dọa nạt mãi anh ta thất-vọng thắt cổ chết. Hôm đưa đám, viên chánh-tổng đang cúi trên mồ con nuôi, khóc thảm-thiết, một đảng-nhân cộng-sản đến gần ông già bắn hai phát súng lục vào giữa lưng.

Đầu tháng Décembre. — Ở huyện Thanh-chương (Nghệ-an), vì thù-hằn, một đứa bé 15 tuổi bị bọn cộng-sản chặt mất 5 ngón tay. Đứa trẻ khốn-nạn ấy đến trốn ở đồn Thanh-quả ngày 4 Décembre.

Đầu tháng Mars. — Ở Thanh-la (phía đông-nam tổng Cát-ngạn), một người bị nghi là mật-thám bị ám-sát.

Ở Hà-tân (Quảng-ngãi), phó-tổng Mô ở Sơn-lan bị bọn cộng-sản đánh rất đau.

10-11 Mars. — Ở Trung-hậu (Nghệ-an) ông Nghiêm Quỳnh bị bọn cộng-sản cướp mất 10 tấn gạo.

19 Mars. — Ở Đông-bích (Nghệ-an), bọn cộng-sản cướp mất:

1° 20 tấn gạo, 120 quan tiền 600 bạc giấy ở nhà ông Vương Đình-Tân.

2° 15 tấn gạo ở nhà ông Vương Đình-Cát. Những thứ họ cướp được đáng giá là 2.000 đồng

Ở Mỹ-trung (Nghệ-an), bọn cộng-sản cướp của ông Nguyễn Hữu Thành 30 tấn gạo, 500 quan tiền và 3.600 bạc giấy.

24-25 Mars. — Ở Quảng-ngãi, bọn cộng-sản đốt nhà ở nhiều làng thuộc về các huyện Sơn-tinh, An-phú, An-nhơn, Mỹ-kha-tây và Cơ-lũng.

29 Mars. — Gần Hoành-sơn (huyện Nam-đàn, Nghệ-an), bọn cộng-sản định đến cướp phá.

4 Avril. — Gần Thanh-thủy (Nam-đàn, Nghệ-an), bọn cộng-sản định đến cướp phá.

16 Avril. — Ở Phú-lập thuộc huyện Thanh-chương (Nghệ-an) một bọn 5, 6 trăm người định đến cướp phá, nhưng bị tuần-đinh đánh đuổi, ba người tuần bị thương nặng.

20 Avril. — Ở miền Thanh-quả (Thanh-chương Nghệ-an), một người phó-tổng bị ám-sát.

21 Avril. — Ở Hoang-can (phủ Hưng-nguyên, Nghệ-an), một bọn cộng-sản vào khoảng 100 người đến cướp của hàng gạo của người khách-trú Lưu Trung-Ký, họ cướp được 15 bao gạo và 20 đồng bạc giấy.

25 Avril. — Ở miền Hoa-ban và An-bình (Quảng-ngãi) có nhiều bọn cộng-sản, bọn thì 50, bọn thì 500 đến cướp phá các làng Cổ-lũy, An-phú, An-nhơn và Hồng-nhương; bọn họ đốt nhà trong làng và các điểm canh

26 Avril. — Ở Thuận-hóa (huyện Nam-đàn, Nghệ-an), bọn cộng-sản đến cướp phá làng, một cái nhà gạch và 17 cái nhà lá bị đốt cháy.

27 Avril. — Ở Chợ-li (phía bắc phủ Diễn, Nghệ-an), bọn cộng-sản định đến cướp các nhà giàu trong làng.

Ở Chợ-sĩ (Nghệ-an), các cửa hàng của mấy người khách-trú Lương-Ký và Dung-Ký bị cướp phá.

28 Avril. — Ở Trung-hậu (cách Đô-lương 8 cây-số), trương-tuần bị bọn cộng-sản giết chết.

28-29 Avril. — Làng Ngọc-chi (Quỳnh-lưu, Nghệ-an) bị bọn cộng-sản ở Phủ-diễn đến cướp phá.

29 Avril. — Ở miền Lạc-thiên (Hà-tĩnh) bọn cộng-sản phá tan mất hai cái phà.

Làng Thọ-xuân (Thanh-chương, Nghệ-an) bị bọn cộng-sản đến cướp phá.

30 Avril. — Làng Thọ-xuân lại bị bọn họ đến cướp phá lần nữa.

Ở Văn-lâm (Đức-thọ Hà-tĩnh), có mấy viên chánh-tổng bị bọn cộng-sản đem đi mất.

Ở các miền Phú-vinh, Phú-mỹ, Đạm-thủy Quất-lâm trương-tuần ở xã Hồi-trương bị bọn cộng-sản hành-hạ và điệu đi Trà-ninh, viên ấy chết ở nơi này bắp chân và má bị khoét mất, xương ống chân lòi ra ngoài.

Bọn cộng-sản dùng những thủ-đoạn tàn-khốc để làm cho người ta sợ, như dùng nhựa thông đốt cháy cho lòi mắt ra ngoài.

1er Mai. — Làng Bố-đức (Nghệ-an) bị cướp phá.

— Ở Khánh-lộc, (Nam-đàn, Nghệ-an). nhà lý-trưởng bị 300 đảng-nhân cộng-sản đến đốt.

— Ở Cát-ngạn (Thanh-chương. Nghệ-an), một tên tuần-đinh bị bọn cộng-sản giết chết.

2 Mai. — Các làng Đạo-đồng, Lai-thành và Yên-thành, ở phía bắc Đô-lương (Nghệ-an) đều bị một bọn cộng-sản vào khoảng 500 người đánh phá.

7 Mai. — Ở Thái-yên (Hà-tĩnh), bọn cộng-sản định đốt trường học.

10 Mai. — Gần làng Xuân-hoa, Long-cu, Đặng-thôn. Long-thôn (phủ Hưng-nguyên, Thanh-hóa), bốn người tuần bị hơn một chục đảng-nhân cộng-sản đánh lúc bất ngờ, 1 người chết còn 3 người kia bị thương.

19 Mai. — Một người đàn bà ở Võ-liệt (huyện Thanh-chương, Nghệ-an) muốn kháng-cự bọn cộng-sản không cho phá hại lúa-má liền bị bọn họ giết chết ngay ngoài ruộng.

21 Mai. — Lý-trưởng và trương-tuần làng Thanh-đạm (huyện Nam-đàn, Nghệ-an) bị bọn cộng-sản ám-sát.

— Bọn cộng-sản lại phá hại cả hoa-mầu ở làng Mỹ-trọng (Hồ-lường Nghệ-an).

2 — Ở Nam-kỳ

12 Août 1930. — Ở Mỹ-thọ (Sadec, Cao-lãnh), mười-hai tên có súng tay và súng lục vào một nhà cướp các đồ nữ-trang đáng giá 15.000 $00 và bắn 7 người bị thương.

22 Août. — Ở Cao-lãnh bốn cái nhà của mấy người An-Nam không theo đảng cộng-sản bị đốt cháy.

24 Août. — Ở Phước-văn (Chợ-lớn), nhà hội-đồng làng bị một bọn 60 người đến cướp phá.

1 Septembre. — Ở Hữu-thành (đại-lý Đức-hòa, Chợ-lớn), nhà hội-đồng làng bị cướp phá, thư-viện và 2 nhà của mấy người hương-chức bị đốt cháy.

1 Septembre. — Ở Thanh-lợi (Tân-an), một bọn 70 người đến nhà hội-đồng làng cướp phá, 20 tên có súng săn.

8-9 Septembre. — Ở Đức-hòa (Chợ-lớn), một người hương-chức bị một kẻ đâm nhiều nhát dao.

11-12 Septembre. — Ở Tân-bu (Chợ-lớn), một bọn một trăm người đến cướp phá nhà hội-đồng làng.

17-18 Septembre. — Ở Xuân-thới-tây, (đại-lý Hóc-môn Gia-định), thư-viện của nhà hội-đồng làng bị đốt cháy.

18-19 Septembre. — Ở Long-hưng (Mỹ-thọ) một bọn cộng sản vào nhà một người hương-chức cướp phá.

22-23 Septembre. — Ở Hữu-thành (đại-lý Đức-hòa, Chợ-lớn), một bọn 10 người vào cướp phá nhà hội-đồng làng, một người hương-chức bị giết, một người nữa bị thương nặng vài hôm sau cũng từ-trần.

27 Septembre. — Ở Ba-bom (đại-lý Vĩnh-lộc. Gia-định) một người hương-chức bị bọn cộng-sản đánh bị thương (đứt cả tóc và gẫy cả răng).

27-28 Septembre. — Ở Xuân-thới-tây (Gia-định), một bọn định đến đánh phá nhà hội-đồng làng.

27-28 Septembre. — Ở Đức-hòa (Chợ-lớn), bọn cộng-sản bắn 2 người hương-chức bị thương.

28-29 *Septembre.* — Ở Đức-hòa (Chợ-lớn), bốn người hương-chức đi tuần bị một bọn mười người đến đánh, một người hương-chức bị thương.

29 *Septembre.* — Ở Phong-hoa (đại-lý An-tường, Cần-thơ), nhà một người hương-chức bị cướp phá.

1 *Octobre.* — Ở Long-sơn (phía nam Chợ-lớn), một bọn 50 người đến phá nhà hội-đồng làng, đốt giấy-má sách-vở và đập tan cả bàn ghế.

2-3 *Octobre.* — Ở Phan-thới và Chấn-bình (Bến-tre), nhiều nhà hội-đồng làng bị cướp phá.

2-3 *Octobre.* — Ở Tân-xuân (Bến-tre) nhà hội-đồng làng bị cướp phá.

15-16 *Octobre.* — Ở Long-mỹ (Bến-tre) một bọn 15 người có khí-giới đến cướp một nhà và lấy mất 4.000 đồng.

16-17 *Octobre.* — Ở An-bình (Sadec) một bọn 15 tên có tay thước đến cướp một nhà, lấy mất 50 đồng.

19-20 *Octobre.* — Ở Vinh-thanh (Sadec), một bọn mười tên đến cướp một nhà và lấy mất đồ tư-trang và quần áo đáng giá 250 đồng.

21-22 *Octobre.* — Ở Nhi-mỹ (Sadec) một bọn 8 người vào một nhà cướp mất 100 đồng và đánh chủ nhà bị thương.

21-22 *Octobre.* — Ở Tân-chánh (Chợ-lớn), một bọn 6 đứa giết một ông già và đốt nhà ông này.

22-23 *Octobre.* — Ở Hiệp-thành (Tân-an), một bọn có khí-giới vào một nhà cướp mất 5.000 đồng.

24-25 *Octobre.* — Ở Bình-hạng Tây (Sadec), một bọn 12 tên cướp vào một nhà lấy mất 4.000 đồng.

6-7 *Novembre.* — Ở Long-định (Mỹ-thọ), nhà hội-đồng làng bị một bọn một trăm người đến đánh phá.

12 *Novembre.* — Ở Hòa-mô (Rạch-giá) một bọn 50 đảng-nhân cộng-sản đến phá nhà hội-đồng làng, khi chạy lại rủ một tên tù theo.

13-14 *Novembre.* — An-bình (Sadec) nhà lý-trưởng bị một bọn 30 người đến cướp phá.

18-19 *Novembre.* — Ở Bình-nhân (Gia-định), một nhà bị một bọn 8 người đến cướp; chúng lấy mất 1700 đồng.

20-21 *Novembre.* — Ở Mỹ-hòa, một người hương-chức bị ám-sát vì thù-hằn về chính-trị.

21-22 *Novembre.* — Ở Thọ-phú (Mỹ-thọ), một bọn 20 người có súng tay đến cướp một nhà và lấy mất 5000 đồng.

26 *Novembre.* — Ở Phú-thư (Cần-thơ) một bọn có khí-giới đến cướp nhà một người hương-chức, lấy mất 5.200 đồng.

14 *Décembre.* — Ở Long-hậu (Sadec), một bọn mười người vào cướp một nhà lấy mất 600 đồng.

15 *Décembre.* — Ở Vinh-mỹ (Bắc-liêu) một bọn 14 người có hai khẩu súng tay vào cướp một nhà lấy đồ-đạc, quần-áo và tiền, tất cả là 2000 đồng và bắn một người bị thương.

17 *Décembre.* — Ở An-trạch (Bắc-liêu) một bọn mười tên có súng trường vào cướp nhà một người Hoa-kiều, lấy đồ hàng đáng giá là 1.000 đồng.

18 *Décembre.* — Ở Long-tuyên (Cần-thơ), một bọn 12 người đến phá một nhà, đánh một người trẻ tuổi bị thương và lấy mất đồ-đạc quần-áo đáng giá 375 p.

23 *Décembre.* — Ở Minh-đức (Bến-tre) một bọn 6 người có một khẩu súng trường, vào cướp một nhà An-Nam lấy mất 3.300 đồng bạc đồng và 2.700 đồng bạc giấy.

25 *Décembre.* — Ở Mỹ-bình (Tân-an) một bọn có súng lục và súng trường vào cướp một nhà mất 3.000 đồng.

26 *Décembre.* — Ở Phước-khánh (Mỹ-thọ), một bọn 20 người có súng trường vào cướp một nhà giàu An-Nam lấy mất 50.000 đồng.

28 *Décembre* — Ở An-ninh (Chợ-lớn), một bọn 15 người có hai khẩu súng trường vào cướp một nhà, bắn hai người bị thương và lấy mất 400 đồng.

13 *Janvier* 1931. — Ở An-ninh một bọn quân gian tám đứa có súng trường đến

cướp một nhà, bắn một bà lão bị thương nặng và lấy mất vài trăm bạc.

13 *Janvier* — Ở Bắc-trang (Trà-vinh), 4 nhà bị cướp phá, bọn cướp vào khoảng 20 đứa, có súng săn và súng lục.

14 *Janvier*. — Ở Sài-gòn, hai đảng-nhân cộng-sản có một khẩu súng lục vào một nhà kim-hoàn lấy đồ nữ-trang đáng giá 3.000 đồng.

23 *Janvier*. — Ở gần Thủ-đức (Gia-định), một bọn 5 người có 3 khẩu súng lục thuê một chiếc ô-tô ở Sài-gòn: đến giữa rừng, chúng đuổi người chủ xe và người tài-xế xuống và vặn xe đi thẳng.

25 *Janvier*. — Ở Tân-lan (Chợ-lớn), một bọn 20 tên cướp có một khẩu súng trường vào một nhà lấy mất 100 đồng và bắn mấy người trong nhà bị thương.

8 *Février*. — Ở Thanh-nguyên (Trà-vinh), một bọn 20 tên cướp có súng trường vào một nhà lấy mất 500 đồng.

10 *Février*. — Ở Hưng-diệm (Tân-an) 4 tên cướp có súng đến phá một nhà.

Ở Thụy-liên (Rạch-giá), bọn cướp vào một nhà lấy mất 471 đồng, chủ nhà bị thương.

11 *Février*. — Ở Trà-uông Long-lộc (Trà-vinh) một bọn người có khí-giới đến cướp một nhà và lấy mất 1.350 đồng.

Ở Ông-cốc Mỹ-hòa (Trà-vinh), một bọn có khí-giới đến cướp một nhà, lấy mất 1.300 đồng

12 *Février*. — Ở Bình-phước (Gia-định), một bọn 20 tên có súng săn vào cướp một nhà, bắn 2 người bị thương và lấy mất 400 đồng.

Ở Minh-hóa (Bến-tre), một bọn có khí-giới vào một nhà cướp mất 1.300 đồng.

14 *Février*. — Ở Vĩnh-kim (Trà-vinh), một nhà mất cướp 2.500 đồng.

15 *Février*. — Ở An-đức (Bến-tre), một nhà bị mất cướp 370p bằng bạc đồng và các văn-tự trị giá là 15.000 đồng.

Ở An-ngọc-trung (Bến-tre), một bọn cướp có khí-giới vào một nhà An-Nam lấy mất đồ nữ-trang và tiền, tất cả là 1.100 đồng.

21 *Février*. — Ở Ninh-thanh-lợi (Rạch-giá), một bọn 6 người có khí-giới cướp của hai người Hoa-kiều mất 680 đồng.

22 *Février*. — Ở Kim-hoa (Trà-vinh), một bọn đến cướp cửa hàng một người khách-trú, những người láng-giềng đến tiếp-cứu, bị chúng đánh đau.

24 *Février*. — Ở Hương-học (Trà-vinh), một nhà bị bọn cướp lấy mất 1.650 đồng.

Ở Cay-lay (Mỹ-tho), một bọn có khí-giới ra đón một chiếc ô-tô ở giữa đường, bóc lột những người trong xe, lấy mất vừa tiền vừa đồ tư-trang, tất cả là 5.000 đồng.

26 *Février*. — Ở Tho-sơn (Rạch-giá), một nhà mất cướp 1.600 đồng.

28 *Février*. — Ở gần Sóc-trang và Phụng-hiệp (Cần-thơ), hai chiếc ô-tô chở hành-khách bị bọn cộng-sản vác dao phạng đến chặn đường và bóc lột người trong xe.

1 *Mars*. — Ở Ba-trị (Bến-tre), 16 chiếc ván cầu bị đốt cháy. Bọn cộng-sản ném một bó đuốc lên mái nhà một người hương-chức.

11 *Mars*. — Ở Phú-lệ Bến-tre Ba-trị), mấy người lạ mặt đến cướp đồ thờ và đánh hai người bị thương một người là sư.

15 *Mars*. — Ở Sông-dua (Bến-tre), một bọn 8 người có súng trường và súng lục đến cướp nhà một người cựu-kỳ-mục, lấy mất 10.000 đồng.

16 *Mars*. — Ở Minh-hòa (Rạch-giá), một bọn 8 người có một khẩu súng trường vào cướp một nhà lấy mất 4.150 đồng.

18 *Mars*. — Ở Vĩnh-tường (Rạch-giá), một bọn 6 người có 4 khẩu súng trường và một khẩu súng lục đến cướp nhiều nhà, đánh nhiều người bị thương và lấy mất vào khoảng 100 bạc.

Ở Mỹ-chánh-hòa (Bến-tre, Ba trị), một người không chịu chỉ chỗ giấu tiền bị bọn cộng-sản tẩm dầu tây đốt chết.

19 *Mars*. — Ở Kiến-an (Long-xuyên), bọn cộng-sản ném một quả tạc-đạn vào

nhà một người lý-trưởng người này bị thương nhẹ vì chạy ra nhặt nêm đi.

Ở Phước-nhuận tỉnh-lỵ (Bến-tre), một bọn 40 người đến phá nhà hội-đồng làng và đốt cả các giấy-má.

20 *Mars.* — Ở Bình-chánh-tây (Long-xuyên), một bọn 8 người có hai khẩu súng trường đến cướp một nhà, bắn hai người bị thương và lấy mất 14000 đồng.

21 *Mars.* — Ở Núi-nua (Bà-địa, Phước-lệ), 20 tên cướp có súng ở miền bể đến cướp nhiều nhà, bắn 9 người bị thương và lấy mất 10.000 đồng.

23 *Mars.* — Ở Hưng-nhơn (tỉnh-lỵ Châu-đốc), một bọn có súng đến cướp một nhà, lấy mất 12000 đồng.

Ở Châu-thới (tỉnh-lỵ Sóc-trang), một bọn có khí-giới đến cướp các nhà trong làng và lấy mất 530 đồng.

25 *Mars.* — Ở Hào-hán (Rạch-giá, Long-mỹ một bọn 15 người có hai khẩu súng trường đến cướp một nhà lấy mất 800 đồng,

Ở Tân-hưng (Bến-tre, Ba-trị), nhà hội-đồng làng bị bọn công-sản đốt cháy bọn này lại phá cả hai cái nhà của mấy người khác nữa.

25-26 *Mars.* — Ở An-hiệp (Bến-tre, Ba trị), nhà hội-đồng làng bị đốt phá.

28 *Mars.* — Ở Thới-lai (Mỹ-thọ, An-hòa), một bọn cướp vào một nhà lấy mất 2.000 đồng.

30 *Mars.* — Ở Châu-bình (Bến-tre, Ba-trị) nhà hội-đồng làng bị phá.

6 *Avril.* — Ở Ta-danh (Châu đốc), một bọn 10 người có súng trường vào cướp một nhà lấy mất 230 đồng.

11 *Avril.* — Ở Chợ-lớn một người lái buôn bị bọn cộng-sản bắn trên thuyền; người lái bị thương nặng, mấy hôm sau thì chết.

Ở Phú-an (Mỹ-thọ, Cay-lay), một bọn chừng 30 đứa có 3 khẩu súng trường đến cướp ba nhà trong làng, bọn họ lấy các vật đáng giá tất cả là 2.000 đồng.

Ở Cà-mâu, một bọn chừng 30 người có khí-giới đến cướp nhà một người khách-trú và lấy mất 3.000 đồng.

12 *Avril.* — Ở Mỹ-quới (Rạch-giá, Phước-long) một bọn đông có côn và tay-thước đến cướp một nhà và lấy mất 500 đồng.

Ở Tô-phú (Mỹ thọ, An-hảo), một bọn 20 người có súng trường đến cướp một nhà, lấy mất 1.200 đồng.

13 *Avril.* — Ở Phong-phú (Cầu-kè, Cần-thơ, một bọn mười người có gậy gộc đến cướp một nhà và lấy mất 1.000 đồng.

15 *Avril.* — Ở Hoa-lục (tỉnh-lỵ, Chốc-đốc) một bọn cướp 12 đứa có 4 khẩu súng trường và 1 khẩu súng lục đến nhà Hương Quản trong làng lấy mất 5.000 đồng và 2 khẩu súng trường.

Ở Long-phước-tân (tỉnh-lỵ Vĩnh-long), ba người An-Nam bị bọn cộng-sản bành hạ vì không chịu dự vào một cuộc biểu-tình của đảng.

Ở Long-hoa (Chợ-lớn, Cầu-đuốc), nhà hội-đồng làng bị phá; giấy-má bị đốt cả.

16 *Avril.* — Ở Tam-bình (Vĩnh-long), bọn cộng-sản định đốt cầu Cai-sơn trên con đường Ba-kè.

Ở Tân-bình (tỉnh-lỵ Vĩnh-long), một bọn 1 người có súng trường, đến cướp một nhà lấy mất 3.000 đồng.

17 *Avril.* — Ở Lập-võ, (Long-xuyên, Thốt-nốt), một bọn quân gian trá hình làm lính tuần-cảnh đến cướp thuyền của một người Tàu lấy mất 670 đồng.

— Ở An-trường (Cang-long), 20 tên cướp có một khẩu súng trường xông vào một nhà lấy được vài đồng bạc và bắn người trong nhà bị thương.

Tờ thông-tư về việc đặt sở Phổ-tế tại Bắc-kỳ.— Sở Phổ-tế đã do nghị-định quan Toàn-quyền lập ra từ ngày 14 Octobre 1929.

Các chủ-nghĩa giải-thích trong nghị-định ấy thế nào, quan Toàn-quyền đã từng nói rõ trong bài diễn-văn của ngài tại Đông-Pháp kinh-tế và lý-tài đại-hội nghị, kỳ hội-đồng tháng mười năm 1930.

Việc tổ-chức ra sở ấy tại Đông-dương phải lấy việc trợ-tác mật-thiết

của Chính-phủ với các tư-gia làm căn-cứ.

Mỗi tỉnh Bắc-kỳ sẽ lập ra một hội « Tương-tế và Phổ-tế » theo như lối các hội lập tại Nam-kỳ và đã được công-chúng hoan-nghênh lắm.

Hội ấy sẽ lập theo các điều-lệ mà bản-chức gửi theo đây một bản để làm mẫu, thiế tưởng các hội-đồng các tỉnh nên cứ thế mà theo, trừ ra các ngài có sửa đổi lại một vài điều lặt-vặt cho thích-hợp với tình-thế bản-hạt thì không kể, sau nữa cái số tiền đóng ở Nam-kỳ định là 5$00 thì đối với Bắc-kỳ xem ra nặng quá, có lẽ cũng nên hạ bớt đi.

Các ngài xem điều-lệ thì sẽ rõ rằng hội hàng tỉnh phải liên-đới với các làng gánh lấy mọi việc của sở Phổ-tế, mà các làng thì phải chịu trách-nhiệm về những người được trợ-cứu. Phàm việc tổ-chức về phổ-tế, tương-tế và dự phòng cho xã-hội tại Bắc-kỳ thì Chính-phủ giao quyền cho Hội hàng tỉnh cả.

Hội-đồng sẽ do quan Công-sứ chủ tỉnh làm chủ tọa, còn hội-viên thì không những có các nhà từ-thiện mà lại gồm có cả những « Đoàn-thể có tư-cách pháp-nhân », nghĩa là các xã-thôn vậy.

Các làng đều có thể vào hội hàng tỉnh và ủy cho một người trong xã-thôn làm đại-biểu.

Vậy thì Hội hàng tỉnh, trước hết sẽ là một hội « Tương-tế của các xã » do những nhà từ-thiện và các quan bản-hạt giúp cho.

Trong những tỉnh chưa được tiến-hóa mà có thể rủ toàn-dân vào công-cuộc xã-hội như thế, thì cũng nên lập một ban hội-đồng trong bọn thượng-lưu bản-hạt để sau này khả-dĩ dần dần mở rộng ra được.

Khi nào các hội các tỉnh đã thành-lập rồi thì có thể hợp-thành « Bắc-kỳ liên-hiệp-hội » tại Tổng-hội ở Hà-nội, ở đó mới rõ-rệt được sự hiệp-tác của các hội hàng tỉnh với quan bản-hạt.

Cái lối lập-hội như thế không có điều gì trái với lề-thói cũ, với lòng sở-vọng của quốc-dân, và có thể coi như là bắt-chước một cái chế-độ cũ vốn có sẵn ở miền Bắc Trung-kỳ với miền Nam Bắc-kỳ, tức là các « Xã-dân giao-hiệp ».

Bản-chức mong rằng ngài để ý xét cái việc lập-hội ấy tại qui-hạt ngay từ bây giờ, tất sẽ có hiệu-quả tốt-tươi.

Vì lẽ đó bản-chức có cho phép quan LEURET chánh sở Phổ-tế Đông-Pháp đi khắp các tỉnh Bắc-kỳ để bàn với các ngài mà lập ra các hội ấy.

Khi các ngài đã cùng với quan LEURET xét vấn-đề ấy rồi, thì xin giới-thiệu viên ấy với các bậc sĩ-thân cùng các hội có thể lập thành ban Hội-đồng tạm-thời thứ nhất được.

Các ngài nhận được tờ thông-tư này xin phúc-trình bản-chức rõ.

Hà-nội ngày 11 Août 1931

THOLANCE

Lược-thuật bài diễn-thuyết của quan Thống-sứ Tholance đọc tại kỳ Hội-đồng Dân-biểu Bắc-kỳ ngày 14 Septembre 1931

Trước hết đại-khái ngài tán-dương công-nghiệp quan Toàn-quyền ROBIN *đã đem hết tài-năng tâm-trí mà cống-hiến cho cõi Đông-Pháp và nhất là xứ Bắc-kỳ này được ích-lợi, thật là lớn-lao.*

Rồi ngài ngợi-khen các ông dân-biểu đã trung-thành hiệp-tác, và khuyên nên hết lòng thành-thực mà giúp ngài cho được noi theo các công-nghiệp trước mà mở-mang cho sau này sẽ được nhiều kết-quả hay.

Cái chính-sách khai thuộc địa của Đại-Pháp cốt chỉ làm ơn chỉ giúp đỡ cho người, nếu có gặp những sự cấp-

bách nguy-hiểm thế nào, cũng vẫn giữ một chức-trách cao-thượng, một tấm lòng nhân-hậu, mà gia-công giúp cho các dân Bảo-hộ được tăng-tiến về đường vật-chất, đường tinh-thần, mà dần dần tiến-hóa, để góp sức cùng làm những công-nghiệp to lớn khai-hóa về sau.

Nói đến sự biến-động gần đây là bởi một bọn ngông-cuồng hèn-mạt do ngoại-quốc cám-dỗ, nó khéo xui giục lương-dân khờ-dại theo nó mà khởi-loạn lên, làm những cách hành-động đê-tiện là ăn trộm ăn cướp, lấy của giết người, làm cho trật-tự nhiễu-loạn một đôi khi, nhưng chính-phủ đã tiễu-trừ tróc-nã luôn mấy tháng trời, những kẻ phiến-loạn thủ-phạm cùng những kẻ khờ-dại theo nó đều đã bị bắt trị tội rồi, hoặc còn sót một vài kẻ thì cũng khó lòng mà xuẩn-động được nữa, vì chính-phủ thì lấy võ-lực rất mạnh mà tiễu-trừ, mà lương-dân thì cho là dở mà không chịu theo.

Nói đến nhân-dân trong chốn hương-thôn, chắc rằng cái bụng đối với nước Pháp còn phảng-phất chưa được rõ ràng, nhưng nếu biết so-sánh cái tình-cảnh 50 năm về trước biết bao nhiêu là những cảnh khổ-sở, lầm than, giặc-giã, dịch-tễ, đói kém, từ khi có nhà nước Bảo-hộ thì thấy dần dần được yên-ổn, thịnh-vượng, tiến-hóa, thì sẽ biết ơn nhờ nước Pháp được lợi-ích là dường nào.

Hễ nhà-nước cứ gia-công khai-khẩn cho xứ này, mở-mang cho thịnh-vượng, giữ-gìn cho sinh-mệnh tài-sản của dân được yên-ổn vững-vàng thì dân đốc lòng trung-thành với nước Pháp, chứ không khi nào chịu nghe theo bọn cách-mệnh xui giục để làm những sự tiêu-diệt tài-sản, phá-hoại gia-tộc đi làm gì.

Còn bọn thượng lưu trong dân thì ai cũng biết nghĩ rằng chẳng những được phu-thỏa về đường vật-chất, mà lại được tiêm nhiễm cả về đường tinh-thần về lý tưởng, nên không ai muốn cầu cho nước Pháp bỏ rời xứ này ra, vả cũng biết nếu nước Pháp bỏ xứ này, thì chẳng bao lâu sẽ bị vào tay nước khác không có lòng nhân-từ không biết trọng lý-tưởng bằng nước Pháp; hay là không bị thế nữa thì cũng không đủ tư-cách mà kế-tục cùng tiến-thủ được những công-nghiệp đã khởi ra. Mà cũng không ai muốn đòi cho nước Nam độc-lập, chỉ yêu-cầu với nước Pháp cứ tài-bồi về đường vật-chất, khai-thác về đường tinh-thần, luyện-tập về đường chính-trị, kinh-tế, xã-hội, cho mình biết quản-trị lấy công-việc mình, để tham-dự vào các chức-vụ công trong nước. Nhưng sự Bảo hộ khai-hóa nếu vội-vàng thì hay bị nguy-hiểm, tất phải tùy thời điều-hòa châm-chước, tuần tự mà tiến lên, lại cần phải có các ngài dân-biểu cùng các quan-chức, thân-hào, điền-chủ, người buôn-bán, người công-nghệ, đều gia-công giúp sức hết lòng trung-thành hiệp-tác với chính-phủ thì mới mong có kết-quả mĩ-mãn về sau

Thứ nói đến nhân kỳ hội-nghị mà bày tỏ cho các nghị-viện biết rằng ngài đốc lòng theo cái chính-sách của các quan thủ-hiến trước là chính-sách « giúp cho cái địa-vị người An-Nam về đường vật-chất và đường tinh-thần đều tăng-tiến và khôi-phục lại những cái đặc-quyền chính-đáng của người Nam vẫn có từ trước ».

Việc hoàn lại cho quan An-Nam các tỉnh những chức-quyền theo như chính-thể Bảo-hộ, đã thi-hành 2 năm nay, phàm việc cai-trị trong bản-hạt thuộc quyền quan An-Nam cả, quan Công-sứ chỉ kiểm-sát thôi. Song thi-hành gặp phải giữa buổi khó-khăn, tựu-trung có sinh ra một vài sự không tốt, đó không phải lỗi tại điều-ước, chính là lỗi tại người thực-hành điều-ước, vì không đủ tư-cách hoặc vì thiếu chút lương-tâm. Thế thì những người ấy phải làm thế nào để tỏ ra là mình có tài-học, có bụng

công-bằng, thanh-liêm, để cho Chính-phủ và quốc-dân tin cậy được. Việc trao quyền cho quan An-Nam này, không phải vì tình-thế bách-xúc mà làm, cũng không phải để nhẹ bớt trách-nhiệm cho Chính-phủ, chính là muốn cho quan Nam cai-trị dân Nam mới dễ hiểu được tâm-lý, phong-tục, mà giải-quyết những sự phân-tranh hằng ngày, và muốn nới rộng quyền giám-đốc cho người Nam dần dần được tham-dự vào các quyền ngôn-luận trong nghị-trường và quyền hành-chính trong nước mình.

Về việc tư-pháp, hễ bao giờ quan An-Nam chuyên-môn về ngạch tư-pháp được đủ số, thì các tòa án đệ-nhất và đệ-nhị-cấp đều giao cả cho người An-Nam. Hiện đã có chín viên tri-huyện tư-pháp làm việc án ở mấy hạt lớn Trung-châu, lại năm quan bổ-chánh sung chức chánh-án tại năm tỉnh Nam-định, Bắc-ninh, Hà-đông, Hưng-yên và Phú-thọ; các chức dự-thẩm cũng thuộc quan An-Nam cả.

Lại mới cho thi-hành ở Bắc-kỳ một bộ Dân-luật mới dùng cho các tòa Nam-án bộ luật mới ấy đã châm-chước để giữ lấy các chế-độ cốt yếu của xã-hội Việt-Nam, lại thay đổi cho thích hợp với phong-tục cùng trình-độ dân hiện bây giờ.

Về việc học thì hiện đã khôi-phục lại ngạch các quan học-chính cũ ở các tỉnh, mà xét ra các giáo-viên với quan học-chính mới đã có lòng tin-cẩn thân-thiện hiệp-tác với nhau rồi. Trước có quan thanh-tra Tây, thì các thầy giáo không dám đường-đột thỉnh-cầu hỏi-han gì, nay các quan đốc-học giáo-thụ, huấn-đạo đi khám-xét đến đâu, thì thầy giáo, các tổng-lý và các cha mẹ học trò đều được trực-tiếp dễ-dàng lắm. Nay cần phải để cho thầy giáo cùng học trò trực-tiếp với cái hoàn-cảnh cố-hữu trong nước, dẫu cách giáo-dục về luân-lý chưa được thích-hợp với hiện-thời, thì cũng nên giữ lấy cái nền-nếp cũ trong xã-hội, mà thứ nhất là nên giữ lấy cái lòng kính-trọng quan trên cùng ông thầy.

Tuy rằng có một vài kẻ bi-quan đi nghi cho làm thế là trở lại lối cũ, tức là thoái-hộ mà không tiến-hóa. Song nếu biết trước đã sai lầm, nay muốn thay đổi, thì dù thế nào cũng đợi xem kết-quả ra sao rồi sẽ phán-đoán.

Hiện nay sự học mỗi ngày một rộng, kẻ thanh-niên thì dễ cảm những sự tàn-cân, ta phải cần huấn-luyện thế nào, phòng-bị thế nào, cho kẻ thanh-niên có cái tâm-tình thuần-hòa để khỏi gây những mối oán-thù ghen-ghét, khỏi bị những sự xui-giục xúc-xiểm bên ngoài, đó là cái nghĩa-vụ cần-kíp nhất.

Việc lập các ngân-sách hàng tỉnh, thì không nhẹ bớt được khoản chi-tiêu nào cho Chính-phủ Bảo hộ, chỉ là cho các tỉnh được tự-trị về đường tài-chính như xưa. Các hội-đồng hàng tỉnh có bổ thêm các hội-viên Tây làm nghề nông công thương trong tỉnh vào là để hội-đồng có quyền-lực thêm lên, và cốt để cho người Pháp người Nam hiệp-tác với nhau càng ngày càng thân-mật hơn.

Việc tăng lương-bổng cho quan-lại An-Nam đã chia làm nhiều bậc, bắt đầu từ năm 1932 thì tăng cho các hạng lính lệ, thừa-phái và thông-phán, tăng lên độ 25 phần trăm, tổng-cộng chừng 100.000 $ trước thì thuộc vào ngân-sách Bắc-kỳ phải chịu, nay thì sổ chi-thu hàng tỉnh phải chịu, mà hiện-tình thì các khoản thu-nhập không có thêm lên được chút nào, chỉ là hết sức tỉnh-giảm nhiều khoản đi thì mới có đủ tiền mà tăng lương cho các viên-chức đó.

Nói đến nông-nghiệp xứ Bắc-kỳ thì thóc gạo là một món thiết-yếu nhất của dân, cứ kể năm được mùa như năm 1930, xứ Bắc-kỳ cấy vụ rẻ được 786.000 mẫu tây, thu-hoạch được 1.170.000 tấn.

cấy vụ chiêm năm nay được 513.000 mẫu tây, thu-hoạch được 600.000 tấn, đối với dân-số hơn 8 triệu người, thì phần thừa không được mấy, mà số gạo xuất-cảng tỉnh cũng trung-bình mỗi năm 150.000 tấn, tất phải hạn-chế lắm và lấy những món hoa mầu chăn nuôi khác phụ vào mới đủ được. Số người mỗi ngày một tăng, số trồng cấy được chỉ có hạn, lo sao khỏi thiếu cho dân. Cho nên phải dùng cách đắp đê để giữ nước lụt, dẫn-thủy nhập-điền để lấy nước lên chỗ ruộng cao. Việc đắp đê phải gia-cao cùng phụ-trúc các đê cũ từ năm 1924 đến nay chi-phí tới ngót 11 triệu đồng, tính đến khi hoàn-thành thì tổng-cộng sẽ chi-phí tới 20.400.000p. Lại còn dự-định khởi-trúc hoặc phụ-trúc các đê thuộc sông Đáy, sông Ninh-hộ, sông Trà-lý, sông Cầu và sông Thương, phí-tổn độ 2 800.000p. nữa. Khi nào các đê thuộc các sông lớn sông nhỏ ở toàn-xứ Bắc-kỳ xong rồi, thì mỗi năm về việc giữ-gìn sửa vặt còn phải phí độ 300.000p. nữa, bấy giờ cả miền Trung-châu Bắc-kỳ được khỏi cái nạn ngập lụt.

Việc dẫn-thủy-nhập-điền thuộc tỉnh Bắc-giang và Vĩnh-yên đã làm xong được lâu năm rồi; thuộc Sơn-tây sẽ sắp xong, chi-phí tới 300.000p. thuộc Thái-nguyên độ hai năm nữa mới xong, chi-phí tới 2.000.000p. Cả bốn tỉnh đó có thể dẫn-thủy được cho 72.000 mẫu tây. Lại còn dự-định dẫn-thủy cho khắp các tỉnh khác phí-tổn độ 37.200.000p nữa. Khi nào hoàn-thành cả thì đất Trung-châu này sẽ sinh-sản được thêm mỗi năm từ 300.000 đến 400.000 tấn thóc nữa, cứ theo thị-giá mỗi tấn 45p. thì sẽ thu được thêm từ 13 triệu đến 18 triệu đồng. Tuy vậy, lại còn phải lựa chọn hạt giống tốt và dùng các chất bón nữa thì việc canh-nông mới có phần bội-thu.

Nói đến đất Tân-bồi ngoài bãi bể thuộc Nam-định, hiện đã đắp xong một con đê Ngự-hàm dài 15 cây số 283 thước, cao 2 thước 50, dưới chân rộng 12 thước 50, trên mặt 5 thước, đắt đắp hết 223.000 thước khối, làm có hai tháng là xong, được thêm ra 8.000 mẫu An-Nam, đặt làm công-điền, cấp cho mấy làng gần đấy là 230 mẫu, còn 5.700 mẫu thì cấp cho 6 làng mới lập ra có 2 300 dân-đinh. Tổng-cộng, đất tân-bồi ấy khi thành-điền có thể nuôi được 12.000 người dân.

Về việc vệ-sinh, quan Toàn-quyền đã định trích ở tiền công-thái lấy một món 2.230.000 đồng để chi những việc công-tác ở xứ Bắc-kỳ là đào giếng dẫn nước ăn cho các nơi thị-phố ở miền Trung-châu, việc phòng-bị bệnh ngã nước ở miền Thượng-du, cùng xây dựng mở thêm các nhà thương mới.

Nói đến xứ Bắc-kỳ cũng bị khủng-hoảng từ cuối năm ngoái đến giờ, một là vì bạc nên hạ giá, hai là vì năm 1930 các xứ cấy lúa ở Á-đông đều được mùa tốt lắm, mà các xứ ấy giá gạo hạ hơn, gạo Bắc-kỳ cao giá, nên không bán được mấy. So 6 tháng đầu năm nay với 6 tháng đầu năm 1929 thì gạo xuất-cảng kém mất 79.337 tấn, theo thị-giá thì hụt mất một số tiền 5 500.000 p. nên nhân-dân phải túng mà giảm-bớt cả các khoản chi-tiêu cùng sắm-sửa, có khi phải vay lãi nặng để tiêu những việc không đừng được. Nhân cơ-hội khó-khăn đó nên chính-phủ tìm kế giúp cho dân bản-xứ, mà cho khởi-công ngay việc dẫn-thủy lợi-nông, ở Thái-bình cho đào một con sông mới dài 8 cây số, khơi lại và đào rộng thêm con sông Tri-lai dài 6 cây số, tiền thuê nhân-công hết độ 50 000 p. cũng là giúp cho dân hạt ấy được ít tiền lưu-thông đỡ lúc túng-bấn. Lại định sắp khởi-công việc dẫn-thủy về phía nam Thái-bình ước 400 000 p. Lại việc công-tác về miền Gia-bình và Lang-tài ở Bắc-ninh cũng vậy. Lại định cấp thêm tiền vốn cho các nhà Băng Nông-nghiệp các

tỉnh, để cho các chủ ruộng vay. Tỉnh nào chưa có thì định lập nhà băng mới. Tiền vốn của các nhà Băng Nông-nghiệp hiện đã có 2.500.000 $ nay mai sẽ cấp thêm vốn cho là 2 triệu đồng nữa. Lại còn dự-định đặt các quĩ lớn ở các thuộc-địa để cho các nhà Nông-công-thương vay hạn dài hoặc hạn ngắn. Tổng-số tiền vốn của toàn-thể các quĩ thuộc-địa là 100 triệu quan tiền tây.

Nói đến vụ thuế năm nay, vì có người lo rằng nhân việc kinh-tế khủng-hoảng mà khó thu, nên bản-chức đã dặn các quan chủ-tỉnh nên rộng-rãi cho dân, xem làng nào tình-thế đáng khoan thì gia hạn cho nộp thuế. Song không có một làng nào thoái-thác về việc nộp thuế, đủ rõ người dân xứ này có lòng tốt biết làm hết nghĩa-vụ. Còn như có người cho là đánh thuế thân như bây giờ là đánh không được đều, nên chính-phủ cũng đã tìm cách san bồ lại thế nào, châm chước cho được đúng với tư-lực của mỗi người, nhưng còn phải nghiên-cứu cho kỹ-càng rồi sẽ hay.

Kết-hậu ngài nói rằng ngài đã thành-thực nói rõ cái ý của chính-phủ cho Nghị-viện biết, Nghị-viện phải nên đem ý dân mà truyền đạt cho chính-phủ và đem ý chính-phủ mà truyền-thuật cho dân hay, còn dân thì cầu lấy hòa-bình, lấy trật-tự làm quí, chớ nên hăm-hở mà theo những sự cấp-tốc ngu-hiểm cùng những sự mộng-tưởng hão-huyền.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Đã xuất-bản :

1. — Văn-minh-luận — 4 hào.
2. — Ba tháng ở Paris — 4 hào.
3. — Văn-học nước Pháp — 4 hào.
4. — L'idéal du Sage — 4 hào.
5. — Chính-trị nước Pháp.
   Quyển thứ I — 4 hào.
   Quyển thứ II — 5 hào.
6. — Khảo về tiểu-thuyết — 4 hào.
7. — Lịch-sử thế-giới — 4 hào.
8. — Le Paysan Tonkinois — 4 hào.
9. — Lịch sử và học-thuyết VOLTAIRE — 4 hào.
10. — Phật-giáo đại-quan (in lần thứ hai). — 5 hào.

Mới xuất-bản :

11. La Poésie annamite.